

019500007A
VL00005610



THỦ TƯỚNG

PHẠM VĂN ĐỒNG
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

2013
VL00005610



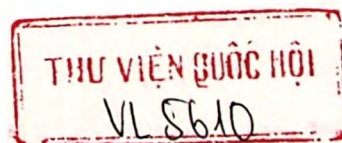
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Bản sao lưu trữ

**THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**

Bản sao lưu trữ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ – HÀNH CHÍNH

TÁC GIẢ THAM GIA BIÊN SOẠN, HỆ THỐNG

- *ThS PHẠM HÙNG*
- *ThS TRUNG KIÊN*
- *ThS HOÀNG PHÚC*
- *TUYẾT NGA*
- *CÔNG TẤN*
- *TRÚC XINH*
- *MAI PHƯƠNG*

Bản sao lưu trữ

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những cán bộ lớp tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam. Sinh ra trong một gia đình trí thức quan lại phong kiến có nhiều triển vọng cho một cuộc sống thành đạt, an nhàn, có thể thăng tiến trong xã hội thực dân phong kiến, nhưng người thanh niên trẻ tuổi Phạm Văn Đồng đã chọn cho mình một lý tưởng, một con đường sống - đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trải qua bao khó khăn gian khổ tù đày, đồng chí vẫn một lòng, một dạ chiến đấu hy sinh cho sự nghiệp cao cả. 94 tuổi đời, 75 năm liên tục hoạt động cách mạng, từ thời dựng Đảng đến thời kỳ đổi mới, dấu ấn hoạt động của đồng chí in đậm trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam và nhiều nơi trên thế giới. Trải qua thử thách bảy năm trong lao tù thực dân đế quốc, bị mật thám, cảnh sát rình rập, săn đuổi khi hoạt động bí mật, chiến tranh ác liệt gian khổ và thiếu thốn, nhưng đồng chí vẫn một lòng kiên trung với Đảng, với cách mạng, phấn đấu vì Đảng, vì dân cho đến những ngày cuối cùng của đời mình.

Được Đảng và Nhà nước tin cậy giao phó nhiều trọng trách: 41 năm là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 32 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ, 10 năm là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí là “người cộng sản kiên cường, mẫu mực; nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người con rất mực trung thành, suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân; người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế, nhà văn hóa lớn của dân tộc”. “Đồng chí là một nhà ngoại giao tài năng, có uy tín trên thế giới, nhìn xa thấy rộng, tinh tế và linh hoạt, kiên cường và mềm dẻo, ứng xử nhanh nhạy và sáng tạo, luôn luôn thể hiện lập trường chính trị sáng suốt trước thời cuộc và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh”.

Để tỏ lòng biết ơn và ghi nhận công lao của đồng chí Phạm Văn Đồng, giúp các thế hệ người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ tìm hiểu và noi gương các bậc cách mạng tiền bối, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính xuất bản cuốn sách *Thủ tướng Phạm Văn Đồng - Những chặng đường lịch sử*.

Mặc dù đã rất cố gắng, song cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. rất mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý để chỉnh lý, bổ sung cho những lần xuất bản sau.

Trong quá trình soạn thảo cuốn sách, nhóm biên soạn có sử dụng một số tư liệu đã được công bố của một số tác giả nhưng vì lý do khách quan chưa thể liên hệ để xin phép, rất mong được lượng thứ.

NHÓM BIÊN SOẠN

Bản sao lưu trữ

PHẠM VĂN ĐỒNG
THỦ TƯỚNG KIÊM BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO



Họ và tên thường dùng: Phạm Văn Đồng

Họ và tên khai sinh: Phạm Văn Đồng

Bí danh: Tô

Ngày tháng năm sinh: 01-03-1906

Nơi sinh: Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: Hà Nội

Tham gia cách mạng: Từ năm 1925

Giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao:

Từ tháng 9-1954 đến tháng 2-1961

Chức vụ trong Đảng khi làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao:

Ủy viên Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng.

Quá trình hoạt động:

- Dự lớp huấn luyện tại Quảng Châu (Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, được kết nạp vào Việt Nam Cách mạng Thanh niên; Về nước hoạt động cách mạng tại Sài Gòn; được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ, vào Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (1925-1929);

- Bị thực dân Pháp bắt, kết án tù 10 năm, bị đày ra Côn Đảo (7-1929 đến 7-1936);

- Được trả tự do và ra Hà Nội hoạt động công khai, do thắng lợi của Mặt trận bình dân Pháp chống phát xít (1936);

- Gặp lại Nguyễn Ái Quốc tại Côn Minh (Trung Quốc) và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (1940);

- Cùng Nguyễn Ái Quốc về Cao Bằng xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Cao - Bắc - Lạng (1941);

- Được bầu vào Ủy ban Giải phóng dân tộc tại Đại hội Quốc dân Tân Trào (8-1945);

- Được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính Chính phủ lâm thời (2-9-1945);

- Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán với Chính phủ Pháp tại Hội nghị Phôngtennơblô (6-1946);

- Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ (12-1946);

- Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1947);

- Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1949);

- Phó Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (8-1949);

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ chính trị (được bầu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tháng 2-1951);

- Trưởng đoàn Đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (5-1954);

- Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng (9-1954);

- Được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cử làm Thủ tướng Chính phủ (9-1955).

- Liên tục là đại biểu Quốc hội từ khóa I (1946-1960) đến khóa VII (1981-1987).

Các chức vụ sau khi làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao:

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị các khóa III và IV, Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng;

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng (7-1981);

- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị khóa V, tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII (4-7-1981);

- Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ VI (12-1986), lần thứ VII (6-1991), và lần thứ VIII (6-1996) của Đảng;

- Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa VIII (12-1997) được Trung ương đồng ý cho kết thúc nhiệm vụ Cố vấn;

- Từ năm 1997 đến năm 2000 vẫn tiếp tục làm việc và đóng góp ý kiến với Trung ương Đảng và Chính phủ về những vấn đề hệ trọng của đất nước;

Ngày qua đời: 29-4-2000 tại Hà Nội.

Được tặng thưởng:

- Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác;

- Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng;

- 8 Huân chương cao quý do quốc tế tặng.

PHẦN I
PHẠM VĂN ĐỒNG - THỜI NIÊN THIẾU
(1906-1926)

Bản sao lưu trữ

1. Quê hương, gia đình Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Phạm Văn Đồng sinh ngày 1-3-1906 trong một gia đình trí thức, quan lại phong kiến. Quê nội là xóm Cây Gạo, làng Thi Phở Nhất, xã Đặc Tân, huyện Mộ Đức; quê ngoại là xã Nghĩa Lập, huyện Nghĩa Hành (cùng tỉnh Quảng Ngãi).

Là một tỉnh thuộc Trung Trung Bộ, tỉnh Quảng Ngãi nằm ở tọa độ từ 14,32 đến 15,15 độ vĩ bắc và 108,06 đến 109,04 độ kinh đông; có chiều dài khoảng 100km theo hướng Bắc - Nam, chiều rộng hơn 60km theo hướng Đông - Tây; cách Hà Nội 883 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 838km.

Cũng như một số tỉnh Trung Trung Bộ, tỉnh Quảng Ngãi được hình thành gắn với lịch sử các cuộc di dân từ các địa phương phía Bắc vào khai khẩn, lập nghiệp ở phía Nam.

Là một tỉnh nằm trên trục giao thông huyết mạch Bắc - Nam, có đường sắt và quốc lộ 1A xuyên Việt nối hai trung tâm kinh tế lớn là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi còn là một trong những cửa ngõ đi ra biển Đông, lên Tây Nguyên, Hạ Lào và Đông - Bắc Campuchia. Đây là một trong những địa bàn chiến lược về kinh tế quân sự. Địa hình Quảng Ngãi hình thành ba vùng rừng núi ở phía Tây, đồng bằng hẹp ven biển phía Đông và ở giữa là vùng bán sơn địa. Bốn con sông lớn là Đà Bông, Trà Khúc, Trà Câu và sông Vệ chảy qua tạo nên các dải phù sa ở hạ lưu, cùng với dải đồng bằng hẹp ven biển đã tạo nên những làng quê trù phú.

Hai phần ba diện tích tự nhiên của tỉnh Quang Ngãi là rừng núi thuộc khu vực Đông Trường Sơn trải rộng trên địa bàn các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và kéo dài hình vòng cung nhô ra biển tạo thành các vũng, vịnh, các cửa biển lợi thế cho việc giao thương. Núi non Quảng Ngãi không cao (khoảng 1.000-1.600m) và có một số địa điểm được xếp hạng danh thắng, được người xưa đặt cho những tên gọi hình tượng như *Thiên Ân niêm hà*, *Thiên Bút phê vân*, *La Hà thạch trận*, *Vân Phong túc vũ*, *Thạch Bích tà dương*, v.v.. Quê hương núi ẩn, sông Trà đã từ lâu là niềm tự hào của người dân Quảng Ngãi và in đậm trong tâm trí những người đi xa.

Người dân Quảng Ngãi chủ yếu sống bằng nghề nông. Lúa và một số cây công nghiệp như mía, chè, dâu tằm là những cây trồng chính. Ở vùng núi có thêm

nghề khai thác và chế biến lâm thổ sản. Một số nghề thủ công cổ truyền như làm đường, dệt lụa tơ tằm, rèn, đúc cùng một số nghề như đánh bắt thủy hải sản, làm muối tới nay vẫn được duy trì.

Thành phần dân cư Quảng Ngãi khá đa dạng, gồm người Việt, người Cor, người Hrê, Cà Dong (một nhánh của dân tộc Xê Đăng). Người Việt đông nhất và có nguồn gốc Thanh - Nghệ - Tĩnh và một số địa phương miền Bắc vào lập nghiệp. Họ là những người lao động cần cù, chăm chỉ, bền bỉ, dẻo dai trong cuộc đấu tranh chống xâm lược và thiên tai khắc nghiệt. Trên quê hương mới, những truyền thống và bản chất quý báu đó càng được nhân lên, hòa vào truyền thống và tập quán tốt đẹp của dân bản địa, kết thành truyền thống chung trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Hiếu học là một truyền thống của người Quảng Ngãi. Do những khó khăn của buổi đầu khai sơn phá thạch trên vùng đất mới, từ thế kỷ XVIII về trước, ít thấy xuất hiện những gương mặt trí thức nho học có tầm cỡ. Đầu thế kỷ XIX, Trương Đăng Quế (1793-1865), tự là Diên Phương, hiệu Đoan Trai, người làng Mỹ Khê, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh là người “khai khoa”. Ông thi đỗ Hương Cống năm 1819 (khi đó chưa có thi hội) và làm quan đến Thượng thư Bộ Binh (1831), Thượng thư Bộ Lễ (1839), Chánh chủ khảo kỳ thi hội các năm 1833, 1838, Quốc sử quán Tổng tài (1839). Khi ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thất thủ (1862), ông đã đứng về phe chủ chiến và kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược. Sau Trương Đăng Quế, Quảng Ngãi có nhiều vị nho học, thi đỗ Cử nhân như các cụ Võ Duy Ninh (1804-1859) ở xã Hành Thuận huyện Nghĩa Hành, cụ Lê Trung Lượng (? 1880) ở thị trấn huyện Sơn Tịnh, cụ Đoàn Khắc Nhượng (chưa rõ năm sinh năm mất) ở xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, cụ Lê Trung Đình (1857-1885), cụ Nguyễn Duy Cương (1839-1885) ở thị xã Quảng Ngãi, cụ Lê Tụ Khiết (1857-1908) ở xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, cụ Lê Đình Cẩm (1870-1914) ở xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, cụ Võ Đăng Dương ở Đức Phổ, cụ Phạm Đức Chất ở Mộ Đức, cụ Phạm Văn Nga (thân phụ của Phạm Văn Đồng) ở Mộ Đức... và nhiều người đã đỗ tú tài. Tài cao học rộng và chí khí yêu nước thương nòi của các cụ luôn là tấm gương cho các thế hệ con cháu vùng quê Quảng Ngãi.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Ngãi đã bền bỉ chiến đấu chống kẻ thù. Các phong trào yêu nước khởi nghĩa nổi lên liên tục như khởi nghĩa của Lê Trung Đình (1885), khởi nghĩa của Nguyễn Bá Loan (1885-1908), phong trào khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh (1904-1908), cuộc vận động khởi nghĩa vũ trang của Việt Nam Quang phục Hội (1908-1916), v.v..

Mùa xuân năm 1930, sau một quá trình vận động và tổ chức, chi bộ cộng sản đầu tiên đã ra đời ở Quảng Ngãi. Tháng 4-1930, cơ quan tinh úy lâm thời được thành lập. Từ đây, cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng cùng với cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước từng bước tiến lên dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản. Người dân Quảng Ngãi rất tự hào có những người con thuộc lớp chiến sĩ tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam như Phạm Văn Đồng (1906-2000), Trương Quang Trọng (1906-1931), Nguyễn Thiệu (1903-1989), Võ Tòng (1891-1964), Nguyễn Nghiêm (1904-1931), Võ Sĩ (1910-1948). Người dân Quảng Ngãi tự hào với cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), một trong những tiếng súng mở đầu của cuộc đấu tranh vũ trang tiến tới Cách mạng Tháng Tám. Người dân Quảng Ngãi tự hào với những chiến công chói lọi trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước. Núi Ấn, sông Trà, Ba Tơ, Ba Gia... đã trở thành biểu tượng hùng vĩ, nên thơ, anh dũng quật cường trên mảnh đất Quảng Ngãi quê hương Phạm Văn Đồng.

Cũng như nhiều dòng họ người Việt đang cư trú tại Trung và Nam Trung Bộ, dòng họ Phạm của gia đình Phạm Văn Đồng có nguồn gốc từ Đàng Ngoài vào khai khẩn lập nghiệp.

Gia phả Phạm Công tộc ở Mộ Đức, Quảng Ngãi chép lại rằng, khoảng giữa thế kỷ thứ III trước công nguyên, vùng Băng Châu (nay thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên có cụ Phạm Duy Minh sinh được hai người con trai. Con trưởng là Đại lang Phạm Duy Hinh, con thứ là Nhất lang Phạm Duy Khiêm. Phái thứ Phạm Duy Khiêm được gọi là thủy tổ của họ Phạm ở Quảng Ngãi. Đến

đời cụ Phạm Công Hiệu - thái tổ của họ Phạm ở Mộ Đức là đời thứ 33, tính từ đời thủy tổ¹.

Cụ Phạm Công Hiệu là người học rộng, thi đậu cử nhân dưới triều Lê Thế Tông (1573-1600) và được bổ dụng làm Quản cơ (chỉ huy quân đội cấp tỉnh làm việc khai khẩn đất hoang hóa) vào khai hoang lập nghiệp tại xứ Thi Phổ (gồm hai xã Thi Phổ Nhất, Thi Phổ Nhì huyện Mộ Hoa, nay là khu vực hai xã Đức Tân và Đức Thành, huyện Mộ Đức).

Quản cơ Phạm Công Hiệu đã chỉ huy binh lính dưới quyền khai khẩn được 3.180 mẫu ruộng, phân chia thành các *Xứ điền* như Khánh Đông, Khánh Tây, Phước Hội, Phước Thành, Cam Tinh, Lạc Di, Lò Gạch, Vũng Hội, Bầu Xuân, Cây Án, Cây Trâm, Cây Gạo, Cây Sứ, Đồng Găng, Bầu Luân, v.v.. Cụ đã đốc thúc việc khai hoang lập ấp, họp chợ, xây dựng vùng này thành vùng kinh tế trù phú. Sau khi cụ mất, để ghi công, triều đình đã có sắc phong là *Dực bảo Trung Hưng, Linh phó nhị tướng chi thần*². Nhân dân trong vùng này đã lập miếu thờ tại Xứ Trung Hòa (dấu tích còn lưu giữ ở thôn 4, xã Đức Tân).

Đến đời cụ Phạm Văn Nga thân phụ của Phạm Văn Đồng là đời thứ 10, tính từ đời cụ Thái tổ Phạm Công Hiệu.

Cụ Phạm Văn Nga (1854-1924) là con trai thứ 8 của *cụ ông Phạm Văn Thúc* và *cụ bà Trần Thị Lương*. Hai cụ sinh 10 người con, 8 trai, 2 gái. Gia đình cụ nghèo nhưng cần cù lao động. Với gánh hàng xáo, các cụ đã nuôi các con ăn học thành tài, một người thi đỗ cử nhân, một người thi đỗ tú tài kép và hai người thi đỗ tú tài. 29 tuổi (1883) cụ Phạm Văn Nga thi đậu cử nhân nho học - cùng khóa thi với cụ Võ Đăng Dương ở Đức Phổ, cụ Phạm Văn Chất ở Mộ Đức, cụ Lê Trung Đình ở Sơn Tịnh. Lúc đầu, cụ không làm quan và ở quê dạy trẻ học chữ Nho.

Thân mẫu của Phạm Văn Đồng là cụ Nguyễn Thị Tuấn (còn có tên là Nguyễn Thị Nghĩa). Cụ Tuấn là con thứ 6 của cụ Nguyễn Văn Thiện - một gia đình có nhiều ruộng đất và có thế lực ở xã Nghĩa Lập, huyện Nghĩa Hành, tỉnh

¹ Theo *Gia phả Phạm Công tộc* ở Mộ Đức, Quảng Ngãi do gia đình đồng chí Phạm Văn Đồng cung cấp.

² Trước cụ Phạm Công Hiệu thực hiện việc khai khẩn ở Mộ Hoa nên triều đình truy phong cụ là Hậu Hiền, nhưng với vùng Thi Phổ (Đức Tân, Đức Thạnh) cụ được gọi là Tiên Hiền.

Quảng Ngãi. Kỷ niệm về cụ bà Nguyễn Thị Tuần, gia đình đồng chí Phạm Văn Đồng cho biết khi cụ Phạm Văn Nga ra Huế làm Thị giảng học sĩ, dạy vua Duy Tân và các hoàng tử học chữ nho, sau đó làm Tham biện nội các, được ban hàm Tam phẩm, lương tháng là 50 đồng Đông Dương, tuy điều kiện sinh hoạt khá thuận lợi, nhưng cụ Tuần không ra kinh thành ở với chồng mà sống ở quê. Cụ chỉ thường xuyên đi lại thăm chồng ở kinh thành và sinh hạ được 8 người con, 7 trai và 1 gái là:

Người con cả (vẫn gọi là anh Hai) là Phạm Văn Phúng.

Người con thứ hai (gọi là anh Ba) không rõ tên, mất sớm.

Người con thứ ba là Phạm Văn Cáo.

Người con thứ tư là Phạm Văn Ký.

Người con thứ năm là Phạm Văn Duy.

Người con thứ sáu là Phạm Văn Khoái.

Người con thứ 7 là Phạm Văn Đồng.

Người con thứ 8 là bà Phạm Thị Chim (Phạm Thị Chiêm).

Theo cách gọi của người Nam Trung Bộ và Nam Bộ, người con đầu thường gọi là anh Hai (hay chị Hai), như vậy Phạm Văn Đồng là thứ Tám, gia đình vẫn thường gọi là chú Tám, ông Tám hay út Tám (vì là con trai út). Khi cụ bà Nguyễn Thị Tuần mất được ít lâu (không nhớ thời gian), cụ Phạm Văn Nga lấy vợ kế là bà Cung (không nhớ họ) khi đó mới khoảng 30 tuổi, người huyện Nghĩa Hành và sinh được một người con gái, đặt tên là Phạm Thị Oanh, gia đình quen gọi là cô Mười¹. Năm 1920, cụ về hưu và mất ở quê năm 1924.

Được cụ Phạm Văn Nga và gia đình nuôi dạy và hướng theo con đường học hành thi cử để lập nghiệp, những người anh của Phạm Văn Đồng đều gắng sức học hành. Một số người đã theo học ở các trường do thực dân Pháp mở và đã có những văn bằng của hệ thống các trường này. Nhờ hàm phẩm của cha và vốn kiến thức Tây học, các anh của Phạm Văn Đồng đã trở thành công chức

¹ Đồng chí Phạm Văn Đồng cho biết, khi đến tuổi trưởng thành, cô Mười (Bà Phạm Thị Oanh) lấy chồng (tên là Trì, không rõ họ) và sinh được hai người con đặt tên là Đa và Nước.

trong chính quyền phong kiến hay “chính phủ bảo hộ”. Do những tác động của phong trào yêu nước và những hoạt động cách mạng của Phạm Văn Đồng, một số người anh của Phạm Văn Đồng dần dần có sự chuyển biến trong nhận thức. Họ bắt đầu có những hoạt động yêu nước, ủng hộ cách mạng và tham gia kháng chiến. Sau này họ đã trở thành những công chức nhà nước.

2. Thời niên thiếu và những hoạt động yêu nước đầu tiên

Từ nhỏ, Phạm Văn Đồng đã thể hiện là người thông minh, hoạt bát. Năm 7 tuổi, được cha đưa ra Huế học chữ nho và thi đỗ vào trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba¹. Trước đó, Phạm Văn Đồng được người anh cả đang làm Thừa phái ở Bộ Hình đưa ra Phong Điền, Quảng Trị thi lấy bằng biết chữ Quốc ngữ cho đủ tiêu chuẩn dự thi vào trường Tiểu học.

Nằm bên cửa chính Đông Ba của kinh thành Huế, học trò được chứng kiến cuộc sống xa hoa chốn cung đình, những “ông quan Tây”, nắm sứ mệnh “khai hóa” nhưng hung tàn và bạo ngược với người dân bản xứ. Họ cũng tận mắt nhìn thấy cuộc sống lầm than của người lao động xứ Huế. Nghịch cảnh đó đã gợi mở tình yêu nước thương nòi, nỗi nhục của một dân tộc nô lệ trong tâm tưởng học trò.

Theo thông lệ thì năm học của trường từ cuối hè năm trước đến đầu hè năm sau. Các môn học là Pháp văn, Hán văn, quốc văn, toán, lịch sử nước Pháp, địa lý, tập vẽ... Cũng như ở các trường tiểu học Pháp - Việt do chính quyền bảo hộ mở nhỏ giọt tại một số thành phố và một số tỉnh lỵ, ở trường Tiểu học Đông Ba, môn Hán văn và Quốc văn bị coi là những môn học phụ, phần lớn số giờ học là Pháp văn và lịch sử nước Pháp. Từ lớp ba đến lớp nhất, hai môn học Hán văn và Quốc văn dạy và học bằng tiếng Việt, tất cả các môn học khác thầy dạy và trò học đều dùng tiếng Pháp. Với cách dạy và học như vậy, học trò sau khi tốt nghiệp tiểu học đã có thể giao dịch hay làm việc trực tiếp với người Pháp. Mùa hè năm 1921, Phạm Văn Đồng tốt nghiệp Trường Tiểu học Đông Ba. Anh thi đỗ

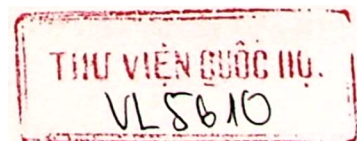
¹ Trường Tiểu học Đông Ba lúc mới thành lập được gọi là trường Tiểu học Pháp - Việt Thừa Thiên. Vì nằm trong chợ Đông Ba nên đổi tên là Trường Đông Ba. Khoảng năm 1923-1924, Trường sáp nhập với trường Tiểu học Gia Hội và mang tên là trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba. Trường này sau dỡ bỏ. Địa điểm ngày nay là vườn hoa trên đường Phan Đăng Lưu (Huế).

Việt Nam học trường Quốc học Huế, một trường công có danh tiếng nhất xứ Trung Kỳ hồi đó. Phạm Văn Đồng ở với anh cả và chị dâu trong kinh thành Huế.

Trường Quốc học hay Quốc gia học đường còn được gọi là Pháp tự Quốc gia học đường được thành lập theo Sắc dụ ngày 17-9 năm Thành Thái thứ 8 (23-10-1896) và Nghị định của Toàn quyền A.Rút-xô ngày 18-11-1896. Sắc dụ ghi rằng: “ở nước ta, việc giáo huấn theo sách vở Khổng giáo từ trường Quốc Tử Giám đến các trường công ở tỉnh, huyện, phủ tuy rất phổ cập... nhưng việc giảng cứu các môn học Tây phương đến nay vẫn còn thiếu sót cần được bổ cứu”. Sắc dụ quy định môn học chính của trường Quốc học là Pháp văn, lịch sử Pháp, các môn khoa học tự nhiên... Môn Hán văn, Quốc văn tuy vẫn có, song chỉ là môn học phụ. Học trò của trường gồm các công tử, tôn sanh, âm tử, học sinh các trường công ở các tỉnh ly đều có thể xin vào học trường này và được hưởng học bổng theo lệ định với điều kiện là “có học lực khá về Hán tự”.

Nếu chỉ nhìn qua việc quy định về các môn học thì đây là điều kiện để lớp trẻ Việt Nam có thể tiếp cận với văn minh phương Tây, học tập văn hóa Pháp, đó là một việc làm tiến bộ. Nhưng mục đích của những kẻ thống trị đã phản lại tính chất tiến bộ của việc làm này. Thông tư của Bộ Thuộc địa Pháp ngày 10-10-1920, đã xác định: việc mở các trường Tây học là nhằm đào tạo “những tay hợp tác, những công chức bản xứ lương trả ít tốn kém hơn cho ngân sách thuộc địa... để huấn luyện họ quen việc của các nhà cầm quyền bản xứ mà các hiệp ước bảo hộ và sự sáng suốt của một chính sách sơ đẳng bắt chúng ta có bổn phận phải duy trì để làm trung gian giữa chúng ta và dân thuộc địa”. Rõ ràng mục đích của việc làm này trước hết là nhằm đào tạo những viên chức trung thành để bổ sung cho bộ máy thống trị của chính quyền phong kiến thực dân. Học trò của loại trường này là con em các quan lại, những người có thể lực về kinh tế xã hội.

Ở trường Quốc học Huế, học trò đều phải qua bốn lớp (gọi là lớp tư, lớp ba, lớp nhì, lớp nhất). Từ lớp trước sang lớp sau, học trò phải qua một kỳ thi; cuối cùng có kỳ thi hội. Thí sinh nào đủ điểm tốt nghiệp gọi là tốt nghiệp bậc Thành Chung, được cấp bằng Certificat d'études complémentaire có chữ ký của quan khâm sứ Pháp.



Phạm Văn Đồng là người học giỏi, nhất là môn Pháp văn. Anh rất mê đọc sách báo, thích bóng đá. Một số cựu học sinh trường Quốc học Huế những năm 1922-1924 cho biết họ không bao giờ quên hình ảnh một học trò có dáng người cao, mảnh khảnh, da ngăm đen, ít nói nhưng học rất giỏi, nhất là môn Pháp văn. Học trò đó thường ít khi tham gia các buổi tranh luận với các bạn cùng học, nhưng rất nhiệt tình giúp đỡ bạn bè. Anh thường có chân trong đội bóng của lớp, của trường. Học trò đó chính là Phạm Văn Đồng. Trong những năm học ở trường Quốc học Huế, Phạm Văn Đồng được cấp học bổng (bourse) mỗi tháng 4 đồng bạc đầm xòe. Anh đưa chị dâu 3 đồng, còn 1 đồng dùng mua sách báo và tiêu vặt.

Giữa năm học cuối cùng (đầu năm 1924), một hôm vừa đi học về, Phạm Văn Đồng và người anh cả nhận được bức điện bằng tiếng Pháp do ông Phạm Văn Ký ký tên có nội dung *Père déce'de, retourne imme'diatement* (Bố chết anh phải về ngay). Anh và anh chị vội vã thu xếp về quê chịu tang cha. Hồi đó đường sắt mới có tuyến Huế - Đà Nẵng, chưa qua Quảng Ngãi, anh em vừa đi xe lửa Huế - Đà Nẵng, vừa đi đò, đi bộ về Mộ Đức. Mùa hè năm 1924, Phạm Văn Đồng tốt nghiệp bậc Thành Chung tại trường Quốc học Huế khi anh 18 tuổi. Biết tiếng Phạm Văn Đồng học giỏi, hiền lành, sẽ thành tài, Thượng thư Bộ Công Nguyễn Hiền muốn gả con gái ông - một nữ sinh Trường Đồng Khánh xinh đẹp. Nhưng đang say mê việc học hành, Phạm Văn Đồng và gia đình đã khéo léo từ chối.

Tuổi niên thiếu của Phạm Văn Đồng gắn liền với 10 năm học ở Huế và diễn ra bình thường như những con nhà quan lại khác. Cái bình thường đó như Phạm Văn Đồng tự sự: “Bố tôi là một ông quan, dù chỉ là quan Tam phẩm nhưng vẫn là quan lại trong triều đình Huế. Là con một ông quan, đương nhiên tôi là “cậu ấm” và có điều kiện thuận lợi hơn trong học hành”¹. Nhưng do ham hiểu biết, nhạy cảm với thời cuộc, cuộc đời Phạm Văn Đồng đã khác với nhiều ấm tử, tộn sanh cùng thời.

Đầu những năm 20 của thế kỷ XX, hoạt động của Quốc tế Cộng sản trong việc chỉ đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và phụ

¹ Theo lời kể của đồng chí Phạm Văn Đồng, Tư liệu của Viện Hồ Chí Minh.

thuộc đã được tiến hành ở các nước phương Đông. Do Quốc tế Cộng sản giúp đỡ, một số đảng cộng sản đã ra đời ở các nước châu Á: Indônêxia (1920), Trung Quốc (1921), Nhật Bản (1922), v.v.. Ở Việt Nam, đảng cộng sản tuy chưa thành lập, nhưng phong trào yêu nước đã làm thức tỉnh ý thức dân tộc trong các tầng lớp nhân dân. Cùng thời gian này, những hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài đã tác động rất nhiều tới phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Nhiều sách báo cách mạng và tiến bộ in bằng tiếng Pháp do Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế Cộng sản bí mật đưa vào Việt Nam bằng nhiều ngả khác nhau được các tầng lớp nhân dân yêu nước, học sinh, sinh viên và trí thức tiến bộ hào hứng đón nhận.

Ở Việt Nam, trong những năm 20, người dân bản xứ được tự do đọc sách báo in tiếng Pháp, nhất là ở các trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, Hải Phòng, Đà Nẵng... Một số sách báo tiến bộ bằng tiếng Pháp như *Le Paria* của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, Tạp chí *Correspondance Internationale* của Quốc tế Cộng sản, Báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp... đã được nhiều học trò tìm đọc. Thông qua việc đọc những sách báo này, một số học trò đã tiếp cận được những luồng thông tin mới. Họ bước đầu hiểu biết những diễn biến của tình hình quốc tế, những tội ác của chủ nghĩa thực dân và cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa đòi độc lập. Họ cũng hiểu rõ dần về chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống lại sự nô dịch của thực dân Pháp. Họ cũng đã biết được có một người Việt Nam yêu nước là Nguyễn Ái Quốc đã dũng cảm đấu tranh chống thực dân Pháp ngay trong lòng nước Pháp. Phạm Văn Đồng là một học trò trong số đó. Đồng chí Phạm Văn Đồng cho biết: tôi bắt đầu gặp Hồ Chí Minh là qua một bức ảnh. Hồi đó, tôi theo học năm thứ tư Thành Chung ở trường Quốc học Huế. Một hôm, tôi được xem ảnh một người còn trẻ, đội mũ phớt tròn, là kiểu mũ thường dùng lúc bấy giờ ở châu Âu. Con người trong ảnh toát ra sức hấp dẫn lạ lùng. Hồi đó mọi người chuyền tay cho nhau xem ảnh đều biết là ảnh Nguyễn Ái Quốc, với những tin từ Pháp truyền về làm nổi bật hoạt động của Người ở Pháp¹. Họ thì thầm bàn tán: Nguyễn Ái Quốc chính là người

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb.Sự thật, H.1990, tr.60.

đã cùng các đồng chí của mình thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, những sách báo bằng tiếng Pháp mà họ được đọc là do Người gửi về; rằng Nguyễn Ái Quốc trước đây cũng là học trò của trường Quốc học... Vì say mê đọc các sách báo này một số người bị đuổi học; một số vị phụ huynh bị quan đốc học gọi tới nhắc nhở.

Ở trường Quốc học Huế hồi đó, lớp trẻ như Phạm Văn Đồng chưa hiểu chủ nghĩa cộng sản là gì, các anh chàng chưa có một khái niệm gì về cách mạng vô sản. Nhưng với trí thông minh, ham hiểu biết, Phạm Văn Đồng và một số thanh niên rất cảm phục việc Nguyễn Ái Quốc ngay tại nước Pháp đã dũng cảm vạch trần sự xấu xa tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp ở các thuộc địa. Phạm Văn Đồng cảm nhận đó là “một sự hấp dẫn lạ lùng”, “là dịp may đầu tiên”, “một cơ hội lớn” tạo tiền đề tư tưởng để anh dần dần tiếp cận được với tư tưởng và con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Mùa hè năm 1924, Phạm Văn Đồng rời Trường Quốc học Huế ra Hà Nội. Anh thi đỗ vào học bậc tú tài tại Trường Bưởi (nay là Trường Phổ thông Trung học Chu Văn An). Với mục đích mở trường đào tạo những người trung thành để bổ sung cho bộ máy chính quyền thuộc địa nên cơ sở vật chất của trường khá tươm tất. Các dãy nhà trong trường được xây hai tầng, tầng một làm lớp học, tầng trên làm nơi ở nội trú cho học sinh. Trường Bưởi Hà Nội do nhà cầm quyền thuộc địa thành lập năm 1909 để đào tạo tú tài bản xứ (Baccalauréat local), sau trường Lycée Albert Sarraut đào tạo tú tài bản quốc (Baccalauréat métropolitain) cho con em những người theo “làng Tây”. Trường tú tài bản quốc được coi là danh giá hơn, nhưng trên thực tế chất lượng trường tú tài bản xứ cao hơn vì phải thực hiện những yêu cầu khắt khe. Phòng ở khoảng 15-20 người, giường ngủ có nệm rom, có nhà vệ sinh, nơi học riêng; có sân chơi, sân đá bóng. Tại Trường Bưởi, Phạm Văn Đồng ở nội trú và được cấp học bổng 16 đồng Đồng Dương một tháng - một số tiền cao hơn lương tháng của một công chức bình thường khi đó. Có thể nói, Trường Bưởi hồi đó là một trong số ít trường có danh tiếng ở Bắc Kỳ và cả nước. Trường không chỉ là nơi học của con em các trí thức quan lại mà còn là nơi hội tụ những thanh niên học giỏi, giàu mơ ước trong đó có những thanh niên nổi tiếng như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn

Phong Sắc v.v., những người sau này đã trở thành những chiến sĩ lớp tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Là một học sinh thông minh, chăm chỉ học tập Phạm Văn Đồng luôn đạt kết quả tốt trong tất cả các môn học, rất giỏi tiếng Pháp. Anh thường dành thời gian để đọc sách báo, say mê những cuốn sách viết về nền văn hóa của “Thế kỷ ánh sáng” và nhiều sách báo tiến bộ in bằng tiếng Pháp. Phạm Văn Đồng và một số bạn học bắt đầu nhận thức rõ tại sao vấn đề độc lập cho dân tộc mình đang được nhiều học sinh Trường Bưởi bàn luận. Phạm Văn Đồng là một trong những người đã tham gia những cuộc bàn luận với một số bạn học về con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Rồi dư âm tiếng bom của Phạm Hồng Thái nổ ở Quảng Châu (Trung Quốc) năm 1924 nhằm vào Toàn quyền Đông Dương M.Méclanck càng kích thích lòng yêu nước trong tâm trí người thanh niên Phạm Văn Đồng.

Năm 1925, thực dân Pháp bắt nhà yêu nước Phan Bội Châu ở Trung Quốc đưa về giam tại Nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội. Việc chúng quyết định mở phiên tòa xử cụ tại Hội đồng đề hình đã gây nên một làn sóng đấu tranh trong các tầng lớp nhân dân đòi thả Phan Bội Châu. Nhà cầm quyền rất lúng túng, bị động chấp nhận yêu sách và đưa cụ về giam lỏng ở Huế. Cùng năm đó nhà yêu nước Phan Chu Trinh từ Pháp trở về nước. Ngày 24-3-1926, cụ mất tại Sài Gòn.

Việc cụ Phan Chu Trinh qua đời đã làm nhân dân cả nước xúc động, nhất là học sinh, sinh viên, trí thức tiểu tư sản. Nhiều kiều bào yêu nước ở nước ngoài cũng hướng về Tổ quốc tỏ lòng ngưỡng mộ, thương tiếc nhà chí sĩ yêu nước đầy nhiệt huyết. Một phong trào đấu tranh đòi để tang cụ đã diễn ra trong toàn quốc. Tại Sài Gòn đám tang cụ Phan Chu Trinh được tổ chức với các nghi lễ quốc tang. Tại Huế, lễ truy điệu do cụ Phan Bội Châu làm chủ tế được tiến hành rất trọng thể. Tại Hà Nội, lễ truy điệu cụ được tổ chức ở nhiều nơi với sự tham dự của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhiều trường học đã nghỉ học để để tang. Phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh thực sự là cuộc biểu dương lực lượng của tinh thần yêu nước, đặc biệt là ở các trường học. Gần như toàn bộ học sinh các trường trung học ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều tỉnh đã nghỉ học tham gia.

Đề đối phó với phong trào này, chính quyền thực dân đã huy động mật thám, cảnh sát lùng bắt những người tổ chức, đuổi học những học sinh, sinh viên đã hăng hái tham gia, yêu cầu gia đình phải có người đến cam kết, bảo lãnh mới cho học tiếp. Hành động của nhà cầm quyền không những không làm dịu phong trào mà ngược lại đã tạo nên làn sóng mới phản đối mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân, học sinh, sinh viên. Họ đồng loạt bãi khóa để phản đối khiến nhiều trường phải đóng cửa.

Phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu và đề tang cụ Phan Chu Trinh diễn ra khi Phạm Văn Đồng đang học năm cuối bậc tú tài bản xứ tại Trường Bưởi. Cùng với các thanh niên, học sinh đầy nhiệt huyết, Phạm Văn Đồng tham gia rải truyền đơn, căng biểu ngữ, tham dự các buổi diễn thuyết về những hoạt động yêu nước của Phan Chu Trinh... Thông qua các hoạt động này, Phạm Văn Đồng càng nhận thức rõ hơn về ý nghĩa những việc mình đang làm. Đang học năm cuối bậc tú tài, con đường trở thành viên chức, quan chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa có lương hậu, nhiều bổng lộc đang rộng mở đối với anh, nhưng anh biết rõ con đường ấy sẽ đưa anh tới đâu. Phạm Văn Đồng quyết định bỏ học, tìm cho mình con đường mới và sẵn sàng chấp nhận mọi chông gai thử thách. *Tham gia phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu, đề tang cụ Phan Chu Trinh của học sinh sinh viên và các tầng lớp nhân dân Hà Nội là hoạt động yêu nước đầu tiên của Phạm Văn Đồng và cũng là quyết định lớn đầu tiên trong đời anh.*

Tuổi niên thiếu và những năm đầu thời trai trẻ của Phạm Văn Đồng có nhiều điều kiện thuận lợi nếu như anh tiếp tục học hành và tiến thân trên con đường như những con em gia đình trí thức quan lại, nhưng anh đã quyết định từ bỏ.

Ham hiểu biết, nhanh nhạy với diễn biến của thời cuộc sớm nhận thức được ý nghĩa của những việc đã làm, ở tuổi hai mươi, người thanh niên Phạm Văn Đồng đã sớm có sự quyết đoán - sự quyết đoán dũng cảm khi chọn con đường mới cho mình. Đó là con đường đầy gian lao thử thách nhưng vinh quang - con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

PHẦN II
GIAI ĐOẠN RÈN LUYỆN, TRƯỞNG
THÀNH VÀ CHUẨN BỊ LỰC
LƯỢNG CHO CÁCH MẠNG
THÁNG 8 (1926 – 1945)

I. RÈN LUYỆN VÀ TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1926-1939)

1. Thời kỳ rèn luyện và trưởng thành

Quyết định bỏ học ở Trường Bưởi, dù không có việc làm, nhưng Phạm Văn Đồng không hề ân hận. Anh dự định ở lại Hà Nội, tìm nơi dạy học để tiếp tục hoạt động. Lang thang ở Hà Nội tìm việc làm, Phạm Văn Đồng làm quen với gia đình ông Trịnh Văn Bản và bà Vương Thị Thục. Ông Trịnh Văn Bản là người ít nhiều có học, có bằng diplome và đang là viên chức của Công ty Đường sắt Vân Nam nhà ở số 37, ngõ Tân Hưng (nay là ngõ Túc Mạc, phố Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Cảm phục tinh thần đấu tranh và hoạt động yêu nước của Phạm Văn Đồng, gia đình ông Trịnh Văn Bản cho ở nhờ không lấy tiền và giúp đỡ anh khắc phục khó khăn trong sinh hoạt. Tháng 8-1926, tại căn nhà này đã diễn ra một sự kiện làm thay đổi hoàn toàn cuộc đời người thanh niên yêu nước Phạm Văn Đồng - cuộc gặp gỡ giữa anh với đồng chí Nguyễn Công Thu, cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hà Nội.

Sau khi nghe Phạm Văn Đồng kể về việc tham gia cuộc bãi khóa ở Trường Bưởi và bỏ học, đồng chí Nguyễn Công Thu đã vận động Phạm Văn Đồng tham gia tổ chức và yêu cầu anh chuẩn bị sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Nhờ những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của Người, tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phát triển khá mạnh mẽ. Những hạt giống cách mạng đầu tiên được tung vào phong trào yêu nước của các tầng lớp quần chúng nhân dân trong nước; nhiều thanh niên tiếp tục được gửi sang Quảng Châu học tập. Những tuyến liên lạc với trong nước được khai thông. Ngoài tuyến đường biển Sài Gòn - Hồng Kông - Quảng Châu, Hải Phòng - Móng Cái - Đông Hưng - Quảng Châu, đến cuối năm 1926 có thêm tuyến đường bộ Hà Nội - Lạng Sơn - Bằng Tường - Quảng Châu do đồng chí Nguyễn Công Thu phụ trách.

Cuối năm 1926, lớp thanh niên thứ hai được cử sang Quảng Châu học tập, được chia thành một số nhóm và đi theo những tuyến đường khác nhau. Phạm Văn Đồng cùng một số thanh niên được gửi đi từ Hà Nội theo tuyến đường bộ. Đoàn khoảng 20 người, các anh lên xe lửa tại ga Hà Nội đi Lạng Sơn. Buổi

chiều, tàu tới ga xếp Bản Ba (Lạng Sơn). Theo lời dẫn của Nguyễn Công Thu, để tránh sự theo dõi của mật thám, các anh không xuống ga chính mà xuống ga xếp này.

Trong những năm 1925-1927, cách mạng Trung Quốc đang ở thời kỳ Quốc - Cộng hợp tác lần thứ nhất, giai cấp vô sản Trung Quốc đang giữ vai trò quan trọng và Quảng Châu đang là trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, cách mạng Việt Nam đã nhận được sự đồng tình và giúp đỡ khá tích cực của nhân dân và những người lãnh đạo cách mạng Trung Quốc. Sang tới Trung Quốc, Phạm Văn Đồng và các đồng chí cùng đi không phải đi lén lút trong rừng mà đảng hoàng là những người cách mạng thực thụ.

Sau một ngày nghỉ ở trạm đón tiếp, Phạm Văn Đồng cùng đoàn thanh niên xuất dương đi bộ lên Lâm Châu, sau đó đi Long Châu. Người dẫn đường báo cho các anh biết khi đi qua Long Châu cần khéo léo để tránh sự kiểm soát của mật thám, vì ở đó có cơ quan lãnh sự Pháp. Các anh đã trưng biểu ngữ: “Học sinh hội nhập ngữ” và được dân chúng Trung Quốc hoan nghênh nhiệt liệt. Từ Long Châu, Phạm Văn Đồng và những người cùng đi lên tàu thủy đi Quảng Châu, nhưng tàu vừa rời bến thì gặp nạn và bị đắm. Được nhân dân hai bên bờ giúp đỡ, một chiếc tàu cứu hộ đã đưa các anh tiếp tục cuộc hành trình. Đi đường vất vả, lại bị cảm lạnh sau vụ đắm tàu ở Long Châu, Phạm Văn Đồng bị ốm nặng, nên không tham dự được lớp học thứ hai.

Nửa tháng sau, sức khỏe dần dần hồi phục anh được bổ sung vào học lớp thứ ba cùng với các đồng chí Trần Văn Cung, Trương Quang Trọng, Nguyễn Sĩ Sách, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Sơn, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Danh Đối, Nguyễn Tường Loan... Nhiều đồng chí cùng học sau này đã trở thành những cán bộ kiên trung của Đảng và cách mạng Việt Nam. Trong lớp học này, lần đầu tiên Phạm Văn Đồng được gặp Nguyễn Ái Quốc, người lãnh đạo và giảng viên chính của lớp mà anh đã nhìn thấy ảnh trên một tờ báo Pháp khi anh học ở Trường Quốc học Huế. Anh rất khâm phục tinh thần yêu nước, thương dân, giải phóng đồng bào, phẩm chất cách mạng trong sáng

của Nguyễn Ái Quốc. Được gặp Nguyễn Ái Quốc và trở thành học trò của Người là cơ hội và dịp may lớn thứ hai” trong cuộc đời Phạm Văn Đồng.

Chương trình huấn luyện gồm các bài học về cách mạng tư sản Pháp, cách mạng tư sản Anh, cách mạng Mỹ và cách mạng Nga; những kiến thức sơ giản về chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng vô sản; về chủ nghĩa Tam dân; các bài học về Quốc tế I, Quốc tế II và Quốc tế Cộng sản, các thể chế chính trị; các bài học về đảng cộng sản, về các tổ chức quốc tế như Phụ nữ, Thanh niên, Cứu tế đỏ, Nông hội. Đặc biệt chương trình huấn luyện còn có những bài học về con đường cách mạng Việt Nam. Đây là những bài học cơ bản mà Nguyễn Ái Quốc và các cộng sự của Người đã tập hợp trong cuốn giáo khoa *Đường Cách mệnh*.

Trong thời gian dự lớp huấn luyện, Phạm Văn Đồng và các đồng chí cùng học đã đến viếng mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái - người đã ném tạc đạn vào toàn quyền Đông Dương M.Méclan tại khách sạn Víchtoría năm 1924, thăm nghĩa trang Hoàng Hoa Cương - nơi an nghỉ của các liệt sĩ Trung Quốc và quốc tế đã hy sinh anh dũng trong Cách mạng Tân Hợi và Công xã Quảng Châu. Với cách truyền đạt giản dị, sâu sắc của các giảng viên, với tư chất thông minh và lòng khát khao cứu nước, cứu dân, Phạm Văn Đồng đã tiếp thu rất nhanh những quan điểm tư tưởng mới. Anh luôn là một học viên xuất sắc và thường xuyên giảng giải cho các đồng chí của mình những vấn đề khó hiểu.

Trong thời gian đó, Quốc tế Cộng sản cử một đoàn đại biểu đến thăm Quảng Châu Đoàn gồm ba người: Tômát (Anh), Đôriô (Pháp), Roi (Án Độ). Đôriô, khi đó là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp đã đến thăm trường huấn luyện cán bộ của Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Để chuẩn bị đón đại biểu Đảng Cộng sản Pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ thảo diễn văn chào mừng. Tại buổi đón tiếp, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc diễn văn *Cách mạng Việt Nam và cách mạng Pháp* bằng tiếng Pháp. Diễn văn đã gây xúc động lớn trong các học viên. Lần đầu tiên họ được chứng kiến một thanh niên Việt Nam đứng ngang hàng với một người bạn Pháp nói về tình bạn, tình hữu nghị chiến đấu và quan hệ cách mạng giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động Việt - Pháp.

Khoảng đầu năm 1927 lớp học kết thúc. Các học viên trở về nước hoạt động. Phạm Văn Đồng được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và được giữ lại làm công tác đối ngoại của Hội ở Quảng Châu. Tháng 4-1927, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển ngày càng mạnh mẽ. Trước nguy cơ quyền lãnh đạo chuyển hẳn vào tay giai cấp vô sản Trung Quốc, những người cực hữu trong Quốc dân Đảng Trung Quốc do Tưởng Giới Thạch cầm đầu đã làm cuộc chính biến phản cách mạng, tiến hành đàn áp phong trào công nhân và truy lùng những người cộng sản.

Để chủ động đối phó với tình hình, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bí mật rời Quảng Châu lên Thượng Hải, sau đó đi Liên Xô. Cơ quan Tổng bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chuyển về Hồng Kông. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Tổng bộ cử về hoạt động trong nước. Khoảng cuối tháng 4-1927, đồng chí Phạm Văn Đồng về đến Hà Nội, dự định xin vào dạy học ở một trường tư thục và ở lại Hà Nội hoạt động. Nhưng anh đã phát hiện bọn mật thám đang theo dõi rất ráo riết nên quyết định vào Nam Kỳ, tìm bắt liên lạc với đồng chí Phan Trọng Bình, học viên dự khóa huấn luyện đầu tiên ở Quảng Châu đang là một trong những người lãnh đạo tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ. Phạm Văn Đồng, (với bí danh Nam) được phân công phụ trách công tác tuyên truyền vận động học sinh, trí thức và được bố trí dạy học tại một trường tư thục ở xóm Cây Mai - Chợ Lớn (nay thuộc khu vực đường Cây Mai, thành phố Hồ Chí Minh)¹.

Khoảng đầu năm 1929, tại phòng 88/5 khách sạn Tân Hòa trên đường Bonard (nay là số nhà 68, đường Lê Lợi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng tham dự Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Nam Kỳ, bầu Ban lãnh đạo chính thức Kỳ bộ Nam Kỳ do đồng chí Phan Trọng Bình làm Bí thư².

¹ Theo GS Trần Văn Giàu thì đồng chí Phạm Văn Đồng thời gian này được bố trí dạy học tại Trường Tư thục Nguyễn Xích Hồng. Địa điểm này ở vị trí đối diện Cung văn hóa Lao động thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Xem: *Phạm Văn Đồng trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế (Hồi ký)*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, tr.178.

² Sau Đại hội ít lâu, đồng chí Phan Trọng Bình được Tổng bộ cử ra tăng cường cho Trung Kỳ, đồng chí Ngô Thiêm được cử thay làm Bí thư Kỳ bộ Nam Kỳ.

Cuối năm 1928, giữa lúc phong trào đang phát triển mạnh mẽ và yêu cầu phải có sự đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo, thì xảy ra “Vụ đường Barbier”¹, một số cán bộ tinh bộ Sài Gòn và Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt; ban lãnh đạo Kỳ bộ Nam Kỳ hầu như bị tê liệt. Đồng chí Phạm Văn Đồng lúc đó đang hoạt động ở Chợ Lớn cùng một số đồng chí khác đã tích cực hoạt động để củng cố ban lãnh đạo Kỳ bộ. Tháng 2-1929, Tổng bộ cử đồng chí Phan Trọng Bình đang công tác ở Trung Kỳ vào tham gia công tác củng cố tổ chức Kỳ bộ Nam Kỳ. Tại một cơ sở liên lạc trên đường Verdoong (nay là đường Cách mạng Tháng Tám, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh), đồng chí Phan Trọng Bình đã có cuộc họp với đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí để truyền đạt nội dung Hội nghị trừ bị lần thứ nhất của Đại hội Thanh niên, bàn việc củng cố tổ chức và cử đoàn đại biểu Nam Kỳ đi dự Đại hội Thanh niên. Đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Nguyễn Kim Cương được Tổng bộ giao nhiệm vụ điều tra về vụ Barbier và báo với Tổng bộ.

Trong bản báo cáo gửi Tổng bộ, các đồng chí đã trình bày khá chi tiết diễn biến vụ Barbier và nói rõ quan điểm không đồng tình với cách xử lý của một số đồng chí trong Ban lãnh đạo tinh bộ Sài Gòn. Cùng với việc điều tra và báo cáo về vụ Barbier, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Kỳ bộ khẩn trương chuẩn bị Đại hội đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ. Các địa chỉ mà các đồng chí thường liên lạc và trao đổi công việc đặt tại Nhà sách Tín Đức thư xã, số nhà 37 đường Sabourain (nay là đường Tạ Thu Thâu) và một cửa hàng cơm ở số nhà 119 đường La Grandlère (nay là đường Lý Tự Trọng).

Tháng 3-1929, Đại hội Kỳ bộ Nam Kỳ, đã họp tại số nhà 14, hẻm Lacase (nay là đường Nguyễn Tri Phương, quận 5 thành phố Hồ Chí Minh). Dự Đại hội có 13 đồng chí đại biểu của các tinh bộ và thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn. Đại hội đã nghe đồng chí Phan Trọng Bình truyền đạt ý kiến của Tổng bộ, bàn công tác củng cố tổ chức, phương hướng công tác và bầu Ban Chấp hành Kỳ bộ gồm

¹ “Vụ đường Barbier” là vụ xử lý nội bộ do vi phạm kỷ luật “quan hệ nam nữ bất chính”, nhưng thực chất là tranh giành địa vị giữa một số cán bộ lãnh đạo tinh bộ Sài Gòn, một cán bộ bị nội bộ xử tử hình tại số nhà 7 đường Barbier (nay là đường Lý Trần Quán, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh). Bị chính quyền phát giác, những người liên quan và một số cán bộ Kỳ bộ bị bắt, vì vậy ban lãnh đạo Kỳ bộ Nam Kỳ không cử được đại biểu dự Hội nghị trừ bị lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (họp tháng 1-1929).

năm đồng chí: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Văn Côn, Trần Ngọc Quế, Trần Ngọc Giải. Đồng chí Phạm Văn Đồng được bầu làm Bí thư Kỳ bộ, sau Đại hội cử bổ sung thêm đồng chí Châu Văn Liêm.

Đại hội cũng đã bầu đoàn đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gồm bốn đồng chí: Phạm Văn Đồng, Châu Văn Liêm, Công và Phương (Rạch Giá), do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn.

Ngay sau Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng với các đồng chí trong ban lãnh đạo Kỳ bộ rất tích cực hoạt động nhằm củng cố tổ chức, tiếp tục gây cơ sở ở các địa phương, các nhà máy, xí nghiệp. Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện, Kỳ bộ Nam Kỳ đã quyết định xuất bản Tạp chí *Bôn-sê-vích*, tổ chức một số lớp huấn luyện chính trị cho các hội viên mới được kết nạp; khẩn trương chuẩn bị nội dung tham dự Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Đầu tháng 4-1929, Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ, lên đường đi Hồng Kông. Tuy rất khẩn trương nhưng đoàn vẫn không kịp dự cuộc họp trừ bị lần thứ hai của Đại hội.

Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được tiến hành tại Hồng Kông từ ngày 1 đến ngày 9-5-1929. Tham dự Đại hội có 15 đại biểu, gồm 3 đồng chí Ủy viên Tổng bộ là Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điếm, Lâm Đức Thọ. (Đồng chí Hồ Tùng Mậu không tham dự vì đang bị nhà cầm quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt tạm giam).

Đoàn đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, gồm các đồng chí Châu Văn Liêm (tức Việt), Trần Văn Phòng (tức Công). Đồng chí Phương (đại biểu Tỉnh bộ Rạch Giá) không tới dự Đại hội (chưa rõ lý do).

Đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ do đồng chí Trần Văn Cung làm trưởng đoàn, gồm các đồng chí Ngô Gia Tự (tức Quyết), Dương Hạc Đính (tức Hoàng Hạc), Nguyễn Tuân (tức Kim Tôn).

Đoàn đại biểu Kỳ bộ Trung Kỳ do đồng chí Nguyễn Sĩ Sách làm trưởng đoàn, gồm các đồng chí Nguyễn Thiệu (tức Nghĩa), Trương Quang Trọng, Võ Mai. Đồng chí Võ Tông đại biểu chi bộ Xiêm - trực thuộc Tổng bộ; đồng chí Lý Phương Đức đại biểu chi bộ Trung Quốc.

Chương trình dự kiến là Đại hội sẽ nghe và thảo luận báo cáo của Tổng bộ về quá trình hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tham luận của các đoàn; bầu ban chấp hành mới của Hội; thảo luận về vấn đề thành lập đảng cộng sản, ra nghị quyết về đường lối, chủ trương của Hội.

Tuy nhiên Đại hội đã không diễn ra đúng chương trình dự kiến. Ngay lúc Đại hội mới bắt đầu, các đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ đề nghị thảo luận vấn đề thành lập đảng, nhưng không được đa số đại biểu Đại hội chấp thuận trong đó có sự phản đối quyết liệt của Lâm Đức Thụ - đại biểu Tổng bộ. Trừ đại biểu Dương Hạc Đính, các đại biểu của đoàn Bắc Kỳ đã ly khai Đại hội và trở về nước ngay sau đó.

Đoàn đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn và các đại biểu khác tiếp tục chương trình của Đại hội. Đại hội đã ra án nghị quyết về vấn đề tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam, về chính đôn tổ chức và công tác tuyên truyền, huấn luyện và ngoại giao. Đại hội cũng thảo luận về tình hình các đảng phái ở trong nước và bầu Ban Chấp hành mới gồm 11 ủy viên (7 ủy viên chính thức), trong đó có các đồng chí Hồ Tùng Mậu (bầu vắng mặt), Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm, Phạm Văn Đồng... và 4 ủy viên dự khuyết. Tuy còn một số hạn chế, song nội dung các văn kiện Đại hội thông qua thể hiện bước tiến mới trong hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sự phân hóa tại Đại hội thể hiện một xu hướng tiến bộ và đòi hỏi phải nhanh chóng có đảng cộng sản lãnh đạo mới phù hợp với sự phát triển của tình hình, nhưng Đại hội chưa đáp ứng được.

Ngay sau khi Đại hội kết thúc, những đại biểu trung kiên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhận thấy việc thành lập đảng cộng sản ở Việt Nam là hết sức cấp bách. Đồng chí Lê Hồng Sơn - một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tổng bộ vừa được đại hội bầu ra đã triệu tập Hội nghị bàn về công tác chuẩn bị thành lập đảng cộng sản ở Việt Nam.

Thành phần của Hội nghị là các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành mới của Tổng bộ. Hội nghị đã thảo luận và quyết định thành lập *Hội trừ bị tổ chức đảng cộng sản* gồm các đồng chí: Hồ Tùng Mậu (cử vắng mặt), Lê Hồng Sơn, Lê Duy Diễm, Châu Văn Liêm, Nguyễn Sỹ Sách, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu; khẩn trương triển khai một số công việc cụ thể như dự thảo Điều lệ và kế hoạch tiến hành tổ chức đảng cộng sản ở trong nước. Các đại biểu dự Hội nghị cho rằng: “Đại hội Thanh niên có người không đủ tư cách cộng sản nên phải tổ chức riêng, nhưng tổ chức đảng cộng sản lại đem ra Đại hội Thanh niên mà biểu quyết thì Đại hội Thanh niên làm thế nào mà giải quyết được, hướng gì tổ chức đảng cộng sản mà phải có Đại hội Thanh niên biểu quyết thì Đại hội Thanh niên là cơ quan tối cao của cộng sản hay sao? Đề án như thế đã không có lý do, đến lúc thảo luận chưa xong mà đã vội bỏ Đại hội mà đi thế thì một cách hành động trẻ con không phải người biết làm việc như thế”¹. Các đồng chí đã thống nhất nhận định: “Thanh niên tuy phần tử có phức tạp nhưng người chân chính cách mạng có tư cách cộng sản cũng nhiều, bây giờ muốn tổ chức đảng cộng sản đương nhiên phải tìm trong đoàn thể Thanh niên là công hiệu chóng hơn hết”². Quan điểm từng bước tiến hành tổ chức đảng cộng sản do Hội trừ bị đề ra khá rõ ràng. Đó là:

“1. Phải tức khắc thành lập một đảng cộng sản, tên gọi là Đảng Cộng sản Đông Dương.

2. Những người ký bộ cũ phải tạm đứng lên mà tổ chức tạm thời kỳ bộ, các đồng chí nên hết sức ủng hộ kỳ bộ cộng sản.

3. Kỳ bộ thành lập rồi phải phái người đi thành lập tỉnh bộ.

¹ Theo tài liệu *Associations - Francaises en Indochine et la propagande communiste, historique và báo cáo của mật thám, lưu trữ tại Ser vice de liaison entre les originaires de la France d'outre-mer (viết tắt là SLOTFOM) ở Paris, série III, cặp 48, tham dự Đại hội có 17 đại biểu, gồm: Đoàn Nam Kỳ có các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Đại, Phan Trọng Bình; Đoàn Bắc Kỳ có các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Tuân, Nguyễn Tường Loan, Dương Hạc Đỉnh; Đoàn Trung Kỳ có các đồng chí Trần Văn Cung, Nguyễn Đình Tu, Quốc Hoa, Nguyễn Thiệu, Lưu Khải Hồng; Tổng bộ có các đồng chí Lê Duy Diễm, Lê Hồng Sơn, Lâm Đức Thọ; Đại biểu chi bộ Xiêm là đồng chí Đặng Cảnh Tân; đại biểu chi bộ Trung Quốc là đồng chí Lý Phương Đức, (xem: *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội*, Nxb. Thông tin lý luận, H.1985, tr.218-219). Về sự kiện này các tác giả đang tiếp tục tìm hiểu.*

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.136-137.

4. Kỳ bộ cùng tinh bộ phái người đi điều tra để những người có tư cách cộng sản thì tổ chức lại thành chi bộ, những người tư cách kém thì phải cương quyết khai trừ.

5. Chi bộ thành lập rồi thì kỳ bộ chỉ định người thành lập huyện bộ hay thành bộ (ở thành phố thì chi bộ lên thành bộ).

6. Lúc tổ chức xong rồi thì báo cáo ra ngoài và do ngoài này điều mỗi kỳ một người ra khai hội trừ bị để tra xét việc tổ chức và bàn vấn đề khai toàn quốc Đại hội.

7. Các đ.c vừa tổ chức vừa thêm những quần chúng, làm cho chi bộ nằm ở trong sản nghiệp.

8. Những điều lệ và án nghị quyết của Đại hội thanh niên có thể châm chước theo mà làm trong lúc tạm thời gần đây”¹.

Quan điểm và phương pháp tổ chức thực hiện trên đây được quán triệt cho các thành viên *Hội trừ bị tổ chức đảng cộng sản* và yêu cầu triển khai ngay tại các địa bàn do mình phụ trách. Các đồng chí Đỗ (Lê Hồng Sơn), Lê (Lê Duy Điểm) cũng đồng thời gửi thông báo cho tất cả các đồng chí trong nước.

Sau khi tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và cuộc họp của *Hội trừ bị tổ chức đảng cộng sản*, đồng chí Phạm Văn Đồng trở về Sài Gòn. Các đồng chí đã bí mật tổ chức việc in ấn các văn kiện của Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, gửi cho các tỉnh bộ và cơ sở, đồng thời khẩn trương tiến hành các công tác theo chủ trương của *Hội trừ bị tổ chức Đảng cộng sản*; Tạp chí *Bôn-sê-vích* tiếp tục được xuất bản, một số lớp huấn luyện ngắn ngày đã được tiến hành.

Đầu tháng 7-1929, giữa lúc công việc đang khẩn trương thì Phạm Văn Đồng và Kỳ bộ Nam Kỳ nhận được thư của đồng chí Nguyễn Thiệu và Nguyễn Sĩ Sách từ Trung Kỳ thông báo việc các đồng chí Bắc Kỳ đã thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng và cử cán bộ vào Trung Kỳ, Nam Kỳ vận động gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng; các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Kỳ đang đứng trước nguy cơ tan rã và cũng muốn tiến hành ngay việc

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.1, tr.137.

thành lập đảng cộng sản. Nhận được thông báo, các đồng chí đã cử đồng chí Châu Văn Liêm liên lạc với các cán bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đang hoạt động ở Nam Kỳ để bàn việc thống nhất phương hướng và biện pháp công tác, nhưng không có kết quả.

Trước tình hình đó đồng chí Phạm Văn Đồng và Kỳ bộ Nam Kỳ quyết định thu hồi và hủy các văn kiện của Đại hội Thanh niên vừa in xong; cử đồng chí Phạm Văn Đồng ra Trung Kỳ trực tiếp trao đổi với các đồng chí Nguyễn Thiệu và Nguyễn Sĩ Sách về tình hình và phương thức giải quyết.

Ngày 23-7-1929, tại một cơ sở của Tỉnh bộ Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tiến hành cuộc họp trao đổi tình hình vấn đề thành lập đảng với các đồng chí Nguyễn Thiệu, Nguyễn Sĩ Sách, đại diện Kỳ bộ Trung Kỳ, đồng chí Trương Quang Trọng và một số đồng chí Tỉnh bộ Quảng Ngãi. Các đồng chí đều băn khoăn nêu câu hỏi: Tại sao Đông Dương Cộng sản Đảng đã tuyên bố thành lập lại không có sự tham gia của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Giữa lúc đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí Trung Kỳ đang trao đổi tình hình thì chiều ngày 23-7-1929, tại Sài Gòn, cơ quan Kỳ bộ Nam Kỳ tại số nhà 14 hẻm Lacase (nay là đường Nguyễn Tri Phương) và một số địa chỉ khác bị mật thám Pháp bao vây, lục soát; một số cán bộ Kỳ bộ Nam Kỳ và Tỉnh bộ Sài Gòn như Trần Văn Phồng, Trần Trương, Tôn Đức Thắng, Đặng Văn Sâm, Ngô Thiêm... đã bị bắt. Không bắt được Phạm Văn Đồng, biết đồng chí ra Trung Kỳ và đang trên đường trở lại Sài Gòn, chúng đã bí mật giăng lưới chờ sẵn.

Ngày 29-7-1929, đồng chí Phạm Văn Đồng vừa xuống tàu tại ga Sài Gòn thì bị mật thám ập tới vây bắt và đưa về sở cảnh sát. Tại đây, chúng chìa tấm ảnh của đồng chí chụp cuối năm 1926 khi vừa tới Quảng Châu dự lớp huấn luyện. Nhưng đồng chí không nhận người trong tấm ảnh là chính mình. Bọn mật thám lại đưa bản báo cáo về vụ đường Barbier do đồng chí viết bằng nước com trên một tờ báo gửi các đồng chí lãnh đạo Tổng bộ đã được bôi nước iốt và hiện rất rõ. Đồng chí chợt hiểu ra rằng, tấm ảnh được chụp lúc đồng chí đang ốm nặng người gầy yếu; cùng với việc mật thám có bản báo cáo của đồng chí chắc

chấn là trong hàng ngũ có kẻ phản bội đã cung cấp cho mật thám hồ sơ tài liệu về mình.

Việc Phạm Văn Đồng và một đồng chí lãnh đạo Kỳ bộ Nam Kỳ và Tỉnh bộ Sài Gòn bị bắt là một tổn thất lớn cho đội ngũ cán bộ và phong trào cách mạng. Nhưng với tinh thần dũng cảm, khéo léo của các đồng chí ta, việc xúc tiến chuẩn bị thành lập đảng cộng sản và công tác vận động quần chúng vẫn được tổ chức, phong trào cách mạng ở Sài Gòn và Nam Kỳ tuy gặp khó khăn nhưng vẫn từng bước phát triển.

2. Giai đoạn thử thách trong ngục tù đế quốc

Bị đưa về giam ở Khám Lớn Sài Gòn, từ ngày 3-8-1929 và liên tiếp nhiều ngày sau đó; đồng chí Phạm Văn Đồng bị mật thám hỏi cung. Biết không đánh lừa được mật thám, đồng chí rất bình tĩnh thừa nhận những công việc mình đã làm từ việc tham dự lớp huấn luyện cán bộ Quảng Châu việc thực hiện quyết định của Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giải tán Ban lãnh đạo Kỳ bộ Nam Kỳ và Tỉnh bộ Sài Gòn tới việc tham gia Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, là thành viên ban lãnh đạo mới của Hội và là người lãnh đạo cao nhất Kỳ bộ Nam Kỳ. Về vụ đường Barbier đồng chí nói rõ các đồng chí của mình đã phạm sai lầm lớn; người bị giết có sai phạm nặng nhưng chưa đáng tội chết¹.

Ngày 8-3-1930 là phiên hỏi cung cuối cùng, Phạm Văn Đồng và một số đồng chí của mình đã bị mật thám quy kết “các tội danh”: “Tham gia các hội kín và âm mưu quấy rối trật tự công cộng; gây hận thù Chính phủ Pháp và Chính phủ bảo hộ; âm mưu chống lại an ninh của nhà nước”² chúng đã quyết định đưa đồng chí ra xét xử tại Tòa đại hình Sài Gòn. Tuy nhiên, vừa để đánh lừa dư luận về việc khủng bố những người yêu nước, vừa để bôi nhọ những người cộng sản, thực dân Pháp đã đưa các chiến sĩ cộng sản xử chung với vụ án đường Barbier như những tội phạm hình sự.

¹ Báo cáo ngày 8-3-1930 của Văn phòng dự thẩm gửi Tòa án Sài Gòn, Tài liệu tiếng Pháp lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, tr.44. Ký hiệu lưu trữ 11A-45, Viện Hồ Chí Minh lược dịch.

² Báo cáo ngày 8-3-1930 của Văn phòng dự thẩm gửi Tòa án Sài Gòn, Tlđd, tr.4.

Ngày 25-6-1930, sau nhiều phiên xét xử, tòa án thực dân đã tuyên án đồng chí Phạm Văn Đồng 10 năm tù giam, cùng nhiều chiến sĩ cách mạng với án tuyên rất nặng: đồng chí Ngô Thiêm - tử hình; đồng chí Trần Văn Phòng - tử hình; đồng chí Tôn Đức Thắng - 20 năm tù giam; đồng chí Đặng Văn Sâm - tù giam...

Tuy Phạm Văn Đồng và một số đồng chí bị địch bắt, nhưng với sự nỗ lực công tác của đồng chí Châu Văn Liêm và các đồng chí Nam Kỳ, của các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điếm ở Trung Quốc, tháng 8-1929, Hội nghị bàn việc chuẩn bị thành lập An Nam Cộng sản Đảng đã nhóm họp ở Sài Gòn. Tháng 9-1929, chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên được thành lập tại Trung Quốc. Tháng 11-1929, tại Khánh Hội (Sài Gòn), Đại hội thành lập An Nam Cộng sản Đảng được tổ chức. Đại hội đã chính thức công bố Điều lệ Đảng, quyết định xuất bản Tạp chí *Bôn-sê-vích* và cử Ban Trung ương lâm thời do đồng chí Châu Văn Liêm làm Bí thư.

Khi An Nam Cộng sản Đảng tuyên bố thành lập, các đồng chí trong Ban Trung ương lâm thời đã cử đồng chí Nguyễn Thị Nhỏ liên lạc viên của Trung ương bí mật chuyển thông báo vào Khám Lớn - Sài Gòn, nơi các đồng chí Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng đang bị giam, công nhận các đồng chí là đảng viên của An Nam Cộng sản Đảng¹.

Rạng sáng ngày 2-7-1930, tàu Ácmăng Rútxô đã lạng lẽ nhỏ neo rời bến cảng Sài Gòn đưa Phạm Văn Đồng và nhiều chiến sĩ ra đày ở Côn Đảo.

Ra tới Côn Đảo, đồng chí Phạm Văn Đồng bị giam ở khám chống án², sau đó chúng chuyển đến giam ở *banh 2*. Cùng với nhiều chiến sĩ cộng sản bị giam cầm ở *banh 2*, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia cuộc thảo luận: có nên tổ chức chi bộ đảng ở Nhà tù Côn Đảo không? Những người tù cộng sản sẽ hoạt động như thế nào ở trong tù?... Trong khi cuộc thảo luận về việc thành lập tổ chức đảng còn đang tiếp tục thì cuối năm 1930, bọn chúa ngục chuyển đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số tù chính trị ra giam ở đảo Hòn Cau. Hòn Cau là

¹ Theo sách *Bác Tôn (1888-1980) - Cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb.Sự thật, H.1988, tr.83.

² Đối với những tù nhân bị xét xử ở Tòa án Sài Gòn sau khi bị kết án được làm đơn kháng án gửi lên Chính phủ Pháp. Tuy nhiên đây chỉ là hình thức, bởi vì hầu hết các bản án đều được Chính phủ Pháp y án.

một đảo nhỏ trong quần đảo Côn Lôn, cách đảo lớn 12km về phía Đông. Với địa hình tương đối thuận lợi, Hòn Cau vừa là một sở tù khô sai, vừa là hòn đảo biệt lập để giam giữ tù chính trị. Từ năm 1929, trại giam trên đảo Hòn Cau có thêm những người tù chính trị cầm cố án nặng thuộc các tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân Đảng và một số chiến sĩ yêu nước chống Pháp thuộc các xu hướng chính trị khác.

Ngay từ khi bị giam chung với những chiến sĩ cộng sản ở Hỏa Lò, Hà Nội, một số đảng viên Quốc dân Đảng đã có thái độ xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản và ra báo chống lại những người cộng sản. Ở Hòn Cau, do bị những người cộng sản phê phán và chỉ rõ tư tưởng tư sản của họ là lỗi thời, đường lối cách mạng của họ là nửa vời, manh động, những người Quốc dân Đảng cực đoan rất căm tức và tìm mọi cơ hội để trả thù. Tại Hòn Cau, họ viết “tối hậu thư” đòi những người cộng sản đầu hàng.

Những người cộng sản đã kiên quyết bác bỏ “tối hậu thư” của Quốc dân Đảng, đồng thời chân tình phê phán các quan điểm sai trái, tranh thủ các đảng viên Quốc dân Đảng có nhận thức tiến bộ, lôi kéo họ cùng đấu tranh, đòi được tự làm nhà ở, đòi chỉ sử dụng lao động tù vào những việc làm cải thiện đời sống. Những người có nhận thức tiến bộ trong hàng ngũ Quốc dân Đảng và cả những người trung lập thấy rõ việc làm đúng đắn đã dần dần ngã theo và ủng hộ chủ trương của những người cộng sản. Đa số những người cực đoan bị cô lập. Trước tình thế đó, viên đội cai quản ở đây buộc phải chấp nhận các yêu sách của tù nhân. Những người tù cộng sản và những người tù Quốc dân Đảng được làm nhà riêng ở phía Đông và phía tây trại giam, còn tù thường phạm thì ở lại trong trại giam cũ.

Những ngày bị đày ra đảo Hòn Cau, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng với những chiến sĩ cộng sản bị giam cầm ở đây thảo luận và cho rằng: Đã là chiến sĩ cộng sản thì ở đâu cũng phải sinh hoạt trong một tổ chức, thống nhất với nhau cả về tư tưởng, trong hành động và trong sinh hoạt. Các đồng chí đã nhất trí tập trung tiền và quà khi gia đình gửi ra để dùng chung, tổ chức trồng rau, sắn, đan lưới đánh cá. Đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một vài đồng chí khác được phân công tổ chức các lớp học cho anh em.

Tháng 9-1931, nhiều tù chính trị có án nặng bị đày tiếp ra đảo Hòn Cau, đưa số tù cộng sản lên gần 30 người. Đồng chí Phạm Văn Đồng được các đồng chí ta phân công tổ chức một cuộc họp toàn thể những người tù cộng sản ở Hòn Cau để bàn việc cùng cố tổ chức. Công việc khổ sai ở Hòn Cau có phần nào nhẹ hơn trên đảo lớn. Tranh thủ điều kiện đó, những người tù cộng sản ở đảo Hòn Cau đã rất có ý thức về việc học tập. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những đồng chí tích cực trong công tác này. Đồng chí không chỉ tranh thủ đọc sách để nâng cao trình độ mà còn dành thời giờ dạy văn hóa, chính trị và ngoại ngữ cho các đồng chí khác.

Hình thức học tập của những người tù cộng sản ở Hòn Cau rất phong phú. Người biết khá hơn dạy người biết ít, người biết ít dạy người chưa biết. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều đồng chí trước đó không biết chữ đã biết đọc, biết viết; nhiều người đã đọc, nói, viết được tiếng Pháp. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã giới thiệu lại cho anh em những kiến thức lý luận mà mình đã học ở Quảng Châu về chủ nghĩa cộng sản, về Cách mạng Tháng Mười Nga và những bài học kinh nghiệm cách mạng thế giới, giải thích những vấn đề về lý luận trong tác phẩm *Kinh tế chính trị học* của Lapiduyt cho các đồng chí của mình.

Các buổi tối, anh em tù cộng sản còn tổ chức sinh hoạt tập thể, khi thì quây quần bên đồng lửa nhỏ để thảo luận những vấn đề về chính trị, khi thì nghe giới thiệu về những tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới. Đồng chí Phạm Văn Đồng thường là một trong những diễn giả chính trong các buổi sinh hoạt đó.

Trong dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, năm 1931, những người tù cộng sản đã đưa lên “sân khấu Hòn Cau một màn kịch do các đồng chí tự soạn theo cuốn *Mười ngày rung chuyển thế giới* của Giôn Rít. Hình ảnh đất nước của V.I.Lênin trong những ngày Cách mạng Tháng Mười được các đồng chí diễn xuất dù rất mộc mạc nhưng có ý nghĩa giáo dục tuyên truyền thiết thực.

Thái độ đúng mực và tấm gương học tập, rèn luyện của những người tù cộng sản ở Hòn Cau đã tác động mạnh đến những người tù Quốc dân Đảng, làm phân hóa trong hàng ngũ của họ. Nhiều cuộc tranh luận gay gắt đã diễn ra trong nội bộ tù nhân Quốc dân Đảng. Những người cực đoan đứng đầu là Đội Sơn và Nhược Tống ra sức bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa quốc gia. Những

người có nhận thức tiến bộ mà đại diện là Trương Dân Bảo, Nguyễn Phương Thảo đã nghiêng hẳn về phía quan điểm của chủ nghĩa cộng sản. Phái giữa, đại diện là Phạm Tuấn Tài, Trần Huy Liệu thì say mê lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, nhưng “không nỡ để cho Quốc dân Đảng chết”. Dù sao, họ cũng dần dần thấy rõ được hạn chế của Quốc dân Đảng và dần dần ngã theo những người cộng sản.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong nước những năm 1930-1931 và cuộc vượt ngục của những người tù Quốc dân Đảng đầu năm 1932 đã làm bọn chúa ngục chú ý. Chúng đưa Phạm Văn Đồng và những người tù cộng sản từ đảo Hòn Cau về giam tại *banh 2* trên đảo lớn.

Trong hệ thống Nhà tù Côn Đảo, *banh 1* là nơi giam giữ tù khổ sai, *banh 2* là nơi để đày ải tù chính trị với chế độ cách biệt. Tù nhân ở *banh 2* bị cầm cố trong khám, mỗi ngày chỉ được ra ngoài hai lần, mỗi lần không quá 10 phút để ăn vôi bát cơm hẩm đầy sạn và thóc. Bị cầm cố vài tháng, ghê lở đầy người, mòn mõi vì thiếu ánh sáng, khí trời và dinh dưỡng, nhiều người bị kiệt lực nặng đến chết. Năm 1931, *banh 2* có hơn 300 tù chính trị thì có 30 người bị chết vì bệnh tật. Tháng 3-1932, viên thanh tra thuộc địa ra thị sát Côn Đảo đã nhận xét: chế độ phát lưu mà thực hiện thế này thì nặng hơn chế độ khổ sai”.

Sau khi bị đưa từ Hòn Cau về *banh 2*, đồng chí Phạm Văn Đồng rất tích cực tham gia vào những hoạt động chung của những người tù cộng sản. Đồng chí được anh em bầu vào ban lãnh đạo *banh 2* và luôn là một trong những người đi đầu trong các cuộc đấu tranh với bọn xếp *banh cai ngục*, đòi cải thiện chế độ giam cầm cùng với những người tù cộng sản *banh 1* đấu tranh chống chế độ khổ sai, chống đánh đập tù nhân.

Sau cao trào Xôviết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng. Chúng đã bắt và đưa ra Côn Đảo nhiều chiến sĩ cách mạng, trong đó có một số chiến sĩ giàu kinh nghiệm thực tiễn, có trình độ lý luận. Ban lãnh đạo *banh 2* nhờ đó được củng cố thêm. Các đồng chí Phạm Hữu Lầu, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng đã có nhiều đóng góp trong quá trình tổ chức và lãnh đạo tù nhân. Sau nhiều lần đấu tranh, bọn chúa

ngục Côn Đảo buộc phải chấp nhận yêu sách của tù nhân như được nhận thư từ, sách báo, được tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Nhờ sự giúp đỡ của một số lính canh, của một số thủy thủ và nhân viên tiền bộ ở bưu điện, nhà thương, nhà đèn, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí ta đã nhận được khá nhiều tác phẩm lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Chống Duyrinh*, nhiều tập của bộ *Tư bản* và một số tác phẩm của V.I.Lênin do Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp xuất bản bằng tiếng Pháp. Sách báo được những người tù khổ sai bí mật tiếp nhận rồi chuyển qua những cơ sở ở nhà bếp, sở tải và một số gác ngục có cảm tình. Khi bọn thực dân buộc phải công nhận cho tù chính trị được đọc sách báo tiếng Pháp được nhận sách báo thư từ thì gia đình và các đồng chí trong đất liền gửi ra nhiều sách báo bằng tiếng Pháp làm phong phú thêm tủ sách lý luận của các chiến sĩ cộng sản.

Đồng chí Phạm Văn Đồng luôn là một trong những người say mê đọc sách báo và có nhiều đóng góp trong việc giúp đỡ các đồng chí trong tù học tập văn hóa, lý luận. Đồng chí đã lược dịch và tóm tắt một số tác phẩm kinh điển rồi giảng giải lại cho các đồng chí khác. Hình ảnh một người tù cao gầy, hơi đen khi cầm quyển sách, khi cắp sau lưng đã ăn đậm trong ký ức nhiều đồng chí cùng thời¹.

Hình thức học tập của những người tù Côn Đảo rất phong phú: tự đọc sách, thảo luận về những vấn đề lý luận phức tạp hoặc quay quần nghe giảng giải những vấn đề lý luận. Đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Bùi Công Trùng là hai giảng viên chủ yếu phân công nhau đọc kỹ một số tác phẩm kinh điển rồi giới thiệu những nội dung chủ yếu cho anh em nghe, sau đó trình bày kỹ từng chương, từng phần, từng đoạn, giải nghĩa từng câu, từng ý rồi cùng thảo luận. Mỗi bài học được liên hệ với cách mạng Việt Nam để rút ra những điều vận dụng thực tiễn.

¹ Hồi ký của đồng chí Nguyễn Tuấn Thức - cựu tù nhân Côn Đảo cùng thời gian với đồng chí Phạm Văn Đồng, Tư liệu Viện Hồ Chí Minh.

Từ những buổi thảo luận này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tự nâng cao trình độ lý luận và học tập được rất nhiều về kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, về những chủ trương, đường lối của Đảng.

Để phổ biến nội dung học tập và những vấn đề về lý luận cơ bản, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng với đồng chí Bùi Công Trừng được các đồng chí ta phân công phụ trách việc ra Tạp chí *ý kiến chung*, viết trên giấy học trò khổ 13x10 cm. Tuy không ra đều kỳ, nhưng mỗi số đều có các phần tin tức, bình luận, xã luận và nghiên cứu lý luận. Tạp chí được bí mật chuyển tay nhau dưới dạng những bức thư gửi vào các khám.

Cùng với việc ra Tạp chí *ý kiến chung*, các đồng chí ta còn tổ chức việc ra tờ báo *Người tù đò* do đồng chí Nguyễn Văn Cừ phụ trách. Tạp chí *ý kiến chung* và báo *Người tù đò* được “xuất bản” trong tù có ý nghĩa rất to lớn, thể hiện tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ cộng sản, góp phần hướng dẫn những người tù cộng sản ở Côn Đảo học tập và đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc. Tinh thần chiến đấu và tấm gương sáng của những người tù cộng sản đã có tác động lớn đến sự phân hóa trong nội bộ tù nhân Quốc dân Đảng. Ngày càng nhiều những người yêu nước trong hàng ngũ Quốc dân Đảng nghiêng hẳn về lập trường vô sản như các đồng chí Trương Dân Bảo, Nguyễn Phương Thảo, Trần Xuân Độ, Nguyễn Đức Chính, Trần Huy Liệu, Tô Chấn, Tô Hiệu... Nhiều người trong số họ sau này đã trở thành những đảng viên cộng sản kiên cường, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.

Trong khi cuộc đấu tranh của những người tù cộng sản đang phát triển ở Côn Đảo thì tình hình trong nước và trên thế giới có những chuyển biến lớn, Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh được thành lập ở một số nước, trong đó có Mặt trận nhân dân Pháp. Tháng 1-1936, Mặt trận công bố cương lĩnh tranh cử, đặt lên hàng đầu khẩu hiệu *Đặc xá tù chính trị*.

Ở Việt Nam, phong trào vận động thành lập Mặt trận dân chủ do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo cũng đang phát triển mạnh mẽ.

Nắm bắt sự biến chuyển của tình hình, những người tù cộng sản ở Côn Đảo đã kịp thời động viên anh em ra sức học tập hơn nữa nhằm nâng cao trình độ, để có dịp trở về hoạt động, cống hiến được nhiều hơn cho Đảng và cách mạng.

Để đối phó với tình hình, chính quyền phản động thuộc địa ráo riết chống lại phong trào cách mạng đang dâng cao ở Đông Dương. Đầu năm 1936, tên bạo chúa Buvie được điều từ Pháp sang làm quản đốc Nhà tù Côn Đảo đã ra lệnh xóa bỏ những quyền mà tù nhân đã giành được trong các cuộc đấu tranh dưới thời Quản đốc Coremandi (1935) và đàn áp thẳng tay, nhất là đối với những người tù cộng sản.

Những người tù cộng sản quyết định phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ tàn bạo của quản đốc Buvie, đòi đặc xá tù chính trị.

Ngày 18-3-1936, đồng chí Phạm Hùng thay mặt các đồng chí bị giam ở *banh 1* đưa yêu sách của tù nhân cho quản đốc. Buvie ra lệnh đánh đập rất dã man đồng chí Phạm Hùng và bắt đồng chí giam vào xà lim. Một phong trào đấu tranh rộng khắp của tù nhân bùng lên mạnh mẽ. Tất cả tù nhân các khám đổ ra cửa hô vang khẩu hiệu: Đả đảo Buvie! Đả đảo khủng bố! Đả đảo chế độ cầm cố! Phải thả hết tù chính trị!

Buvie trực tiếp chỉ huy đàn áp cuộc đấu tranh của những người tù. Hàng trăm người bị thương, nhưng các đồng chí ta quyết không lùi bước. Toàn bộ tù nhân ở *banh 1* đồng loạt tuyệt thực để phản đối khủng bố và đòi các quyền lợi chính đáng đã ghi trong yêu sách. Cuộc tuyệt thực kéo dài 9 ngày ở các khám tù cầm cố, 6 ngày ở các khám tù khổ sai và đã giành được thắng lợi. Buvie và bọn cai ngục phải nhượng bộ.

Phong trào đấu tranh với những ngày tuyệt thực, những cuộc hò la tuy chỉ diễn ra ở hòn đảo hiu quạnh nhưng đã vọng vào đất liền khiến bọn thống trị phải chi thị cho quản đốc Nhà tù Côn Đảo cải thiện chế độ nhà tù¹.

Tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền do Lêông Blum, lãnh tụ Đảng Xã hội làm Thủ tướng. Ra đời trong lúc phong trào nhân dân đấu tranh chống phát xít lên cao, Chính phủ Pháp đã thi hành một số chính sách về quyền lợi cho quân chúng lao động ở chính quốc và các thuộc địa.

¹ Trên báo chí của Đảng ta viết bằng tiếng Pháp và báo của Đảng Cộng sản Pháp lúc đó đăng tin về cuộc đấu tranh, lên án chế độ nhà tù của Pháp ở Côn Đảo, coi bọn chúa ngục như bọn buôn nô lệ châu Phi.

Theo Cương lĩnh tranh cử của Mặt trận nhân dân Pháp, Chính phủ Pháp đã ra lệnh trả tự do cho một số tù chính trị ở các thuộc địa.

Tháng 7-1936, quản đốc Buvie buộc phải trả tự do cho Phạm Văn Đồng, nhưng ghi vào hồ sơ của đồng chí trước khi đưa về đất liền với những lời hăm dọa: Không nên cho nó về trước, việc phóng thích anh ta là một nguy hiểm cho quốc gia¹.

Được trả lại tự do, Phạm Văn Đồng dự định ở lại Sài Gòn để bắt liên lạc với Đảng và tiếp tục hoạt động. Nhưng ý định đó không thực hiện được vì đồng chí bị nhà cầm quyền coi là “một phần tử nguy hiểm”.

Ngày 14-7-1936, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định số 3352 trả tự do cho đồng chí Phạm Văn Đồng kèm theo điều kiện đưa về quê và giao cho chính quyền địa phương quản thúc. Một dự định, kế hoạch hoạt động trong điều kiện mới đã được Phạm Văn Đồng phác thảo.

3. Những hoạt động trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương

Bảy năm bị cầm tù, đầy ải ở Côn Đảo đã làm sức khỏe của Phạm Văn Đồng suy giảm nhiều. Bệnh phổi mắc hồi ở Quảng Châu lại tái phát. Đồng chí phải nghỉ chữa bệnh một thời gian tại Mộ Đức. Theo lệnh của nhà cầm quyền, mật thám vẫn ngày đêm theo dõi mọi việc làm của đồng chí. Để che mắt chúng, Phạm Văn Đồng về ở nhà người anh ruột, nhận dạy học một vài em nhỏ, các cháu con những người anh và tìm cách liên lạc với tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi.

Đầu tháng 9-1936, tại đình làng Thiết Trường, huyện Mộ Đức, dưới danh nghĩa Ủy ban lâm thời Đông Dương Đại hội chi nhánh Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức buổi gặp mặt các cựu chính trị phạm thảo luận việc tổ chức Đông Dương Đại hội ở địa phương². Tới dự buổi gặp mặt này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã bí mật liên lạc được với tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi. Hơn hai tháng sau, ngày 28-11-1936, tại chùa Thiên Ân, huyện Sơn Tịnh, Tỉnh ủy Quảng Ngãi mời đồng chí tham dự cuộc họp thành lập Ban Liên lạc chính trị

¹ Hồi ký của Phạm Văn Đồng viết cho gia đình. In trong *Phòng tiếp khách phía Tây*, Nxb. Thanh niên, 2001, tr.98.

² Ngày 15-9-1936, Chính quyền thuộc địa đã ra sắc lệnh giải tán các ủy ban hành động Đông Dương Đại hội. Để tránh phong trào quần chúng rơi vào thế bất hợp pháp, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định tạm ngừng các hoạt động này.

phạm ở địa phương và quyết định tiếp tục việc xuất bản bí mật tạp chí *Đỏ* và một số tài liệu hướng dẫn công tác Đảng. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết một số bài cho tạp chí *Đỏ* như *Tình hình quốc tế và sự chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; Những đảng viên cộng sản và những người dân chủ phải làm gì; Bộ mặt thật của bọn Tờrốtkit v.v..*¹.

Vượt qua sự theo dõi, rình rập của kẻ thù, tuy đang bị quản thúc, nhưng Phạm Văn Đồng đã liên lạc được với Đảng và tiếp tục những hoạt động cách mạng với niềm tin vào con đường và lý tưởng mình đã lựa chọn.

Đầu năm 1937 Phạm Văn Đồng quyết định ra Hà Nội. Đồng chí nghĩ rằng ở Hà Nội việc chấp nối với tổ chức Đảng và hoạt động sẽ thuận lợi hơn. Để đánh lạc hướng bọn mật thám, đồng chí lên tàu ở ga Vạn Tây đi Nha Trang, sau đó từ Nha Trang đi Hà Nội.

Tới Hà Nội, đồng chí đã tìm gặp lại một số bạn tù cũ là Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Tuấn Thúc và đến ở nhờ nhà ông Phạm Quang Chúc ở phố Cầu Gỗ gần hồ Hoàn Kiếm. Ông Chúc là tù nhân Quốc dân Đảng ở Côn Đảo vừa được trả tự do và là người có cảm tình với những người tù cộng sản.

Để tránh sự nhòm ngó của mật thám và để kiếm kế sinh nhai, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Tuấn Thúc cùng ông Phạm Quang Chúc mở hiệu bán kem. Hàng ngày, gia đình ông Chúc làm kem, ông Cương và ông Thúc bán hàng hoặc chạy bàn. Đồng chí Phạm Văn Đồng vừa làm tại hiệu kem, vừa dành thời gian đọc sách báo và tìm hiểu tình hình.

Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã họp Hội nghị tại Thượng Hải dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hồng Phong, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương vừa đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản về. Xuất phát từ đặc điểm tình hình ở Đông Dương và thế giới, vận dụng Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị khẳng định rõ chiến lược cách mạng Việt Nam vẫn là cách mạng dân tộc dân chủ với hai nhiệm vụ là giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân, đánh đổ chính quyền thực dân phong kiến, dựng nên

¹ Tạp chí *Đỏ* ra mỗi tháng một kỳ, mỗi kỳ 500 bản và được in ẩn tại Trường An (Ba Tơ). Tạp chí *Đỏ* ra số đầu tiên vào tháng 9-1936; sau khi ra số 3 (11-1936) thì bị lộ phải đình bản. Theo *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nghĩa Bình xuất bản, 1985, tr.114, 117.

chính quyền công nông, chuẩn bị điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng trước mắt Đảng phải phát động quần chúng đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống, tạo tiền đề để đưa cách mạng tiến lên. Hội nghị cũng chỉ rõ đối tượng của cách mạng vẫn là thực dân Pháp và giai cấp địa chủ phong kiến. Song, kẻ thù chủ yếu, trước mắt cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai. Hội nghị đề ra những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tôn giáo, các dân tộc xứ Đông Dương; chuyển các hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh nửa công khai, nửa hợp pháp; phải làm cho Đảng mở rộng liên hệ với quần chúng để tuyên truyền, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp.

Cùng với việc lãnh đạo các cuộc đấu tranh về kinh tế, chính trị, Đảng đã rất chú trọng công tác tuyên truyền cổ động, tăng cường hoạt động báo chí công khai. Tranh thủ điều kiện được xuất bản công khai, nhiều tờ báo của Đảng, của Mặt trận dân chủ Đông Dương đã ra đời. Tuy không có tờ báo nào tồn tại được lâu do sự kiểm duyệt gắt gao của nhà cầm quyền, nhưng tờ này bị đóng cửa, tờ khác lại nối tiếp ra đời. Ngoài những tờ báo bằng tiếng Pháp còn có một số tờ báo ra bằng tiếng Việt. Báo chí cách mạng và yêu nước tập trung phản ánh tình cảnh đau khổ, bị áp bức, bóc lột của các tầng lớp nhân dân Đông Dương dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến tay sai; nêu lên những nguyện vọng của quần chúng về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; phổ biến tin tức và kinh nghiệm, hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và đấu tranh chống mọi thủ đoạn của kẻ thù vu cáo, xuyên tạc Đảng Cộng sản; vạch mặt bọn tòrottít giả danh cách mạng.

Không khí chính trị sôi nổi ở Hà Nội lúc đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng chí Phạm Văn Đồng liên lạc với tổ chức Đảng, với nhóm trí thức yêu nước như Đặng Thai Mai, Hoàng Minh Giám, Võ Nguyên Giáp... là những người có

liên hệ trực tiếp với tổ chức Đảng thông qua các báo *Tin tức, Le Travail, Notre voix...* Đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết một số bài cho các báo này, ký bút danh Đông Tây, nhiều bài không ký tên. Những hoạt động của đồng chí Phạm Văn Đồng ở Hà Nội không tránh được sự theo dõi của mật thám Pháp. Ngày 15-3-1937, đồng chí bị gọi lên sở mật thám và được thông báo phải rời khỏi Hà Nội. Gần một tháng sau, ngày 12-4-1937, Phạm Văn Đồng lại bị gọi lên sở mật thám lần nữa để nhận Nghị định số 1852 của Thống sứ Bắc Kỳ trục xuất đồng chí khỏi Hà Nội. Ngay ngày hôm sau, đồng chí bị mật thám giải về Quảng Ngãi và tiếp tục bị quản thúc.

Ba ngày sau khi Thống sứ Bắc Kỳ ra lệnh trục xuất Phạm Văn Đồng, ngày 16-4-1937, báo *Le Travail* đã in bài phản đối nhà cầm quyền thực dân trong việc đối xử bất công với đồng chí. Với nhan đề *Đồng chí Phạm Văn Đồng của chúng ta bị trục xuất về Trung Kỳ*, Báo *Le Travail* viết: Theo Nghị định ngày 12-4 của ông Thống sứ, đồng chí Phạm Văn Đồng của chúng ta bị trục xuất về Trung Kỳ. Ông Đồng là một người tù chính trị được tha vừa từ Côn Đảo trở về. Sau khi nhận được giấy báo của ông hiệu trưởng một trường tư thực tại Hà Nội, ông đã được phép đến Hà Nội để dạy thư. Mặt khác vừa đến Thủ đô Bắc Kỳ, ông đã cùng một vài người bạn mở một hiệu buôn.

Không còn trông chờ gì vào chính quyền độc đoán, ngày 15-3, ông Đồng bị gọi lên sở mật thám và nhận được thông báo bị trục xuất.

Vẫn như mọi khi, lần này cũng không có lý do.

Trước khi bị bắt, ông Đồng là thầy giáo. Chừng nào còn phải sống ở trong quê thì ông Đồng sẽ bị tước hết mọi kế sinh nhai. Những quyền lợi sống còn ấy của một người tù chính trị được tha không hề được Chính phủ thuộc địa lưu ý¹.

Bài báo trên đây đã góp phần cùng dư luận lên tiếng phản đối hành động của nhà cầm quyền ủng hộ Phạm Văn Đồng và các trí thức tiến bộ.

Phải về quê, đồng chí Phạm Văn Đồng làm đơn phản kháng lên nhà cầm quyền địa phương đòi được tự do cư trú và tự do hành nghề. Tháng 8-1938, đồng chí đã trực tiếp gặp Công sứ Pháp ở Quảng Ngãi và nói rõ:

¹ Báo *Le Travail*, số 6, ngày 16-4-1937.

Đổi xử với tôi như thế là bất công, đưa tôi về đây tôi biết sinh sống thế nào? Tôi đề nghị được ra Hà Nội. Công sứ Quảng Ngãi đã viết cho Thống sứ Bắc Kỳ một bức thư ngắn, đại ý, người này không thể sống được ở quê, cho anh ta ra Hà Nội vì anh ta cam kết không hoạt động chính trị nữa”.

Thống sứ Bắc Kỳ đã đồng ý với đề nghị của Công sứ Quảng Ngãi, cho Phạm Văn Đồng ra Hà Nội, nhưng chỉ được phép ở có thời hạn và phải thường xuyên trình diện. Cuối tháng 8-1938, đồng chí Phạm Văn Đồng trở lại Hà Nội. Lúc đầu đồng chí thuê nhà ở phố Charron (nay là phố Mai Hắc Đế), sau đó thuê một căn nhà nhỏ ở làng Yên Phụ (gần hồ Trúc Bạch). Đồng chí tìm gặp lại nhóm trí thức tiến bộ và xin dạy học tại một trường tư thục. Nhưng khi trả lương, lại bị trường này lấy cớ có danh sách ở sở mật thám và quyết tiền; đồng chí lại phải xin dạy ở một trường khác¹. Hàng ngày sau giờ lên lớp, đồng chí đọc sách báo, tìm hiểu tình hình và tiếp tục viết bài cho một số tờ báo của Đảng xuất bản công khai ở Hà Nội.

Bước sang năm 1939, Chính phủ Pháp ngày càng nghiêng về phía hữu bất đầu thi hành lại các chính sách phản động và phát xít. Ở Đông Dương chính quyền thuộc địa lại tiến hành đàn áp phong trào dân chủ. Trước sự biến động của thời cuộc, Đảng ta đã kịp thời chỉ thị cho các bộ phận hoạt động công khai phải chuẩn bị rút vào hoạt động bí mật để tránh tổn thất do chính sách bắt bớ, khủng bố của địch gây ra.

Buổi chiều một ngày cuối tháng 9-1939, đồng chí Phạm Văn Đồng có một cuộc hẹn quan trọng với đồng chí Nguyễn Văn Cừ trên đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên). Tuy chưa biết đồng chí Nguyễn Văn Cừ được giao trọng trách Tổng Bí thư của Đảng, nhưng đồng chí đoán chắc Nguyễn Văn Cừ là một trong những người lãnh đạo chủ chốt. Với sự khâm phục, kính trọng và tin tưởng người bạn tù cũ, Phạm Văn Đồng thẳng thắn nêu nhiều câu hỏi về tình hình trong nước và thế giới, đưa ra những nhận xét về kết quả của việc Đảng hoạt động công khai. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ biết rõ năng lực và sự nhạy cảm trong các nhận xét của Phạm Văn Đồng, hiểu rõ lòng khát khao được hoạt động trong đội ngũ của Đảng của đồng chí. Cuộc gặp gỡ như tiếp thêm sinh khí cho Phạm Văn Đồng. Đồng chí phấn khởi khi biết rằng mình vẫn được Đảng tin

tướng¹, sẽ được gặp lại người thầy cách mạng mà đồng chí vẫn mong gặp lại: lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trước khi lên đường vào Nam chuẩn bị Hội nghị Trung ương 6, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã thông báo cho Xứ ủy Bắc Kỳ và chi thị Xứ ủy bố trí đưa các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đi Côn Minh. Một giai đoạn mới trong cuộc đời cách mạng của đồng chí Phạm Văn Đồng sắp bắt đầu.

II. THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945)

1. Giai đoạn hoạt động ở miền Nam Trung Quốc

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, ngày 3-9-1939 hai nước Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai chính thức bùng nổ tại châu Âu. Ở Đông Dương, chế độ phát xít thuộc địa thực tế đã ra đời và ban bố những chính sách hết sức phản động, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, ra sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương. Những thành quả mà Đảng và quần chúng yêu nước giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ đang đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu. Một cuộc vỡ vét sức người, sức của quy mô lớn để cung cấp cho chiến tranh được giới cầm quyền tập trung thực hiện.

Chủ động đối phó với tình hình, ngay khi chiến tranh sắp bùng nổ, Đảng ta đã kịp thời chỉ thị cho các cấp ủy đảng, các cán bộ đang hoạt động công khai nhanh chóng rút vào bí mật.

Trong các ngày từ 6 đến 8-11-1939, Hội nghị Trung ương 6 đã họp tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Tiên lượng về diễn biến của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai và sự biến chuyển của tình hình cách mạng Đông Dương, Hội nghị nhận định *những chính sách của Đảng thời kỳ Mặt trận dân chủ hiện thời không còn thích hợp nữa*. Do vậy, chính sách của Đảng phải thay đổi cho phù hợp. Hội nghị nhấn mạnh: “Cách mệnh phản đế và điền địa là hai cái máu chốt của cách mệnh tư sản dân quyền. Không giải quyết cuộc cách mệnh thuộc địa thì không giải quyết được cách

¹ Theo Hồi ký của Phạm Văn Đồng, viết cho gia đình. In trong Phòng tiếp khách phía Tây, Sđd, tr.98.

mệnh phản đế. Trái lại, không giải quyết được cách mệnh phản đế thì không giải quyết được cuộc cách mạng điền địa. Cái nguyên tắc chính ấy không bao giờ thay đổi được, nhưng nó phải ứng dụng mọi cách khôn khéo để thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”¹. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Xuất phát từ nhận định khoa học, chính xác tình hình phân hóa và mâu thuẫn giai cấp ở Đông Dương, về nguyện vọng cấp thiết của các tầng lớp nhân dân, Hội nghị xác định: “lực lượng chính của cách mệnh là công nông, dựa vào các lớp trung sản thành thị, thôn quê và đồng minh trong chốc lát hoặc trung lập giai cấp tư sản bốn xứ, trung tiểu địa chủ. Mặt trận ấy phải dưới quyền chỉ huy của vô sản giai cấp”². Những quan điểm của Hội nghị như “chỉ tịch ký ruộng đất của địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, về hai giai đoạn của cách mạng tư sản dân quyền, về vấn đề bạo lực cách mạng giành chính quyền, đưa ra khẩu hiệu lập *Chính phủ liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương* thay cho khẩu hiệu lập *Chính phủ xôviết công nông binh*, khôi phục nền độc lập ở Đông Dương trên cơ sở quyền tự quyết của mỗi dân tộc thể hiện rõ sự nhạy bén, sáng tạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và Trung ương Đảng.

Khoảng tháng 4-1940, Xứ ủy Bắc Kỳ đã họp ở làng Mọc, Nhân Chính, Từ Liêm, Hà Nội và ở làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông để thảo luận và bàn các biện pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6. Tại các Hội nghị này, đồng chí Hoàng Văn Thụ - Bí thư Xứ ủy đã thông báo việc quyết định cử các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp sang Côn Minh (Trung Quốc) hoạt động, chấp nối liên lạc với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc. Đồng chí Bùi Đức Minh được Ban lãnh đạo Xứ ủy cử làm giao liên đưa hai đồng chí đi Côn Minh³.

Khoảng đầu tháng 5-1940, theo bố trí của đồng chí Bùi Đức Minh, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp hẹn gặp nhau tại quán cơm nhỏ trên đường Yên Phụ, gần nơi ở của đồng chí Phạm Văn Đồng. Sáng hôm sau, hai

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.6, tr.536,

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.6, tr.540.

³ *Hồi ký của đồng chí Đào Duy Kỳ*, Tư liệu Viện Hồ Chí Minh.

đồng chí ra ga Đầu Cầu lên xe lửa đi Yên Bái và nghỉ đêm ở đây chờ đồng chí Bùi Đức Minh đi chuyển tàu sau. Ba đồng chí tiếp tục lên tàu đi Lào Cai, qua Hà Khẩu lên Côn Minh; các đồng chí Vũ Anh, Phùng Chí Kiên được liên lạc báo trước đang chờ đón sẵn¹. Hai đồng chí đóng giả là những Hoa kiều sống ở nước ngoài mới trở về và ở cùng với các đồng chí Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lĩnh. Tại Côn Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cuối tháng 5-1940, Ban lãnh đạo Hải ngoại đã bố trí để các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp bí mật gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Thủy Hồ (Côn Minh). Tại cuộc gặp này, các đồng chí đã báo cáo với đồng chí Nguyễn Ái Quốc tình hình và hoạt động của các đồng chí trong nước, được đồng chí Nguyễn Ái Quốc thông báo và giải thích về cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, về thủ đoạn hai mặt của Quốc dân Đảng Trung Hoa. Sự giải thích cặn kẽ, dễ hiểu của Người làm các đồng chí càng nhận thức rõ nhiệm vụ của mình. Được gặp lại Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, được làm việc bên Người và sau này là cộng sự của Người, đồng chí Phạm Văn Đồng coi đó là *“cơ hội và dịp may lớn thứ ba trong cuộc đời mình”*².

Để chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho phong trào, đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Ban Hải ngoại của Đảng đã giới thiệu các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Cao Hồng Lĩnh đi học Trường Quân chính Diên An (Trường Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc).

Tháng 6-1940, sau khi phá vỡ tuyến phòng thủ Maginô của nước Pháp ở dọc bên giới, quân phát xít Hítler ào ạt tiến công nước Pháp. Ngày 14-6, Pari thất thủ. Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pháp nhục nhã đầu hàng, Chính phủ Pétan ở Visi trở thành chính phủ bù nhìn của Hítler. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định hoãn việc đi Diên An của các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Cao Hồng Lĩnh. Người chỉ thị cho Ban Hải ngoại khẩn trương bắt liên lạc với trong nước, gấp rút chuẩn bị rút các cán bộ đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc về nước công tác, thông báo gấp cho các

¹ Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, H.1977, tr.21-22.

² Phạm Văn Đồng: *Nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh*, Tư liệu Viện Hồ Chí Minh.

đồng chí tập trung về Liễu Châu. Tại Liễu Châu, sau khi nghe các đồng chí trong Ban Hải ngoại báo cáo tình hình hoạt động của Hội Việt Nam độc lập đồng minh (do cụ Hồ Học Lãm thành lập năm 1935), mối quan hệ của Hội với chính quyền địa phương và kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” của Quốc dân Đảng Trung Hoa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định phải sớm tìm cách về nước. Để tạo thế hợp pháp, Nguyễn Ái Quốc và Ban Hải ngoại đã vận động cụ Hồ Học Lãm xin phép nhà đương cục Trung Quốc lập *Văn phòng đại diện của Việt Nam cách mạng đồng minh Hội ở nước ngoài*¹ do cụ là Chủ nhiệm; đồng chí Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt) là Phó Chủ nhiệm Văn phòng có nhiệm vụ giao dịch với nhà đương cục quốc dân Đảng Trung Hoa, nhưng mục tiêu chính là tập hợp lực lượng và các tổ chức yêu nước ở miền Nam Trung Quốc, không để Quốc dân Đảng Trung Hoa và những người Việt Nam giả danh cách mạng lôi kéo, lừa bịp; cố gắng tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của chính quyền Tưởng Giới Thạch đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam; củng cố đường dây liên lạc giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng quốc tế, nhất là với cách mạng Trung Quốc.

Được cụ Hồ Học Lãm giới thiệu, Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng) đã có một số cuộc gặp gỡ với Lý Tế Thâm - Chủ nhiệm Tây Nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch, với các nhà đương cục địa phương của Quốc dân Đảng. Nhận được báo cáo về việc này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lưu ý: “Việc giao dịch với Quốc dân Đảng Trung Hoa không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao không cho chúng cản trở công việc của ta. Phải hết sức giữ bí mật. Về việc Hoa quân nhập Việt, đừng chỉ nhìn thấy mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta. Còn quân đội Tưởng Giới Thạch dù có vào Việt Nam để đánh Nhật cũng chỉ là đồng minh tạm thời. Về bản chất, chúng vẫn là kẻ thù. Phải thấy hết tính chất phản động của nó, nếu không thấy thì nguy hiểm. Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn”².

Theo thư giới thiệu của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Phạm Văn Đồng còn có một số cuộc gặp gỡ với một số trí thức Trung Quốc để vận động thành lập

¹ Trước đây thường gọi là Việt Nam độc lập đồng minh Hội, Hải ngoại Biện sự sứ.

² Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.36-37.

Trung - Việt Văn hóa công tác đồng chí Hội. Ngày 8-12-1940, tại Câu lạc bộ Lạc Quần, Trung - Việt Văn hóa công tác đồng chí Hội chính thức ra mắt. Đồng chí Phạm Văn Đồng được cử vào Ban Chấp hành Hội. Thông qua những hoạt động của Hội, quần chúng cách mạng Trung Quốc đã hiểu thêm về lịch sử - văn hóa của Việt Nam và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Ngày 28-1-1941, sau khi bắt liên lạc được với Trung ương Đảng ở trong nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc và đa số cán bộ trong Ban Hải ngoại trở về hoạt động trong nước. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác tiếp tục ở lại Liễu Châu và Tĩnh Tây hoạt động. Nhiệm vụ của các đồng chí là bí mật duy trì mối quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, tổ chức mua thuốc men, vũ khí chuyển về nước; tiếp tục duy trì cơ quan Biện sự sứ để quan hệ với chính quyền địa phương Quốc dân Đảng Trung Hoa.

Từ cuối năm 1940, khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, chính quyền Tưởng Giới Thạch ráo riết chuẩn bị kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Dựa vào sự giúp đỡ của chính quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa, một số người Việt Nam trong các tổ chức *Phục quốc*, *Việt Nam Quốc dân Đảng* sống lưu vong ở Trung Quốc đã tuyên bố thành lập *Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên Hội* để lôi kéo, lừa bịp người Việt Nam ở Nam Trung Quốc; xin viện trợ của Đồng minh; làm tình báo cho Tưởng khi Hoa quân nhập Việt.

Nắm rõ tình hình trên, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí ta đã bí mật báo cáo về nước và nhận được chỉ thị: Phải khéo vận động để hợp nhất hai tổ chức *Việt Nam độc lập đồng minh Hội* và *Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên Hội*, hạn chế sự phá hoại của bọn giả danh cách mạng. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia Ban Trù bị thành lập *Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh Hội* (gọi tắt là *Hội Giải phóng*).

Tháng 4-1941, Đại hội thành lập *Hội Giải phóng* được tổ chức tại Tĩnh Tây, Quảng Tây. Nhờ sự khéo léo của các đồng chí ta, Cương lĩnh của *Hội Giải phóng* được Đại hội thông qua vừa không làm nhà đương cục Quốc dân Đảng Trung Hoa phật ý, vừa tạo thêm thế hợp pháp cho các đồng chí ta. Cương lĩnh có đoạn viết: “Đoàn kết với mọi người đối xử bình đẳng với chúng tôi, đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Trung Hoa nhằm đánh bại đế quốc Pháp và phát xít Nhật, hoàn

thành sự nghiệp giành độc lập, tự do và bảo toàn lãnh thổ cho nước Việt Nam. Thành lập nước cộng hòa Việt Nam của dân, do dân và vì dân theo đúng tinh thần của chủ nghĩa Tam dân giúp Trung Hoa thực hiện đường lối kháng chiến và tái thiết nước nhà trên cơ sở nguyên tắc tương trợ Việt - Trung”¹.

Cụ Hồ Học Lãm, Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng), Dương Hoài Nam (bí danh của Võ Nguyên Giáp) và một số đồng chí ta được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Hội và các ban trực thuộc như Ban Chính vụ, Ban Quân sự...

Sau khi *Hội Giải phóng* ra đời, các hoạt động hợp pháp của các đồng chí ta đã được tăng cường. Đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí đã tiến hành việc xuất bản báo *Giải phóng* phát hành tại một số địa phương ở miền Nam Trung Quốc và gửi về nước. *Hội Giải phóng* còn đề nghị được cử cán bộ trong nước sang học các trường quân sự ở Điền Đông, Quế Lâm, Nam Ninh và được chính quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa chấp nhận. Thông qua báo *Giải phóng* và hoạt động của *Hội Giải phóng*, bộ mặt thật của những người giả danh cách mạng bị vạch trần.

Để tránh sự khủng bố của thực dân Pháp, hơn 40 thanh niên yêu nước ở Cao Bằng phải tạm lánh sang miền Nam Trung Quốc và tìm cách bắt liên lạc với các tổ chức yêu nước của người Việt Nam. Các đồng chí ta đã báo cáo tình hình trên với đồng chí Nguyễn Ái Quốc - khi đó đang ở Tĩnh Tây. Người đã chỉ thị: Phải tìm mọi cách không để bọn giả danh cách mạng lừa bịp và lôi kéo anh em; phải tổ chức và huấn luyện cho anh em. Người nói rõ, đây là một cơ hội tốt để bắt liên lạc với trong nước.

Nhận được chỉ thị, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí ta gấp rút trở về Tĩnh Tây. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, v.v. khẩn trương biên soạn chương trình huấn luyện và các bài giảng. Các bài giảng sau đó được Tổng bộ Việt Minh bổ sung xuất bản thành sách *Con đường giải phóng* và dùng làm tài liệu huấn luyện cán bộ của Mặt trận Việt Minh.

¹ King C.Chen: *Vietnam and China (1938-1954)*, Princeton University, Press Princeton, New York, 1969, p.33.

Nội dung những bài giảng và cuốn sách *Con đường giải phóng* đã trang bị cho cán bộ của Mặt trận Việt Minh những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng cho cuộc vận động cách mạng, tiến tới Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám. Những nội dung được huấn luyện trong lớp học cũng là những bài học vỡ lòng cho cán bộ trong công tác xây dựng căn cứ địa Việt Bắc những năm sau đó¹.

Kết quả lớn nhất trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc trong những năm 1940-1941 là đồng chí Nguyễn Ái Quốc và một số cán bộ ta đã về nước an toàn; nhờ tích cực tuyên truyền và vận động, đa số người Việt Nam sinh sống và làm việc tại miền Nam Trung Quốc được giác ngộ, quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc, với phong trào cách mạng quốc tế nói chung được duy trì. Một số cán bộ đã trưởng thành về nhận thức và phương pháp công tác. Biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một cán bộ hoạt động tích cực của Quốc tế Cộng sản và các đồng chí ta hoạt động ở Trung Quốc là những người cộng sản, nhà đương cục Tưởng Giới Thạch vẫn phải kiêng nê².

Do bị vạch mặt và bị cô lập, một số người Việt Nam giả danh cách mạng rất tức tối và đã mật báo cho chính quyền Tưởng Giới Thạch tên thật của Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng) và Dương Hoài Nam (bí danh của Võ Nguyên Giáp). Chúng tố cáo các đồng chí là cộng sản và vu cáo là đang hoạt động chống lại Quốc dân Đảng Trung Hoa. Chúng còn sắp đặt kế hoạch, đề nghị nhà cầm quyền Quốc dân Đảng địa phương đưa các đồng chí đi Trùng Khánh “bồi dưỡng chủ nghĩa Tam dân” để bắt giữ.

Sau khi đồng chí Võ Nguyên Giáp về nước báo cáo tình hình với đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng, Phạm Văn Đồng và đa số các đồng chí ta nhận được chỉ thị và an toàn rút về hoạt động trong nước³.

¹ Cuốn sách *Con đường giải phóng* được tập hợp từ các bài giảng ở lớp huấn luyện do các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Phùng Chí Kiên biên soạn dưới sự chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hiện chưa xác minh được các phần cụ thể là của tác giả nào.

² Năm 1960, khi trả lời thư của King C.Chen (tác giả cuốn *Vietnam and China*), Trương Phát Khuê - Tư lệnh Đệ tứ chiến khu lúc đó vẫn cho rằng: “Người ta không thể phê bình tôi - vị tổng chỉ huy một chiến khu ở Trung Hoa - về quan hệ của tôi với ông Hồ Chí Minh, vì Chính phủ Trung ương ở Trùng Khánh lúc đó đang hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc và với Liên Xô”.

³ Theo Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.49-50.

2. Những hoạt động trong quá trình xây dựng Căn cứ địa Việt Bắc

Mùa xuân năm 1941, sau 30 năm đi tìm đường cứu nước và hoạt động ở nước ngoài, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 để quyết định những vấn đề quan hệ đến vận mệnh đất nước. Trên cơ sở phân tích khoa học những diễn biến của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Hội nghị nhận định: Các lực lượng Đồng minh chống phát xít mà trụ cột là Liên Xô nhất định chiến thắng, các thế lực phát xít nhất định thất bại. Về nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Hội nghị chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được, Hội nghị xác định, nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân ta là: “Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị quyết định xây dựng hai trung tâm căn cứ địa cách mạng - một ở Cao Bằng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo, một ở Bắc Sơn - Võ Nhai do Trung ương chỉ đạo. Hội nghị cũng đã quyết định tổ chức, xây dựng *Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Mặt trận Việt Minh*), với thành viên là các *Hội cứu quốc*. Sự hình thành và phát triển của Mặt trận Việt Minh đã tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

Sau Hội nghị Trung ương 8, phong trào cách mạng nước ta đã có những bước tiến vững chắc. Cùng với việc hình thành và phát triển các khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai, An toàn khu của Trung ương cũng dần dần hình thành ở các vùng xung quanh Hà Nội như Hà Đông, Bắc Ninh, Phúc Yên. Ở các tỉnh và các thành phố như Hải Phòng, Thái Bình, Sài Gòn - Chợ Lớn, Quảng Nam... phong trào cũng phát triển đều khắp. Thông qua các đoàn thể Cứu quốc và tổ chức Việt Minh địa phương, tổ chức đảng đã lãnh đạo nhiều cuộc bãi công đòi tăng lương, chống đánh đập, đòi chia lại ruộng đất công, giảm sưu thuế, đấu tranh chống khủng bố trắng của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Thấm nhuần lời dạy của V.I.Lênin: báo chí là người tổ chức, tuyên truyền đắc lực và có hiệu quả, với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động cách mạng, ba tháng sau Hội nghị Trung ương 8, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chỉ đạo việc xuất bản Báo *Việt Nam độc lập*. Số đầu tiên (đánh số 101) ra ngày 1-8-1941¹ đã được đồng bào các dân tộc Việt Bắc, các cán bộ, đảng viên hồ hởi đón nhận. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết: “Đồng bào địa phương rất thích đọc báo, vì báo viết điều gì cũng thấm thía với họ. Đồng bào còn tự động tổ chức những tổ đọc báo và bí mật đưa tin tức cho báo”². Hơn 30 số đầu tiên của Báo *Việt Nam độc lập* do Người trực tiếp phụ trách. Trong thời gian Người sang Trung Quốc và bị chính quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giam (8-1942 đến 9-1944) và cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được Người ủy nhiệm chỉ đạo tờ báo. Cùng với Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Phạm Văn Đồng là cây bút chủ yếu của Báo *Việt Nam độc lập*.

Trong thời kỳ bí mật, báo thường xuyên phải di chuyển địa điểm; vật tư, phương tiện vừa thiếu lại vừa quá thô sơ, trong khi người làm báo và cả người đọc lại luôn bị kẻ thù truy lùng và khủng bố, nhưng báo vẫn ra đều đặn. Đồng chí Phạm Văn Đồng thường nhắc nhở anh em trong cơ quan: Bác là người sáng lập ra tờ báo này để hướng dẫn quần chúng đấu tranh cách mạng. Giặc càng khủng bố, ta càng phải ra báo đều kỳ. Đến ngày 20-8-1945, Báo *Việt Nam độc lập* đã ra được 126 số, trong đó đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ đạo gần 100 số. Đây là tờ báo cách mạng có số lượng phát hành lớn thứ hai trong thời kỳ bí mật (sau báo *Thanh niên* có số lượng hơn 200 số) và là tờ báo tồn tại lâu nhất trong điều kiện Đảng ta chưa nắm chính quyền. Văn phong Báo *Việt Nam độc lập* giản dị và hàm xúc. Ngay cả các bài xã luận, chính luận cũng được tác giả thể hiện bằng những câu thơ hoặc ca dao đan xen. Lối diễn đạt đó tạo điều kiện cho người đọc dễ nhớ và nhớ lâu.

Về nội dung, Báo *Việt Nam độc lập* thường viết về những vấn đề có tính thời sự và thiết thực như tố cáo những thủ đoạn bóc lột, những tội ác dã man của

¹ Từ tháng 8-1941 đến giữa năm 1942, Báo *Việt Nam độc lập* là tiếng nói của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, sau đó là của liên tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn. Từ đầu năm 1944, là của liên tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2002, t.9, tr.419.

kẻ thù, kêu gọi đồng bào đoàn kết đánh đổ Pháp - Nhật và tay sai, giành độc lập dân tộc, vì đó là con đường duy nhất để chấm dứt đói nghèo.

Báo *Việt Nam độc lập* thường xuyên in những bài báo có nội dung giáo dục truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc, ca ngợi các vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Lợi, Quang Trung v.v.. Báo cũng thường có bài viết về kinh nghiệm lịch sử cách mạng Việt Nam như các bài *Kỷ niệm Nghệ An đỏ* (số 175, ngày 21-9-1943), bài *Khởi nghĩa Bắc Sơn* (số 178, ngày 21-10-1943), v.v..

Để phục vụ công tác xây dựng và củng cố phong trào cách mạng, Báo *Việt Nam độc lập* có các chuyên mục “*Những điều cán bộ cần biết*” hoặc “*Cột cán bộ*” với những bài cô đọng, ngắn gọn, nhằm trang bị cho cán bộ những kiến thức cần thiết về tổ chức đấu tranh chống khủng bố, những kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của các đoàn thể cứu quốc, của các ban Việt Minh địa phương. Bám sát các sự kiện chính trị và diễn biến của tình hình cách mạng, báo thường đưa tin, đăng bài viết về tình hình trong nước và quốc tế, trong đó có những bài quan trọng như: *Một sự chuyển biến ở Đông Dương, Nhật hắt cẳng Pháp ở Đông Dương và những việc cần kíp của chúng ta*. Các số 216 ngày 10-5-1945 và số 226 ngày 20-8-1945 có những bài viết về thất bại của chủ nghĩa phát xít, về thắng lợi của Liên Xô và các lực lượng Đồng minh trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, chỉ rõ thời cơ đã chín muồi và kêu gọi: toàn dân ta hãy đứng dậy khởi nghĩa, cướp ngay chính quyền, lập ngay chính phủ nhân dân”.

Trong thời gian Hồ Chí Minh sang Trung Quốc công tác và bị chính quyền Quốc dân Đảng tỉnh Quảng Tây bắt giam, Báo *Việt Nam độc lập* đã góp tiếng nói vào cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho Người. Số *Độc lập đặc san*, ra tháng 3-1943 viết: Hồ Chí Minh “một lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đại biểu của Quốc tế chống xâm lược - Phân hội Việt Nam. Mục đích của việc Người sang Trung Quốc là tới Quê Lâm để liên lạc với Đồng minh bàn việc đánh Nhật ở Việt Nam. Nhưng vừa sang tới Quảng Tây, do sự hiểu lầm của chính quyền địa phương, Hồ đại biểu mất tự do”. Trong số đặc san này, Báo *Việt Nam độc lập* còn đăng “*Thư úy lạo Hồ đại biểu*” của các đoàn thể cứu quốc trong nước. Bằng nhiều con đường khác nhau, số *Độc lập đặc san* đã

được gửi tới nhiều nguyên thủ các nước Đồng minh, các nhân sự có tên tuổi, các đoàn thể và báo chí Trung Quốc kèm theo lời kêu gọi dư luận tiến bộ đấu tranh, giúp đỡ để Hồ Chí Minh được trả tự do và trở về Tổ quốc lãnh đạo nhân dân Việt Nam chống Nhật.

Tháng 11-1943, các đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đã viết *Lời kêu gọi* (bằng tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc) qua Báo *Việt Nam độc lập* gửi tới các cơ quan thông tấn như *Quốc tế tân văn* (Trung Quốc), TASS (Liên Xô) và một số báo chí khác kêu gọi lên tiếng đòi nhà đương cục Quốc dân Đảng Trung Hoa trả tự do cho Hồ Chí Minh.

Đóng góp nhiều công sức cho việc in và phát hành báo còn có các đồng chí Vũ Anh, Phương Triều An (Thúy Bạch), Vân Trình và một số đồng chí khác. Các đồng chí cũng là tác giả của một số bài viết, nhưng phần lớn bài trên Báo *Việt Nam độc lập* là của Hồ Chí Minh và đồng chí Phạm Văn Đồng. Đồng chí Phạm Văn Đồng cho biết: “Nhận chỉ thị của Bác từ Tỉnh Tây trở về Cao Bằng, tôi được Bác phân công tham gia huấn luyện các lớp cán bộ và xây dựng phong trào Việt Minh theo kiểu vết dầu loang từ Cao Bằng sang phía Hà Giang, Tuyên Quang. Nhưng việc chính là phụ trách Báo *Việt Nam độc lập*. Bài đăng báo thì chủ yếu là do Bác và tôi viết. Bác chỉ thị viết không được ký tên, không để ai biết. Bác là người đã hoạt động cách mạng nhiều năm, có nhiều kinh nghiệm, việc giữ bí mật ở Bác là vô cùng vô tận. Bác thường nhắc tôi, không được để lại dấu vết, không để bút tích. Bài nào cần thiết yêu cầu Bác ký tên thì Bác ký, nhưng rất ít. Bác nói: hoạt động cách mạng không chỉ có mật thám trong nước mà còn có cả mật thám quốc tế luôn rình mình. Chết sống là như vậy nên phải tuyệt đối bí mật”¹.

Đầu năm 1942, đồng chí Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định mở rộng và phát triển căn cứ địa cách mạng theo ba hướng: *Hướng Nam tiến* từ trung tâm Cao Bằng phát triển xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên; *Hướng Đông tiến* phát triển sang Đông Khê, Lạng Sơn, Đông Triều; *Hướng Tây tiến* từ trung tâm Cao Bằng mở rộng sang Tuyên Quang lên Hà Giang và thông đường liên lạc với

¹ Phạm Văn Đồng nói chuyện với một số cán bộ Viện Hồ Chí Minh, Tlđđ.

Côn Minh (Trung Quốc). Đồng chí Phạm Văn Đồng được giao nhiệm vụ phụ trách hướng Tây tiến.

Cùng với Tỉnh ủy Cao Bằng, đồng chí Phạm Văn Đồng xác định hướng phát triển sang phía Tây là từ trung tâm Cao Bằng, xây dựng phong trào cách mạng sang Hà Quảng và Bảo Lạc, trọng tâm là vùng đồng bào người Dao. Đồng chí yêu cầu cán bộ tuyên truyền phải dịch tài liệu ra tiếng các dân tộc thiểu số, nội dung tuyên truyền phải nhẹ nhàng, thích hợp bằng cách đặt những câu hỏi và trả lời ngắn gọn, dễ hiểu đối với đồng bào. Cuối năm 1942, phong trào đã phát triển vào được nhiều vùng cao xa xôi. Một số vùng đã lập được ban Việt Minh xã và một số ban Việt Minh tổng (liên xã).

Tháng 2-1943, sau gần một năm rút lên vùng biên giới Việt - Trung, Ban lãnh đạo khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai đã liên lạc với Ban lãnh đạo khu căn cứ địa Cao Bằng tại Lũng Hoài (châu Hòa An, Cao Bằng). Tại đây, Hội nghị Ban lãnh đạo hai khu được tiến hành. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh và một số đồng chí khác đã tham dự Hội nghị. Căn cứ vào tình hình hoạt động của Cứu quốc quân và các bước phát triển của căn cứ địa Cao Bằng, Hội nghị đã quyết định đẩy mạnh hoạt động hơn nữa trên các hướng Nam tiến, Đông tiến, Tây tiến và mở thêm hướng Bắc tiến: Từ Bắc Sơn - Võ Nhai lên Cao Bằng và từ Định Hóa - Sơn Dương - Đại Từ lên Bắc Kạn nhằm đón các mũi Nam tiến và Đông tiến, tạo thế liên hoàn, thông suốt giữa khu căn cứ địa Cao Bằng với các căn cứ khác.

Nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, Tỉnh ủy Cao Bằng đã chủ trương tổ chức Hội nghị liên hoan các dân tộc. Đây là một hình thức sinh hoạt rộng rãi, có ý nghĩa giáo dục ý thức chính trị rất cao. Thông qua các cuộc trao đổi ở Hội nghị, đồng bào các dân tộc đã vạch trần tội ác và những thủ đoạn chia rẽ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, trao đổi kinh nghiệm tổ chức và xây dựng phong trào, đấu tranh chống khủng bố. Tháng 7-1943, đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trì Hội nghị liên hoan các dân tộc lần đầu tiên được tổ chức ở Kéo Giào (Hòa An). Tham dự Hội nghị có đông đảo đại biểu đại diện cho các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Ngái, Hoa ở Hòa An và Nguyên Bình. Tại Hội nghị, các hình thức sinh hoạt quần chúng, đọc sách báo của Đảng

và Mặt trận, quyền góp ủng hộ các chiến sĩ Cứu quốc quân và các đội tự vệ chiến đấu đã được tiến hành. Hội nghị liên hoan các dân tộc cũng đã được tổ chức ở nhiều địa phương khác và thu được kết quả tốt đẹp. Từ bước phát triển mới trong việc mở rộng căn cứ địa cách mạng trên hướng Tây tiến, Tổng bộ Việt Minh quyết định thành lập *Khu Thiện Thuật* trên địa bàn vùng núi cao các dân tộc Mông, Dao thuộc các huyện Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng, Bảo Lạc, Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng; Đồng Văn, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn và Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Thực hiện quyết định của Tổng bộ Việt Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng và Tỉnh ủy Cao Bằng đã tiến hành việc thành lập một số châu (cấp trung gian giữa tổng và xã). Ngày 15-9-1943, tại Hang Pác Á, xã Trùng Khuôn, huyện Nguyên Bình, đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trì Đại hội thành lập châu Chí Kiên. Dự Đại hội có đông đảo đại biểu Việt Minh các xã, tổng thuộc các huyện Nguyên Bình, Hòa An và một phần huyện Hà Quảng. Tiếp đó, ngày 20-9-1943, tại xã Ca Thành, huyện Bảo Lạc, đại biểu Việt Minh các huyện Bảo Lạc, Chợ Rã và phần còn lại của huyện Hà Quảng cũng tiến hành Đại hội thành lập châu Xích Long. Tại các đại hội, Ban Chấp hành Việt Minh châu đã được bầu ra. Đại biểu các địa phương, các dân tộc rất phần khởi trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng.

Trong hai ngày 24 và 25-9-1943, tại Lũng Dè, Nguyên Bình (Cao Bằng) đồng chí Phạm Văn Đồng đã chỉ đạo Đại hội thành lập *Khu Thiện Thuật*. Tham gia Đại hội có đại biểu Việt Minh các châu Chí Kiên và Xích Long; đại biểu châu Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là khách mời dự Đại hội. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Việt Minh khu gồm 11 đại biểu. Cơ quan lãnh đạo khu đóng tại xã Trùng Khuôn, huyện Nguyên Bình. Đại hội xác định: mục đích của việc thành lập Khu Thiện Thuật là để đoàn kết tất cả các dân tộc, cùng nhau đứng lên đánh đổ kẻ thù chung là thực dân Pháp và phát xít Nhật, giải phóng dân tộc. Mục đích trước mắt là tạo thế đứng chân để mở rộng căn cứ địa Cao Bằng. Khu Thiện Thuật có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Một là, đẩy mạnh hơn nữa việc động viên đồng bào các dân tộc ít người trong khu hăng hái đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đẩy mạnh công tác chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để tiến tới vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Hai là, đoàn kết tất cả các dân tộc thành một khối vững chắc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Ba là, đẩy mạnh việc khai thông đường Tây tiến liên lạc ra biên giới Việt - Trung, tạo điều kiện củng cố lực lượng làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc khởi nghĩa sau này.

Việc ra đời Khu Thiện Thuật đánh dấu bước tiến mới của hướng Tây tiến do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách. Sau Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng đã chủ trì Hội nghị Đảng Khu Thiện Thuật, quyết định thành lập chi bộ đảng đầu tiên trong khu và phân công trách nhiệm công tác cụ thể đối với từng đảng viên. Nhờ đó công tác tổ chức, huấn luyện, tuyên truyền được tiến hành sâu rộng ở các vùng đồng bào dân tộc, các đảng viên đã phát huy tốt vai trò tiên phong.

Thành công của Đại hội thành lập Khu Thiện Thuật và của Hội nghị Đảng khu đã tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong đồng bào các dân tộc. Các tổ chức Cứu quốc được củng cố thêm một bước vững chắc, công tác càng có nền nếp. Phong trào thi đua ủng hộ và gia nhập đội tự vệ chiến đấu được phát động với sự tham gia của đông đảo đồng bào các dân tộc.

Cuối năm 1943, hướng Tây tiến cơ bản được khai thông từ Hòa An (Cao Bằng) qua Năm Quét - Bảo Lạc, sang Đồng Văn - Quản Bạ (Hà Giang), đi Na Vàn, Côn Minh; chuyến vũ khí đầu tiên do cơ sở của ta từ Côn Minh gửi về nước, qua đường Tây tiến đã được chuyển về trung tâm căn cứ Cao Bằng để trang bị cho các đội tự vệ chiến đấu.

Cùng với thắng lợi của việc khai thông hướng Tây tiến, cuối năm 1943, thắng lợi của các đội Nam tiến dẫn đến sự hình thành *Khu Quang Trung* (10-1943); sự khai thông các hướng Đông tiến, Nam tiến, Bắc tiến đã nối căn cứ Cao Bằng với các khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, qua trung tâm căn cứ Đại Từ - Định Hóa - Sơn Dương - Yên Sơn và thông đường liên lạc với vùng An toàn khu của Trung ương ở miền xuôi. Đầu năm 1944, liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và Ban cán sự Việt Minh trên tỉnh được thành lập. Các khu căn cứ địa Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai... được đặt dưới sự chỉ đạo của liên Tỉnh ủy và Ban Cán sự Việt Minh liên tỉnh. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, v.v. được Trung ương cử làm đại diện của Trung ương giúp liên Tỉnh

ủy và Ban Cán sự Việt Minh liên tỉnh chỉ đạo các căn cứ địa cách mạng này. Việc khai thông giữa các căn cứ địa với khu đệm và vùng An toàn khu ở miền xuôi đã tạo thế liên hoàn cho cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa.

Tháng 10-1943, một tin mừng đến với Phạm Văn Đồng và các đồng chí ta: Hồ Chí Minh bị nhà cầm quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam hơn một năm đã được trả tự do và vẫn khỏe mạnh, bình an. Những dòng chữ Hán quen thuộc Người viết bên mép tờ *Quảng Tây nhật báo* và lời nhắn gửi “*Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình an*” làm các đồng chí hết sức xúc động. Kế hoạch đón Người trở về được gấp rút chuẩn bị.

Cuối tháng 3-1944, Phạm Văn Đồng nhận nhiệm vụ sang Liễu Châu (Trung Quốc) đón Hồ Chí Minh và cùng người dự Đại hội các đoàn thể cách mạng hải ngoại do Việt Nam cách mạng đồng minh Hội (Việt Cách) tổ chức. Đại hội đã diễn ra trong các ngày từ ngày 25 đến ngày 28-3-1944 và là cuộc tranh luận công khai giữa những đại biểu là đảng viên cộng sản và Việt Minh với những người quốc gia giả danh cách mạng. Một lần nữa bộ mặt lừa bịp, giả danh của những đại biểu “quốc gia” đã bị vạch trần.

Trở về nước, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự cuộc họp liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Các đại biểu cho rằng, tình hình cách mạng đã cho phép liên Tỉnh ủy phát động khởi nghĩa và mở rộng chiến tranh du kích. Kế hoạch chuẩn bị được ấn định phải hoàn thành trong hai tháng. Thật may mắn, tháng 9-1944, Hồ Chí Minh về nước. Sau khi nghe các đồng chí báo cáo tình hình chuẩn bị khởi nghĩa, Người chỉ thị: Phải lập tức hoãn cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất vì nhiều nơi chưa chuẩn bị đầy đủ, đặc biệt là thời cơ chưa cho phép. Sự phân tích và chỉ thị của Người được các đồng chí nghiêm chỉnh thực hiện. Cũng kể từ thời gian này, đồng chí Phạm Văn Đồng lại thường xuyên được làm việc cạnh Hồ Chí Minh và luôn là cộng sự đắc lực trong việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Đồng chí được cùng dự các cuộc trao đổi giữa Người với các đồng chí lãnh đạo Đảng, Tổng Bộ Việt Minh, Khu giải phóng, các Tỉnh ủy và liên Tỉnh ủy để bàn thảo những công việc quan trọng. Trước sự phát triển của tình hình, một số địa phương theo chủ trương của Trung ương Đảng và ủy ban khởi nghĩa đã vùng lên lật đổ chính quyền thực dân phong kiến ở địa phương. Thời cơ Tổng khởi nghĩa

đã tới, việc tổ chức Chính phủ lâm thời đặt ra rất cấp bách. Ngày 13-8-1945, tại Tân Trào (Tuyên Quang), Hội nghị toàn quốc của Đảng đã khai mạc và quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 15-8, Hội nghị toàn quốc của Đảng bế mạc thì ngay hôm sau, 16-8, cũng tại Đình Tân Trào, Đại hội Quốc dân được tổ chức với sự tham dự của 60 đại biểu, đại diện cho các đảng phái, đoàn thể, dân tộc, tôn giáo và kiều bào nước ngoài. Đại hội đã quyết định thành lập *ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam* tức Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm các thành viên:

Đồng chí Hồ Chí Minh - Chủ tịch.

Đồng chí Trần Huy Liệu - Phó Chủ tịch.

Các ủy viên gồm các vị: Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang. Ủy ban đã cử Ban Thường trực gồm các đồng chí và các vị: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền.

Đại hội quốc dân bế mạc trong không khí cả nước hừng hực khí thế cách mạng. Ngày 19-8-1945, khởi nghĩa thắng lợi ở Thủ đô Hà Nội, công việc yêu cầu càng khẩn trương hơn. Đồng chí Phạm Văn Đồng cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Hoàng Văn Thái và một số đồng chí khác đã có cuộc gặp gỡ, trao đổi về việc chuẩn bị về Hà Nội và việc cử người ở lại giúp chính quyền địa phương và đồng bào các dân tộc củng cố, bảo vệ các cơ quan, dự phòng những biến động bất trắc. Đồng chí Phạm Văn Đồng được cử ở lại thực hiện công tác quan trọng này. Ngày 21-8, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều đồng chí rời Tân Trào lên đường về Hà Nội. Ngày 23-8, khởi nghĩa thắng lợi ở Huế, ngày 25-8 khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.

Sau khi khẩn trương hoàn thành công việc, đồng chí Phạm Văn Đồng rời Tân Trào và lên đường trở về Hà Nội. Những nhiệm vụ cách mạng quan trọng đang chờ đồng chí ở Thủ đô.

PHẦN III
TRONG GIAI ĐOẠN LÃNH ĐẠO
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

1. Những tháng năm đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Cách mạng Tháng Tám thành công, Ủy ban dân tộc giải phóng do Đại hội quốc dân Tân Trào cử ra ngày 16-8-1945 trở thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Phạm Văn Đồng được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ căn cứ địa Việt Bắc, Chính phủ lâm thời chuyển về Hà Nội chuẩn bị lễ Tuyên ngôn độc lập, chính thức khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hà Nội là nơi đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại này và cũng là nơi chứng kiến những trang mới trong cuộc đời đồng chí Phạm Văn Đồng. Đồng chí có dịp gặp lại bạn bè, thăm lại những cơ sở hoạt động trong những năm 1925-1926 và 1937-1939.

Ngày 27-8-1945, đồng chí tham dự phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời tại Hà Nội, do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì ít ngày sau, thay mặt Chính phủ, đồng chí đến dự và nói chuyện với một số trí thức tiến bộ, bàn việc ra báo *La République* (in bằng tiếng Pháp)¹.

“Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” - với nhận thức ấy nhân năm học đầu tiên của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết những lời tâm huyết trong thư gửi các học sinh tiểu học và trung học nhân ngày khai trường: Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn công học tập của các em”. Để tổ chức lại hệ thống các trường cao đẳng, đại học, ngày 10-10-1945, Người ký Sắc lệnh số 45/SL thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội gồm các khoa triết lý, chính trị - xã hội, Việt Nam học, Hán học, Sử ký (Sử học), Địa dư (Địa lý) để đào tạo văn khoa đại học sĩ (cử nhân), văn khoa bác sĩ (tiến sĩ). Trường Đại học Văn khoa do Giáo sư Đặng Thai Mai làm Giám đốc, với các giảng viên là các nhà luật học, triết học, văn hóa, sử học... Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp được trường mời giảng dạy một số bài quan trọng ở lớp Cao đẳng chính trị xã hội (đồng chí Phạm Văn Đồng giảng dạy ở Khoa Hiến pháp).

¹ Báo *La République* có trụ sở tại số nhà 48, phố Quang Trung, Hà Nội, do đồng chí Lưu Văn Lợi làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Tham gia làm báo còn có các đồng chí và các vị Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tường, Xuân Diệu, Trần Đình Thọ... Báo ra hai tuần một kỳ, số 1 ra ngày 15-10-1945.

Lịch sử đã chứng kiến những năm tháng chông chênh khó khăn của cách mạng Việt Nam sau tháng 8-1945. Nền Cộng hòa dân chủ vừa khai sinh thì tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp lại nổ ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Chính những người mang danh Đồng minh đã trở thành tấm lá chắn cho hành động xâm lược đó. Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa - mang danh Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, cùng với bọn tay sai Việt quốc, Việt cách kéo về giờ thối côn đồ sách nhiễu. Thù trong, giặc ngoài cùng với giặc đói, giặc dốt bao vây, uy hiếp chính quyền cách mạng non trẻ. Chưa bao giờ cách mạng Việt Nam lại nhiều kẻ thù đến như vậy.

Trong giờ phút hiểm nghèo đó, cùng với Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo tay chèo lái đưa con thuyền cách mạng vượt qua thác ghềnh. Chống trả giặc ngoại xâm, diệt giặc dốt, giặc đói là những nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của chính quyền cách mạng. Hàng loạt chủ trương, biện pháp - kể cả những biện pháp đau đớn” nhanh chóng được thực hiện.

Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán”, nhưng thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật và vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong tình hình mới. Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* xác định: kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”; nhiệm vụ cần kíp lúc này là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”¹. Nhận định chính xác về thế và lực của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đề ra chủ trương: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài”².

Muốn kháng chiến thắng lợi phải bắt tay thực hiện ngay những công việc kiến thiết nước nhà; muốn kiến thiết thành công phải có chương trình, kế hoạch khoa học, phải tập hợp được nhân tài và phải huy động được mọi nguồn lực. Sau khi tham khảo ý kiến các nhân sĩ, trí thức, ngày 31-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh số 78/SL* thành lập *Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết*. Ủy

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2000, t.8, tr.26-27.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2000, t.8, tr.27.

ban có nhiệm vụ xây dựng các đề án trình Chính phủ. Thành phần Ủy ban gồm các thành viên của Chính phủ lâm thời như Hoàng Minh Giám, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cù Huy Cận; các nhà cách mạng có uy tín như Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Bùi Công Trùng, Trần Văn Giàu... của các trí thức, của các nhà khoa học có danh tiếng như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Cao Luyện, Đào Duy Anh, Đặng Văn Hường, Nghiêm Xuân Yêm, Đặng Thai Mai, Phạm Khắc Hòe... Ủy ban được đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Chính phủ.

Ngày 6-1-1946, nhân dân ta từ Bắc chí Nam tiến hành cuộc Tổng tuyển cử tự do đầu tiên trong lịch sử, bầu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Phạm Văn Đồng được giới thiệu ứng cử tại Quảng Ngãi và trúng cử với số phiếu khá cao. Ngày 2-3-1946, tại Hà Nội, Quốc hội khóa I họp kỳ thứ nhất đã hoàn toàn nhất trí với đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mở rộng thêm 70 ghế đại biểu Quốc hội không qua bầu cử cho Việt quốc, Việt cách và để một số đại biểu các đảng phái tham gia Chính-phủ liên hiệp chính thức. Đồng chí Phạm Văn Đồng được kỳ họp bầu làm Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội¹.

Đúng như dự đoán của Đảng, các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đã tạm thời dẹp những bất đồng và cấu kết cùng phá hoại cách mạng Việt Nam. Ngày 28-2-1946, tại Trùng Khánh (Trung Quốc). Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết. Theo đó, thực dân Pháp trao trả cho chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc các tô giới ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khâu, Quảng Châu Loan; bán lại cho Trung Quốc đường sắt Côn Minh - Lào Cai, hàng hóa vận chuyển qua Bắc Việt Nam được miễn thuế. Đổi lại, chính quyền Tưởng đồng ý để Pháp đưa 15 nghìn quân vào miền Bắc thay chân quân đội Tưởng thực hiện giải giáp quân đội Nhật". Nguy cơ cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên cả nước càng tới gần.

¹ Tại kỳ họp này Ban Thường trực Quốc hội khóa I được bầu gồm các đồng chí và các vị: Nguyễn Văn Tố, Phạm Văn Đồng, Lê Thị Xuyên, Hoàng Minh Giám, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Văn Chi, Hoàng Văn Đức, Dương Đức Hiền, Nguyễn Trọng Nhân, Đàm Quang Thiện, Dương Văn Dư, Cung Đình Quý, Trịnh Quốc Quang, Nguyễn Tấn Gi Trọng, ba ủy viên dự khuyết là Nguyễn Văn Luyện, Phạm Bá Trục, Y Ngông Niê Kdăm. Trưởng ban Thường trực Quốc hội là cụ Nguyễn Văn Tố.

Để đuổi nhanh quân Tưởng về nước và để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với phía Pháp bản *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3-1946 tại Hà Nội. Theo đó, Việt Nam đồng ý để 15 ngàn quân Pháp thay thế quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa ở miền Bắc, nhưng phải đóng quân ở những địa điểm được quy định; Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên hiệp Pháp, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng; việc thống nhất nước Việt Nam sẽ do nhân dân Việt Nam tự định đoạt; những quyền lợi kinh tế của Pháp ở Việt Nam sẽ được bảo đảm.

Việc ký kết và thực thi *Hiệp định sơ bộ* là một cuộc đấu tranh phức tạp giữa nhân dân ta với các thế lực thực dân hiếu chiến và bọn tay sai của chúng. Đó cũng là quá trình giáo dục và tổ chức quần chúng khẩn trương chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến gian khổ, trường kỳ chống thực dân Pháp.

Trong những năm tháng đầy khó khăn và thử thách của cách mạng Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Đồng tham gia nhiều hoạt động, dự các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ và Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến thiết. Đồng chí còn nhiều lần được cử là đại diện của Chính phủ Việt Nam giao dịch với phía Pháp và trực tiếp đối mặt với các chính khách ngoan cố, hiếu chiến của chính quyền thực dân.

Trước những hành động khiêu khích, phá hoại *Hiệp định sơ bộ* của quân đội Pháp ở Việt Nam, ngày 13-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp tới Chính phủ Pháp, đòi phía Pháp phải thực hiện nghiêm chỉnh *Hiệp định sơ bộ* và tiến hành ngay việc đàm phán chính thức với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người kêu gọi Chính phủ và nhân dân tiến bộ các nước trên thế giới, đặc biệt là nhân dân Pháp lên tiếng đòi Chính phủ Pháp thi hành *Hiệp định sơ bộ*. Người kêu gọi nhân dân Việt Nam bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh Chính phủ. Ngày 24-3-1946, trên chiến hạm Pháp Emin Béctanh ở Vịnh Hạ Long, Chủ tịch Hồ Chí Minh có cuộc gặp gỡ với Đácgiăngliơ, Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Tại cuộc gặp này Người đã phê phán thái độ thiếu nghiêm chỉnh của phía Pháp trong việc thực hiện *Hiệp định sơ bộ*, khẳng định rõ lập trường của Chính phủ ta

về vấn đề đàm phán là tôn trọng nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khi cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh và Đácgiăngliơ đang diễn ra ở Vịnh Hạ Long thì sáng ngày 24-3-1946, một cuộc mít tinh khổng lồ của hơn 10 vạn quần chúng yêu nước được tổ chức tại Hà Nội. Để biểu thị quyết tâm chiến đấu cho độc lập, tự do của cả dân tộc, những người dự mít tinh hô vang khẩu hiệu đòi phía Pháp phải đình chỉ ngay những hành động khiêu khích, đòi phải mở ngay cuộc đàm phán chính thức ở Pari.

Trước thái độ và tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân và Chính phủ ta, Đácgiăngliơ buộc phải thỏa thuận với Chủ tịch Hồ Chí Minh về thời gian đàm phán và thay mặt Chính phủ Pháp mời Người sang thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách. Hai bên cũng thỏa thuận: Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ cử một phái đoàn sang thăm thân thiện nước Pháp; Pháp sẽ cử một phái đoàn sang Việt Nam để cùng với phía Việt Nam chuẩn bị những điều kiện cho việc đàm phán và ký kết Hiệp ước chính thức ở Pari.

Ngày 16-4-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng với cương vị là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lên đường sang thăm thân thiện nước Pháp¹. Buổi tiễn đoàn diễn ra thật lưu luyến và cảm động. Trước lúc lên đường, Chủ tịch Hồ Chí Minh cầm tay đồng chí Phạm Văn Đồng và các vị trong đoàn căn dặn: *Đoàn kết, cẩn thận. Làm cho nước Pháp hiểu ta để gây tình hữu nghị giữa hai dân tộc.* Tình hình chiến sự căng thẳng khiến người đi, người tiễn không khỏi thoáng chút lo âu. Sau 10 ngày đi máy bay và dừng chân ở một số nơi, 19 giờ ngày 25-4 máy bay đến sân bay Le Bourget. Đón đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn có Giáo sư Rever - đại diện Quốc hội Pháp, Lamentie - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Labrouquère - đại diện Chính phủ Pháp, Sainteny - đại diện của Cao ủy Pháp ở Đông Dương, Marrane - Chủ tịch Hội đồng quận Seine.

¹ Đoàn gồm: Phạm Văn Đồng (Trưởng đoàn), Tôn Đức Thắng (Phó Trưởng đoàn); các thành viên là Trần Ngọc Danh, Đỗ Đức Dục, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Luận, Trịnh Quốc Quang, Huỳnh Văn Tiêng, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Hoàng Tích Trí.

Hơn hai nghìn Việt kiều tập trung trong và ngoài sân bay vẫy cờ hoa, biểu ngữ đón đoàn.

Gọi là đi thăm thân thiện, nhưng ngoài buổi tiếp kiến với Chủ tịch Chính phủ Pháp vào ngày 26-4, thì việc tiếp xúc với chính giới Pháp là rất ít. Thái độ thiếu thiện chí của phía Pháp rất rõ ràng. Tuy vậy, theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng và các vị trong đoàn đã có nhiều cuộc gặp gỡ với các đoàn thể quần chúng, với nhiều trí thức Pháp có tên tuổi; với một số đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp, các nhà văn, nhà báo cộng sản Pháp. Đoàn cũng có những buổi gặp gỡ với đông đảo bà con Việt kiều. Mặc dù ở xa Tổ quốc nhưng đồng bào ta rất phấn khởi với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Một số trí thức, nhà khoa học có tên tuổi đã bày tỏ nguyện vọng muốn được trở về quê hương góp phần xây dựng Tổ quốc. Cũng trong cuộc viếng thăm này, cờ đỏ sao vàng - Quốc kỳ của nước Việt Nam mới đã tung bay giữa Thủ đô nước Pháp, dư luận tiến bộ Pháp và quốc tế đã chú ý hơn đến hình ảnh nước Việt Nam mới; một số hãng thông tấn, báo chí Pháp và quốc tế bắt đầu lên tiếng và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Đoàn cũng đã mang đến cho nhân dân Pháp tình cảm thân thiện, hữu nghị của Chính phủ và nhân dân Việt Nam.

13 giờ 45 phút, ngày 23-5-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Quốc hội về đến Hà Nội.

Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 82/SL cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm nhiệm vụ mới - Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán chính thức với đoàn đại biểu Chính phủ Pháp¹.

6 giờ 30 phút ngày 31-5-1946, lễ tiễn Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp và đoàn đại biểu Chính phủ ta đi Pháp đàm phán được tiến hành trọng thể trước Phủ Chủ tịch. Trước các vị đại diện Quốc hội và thành viên Chính phủ

¹ Theo Sắc lệnh số 81/SL ngày 29-5-1946, Đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành cuộc đàm phán với Chính phủ Pháp do Nguyễn Tường Tam - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao làm Trưởng đoàn, nhưng lấy lý do sức khỏe, Nguyễn Tường Tam đã từ chối nhiệm vụ. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Chính phủ cử làm Trưởng đoàn, với các thành viên: Phan Anh, Trịnh Văn Bình, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Huyền, Bửu Hội, Huỳnh Thiện Lộc, Dương Bạch Mai, Chu Bá Phượng, Đặng Phúc Thông, Phạm Khắc Hòe, Hoàng Minh Giám.

cùng đồng đảo đại biểu các tầng lớp nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng và các thành viên trong đoàn đã nắm tay thề: “Anh em chúng ta mang trọng trách quốc gia, trước mặt Quốc dân đây, chúng ta phải thề dù gian lao thế nào chúng ta cũng phải nhất tâm đoàn kết để làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc”¹.

7 giờ 45 phút, tại sân bay Gia Lâm, chiếc máy bay Đacôta 356 cất cò Việt Nam và cò Pháp đưa đoàn lên đường, cất cánh.

Ngày 22-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn ta mới đến được Pari. Nguyên nhân của việc đến chậm này là do sự thiếu thiện chí của phía Pháp, nhưng lại được họ giải thích là do nước Pháp thay đổi nội các.

Trong thời gian chờ Hội nghị chính thức khai mạc, ngày 4-7, đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn Chính phủ ta cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đền Mout Valérien ở Pari, nơi đặt bia mộ các liệt sĩ Pháp đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống phát xít (1939-1945), thăm lăng mộ Napôlêông, Hoàng đế và nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử nước Pháp.

Sáng chủ nhật ngày 6-7-1946, cuộc đàm phán Việt - Pháp khai mạc tại cung chính trong lâu đài Phôngtennoblô ở ngoại ô Pari, do Mác Ăngđrê - Trương đoàn Pháp chủ tọa. Tại phiên họp Mác Ăngđrê nói về nội dung cuộc đàm phán nhưng thể hiện những quan điểm bảo thủ và sai trái, thái độ quanh co, không thiện chí.

Trong bài phát biểu, đồng chí Phạm Văn Đồng đã lên án chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam gần một thế kỷ và nhấn mạnh: Việc các thế lực thực dân hiếu chiến muốn dùng vũ lực để khôi phục lại sự thống trị là một việc làm lỗi thời, đi ngược lại nguyện vọng hòa bình của nhân dân Pháp. Đồng chí đặt câu hỏi: Phải chăng những hành động của nhà chức trách Pháp ở Đông Dương đang tiến hành là vì tình thân thiện Pháp - Việt? Trước những lý lẽ xác đáng và thái độ cương quyết của đồng chí Phạm Văn Đồng, Mác Ăngđrê sửng

¹ Báo Cứu quốc, số 225, ngày 1-6-1946.

sờ và đột ngột tuyên bố cuộc họp tạm nghỉ. Cũng như Mác Ăngđrê, các đại biểu phía Pháp tham dự và chứng kiến phiên khai mạc không khỏi bối rối.

Trong lúc phiên họp tạm nghỉ, các đại biểu hai đoàn gặp nhau và cùng đề nghị tiến hành họp riêng để lập ra một ban soạn thảo chương trình nghị sự. Cũng như trong phiên họp khai mạc, các cuộc họp riêng đã diễn ra trong không khí nặng nề và căng thẳng.

Ngay sau ngày khai mạc Hội nghị, các báo tư sản Pháp đã phụ họa và biện bạch cho thái độ bảo thủ, thiếu thiện chí của phía Pháp. Họ cho rằng: Diễn văn của ông Phạm Văn Đồng là một lời chât vấn đáng tiếc. Với giọng điệu trích thượng, họ hy vọng “phía Việt Nam sẽ dịu giọng hơn”. Trả lời câu hỏi của các nhà báo Pháp và quốc tế về thái độ của phía Pháp và không khí phiên khai mạc, Đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ nói một câu rất hình tượng: “ở Phôngtennoblô trời hơi lạnh”¹.

Ngày 9-7-1946, phiên họp toàn thể thứ hai được tiến hành do đồng chí Phạm Văn Đồng chủ tọa. Nội dung chương trình nghị sự được hai đoàn thỏa thuận là sẽ thảo luận về các vấn đề như:

- Địa vị của Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp, về quan hệ ngoại giao của Việt Nam.
- Quan niệm tổng quát về Liên bang Đông Dương.
- Vấn đề thống nhất nước Việt Nam và việc trưng cầu dân ý.
- Chi tiết về Liên bang Đông Dương và vấn đề quyền lợi kinh tế của Pháp ở Đông Dương.
- Dự thảo Hiệp ước.

Để cuộc đàm phán đi vào những vấn đề cụ thể, hai đoàn nhất trí việc lập các tiểu ban chính trị, quân sự, kinh tế - tài chính, văn hóa và thành viên các tiểu

¹ Báo *Cứu quốc*, ngày 7-7-1946, đưa tin phiên khai mạc và cho biết, tham dự lễ khai mạc còn có Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc ở hải ngoại M. Mutê, Cao ủy Pháp ở Đông Dương Đácgiăngliơ, Phó quận trưởng quận Seine và một số nhân viên Tòa thị chính quận. Nhiều Việt kiều mặc đồng phục, cầm cờ đỏ sao vàng chứng kiến lễ khai mạc.

ban. Hai đoàn cũng thống nhất việc đàm phán những vấn đề cụ thể sẽ tiến hành ở các tiểu ban.

Theo dõi sát những diễn biến của cuộc đàm phán, tuy không trực tiếp tham gia, nhưng với cương vị của mình, ngày 12-7-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức một cuộc họp báo về mục tiêu và lập trường đàm phán của Chính phủ Việt Nam. Tại cuộc họp báo, Người nói rõ lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm 6 điểm:

Một là, Việt Nam khẳng định quyền độc lập nhưng không tuyệt giao với Pháp mà vẫn ở trong Liên hiệp Pháp. Về kinh tế và văn hóa, Việt Nam vui lòng cộng tác với nước Pháp.

Hai là, Việt Nam không chịu có một Chính phủ Liên bang Đông Dương.

Ba là, Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ.

Bốn là, Việt Nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp ở Việt Nam, nhưng người Pháp ở Việt Nam phải tuân theo luật pháp Việt Nam; Chính phủ Việt Nam giữ quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

Năm là, nếu cần đến cố vấn, Việt Nam sẽ dùng người Pháp trước.

Sáu là, Chính phủ Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

Trong phiên họp toàn thể thứ ba (họp kín) ngày 12-7-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định và đề nghị với phía Pháp: Lập trường của Việt Nam là theo tinh thần nội dung cơ bản của *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3; ưu tiên thảo luận vấn đề địa vị của nước Việt Nam trong Liên hiệp Pháp; vấn đề quyền đặt quan hệ ngoại giao của Việt Nam tạm gác lại và sẽ tiếp tục thảo luận sau. Nhưng phía Pháp tiếp tục làm ngơ.

Trong tiến trình của cuộc đàm phán Việt - Pháp, đoàn Việt Nam đã nhân nhượng về thứ tự của những vấn đề đàm phán, hoặc tạm gác một vài vấn đề để thảo luận sau, nhưng những quan điểm chi đạo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra vẫn được giữ vững. Tại các phiên họp của các tiểu ban, phía Pháp vẫn cho rằng, Việt Nam đã nằm trong Liên hiệp Pháp thì phải hoàn toàn lệ thuộc vào nước Pháp. Họ đòi các lực lượng vũ trang của ta phải giải tán để sáp nhập vào quân

đội Liên hiệp Pháp, đòi quân đội Pháp được tự do đi lại và đóng quân bất cứ nơi nào họ muốn; quan hệ với nước ngoài của Việt Nam phải do Chính phủ Pháp chỉ đạo; họ phủ nhận Việt Nam có quyền độc lập về tài chính v.v.. Về Liên bang Đông Dương, họ đòi người đứng đầu Chính phủ Liên bang Đông Dương phải là người Pháp, mọi công việc nội trị, ngoại giao phải do người đó điều khiển. Thực chất là họ muốn thiết lập lại chế độ toàn quyền trước đây. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã kiên quyết bác bỏ những hành động sai trái và những đòi hỏi vô lý. Đồng chí tuyên bố: *Chế độ các vị Toàn quyền đã hết thời. Nam Bộ là lãnh thổ thiêng liêng của nước Việt Nam không ai có thể chia cắt được.*

Trong khi cuộc đàm phán đang dậm chân tại chỗ thì giới chức Pháp ở Đông Dương liên tiếp gây ra những hành động khiêu khích, lấn chiếm. Ngày 14-7-1946, nhân kỷ niệm ngày Quốc khánh Pháp, họ tổ chức một cuộc duyệt binh lớn ở Hà Nội, trong khi tiếng súng xâm lược vẫn tiếp tục nổ ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trước những hành động đó, ngày 16-7-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng đã gửi công hàm cho Chính phủ Pháp phản kháng những hành động của giới chức Pháp ở Đông Dương và tuyên bố họ phải chịu trách nhiệm về những hành động đó, kể cả việc bồi thường thiệt hại.

Ngày 23-7-1946, nhiều báo lớn ở Pari đưa tin Cao ủy Pháp ở Đông Dương Đácgiăngliơ quyết định triệu tập Hội nghị “Các nước trong Liên bang Đông Dương”, trong đó có “Nước Cộng hòa Nam Kỳ” tại Đà Lạt vào ngày 1-8. Đồng chí Phạm Văn Đồng lại gửi tiếp công hàm cho Chính phủ Pháp phản kháng việc làm này và chỉ rõ đó là những việc làm vi phạm Hiệp định sơ bộ ngày 6-3, phá hoại cuộc đàm phán Việt - Pháp nhưng phía Pháp vẫn thờ ơ. Trước thái độ của chính giới Pháp, tại phiên họp ngày 1-8-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng đọc bức công hàm gửi Chính phủ Pháp, trong đó nói rõ: “Chúng ta đứng trước tình hình sau đây: hoặc là các nhà chức trách Nam Kỳ quyết định số phận của Nam Kỳ, miền Nam Trung Kỳ, Tây Nguyên và quy chế của Liên bang Đông Dương. Trong trường hợp này, Hiệp định ngày 6 tháng 3 trở thành không; mục đích của Hội nghị Phôngtenoblô không còn ý nghĩa nữa. Hoặc là Hiệp định ngày 6-3 phải được thi hành và trong trường hợp này chỉ có Hội nghị Phôngtenoblô mới có thẩm quyền thảo luận về những vấn đề đó. Tư thế của chúng ta buộc chúng ta

phải đình chỉ công việc của chúng ta cho đến khi sự mập mờ đó tiêu tan”¹. Đọc xong bức công hàm đồng chí Phạm Văn Đồng rời phòng họp.

Ngày 2-8, Mác Ăngđrê gặp các nhà báo và nói rằng: Chính phủ Pháp đã xem xét những lời phản kháng của ông Phạm Văn Đồng, nhưng quan điểm cụ thể vẫn lập lờ. Ngày 6-8-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng đã thông báo với các nhà báo về nguyên nhân của quyết định tạm ngừng đàm phán: chính sách của Pháp ở Đông Dương có hai đường, một mặt họ cứ tuyên bố là thân thiện nhưng lại tìm mọi cách để phá sự thân thiện đó, mặt khác họ cho quân khiêu khích, lấn dần. Họ muốn đặt chúng tôi trước những việc đã rồi.

Nhận định tình hình đàm phán sẽ diễn biến phức tạp, ngày 2-9-1946, từ Phôngtennoblô, đồng chí Phạm Văn Đồng gửi thư về nước báo cáo với Quốc hội về tình hình diễn biến cuộc đàm phán. Đồng chí chúc Ban Thường trực Quốc hội làm tròn những điều đã định để đưa quốc dân lên con đường tranh thủ độc lập cho nước nhà”; và khẳng định căn bản công việc chúng ta là sức lực của ta, sức lực đoàn kết, tranh đấu, về mặt nào cũng thế”².

Tuy buộc phải tuyên bố tạm thời đình chỉ cuộc đàm phán, nhưng với thái độ thiện chí, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có một số cuộc gặp riêng với Mác Ăngđrê và một số chính khách Pháp; thỏa thuận về bản Hiệp định tạm thời đã được hai bên ghi nhận thông qua bản ghi nhớ 14 điều³, những vấn đề mà hai bên đã nhất trí trong quá trình đàm phán và dự thảo bản Hiệp định tạm thời sẽ thông qua trong phiên họp toàn thể dự định vào ngày 10-9.

Ngày 4-9, đồng chí Phạm Văn Đồng tiến hành họp riêng với ba cố vấn của Đácglăngliơ là Piguon, Torel và Gonon để xác định việc phải làm ở Việt Nam theo như bản ghi nhận trên.

Sau hơn một tháng tạm thời đình chỉ, ngày 10-9-1946, cuộc đàm phán Việt - Pháp ở Phôngtennoblô lại nhóm họp. Nhưng khi công bố dự thảo Hiệp định, phía Pháp đã tự sửa lại một số điều đã thỏa thuận: Họ khẳng định Việt Nam nằm

¹ Dẫn theo Lưu Văn Lợi: *Ngoại giao Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, H.2004, tr.75.

² Báo *Cứu quốc*, số 356, ngày 25-9-1946.

³ 14 điều trong bản ghi nhớ gồm ba vấn đề chính là: Bảo đảm lợi ích kinh tế, văn hóa Pháp ở Việt Nam; bảo đảm Việt Nam là quốc gia tự do trong khối Liên hiệp Pháp; tổ chức trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất Nam Bộ trong lãnh thổ Việt Nam.

trong Liên hiệp Pháp và không có quyền độc lập về quân sự và ngoại giao, Liên bang Đông Dương vẫn do người Pháp đứng đầu v.v.. Đồng chí Phạm Văn Đồng kiên quyết phản đối việc làm này và thông báo phía Việt Nam đề nghị thảo luận lại một cách tổng quát hơn bản dự thảo Hiệp định. Nhưng phía Pháp không đồng ý và tuyên bố kết thúc cuộc đàm phán. Ngày 13-9-1946, tại Pari, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức họp báo để bày tỏ quan điểm của Chính phủ Việt Nam.

Người nói: “Tôi có vừa ý với kết quả của Hội nghị Phôngtenoblô không? Có và không. Không là vì chúng tôi đến đây với hai vấn đề chính: nền độc lập của nước Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp và vấn đề Nam Bộ thì chưa có vấn đề nào được giải quyết cả. Có là vì ở đây tôi được thấy rõ một sự thân thiện, thành thực của Chính phủ và dân chúng Pháp và đã có dịp gặp nhiều bạn Pháp và ngoại quốc”¹. Cùng ngày, trước khi rời Pari đi Tulông để về nước, đồng chí Phạm Văn Đồng đã ra thông cáo báo chí nói rõ: “Chúng tôi tiếc rằng Hội nghị Phôngtenoblô không có kết quả như đã định trước. Nhưng chúng tôi tin rằng Hội nghị sẽ tiếp tục trong những điều kiện thuận lợi hơn. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi về nước với ý muốn kiên quyết sẽ ký những hiệp định bộ phận tại chỗ với đại biểu các nhà cầm quyền Pháp về những vấn đề nhất định và tỏ rõ bằng hành động ý muốn liên minh và hợp tác của chúng tôi với nước Pháp. Đó là cách tốt nhất để tạo nên một bầu không khí thuận lợi cho việc họp lại Hội nghị Phôngtenoblô”². Ngày 14-9, tuyên bố với các nhà báo trước khi xuống tàu ở bến cảng Tulông, đồng chí Phạm Văn Đồng nói: “Chúng tôi rất cần đi tới một sự thỏa thuận. Vì nếu cuộc đàm phán thất bại thì tai họa cho cả Việt Nam và Pháp. Riêng tôi, tôi rất lạc quan về việc tiếp tục đàm phán sau này”³.

Sau 20 ngày hành trình trên tàu Pátstơ (Pasteur) của hải quân Pháp, ngày 4-10-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn Chính phủ ta về đến Tổ quốc. Lễ đón đoàn đã được tổ chức tại cảng Hải Phòng. Phát biểu trước đại biểu các đoàn thể, các giới ra đón, đồng chí Phạm Văn Đồng nói: một điều cần nói trước tiên đó là nhận thức đúng các kết quả của cuộc đàm phán ở Pháp... “Nếu nói mục đích của cuộc đàm phán là để tranh thủ cho được thắng lợi về những vấn đề

¹ Báo Cứu quốc, số 346, ngày 15-9-1946.

² Báo Cứu quốc, số 346, ngày 15-9-1946.

³ Báo Cứu quốc, số 347, ngày 16-9-1946.

thiết cốt là vấn đề thống nhất Nam Bộ và vấn đề độc lập của Việt Nam thì kết quả của Hội nghị Phôngtennoblô quả không làm cho chúng ta hài lòng. Nhưng cuộc đàm phán không phải vì vậy mà không có kết quả nào, mà là kết quả gián tiếp, một kết quả ở ngoài, trước hết là sự ủng hộ của dư luận dân chúng và một số trong chính giới và liên giới Pháp đối với lập trường tranh thủ độc lập của Việt Nam, là sự chú ý của dư luận quốc tế (Anh, Mỹ, Nga) đối với vấn đề Việt Nam càng ngày càng tăng. Trước kia, danh từ Việt Nam ở ngoài không mấy ai biết đến. Bây giờ ai cũng chú ý đến chữ ấy và những vấn đề quanh chữ ấy.

Cố nhiên là hiện giờ vấn đề Nam Bộ và vấn đề độc lập của Việt Nam chưa đạt được ý muốn, ta còn phải tranh thủ, ta còn phải tiếp tục cuộc đàm phán nữa”¹.

Sau khi phái đoàn Chính phủ ta về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở lại Pari ít ngày. Để cứu vãn tình thế, đêm 14 rạng ngày 15-9-1946, Người đã ký với Bộ trưởng Bộ Pháp quốc ở hải ngoại M.Mutê bản *Tạm ước*.

Tạm ước là sự tiếp nối những kết quả trong quá trình đàm phán của đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn ta tại Hội nghị Phôngtennoblô. Nói về quá trình đi tới bản *Tạm ước 14-9*, trong lời tuyên bố với các nhà báo ở Hải Phòng trước khi lên tàu về Hà Nội, đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định: “về bản thỏa hiệp tạm thời này có một thứ dư luận sai lầm cho rằng trong sự ký kết bản thỏa hiệp, phái đoàn Việt Nam và Hồ Chủ tịch không có liên lạc với nhau, vì phái đoàn đã về rồi thỏa hiệp mới ký. Sự thật thì sau khi Hội nghị gián đoạn, phái đoàn vẫn mật thiết làm việc với Hồ Chủ tịch, và mật thiết liên lạc với Chính phủ Pháp trong sự khởi thảo và ký kết. Phái đoàn đều đã công tác và chủ trương như Hồ Chủ tịch, lúc nào phái đoàn cũng đứng sau lưng Hồ Chủ tịch”².

Trong suốt thời gian đồng chí Phạm Văn Đồng và phái đoàn ta đàm phán tại Hội nghị Phôngtennoblô, Chính phủ và nhân dân cả nước rất quan tâm theo dõi. Ngay sau khi được tin Hội nghị đình chỉ, trong Lời kêu gọi gửi đồng bào cả nước, Trung ương Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam đã khẳng định: “Hội nghị có đình chỉ là vì phái đoàn Việt Nam tại Pháp đã theo đúng chủ trương của Chính phủ, theo đúng nguyện vọng của đồng bào: *Bảo vệ chủ quyền toàn vẹn*,

¹ Báo Cứu quốc, số 348, ngày 5-10-1946.

² Báo Cứu quốc, số 348, ngày 5-10-1946.

*giữ vững quốc gia thống nhất. Phái đoàn với thái độ cương quyết đã nêu cao tinh thần và ý chí độc lập của dân tộc, tỏ rõ nguyện vọng chính đáng của quốc dân*¹. Nhận được tin phái đoàn đã trở về Tổ quốc, các đoàn thể, các giới, ủy ban hành chính các cấp ở Trung Bộ và Bắc Bộ đã gửi điện về Chính phủ Trung ương chào mừng và hoan nghênh tinh thần đấu tranh của phái đoàn.

Sáng ngày 5-10-1946, tại phiên họp bất thường của Hội đồng Chính phủ, sau khi nghe đồng chí Phạm Văn Đồng báo cáo diễn biến tình hình Hội nghị Phôngtennoblô, toàn thể Hội đồng Chính phủ đã nhất trí với quyết định của phái đoàn và khen ngợi: Phái đoàn đã phấn đấu theo đúng nguyện vọng của nhân dân và chỉ thị của Chính phủ.

Về tới Hà Nội, một sự kiện quan trọng trong đời tư Phạm Văn Đồng đã diễn ra. Ngày 26-10-1946, anh xây dựng gia đình. *Người bạn đời của đồng chí là cô Phạm Thị Cúc*, em gái một bạn tù Côn Đảo. Chứng kiến buổi thành hôn chỉ có một số đồng chí cùng cơ quan, với hình thức đơn giản, không hoa, không tiệc tùng. Họ thuê một chiếc xe tay rước cô dâu tới nhà hàng Bôđêga trên phố Tràng Tiền, gọi là có chén rượu chúc đôi bạn hạnh phúc trăm năm².

2. Trục tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ

Mặc dù Hội nghị Phôngtennoblô tan vỡ, nhưng việc Chủ tịch Hồ Chí Minh dàn xếp để ký bản *Tạm ước* 14-9 với phía Pháp có ý nghĩa rất quan trọng đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Tuy vậy, quan hệ giữa ta và Pháp trong cả nước vẫn căng thẳng, những hoạt động quân sự của quân Pháp ngày một gia tăng.

Cuối tháng 11-1946, quân Pháp đổ bộ lên Đồ Sơn, Cát Bà và đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Ngày 22-11, Tổng chỉ huy quân đội Pháp - Quyền cao ủy Pháp ở Đông Dương đã bí mật chỉ thị cho tướng Moócclle, Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Đông Dương: “Không chậm trễ, phải triệt để khai thác vụ rắc rối ở Hải Phòng để triệt thoái các lực lượng chính quy Việt Nam và tất cả các thành phần bán quân sự, nhất là tự vệ, để quân đội ta hoàn toàn tự do chiếm đóng, không

¹ Báo Cứu quốc, số 349, ngày 6-10-1946.

² Hồi ký của Phạm Văn Đồng, viết cho gia đình, In trong Phòng tiếp khách phía Tây, Sdd, tr.107 và Hồi ký của đồng chí Nguyễn Kim Cương, người cùng hoạt động trong những năm 1926-1929 và cùng bị tù ở Côn Đảo.

chấp nhận bất kỳ một hạn chế nào”. Thực dân Pháp ngày càng lộ rõ ý đồ muốn dùng vũ lực để đánh chiếm toàn bộ đất nước ta. Trung ương Đảng và Chính phủ nhận định: Chiến tranh sẽ lan rộng, tình thế chiến trường sẽ bị chia cắt, giao thông liên lạc giữa trung ương và các địa phương sẽ gặp nhiều trở ngại. Vì vậy, cần phải tăng cường cán bộ lãnh đạo cho các chiến trường quan trọng. Tháng 11-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng được cử làm Đặc phái viên của Chính phủ chỉ đạo chiến trường Nam Trung Bộ¹. Nhiệm vụ cụ thể được Trung ương Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quán triệt là: “Phải quan tâm trước hết việc xây dựng các đảng bộ, xây dựng lực lượng vũ trang; động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng, tăng cường đoàn kết nhân dân, củng cố và bảo vệ vùng giải phóng, đồng thời kiên trì chiến đấu và quyết tâm đánh thắng kẻ thù trên các mặt trận Nam Trung Bộ”². Tạm chia tay với người vợ mới cưới, đồng chí Phạm Văn Đồng cấp tốc lên đường vào Nam Trung Bộ.

Sau 10 năm kê từ ngày thoát khỏi ngục tù Côn Đảo, tiếp tục phấn đấu cho lý tưởng hằng ấp ủ, đồng chí Phạm Văn Đồng trở lại quê hương với cương vị và trọng trách mới. Trong không khí thân mật và ấm cúng, tại buổi đón, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói những lời tâm huyết: “Làm cách mạng, tham gia kháng chiến vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân là một sự nghiệp vĩ đại, không phải là một mâm cỗ được bày sẵn. Muốn có thành quả, muốn có một mâm cỗ, mỗi người, mọi người, không phân biệt ai, phải sẵn tay áo, phải cùng làm việc... Cách mạng và kháng chiến là phải bằng những công việc thực tế và kết quả thực tế, phải vào bộ đội, tham gia tự vệ, tham gia phá hoại địch, phải tăng gia sản xuất phải có trách nhiệm với công việc của mình. Có như vậy cách mạng mới thành công, kháng chiến mới thắng lợi”³. Những lời giản dị, chân tình của đồng chí đã tạo không khí hào hứng, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân địa phương cũng như toàn miền Nam Trung Bộ trong những năm tháng gian khổ của cuộc kháng chiến.

¹ Do tình hình khẩn trương, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định cử đồng chí Phạm Văn Đồng phải vào Nam Trung Bộ gấp. Ngày 17-10-1947, Người ký Sắc lệnh số 263/SL-M chính thức cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm Đặc phái viên của Chính phủ tại Nam Trung Bộ.

² Tài liệu của Bộ Tư lệnh Quân khu V, Xem *Khu V-30 năm chiến tranh giải phóng*, t.1: *Kháng chiến chống thực dân Pháp*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, 1986, tr.79.

³ Tài liệu của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Sau khi tìm hiểu tình hình và bước đầu củng cố tổ chức, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự nhiều hội nghị quan trọng với Xứ ủy, các tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng Nam Trung Bộ để tìm hiểu, nghiên cứu tình hình, thảo luận kế hoạch chiến đấu và xây dựng lực lượng theo đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Nam Trung Bộ được các đồng chí xác định là phải đánh thắng các cuộc hành quân của địch, giữ vững và củng cố vùng tự do, cùng cả nước quyết tâm đánh thắng chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch; phát động toàn dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến, bổ sung lực lượng, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch; tăng cường chặn đánh địch trên các trục giao thông; thiết lập ngay một số tuyến giao thông liên lạc bí mật; tập trung xây dựng một số cơ sở ở vùng đồng bào các dân tộc ít người.

Giữa lúc việc triển khai thế trận của quân và dân Nam Trung Bộ đang tiến hành khẩn trương, thì đêm 19 rạng ngày 20-12-1946, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi trong toàn quốc: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”¹. Cùng với nhân dân cả nước, quân và dân Nam Trung Bộ đã nhất tề đứng dậy cầm vũ khí đánh giặc, cứu nước. Nhiều trận chiến đấu giam chân địch, chặn đánh các cuộc hành quân của địch đã diễn ra quyết liệt ở Đà Nẵng, Quảng Nam, Tuy Hòa, Phan Thiết v.v.. Tại thành phố Đà Nẵng, sau gần 40 ngày chiến đấu quyết liệt (từ 20-12-1946 đến 25-1-1947) quân và dân thành phố đã tiêu diệt hơn 1.000 tên địch, phá hủy một số xe tăng và nhiều xe cơ giới. Sau khi đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, lực lượng vũ trang cách mạng an toàn rút khỏi thành phố.

Cuối tháng 1-1947, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã trao tặng quân dân Mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng lá cờ thêu hai chữ vàng “*Giữ Vững*” và Trung đoàn 96 - đơn vị lập nhiều chiến công xuất sắc trong nội thành Đà Nẵng đã vinh dự được nhận lá cờ này.

Tháng 1-1947, để tăng cường trách nhiệm và quyền hạn, *Trung ương Đảng đã cử bổ sung đồng chí Phạm Văn Đồng làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành*

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.4, tr.480.

Trung ương Đảng. Ngày 22-1-1947, thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng tới dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ nhất. Phát biểu ý kiến chỉ đạo Đại hội, đồng chí chỉ rõ những công việc cấp bách mà Đảng bộ Bình Định và cả Nam Trung Bộ phải tập trung sức lực, trí tuệ để thực hiện nhằm đập tan âm mưu đánh nhanh của thực dân Pháp.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng và chính quyền ở Nam Trung Bộ, phong trào tòng quân, tham gia tự vệ chiến đấu, bảo vệ vùng tự do diễn ra khắp các thành phố, làng mạc; triệt để thực hiện tiêu thổ kháng chiến để bao vây và ngăn chặn bước tiến quân của địch, các trục quốc lộ số 1, 14, 19 và các trục đường liên tỉnh số 4, 5, 6 bị phá nát.

Khoảng giữa năm 1947, chủ động khắc phục những khó khăn, chuẩn bị điều kiện kháng chiến lâu dài, đồng chí Phạm Văn Đồng đã kêu gọi quân dân Nam Trung Bộ thi đua tăng gia sản xuất thực hiện tự cấp, tự túc. Đồng chí đã nhiều lần lên thăm và động viên đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi tăng gia sản xuất. Bà con đã lập ra một số trại tăng gia và gọi là *Trại Ông Đồng*. Một số xưởng sản xuất giấy, dệt vải sита, xưởng sản xuất nông cụ... đã được xây dựng. Chỉ trong thời gian ngắn, Nam Trung Bộ đã cơ bản tự túc được lương thực và nhiều vật phẩm phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Trong chỉ đạo công tác tiêu thổ kháng chiến, đồng chí Phạm Văn Đồng đã lưu ý các địa phương, khi phá đường xe lửa chỉ tháo gỡ tà vẹt, đường ray đưa về cất giấu; cầu cống chỉ kích sập, nền đường và các trụ cầu cần giữ nguyên để khi điều kiện cho phép có thể sử dụng được ngay. Vì vậy, đến đầu năm 1948, khi vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú được củng cố, tuyến đường sắt từ Quảng Nam đến Phú Yên dài hơn 300km đã được khôi phục. Việc vận chuyển bằng xe goòng được duy trì dọc khu giải phóng suốt trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp là một trong những kỳ tích của quân và dân Nam Trung Bộ.

Với vị trí chiến lược quan trọng, Tây Nguyên luôn luôn là địa bàn giành giệt giữa ta và địch. Để giành Tây Nguyên, thực dân Pháp đã tiến hành nhiều cuộc hành quân đánh chiếm Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Chúng tăng cường đàn áp, đánh phá các cơ sở cách mạng, đẩy mạnh tuyên truyền chia rẽ dân tộc

Tháng 3-1947, Công sứ Đồng Nai Thượng đã thông tri cho chính quyền tay sai ở các địa phương trong tỉnh phải biến Tây Nguyên thành một vùng hoàn toàn thuộc quyền cai trị của Pháp, chấm dứt sự du nhập của người Việt.

Để bám đất, giành dân ở Tây Nguyên, tháng 4-1947, đồng chí Phạm Văn Đồng đã quyết định thành lập Phân khu 15 gồm tỉnh Kon Tum, phần Bắc tỉnh Gia Lai, phần Tây các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi; lực lượng vũ trang thuộc Phân khu cũng được tổ chức lại gồm hai đại đội 202, 204 và một số đội vũ trang do đồng chí Võ Bẩm chỉ huy. Các đơn vị này có nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, tổ chức tiến công các cứ điểm địch ở Kon Tum, Đắc Lắc, quấy rối địch trong các thành phố, thị xã vùng đồng bằng ven biển, buộc địch phải lui về phòng thủ những nơi bị tiến công.

Để củng cố địa bàn, tháng 9-1947, được sự đồng ý và ủy nhiệm của Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng quyết định tổ chức lại Phân khu 15 gồm 5 tỉnh Tây Nguyên là Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành Khu XV - Tây Nguyên. Việc tổ chức lại miền Nam Trung Bộ thành 3 khu (Khu V, Khu VI, Khu XV - Tây Nguyên) đã tạo nhiều thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ huy và điều động lực lượng vũ trang.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, cuộc kháng chiến của nhân dân ta có nhiều chuyển biến quan trọng. Chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp hoàn toàn bị phá sản, chúng buộc phải lui về bình định và củng cố vùng tạm chiếm. Với chiến thắng Việt Bắc, thế và lực của ta đã thay đổi căn bản.

Giữa tháng 1-1948, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng nhận định: bước sang năm 1948, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi và đang ở thế giằng co. Tuy vậy, địch vẫn có thể huy động được lực lượng để đẩy mạnh chiến tranh; chúng có thể tiến hành những đợt đánh phá ác liệt hơn mà trọng điểm sẽ là đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Năm 1948 sẽ là năm chiến tranh thực sự lan rộng trong toàn quốc. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân ta trong năm 1948 là phải đập tan các cuộc đánh phá của địch, đẩy mạnh hoạt động ở vùng sau lưng địch, tấn công các đồn lẻ, buộc chúng phải thu hẹp vùng kiểm soát, từng bước đưa mặt trận vào sâu trong lòng địch.

Nam Trung Bộ bước sang năm 1948 cũng mang nét chung của tình hình cả nước. Chiến trường đang hình thành hai vùng rõ rệt: vùng tự do có diện tích hơn 20.000 km² với rừng núi hiểm trở, dải đồng bằng hẹp ven biển và gần 2.000.000 dân; vùng tạm bị chiếm gồm một số địa bàn trọng yếu, một số hải cảng và một số thành phố, thị xã ven biển. Do chiến trường cả nước bị chia cắt, sự chi viện cho Nam Trung Bộ rất khó khăn, quân và dân Nam Trung Bộ phải tự nỗ lực vươn lên, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ Trung ương đặt ra cho quân dân Nam Trung Bộ năm 1948 là:

- Đẩy mạnh hơn nữa những hoạt động chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, đánh bại kế hoạch bình định của chúng.

- Thực hiện tự cấp, tự túc, xây dựng và củng cố vùng tự do thành căn cứ địa và hậu phương vững chắc cho chiến trường.

- Phối hợp và hỗ trợ cho các lực lượng cách mạng của hai nước bạn Lào, Campuchia, xây dựng thế trận đánh địch ở vùng biên giới ba nước Đông Dương.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, nhiều công việc đã được quân và dân Nam Trung Bộ thực hiện. Tháng 2-1948, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ban Quân sự Nam Trung Bộ ra chỉ thị chấn chỉnh tổ chức, tăng cường chỉ đạo đối với lực lượng dân quân. Chỉ đạo thực hiện chỉ thị, đầu tháng 4-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng đã triệu tập và chủ trì Hội nghị quân dân, chính, đảng Nam Trung Bộ để thảo luận vấn đề củng cố lực lượng vũ trang địa phương, đẩy mạnh chiến tranh du kích. Ban chỉ huy quân sự đã quyết định rút một bộ phận của các trung đoàn chủ lực để thành lập lực lượng cơ động gồm 7 tiểu đoàn và 23 đại đội độc lập sẵn sàng hỗ trợ cho các chiến trường. Tiếp đó, tháng 6-1948, Hội nghị dân quân và tháng 7-1948, Hội nghị Quân sự toàn Nam Trung Bộ lần thứ hai được triệu tập. Tại các hội nghị này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã quán triệt những nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, từng đơn vị với những yêu cầu cụ thể, thiết thực:

- Xây dựng lực lượng dân quân du kích vững mạnh ở cả vùng địch tạm chiếm và vùng đồng bào các dân tộc ít người; kiện toàn cơ quan lãnh đạo và chỉ huy dân quân du kích ở tất cả các cấp, đưa chiến tranh du kích vào sâu trong lòng địch.

- Phối hợp chặt chẽ những hoạt động của bộ đội chủ lực với hoạt động của dân quân du kích. Bộ đội chủ lực ở nơi nào có trách nhiệm xây dựng và điều chỉnh lực lượng dân quân du kích ở nơi đó.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua lập công, xây dựng làng chiến đấu, sản xuất vũ khí, đạn dược, tặng gia sản xuất để tự túc một phần lương thực, thực phẩm, phấn đấu đạt 300 kg lương thực/người.

Thực hiện Sắc lệnh số 120/SL ngày 25-1-1948 của Chính phủ về việc thành lập các liên khu trong cả nước và Huấn lệnh ngày 23-8-1948 của Tổng Chỉ huy Quân đội quốc gia, ngày 20-10-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng đã ký và ban hành Nghị định về việc sáp nhập các Khu V, VI và XV thành *Liên khu V*. Bộ chỉ huy Liên khu V được thành lập gồm các đồng chí Nguyễn Thế Lâm - Quyền tư lệnh; Nguyễn Chánh - Chính ủy viên¹. Cuối năm 1948, đồng chí Đàm Quang Trung và một đồng chí nữa được cử làm Phó Tư lệnh.

Ngày 22-10-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ đã tổ chức cuộc họp với Bộ Chỉ huy các Khu V, VI, XV và Bộ Chỉ huy Liên khu V, các ban chỉ huy trung đoàn và thủ trưởng các cơ quan đơn vị trực thuộc để trao đổi tình hình và bàn việc triển khai thực hiện Nghị định này.

Để tăng cường hiệu quả lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Trung Bộ đồng chí Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng vùng tự do mạnh cả về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Giữa năm 1947, được đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo, Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ được thành lập và khai giảng khóa đầu tiên ngày 1-10-1947. Với tư cách đại diện Chính phủ, Hiệu trưởng danh dự, đồng chí Phạm Văn Đồng đã chủ trì lễ khai giảng và giảng bài đầu tiên với chủ đề *Trung với nước, hiếu với dân*. Chương trình học tập của Trường Trung học bình dân là chương trình 4 năm của bậc cao đẳng tiểu học (Thành Chung), được các cán bộ Sở Giáo dục Liên khu V biên soạn rút xuống 2 năm cho phù hợp với học viên

¹ Tháng 1-1949, Liên khu V thực hiện chế độ chính ủy, đồng chí Nguyễn Chánh được cử làm Chính ủy Liên khu.

lớn tuổi. Tuy chương trình rút gọn nhưng vẫn bảo đảm số môn học và những nội dung kiến thức cơ bản.

Để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các lực lượng vũ trang, cùng với việc thành lập Trường Trung học bình dân, Trường Trung học bình dân quân sự Liên khu V cũng được thành lập và khai giảng khóa I vào tháng 9-1948 tại cơ sở đầu tiên ở Sơn Tịnh. Trường được tổ chức thành các trung đội, đại đội, có khoảng 400 học viên. Chương trình học tập của Trường Trung học bình dân quân sự gồm các môn văn hóa (tương đương cấp II); các môn quân sự (bảo đảm học viên tốt nghiệp có thể làm tiểu đội trưởng) và các môn học về chính trị, thời sự, đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng và Chính phủ.

Tuy chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn (Trường Trung học bình dân từ năm 1947 đến năm 1952, Trường Trung học bình dân quân sự từ năm 1948 đến năm 1949) nhưng đa số học viên được đào tạo, bồi dưỡng tại các trường này đều trưởng thành, một số đồng chí sau này trở thành cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, tướng lĩnh trong quân đội.

Để đấu tranh kinh tế với địch và xây dựng kinh tế của ta, được Chính phủ cho phép, tháng 9-1947, đồng chí Phạm Văn Đồng và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ đã quyết định phát hành *Bạc tín phiếu kháng chiến* với các mệnh giá 1, 5, 10, 20, 50, 100 và 500 đồng. Bạc tín phiếu không chỉ được lưu hành trong vùng tự do mà còn nhanh chóng được lưu hành ở vùng tạm bị chiếm, được dùng cấp phát tiêu chuẩn sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ. Đến năm 1948, trong vùng tự do chỉ còn bạc tín phiếu và bạc Việt Nam lưu hành, tiền Ngân hàng Đông Dương được thu đổi nộp bổ sung vào ngân quỹ nhà nước. Cho đến nay, nhiều cán bộ, chiến sĩ, nhiều gia đình còn lưu giữ bạc tín phiếu có in hình Chủ tịch Hồ Chí Minh và chữ ký của đồng chí Phạm Văn Đồng, coi đó là kỷ vật trân trọng. Cùng trong năm 1948, được sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng, chỉ nhánh các báo *Sự thật*, *Cứu quốc*, *Vệ quốc đoàn* được xuất bản và phát hành; Đài Phát thanh Nam Trung Bộ bắt đầu phát sóng; tác phẩm *Hồ Chủ tịch - hình ảnh của dân tộc* - tác phẩm đầu tiên của đồng chí Phạm Văn Đồng viết về Bác Hồ được xuất bản và phát hành đã làm cho quân dân Nam Trung Bộ phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho đồng chí Phạm Văn Đồng là liên lạc với lực lượng cách mạng hai nước bạn Lào và Campuchia, từng bước xây dựng thế tựa lưng nhau ở vùng ba biên giới, chi viện cho nhau cùng chiến đấu chống kẻ thù chung. Tháng 9-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ quyết định thành lập *Khu đặc biệt Hạ Lào* (gồm các tỉnh Nam Lào như Atapur, Pắcxê, Xaravan)¹. Cùng trong tháng 9, một số đơn vị liên quân được thành lập, một đội công tác vũ trang được cử lên xây dựng căn cứ ở Tà Ngo (Tây Quảng Nam) để tìm bắt liên lạc với các bạn Lào, trong khi lực lượng cách mạng của bạn cũng đang tìm cách bắt mối liên lạc với ta.

Ngày 1-3-1949, các đồng chí Sithon Commandam và Khămtay Siphăndon mang thư của đồng chí Xuphanuvông gửi đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam ở Nam Trung Bộ. Đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Chính phủ Việt Nam đã gặp phái đoàn Bộ Quốc phòng Chính phủ Lào độc lập do đồng chí Khămtay Siphăndon dẫn đầu để hội đàm, thỏa thuận những vấn đề có tính nguyên tắc, bàn các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường hợp tác và phối hợp hành động giữa Chính phủ và quân dân hai nước. *Khu đặc biệt Hạ Lào* được tổ chức lại thành *Khu Hạ Lào*; một số đơn vị Liên quân Việt - Lào được thành lập. Đây là bước tiến quan trọng trong mối quan hệ chiến đấu Việt - Lào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp của cả hai dân tộc².

Cuối năm 1948 đầu năm 1949, tình hình ở Nam Trung Bộ có những thuận lợi rất căn bản, vùng tự do được xây dựng và củng cố, chiến tranh du kích đã phát triển rộng khắp trong cả vùng địch tạm chiếm, kế hoạch bình định của địch bước đầu bị thất bại, tình thế chiến trường bị chia cắt đã được giải tỏa, thông tin liên lạc giữa trung ương và các miền thông suốt, mọi hoạt động trên chiến trường Nam Trung Bộ đã phối hợp được với các chiến trường khác.

¹ Ban Chỉ huy Khu đặc biệt Hạ Lào gồm các đồng chí: Trần Công Khanh - Khu trưởng, Thu Sơn - Khu phó, Nguyễn Chính Cầu - Chính ủy viên.

² Tại cuộc hội đàm này, ta và bạn thỏa thuận Khu Hạ Lào đặt dưới quyền lãnh đạo của đại diện Chính phủ Lào về mọi mặt. Ta chỉ giữ vai trò cố vấn. Đại diện Chính phủ Lào là đồng chí Khămtay Siphăndon; Khu trưởng là đồng chí Sithon Commandam, đồng chí Đoàn Huyền được cử làm cố vấn quân sự, đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm cố vấn chính trị.

Trong các ngày từ 10 đến 16-1-1949, cùng với các đồng chí chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu V, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã triệu tập và chủ trì Hội nghị chính trị viên bộ đội và dân quân Liên khu lần thứ nhất. Nói chuyện tại Hội nghị, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phân tích tình hình chung của cả nước và những đặc điểm riêng của Liên khu V. Về nhiệm vụ quân sự của Nam Trung Bộ năm 1949, đồng chí chỉ rõ: “phải phát động chiến tranh du kích rộng rãi, đánh sâu vào vùng địch, nhất là Tây Nguyên, phối hợp chặt chẽ với cách mạng Lào và Campuchia, dồn hẹp phạm vi an toàn và chiếm đóng của địch. Ra sức phá hoại kinh tế và chính trị của địch, đẩy mạnh công tác vận động ngụy binh. Giữ vững vùng tự do, xây dựng lực lượng mạnh về mọi mặt. Để hoàn thành tốt những nhiệm vụ đó, cần phải giải thích sâu rộng nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật cho tất cả cán bộ và chiến sĩ, phải thúc đẩy cán bộ tiến về chiến thuật, phải xây dựng công tác đảng, công tác chính trị”¹.

Sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đồng bào chiến sĩ Nam Trung Bộ và những bước phát triển của cuộc kháng chiến là niềm vui và sự khích lệ đối với đồng chí Phạm Văn Đồng. Trong niềm vui và sự khích lệ này khoảng đầu năm 1948, được sự quan tâm của Chính phủ và sự giúp đỡ của các cơ quan, địa phương, cô Phạm Thị Cúc - người vợ thân yêu của đồng chí Phạm Văn Đồng vào tới Nam Trung Bộ. Đó là nguồn động viên để đồng chí càng phấn khởi công tác.

Vượt qua những thử thách trong hai năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1947-1948), từ chỗ là một chiến trường sau lưng địch, bị chia cắt với các chiến trường khác, với tinh thần tự lực tự cường, quân và dân Nam Trung Bộ đã từng bước tạo được thế đứng vững chắc, phối hợp và liên kết với những hoạt động của các chiến trường trong toàn quốc. Thắng lợi quan trọng đó đã tạo thế và lực để quân dân Nam Trung Bộ vươn lên cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từng bước đến thắng lợi. Bằng công sức và trí tuệ của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có những cống hiến xuất sắc và sáng tạo trong những thành quả chung đó.

¹ Biên bản Hội nghị chính trị viên Liên khu V lần thứ nhất, Xem Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, Sđd, tr.151.

Trong những tháng năm làm Đặc phái viên, Đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, được sự giúp đỡ của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi, cơ quan đại diện được đặt tại nhà ông Ngô Xuân Dương, ở xã Hành Minh (nay là thị trấn Chợ Chùa), huyện Nghĩa Hành. Nhân viên cơ quan chủ yếu là do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ và tỉnh Quảng Ngãi cử. Nhà ông Ngô Xuân Dương có địa thế thuận lợi, xa đường quốc lộ 1A, có nhiều cây cối lâu năm che phủ, dễ ngụy trang. Với nhiệt tình yêu nước, ông Ngô Xuân Dương dành cả ba gian nhà chính để đồng chí Phạm Văn Đồng tổ chức hội họp và tiếp khách; gian trái phía tây là nơi ở và làm việc của đồng chí với những đồ dùng đơn giản.

Để bảo đảm bí mật, bất ngờ, có lúc đồng chí Phạm Văn Đồng chuyển sang một cơ quan đường sắt; có lúc chuyển về nhà người anh thứ hai ở Mộ Đức; cũng có lúc chuyển xuống làm việc tại một cơ sở ở Bình Định.

Việc đi lại cũng rất đơn giản, khi dùng ngựa lúc đi xe đạp, nhiều khi đi bộ. Giao thông liên lạc thì tùy yêu cầu công việc mà nhờ sự giúp đỡ của các cơ quan địa phương. Đồng chí sinh hoạt chung với anh em trong cơ quan. Tuy vậy, mọi công việc đều được thực hiện khẩn trương chính xác, cụ thể và thiết thực. Tác phong làm việc và sinh hoạt của đồng chí đã tạo niềm tin yêu của cán bộ và nhân dân địa phương.

Khoảng tháng 2-1949, đồng chí Phạm Văn Đồng tạm biệt cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Trung Bộ trở lại Việt Bắc nhận công tác mới ở Trung ương.

3. Thành viên Bộ Chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Trở lại Việt Bắc nhận nhiệm vụ công tác mới, đồng chí Phạm Văn Đồng được Đảng cử bổ sung là ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngày 25-7-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí là Phó Thủ tướng Chính phủ. Theo Sắc lệnh số 86, ngày 2-8-1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng Quốc phòng tối cao, đồng chí Phạm Văn Đồng được cử làm Phó Chủ tịch.

Bước sang năm 1950, tình hình thế giới có những chuyển biến lớn tác động đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời làm cán cân so sánh lực lượng cách mạng và phản cách mạng thay đổi ngày càng thuận lợi cho các lực lượng cách mạng, hòa bình và tiến bộ. Hiệp ước hữu nghị liên minh tương trợ Xô - Trung (14-2-1950) và sự ra đời của Hội đồng tương trợ kinh tế trước đó (1-1949) đã hình thành khối liên minh các nước xã hội chủ nghĩa.

Đáp lại tuyên bố ngày 14-1-1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ các nước tôn trọng chủ quyền lãnh thổ và quốc gia của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ ngày 18-1 đến ngày 18-2-1950, Chính phủ các nước Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta. Thắng lợi ngoại giao ấy đã mở ra triển vọng và sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả cả về tinh thần và vật chất mà các nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân giành cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Nhận định rõ tình hình, chủ động trước những diễn biến mới, từ ngày 21-1 đến 3-2-1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng được tổ chức để thảo luận, nghiên cứu tình hình và đề ra những chủ trương, biện pháp đưa cuộc kháng chiến lên bước phát triển mới. Hội nghị đã ra Nghị quyết *Về việc chuyển mạnh sang tổng phản công* những nhiệm vụ công tác lớn và cần kíp về mọi mặt, trọng tâm là tăng cường xây dựng quân đội, đẩy mạnh tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; củng cố hậu phương, căn cứ ta; củng cố chính quyền dân chủ nhân dân; động viên thi đua ái quốc; tăng cường củng cố, xây dựng Đảng...¹. Tại Hội nghị đồng chí Phạm Văn Đồng đọc báo cáo *Phải kiên toàn chính quyền nhân dân để tổng phản công và kiến thiết chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam*. Đồng chí đã khái quát một số nội dung về vấn đề xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân trong điều kiện vừa kháng chiến, vừa kiến quốc và khẳng định rõ: “Nhà nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam ngày nay là một nhà nước cộng hòa nhân dân”. Tính chất giai cấp của Nhà nước thể hiện ở ba nội dung cơ bản: “Là chế độ chuyên chính của nhân dân, của quảng đại quần chúng công nông, dưới

¹ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.11, tr.197-219.

sự lãnh đạo của giai cấp công nhân”, “là công cụ đảm bảo sự thực hiện chế độ dân chủ nhân dân, chế độ quá độ sang xã hội chủ nghĩa”, “đứng trong mặt trận dân chủ thế giới do Liên Xô cầm đầu và phải nhờ cậy sức giúp đỡ của Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân để bảo vệ độc lập của mình và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân”¹. Nhận thức rõ bản chất của Nhà nước đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh chức năng, nhiệm vụ của chính quyền nhà nước. Đồng chí nói: “Chế độ cộng hòa nhân dân Việt Nam nói cụ thể Nhà nước Cộng hòa nhân dân Việt Nam là một chế độ chuyên chính.

Đó là chế độ chuyên chính dân chủ của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và Việt gian. Đối với thực dân Pháp và Việt gian, đối với cái gì làm hại cuộc kháng chiến, làm hại nền độc lập của Việt Nam nó quyết trừ diệt và dùng mọi phương pháp, mọi phương tiện để trừ diệt. Quyền chuyên chính ấy là quyền chung của nhân dân, của mọi giai cấp, mọi tầng lớp, mọi người chống Pháp, nghĩa là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ ái quốc. Nó tiêu biểu trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến hiện thời. Nó là sự thực hiện khối toàn dân đoàn kết, Mặt trận dân tộc thống nhất trong chính quyền và bộ máy nhà nước. Đối với quân thù, nó là chuyên chính; đối với nhân dân nó là dân chủ, nó là quyền chung, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi giai cấp, mọi tầng lớp, mọi người”².

Vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng cầm quyền trong điều kiện vừa kháng chiến, vừa kiến quốc được đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: “Đảng ta là một đảng chấp chính. Đảng ta phải dùng chính quyền và bộ máy chính quyền để thực hiện chính sách của Đảng. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp ủy, của các cán bộ, của toàn thể đảng viên. Đảng ta có sự phân công tất nhiên và cần thiết theo các ngành quân, dân, chính, đảng, nhưng phân công để chia nhau phụ trách nhiệm vụ nói trên, phân công để phối hợp”³. Quan điểm của đồng chí rất rõ ràng, Đảng phải lãnh đạo toàn diện; những quan niệm như việc chính quyền “khoán trắng cho đồng chí phụ trách chính quyền, không lãnh đạo”, hoặc “tương

¹ *Sđd*, t.11, tr.181.

² *Sđd*, t.11, tr.183.

³ *Sđd*, t.11, tr.190.

lầm rằng lãnh đạo chính quyền là can thiệp vào công việc vụn vặt hàng ngày”¹ đều là sai lầm, khuyết điểm. Theo đồng chí, Đảng lãnh đạo chính quyền thể hiện cụ thể ở các mặt sau đây:

“a) Trung ương lãnh đạo chính quyền về đường lối, chính sách, chủ trương lớn. Việc lãnh đạo này phải bao quát tất cả các vấn đề chính quyền để tránh thiên lệch, tránh không ăn khớp. Đảng đoàn Chính phủ trung ương căn cứ quyết nghị và chỉ thị của Trung ương lãnh đạo và điều khiển công tác Chính quyền toàn quốc của Chính phủ trung ương... toàn Đảng phải chấp hành.

b) Cấp ủy đảng địa phương, căn cứ quyết nghị và chỉ thị cấp trên (Đảng và chính quyền) và tình hình địa phương, lãnh đạo chính quyền địa phương qua đảng đoàn chính quyền địa phương. Cấp ủy lãnh đạo về đường lối, chủ trương. Cấp ủy không trực tiếp can thiệp vào công tác chính quyền, công tác chính quyền một cấp đều do đảng đoàn chính quyền cấp ấy trực tiếp phụ trách”².

Quan điểm chỉ đạo trên đây là rất cụ thể, chính xác, tới nay vẫn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tổ chức nhằm xác định chủ trương, đường lối cho giai đoạn mới của cuộc kháng chiến, với các nhiệm vụ trọng tâm là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến, thực hiện người cày có ruộng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội, bản báo cáo *Mấy vấn đề cốt yếu của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam* của đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp tục nêu rõ những quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng, tổ chức chính quyền nhà nước. Đồng chí cho rằng: “Muốn tổ chức một chính quyền dân chủ nhân dân thật sự, đảm bảo việc nhân dân tham dự trực tiếp, thường xuyên, có hiệu lực, chúng ta phải thực hiện đầy đủ chế độ *dân chủ tập trung*... Chính phủ trung ương, Ủy ban hành chính các cấp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trước hội đồng nhân dân cấp mình và như thế là báo cáo trước nhân dân”. Cụ thể hóa nguyên tắc dân chủ tập trung, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: “Trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân, trong Chính phủ trung ương và ủy ban hành chính các

¹ *Sđđ*, t.11, tr.191.

² *Sđđ*, t.11, tr.193-194.

cấp, thiếu số phải phục tùng đa số... Cơ quan hành chính các địa phương phải phục tùng Chính phủ trung ương. Các cơ quan chuyên môn cấp nào phải phục tùng cơ quan chính quyền (Ủy ban kháng chiến hành chính) cấp ấy”¹.

Đại hội lần thứ II của Đảng đã bầu đồng chí Phạm Văn Đồng làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp khoảng giữa tháng 3 đầu tháng 4-1951 đã cử đồng chí làm Ủy viên chính thức Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời kiêm nhiệm Bí thư Đảng đoàn của Chính phủ, Trưởng ban Kinh tế - Tài chính, Trưởng Tiểu ban Miên - Lào, thành viên Ban Tuyên huấn Trung ương².

Theo quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là *Đảng Lao động Việt Nam*. Đại hội cũng quyết định thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam thành một tổ chức mặt trận thống nhất, lấy tên là *Mặt trận Liên Việt*; đồng thời tăng cường củng cố khối liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào.

Ngày 11-3-1951, tại Việt Bắc, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào đã được tổ chức theo sáng kiến của Đảng ta. Đại diện Mặt trận Liên Việt của Việt Nam, của Mặt trận Khome Ítxarác, của Mặt trận Lào Ítxala đã thảo luận và nhất trí việc thành lập Khối Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền dân tộc; thống nhất chương trình hành động chung. Hội nghị đã nhất trí thành lập ủy ban liên minh nhân dân Việt Miên-Lào gồm các đồng chí và các vị: Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Minh Giám, Xuphanuvông, Nuhác, Sơn Ngọc Minh, Tuxamút...

Tiếp tục những suy nghĩ về vấn đề tăng cường hiệu lực quản lý điều hành của bộ máy nhà nước, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 6 ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Phạm Văn Đồng viết bài đăng trên Báo *Nhân dân*, ngày 2-9-1951. Đồng chí quán triệt: Kiện toàn bộ máy chính quyền phải thể hiện rõ ở các công tác lớn như:

¹ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr.232-233.

² Xem *Sđđ*, t.12, tr.521-522, 525-527.

“1. Chấn chỉnh và kiện toàn bộ máy chính quyền đúng với nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chấn chỉnh bộ máy và lề lối làm việc của cấp xã.

3. Kiên quyết chống bệnh quan liêu”¹.

Những quan điểm trên đây có tính lịch sử, bởi nó được hình thành trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhiều vấn đề cấp bách, những đòi hỏi của chiến trường phải nhanh chóng được đáp ứng, nhưng Đảng, Chính phủ và đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn chú trọng tới việc củng cố bộ máy chính quyền nhà nước, coi đây là công tác đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Nhiều chủ trương, biện pháp đã được đồng chí đề xuất và tổ chức thực hiện như các bộ thuộc Chính phủ được tổ chức lại, quy định về lề lối làm việc giữa Chính phủ trung ương và chính quyền các địa phương được ban hành; các quyết sách lớn về kinh tế, tài chính, văn hóa - giáo dục, về thực hiện nhiệm vụ dân chủ - người cày có ruộng được hoạch định và thực thi. Trong một số bài nói, bài viết như: *Mấy vấn đề cấp bách về kinh tế - tài chính* (1951), *Mấy công tác lớn năm 1951*, *Bàn về kế hoạch sản xuất và tiết kiệm* (1952), *Báo cáo tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ kiểm điểm công tác 6 tháng cuối năm 1952*, *Tham luận tại Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và ủy ban Liên Việt toàn quốc* (2-1953) v.v., đồng chí Phạm Văn Đồng đã cụ thể hóa một số công việc cấp bách trong công tác kinh tế - tài chính như thực hiện tăng thu giảm chi, thống nhất chế độ thu chi của các cơ quan... Đồng chí giải thích: Tăng thu nghĩa là “chỗ nào tăng được thì phải tăng để bảo đảm việc cung cấp cho quân đội, cho kháng chiến... Tăng thu không có nghĩa là chỉ chú trọng thu thuế khóa mà cần tiến hành thử việc thu đối với các doanh nghiệp quốc gia”²; “giảm chi nghĩa là chỗ nào giảm được thì giảm, giảm để dành phần cần thiết cho quân đội, cho tiền tuyến. Cái giảm được thì giảm hẳn, cái gì giảm được một phần thì giảm một phần, cái gì hoãn được thì hoãn”³. Đồng chí nhấn mạnh: Điều kiện cần thiết để thực hiện được giảm chi trước hết phải tổ chức lại bộ máy biên chế. Đồng chí nêu câu hỏi: “Căn cứ vào cái gì để

¹ Báo Nhân dân, số 23, ngày 2-9-1951.

² Báo Nhân dân, từ số 7 đến số 12, từ ngày 7-4 đến 14-6-1951.

³ Báo Nhân dân, từ số 7 đến số 12, từ ngày 7-4 đến 14-6-1951.

quy định số người mà công quỹ phải gánh vác việc chi phí” và trả lời rõ: “Phải căn cứ vào sức đóng góp của nhân dân; phải căn cứ vào tiêu chuẩn cung cấp đã được quy định. Đó là hai giới hạn quy định số người biên chế trong các cơ quan, tổ chức”¹. Mục tiêu của việc sắp xếp tổ chức được đồng chí nêu rõ là: “Kháng chiến trên hết, tiền tuyến trên hết”.

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở cuộc vận động *Phóng tay phát động quần chúng triệt để thực hiện giảm tô là tiến hành cải cách ruộng đất*. Đường lối chung của Đảng là: Dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến. Phương châm và phương pháp tiến hành là: Phát động và tổ chức quần chúng đấu tranh từng bước, có kế hoạch có lãnh đạo chặt chẽ. Đối với các hạng địa chủ, phải căn cứ vào thái độ chính trị của họ mà tiến hành tịch thu, trưng thu, hoặc trưng mua ruộng đất. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Đảng và Chính phủ phân công chuẩn bị và là một trong những đồng chí chỉ đạo cuộc vận động này. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tư (khóa II, tháng 1-1953), đồng chí đã trình bày báo cáo (dự thảo) *Cương lĩnh về chính sách ruộng đất của Đảng*. Bản dự thảo được Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ năm (11-1953) thảo luận, bổ sung và trở thành *Cương lĩnh ruộng đất của Đảng*.

Tại cuộc họp của Hội đồng Chính phủ (đầu tháng 3-1953) đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc bản báo cáo *Mục đích, phương châm, kế hoạch phát động quần chúng và nhiệm vụ của chính quyền trong phát động quần chúng*. Cuộc họp đã thảo luận, bổ sung, thông qua báo cáo và cụ thể hóa trong các văn bản về chính sách ruộng đất của Đảng, về công tác phát động quần chúng và trình Quốc hội. Tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa I (12-1953), đồng chí Phạm Văn Đồng trình bày dự thảo *Luật Cải cách ruộng đất*. Quốc hội đã thảo luận, bổ sung và biểu quyết thông qua. Cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia một số lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác cải cách ruộng đất. Những ý kiến trong các lớp này và trong một số bài viết, đồng chí đã có những ý kiến chỉ đạo thiết thực, sâu sát. Đồng chí đề nghị: Phải

¹ Báo Nhân dân, từ số 7 đến số 12, từ ngày 7-4 đến 14-6-1951.

tiến hành công tác chinh đồn tư tưởng và tổ chức thông qua vận động *Phóng tay phát động quần chúng*, qua đó củng cố chính quyền ở nông thôn. Đồng chí đã nêu lên ba nhiệm vụ cụ thể là:

Một là, phải triệt để ủng hộ cuộc vận động *Phóng tay phát động quần chúng* triệt để thực hiện giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất.

Hai là, Nhà nước cần ban hành những luật pháp cần thiết quy định những điểm cụ thể về ruộng đất, hình thức xử lý những người làm trái quy định.

Ba là, lập các hình thức tòa án xét xử những kẻ phạm tội.

Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, nhiều cán bộ và quần chúng băn khoăn trong việc phân biệt giữa địa chủ yêu nước, kháng chiến với địa chủ cường hào. Đồng chí Phạm Văn Đồng giải thích: “Trước hết phải hỏi thế nào là yêu nước, kháng chiến, tiến bộ? Yêu nước không phải chỉ là yêu đất ruộng và quyền lợi của mình. Kháng chiến không phải kháng chiến suông, đóng góp chút đỉnh để nhân dân hy sinh, chiến đấu giữ ruộng đất, quyền lợi cho mình... Đó phải là sự chấp hành mọi chính sách của Chính phủ, một lòng một dạ hy sinh quyền lợi ích kỷ của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến”¹. Đồng chí yêu cầu phải chú trọng thái độ chính trị của các hạng địa chủ để xem xét một cách cụ thể, có tình, có lý, đúng luật pháp.

Để đối phó với tình thế thất bại hoàn toàn, mùa hè năm 1953, giới cầm quyền Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch Nava ra đời với ý đồ giành chiến thắng quân sự quyết định tạo cơ sở cho giải pháp chính trị để nước Pháp rút khỏi cuộc chiến tranh trong “danh dự”. Kế hoạch được dự kiến tiến hành trong 18 tháng với sự nỗ lực cao nhất của nước Pháp và sự viện trợ của Mỹ.

Thực hiện kế hoạch Nava, thực dân Pháp đã tăng quân viễn chinh và lực lượng cơ động, ra sức bắt lính và củng cố nguy quân. Từ mùa hè cho tới cuối năm 1953, một số chiến dịch càn quét lớn được tiến hành ở Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Khu V và Nam Bộ đánh phá ác liệt vào vùng tự do và các căn cứ kháng chiến của ta. Tháng 7-1953, chúng cho quân nhảy dù tập kích Lạng Sơn, rút

¹ Báo *Nhân dân*, số 98, từ ngày 6 đến ngày 10-3-1953.

quân về tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ và trấn giữ một số địa bàn xung yếu. Tháng 11-1953, chúng đổ quân xuống Điện Biên Phủ và xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm; hình thái của một trận quyết chiến, chiến lược đã hình thành.

Nhận định chính xác diễn biến tình hình và âm mưu địch, tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh để nghiên cứu âm mưu và kế hoạch Nava của thực dân Pháp, xác định phương hướng và nhiệm vụ chiến lược trong Đông - Xuân 1953-1954. Một kế hoạch tác chiến chiến lược đã được hoạch định với phương châm *tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt*; nguyên tắc chỉ đạo là đánh ăn chắc, đánh chắc thắng, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ địch sơ hở.

Để bảo đảm yêu cầu cung cấp cho chiến trường, từ tháng 6-1953, Hội đồng Chính phủ đã quyết định thành lập *Hội đồng cung cấp Mặt trận* do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng là Chủ tịch, Tổng Thanh tra Nguyễn Văn Trân làm Phó Chủ tịch. Hội đồng cung cấp mặt trận có các thành viên là đại diện của Bộ Tài chính (kho thóc), Bộ Công Thương (mậu dịch), Bộ Lao động (dân công), Bộ Giao thông - Công chính (đường sắt, vận tải), Bộ Y tế, Thứ trưởng Bộ Công an, Nha Tuyên truyền văn nghệ và Tổng cục Cung cấp. Hội đồng Cung cấp có nhiệm vụ chỉ đạo việc tiếp tế cho tiền tuyến của các cơ quan kho thóc, y tế, mậu dịch; lo công tác vận tải và dân công, huy động tối đa sức người, sức của cho các trận đánh lớn trên chiến trường Đông Xuân 1953-1954¹.

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo cả về lực lượng và công tác hậu cần, Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu đã chỉ đạo việc triển khai thế trận trên chiến trường chính Bắc Bộ và trên chiến trường Lào và đông bắc Campuchia. Từ tháng 12-1953 đến tháng 1-1954, các lực lượng vũ trang ta đã giáng cho quân viễn chinh Pháp năm đòn chiến lược, vừa tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, vừa buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động thành nhiều cứ điểm phòng ngự. Năm đòn chiến lược đó là các chiến dịch đánh địch ở Lai Châu (12-1953), ở Trung Lào (12-1953), ở Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia (12-1953 đến 1-1954), ở Tây Nguyên (1-1954), ở Thượng Lào (1-1954). Cùng tháng 12-1953,

¹ *Biên bản họp Hội đồng Chính phủ năm 1953*, Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr.78-79.

Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ và cử đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận.

Khẳng định tầm quan trọng và ý nghĩa chiến lược của Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: “Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”¹.

Ngày 13-3-1954, tiếng súng mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu nổ. Trải qua ba đợt chiến đấu gian khổ và ác liệt, liên tục trong 55 ngày đêm, ngày 7-5-1954, quân ta giành toàn thắng, toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ đã bị tiêu diệt và bắt sống.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc oanh liệt cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 của quân đội và nhân dân Việt Nam anh hùng; kế hoạch Nava của giới cầm quyền Pháp - Mỹ hoàn toàn phá sản, cục diện chiến tranh đã xoay chuyển, tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh của ta trên mặt trận ngoại giao.

4. Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất chú trọng những hoạt động trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, đặc biệt là những hoạt động nhằm tăng cường đoàn kết chiến đấu giữa các lực lượng kháng chiến của hai nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Cách mạng Trung Quốc thành công, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đạt những thành tựu rực rỡ, cuộc chiến tranh ở Triều Tiên chấm dứt, hòa bình lập lại trên bán đảo Triều Tiên, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước phát triển mới, cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản và dư luận tiến bộ Pháp đòi chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương là những nhân tố tác động mạnh mẽ tới cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

¹ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1995, t.5, tr.429.

Cuộc Chiến tranh ở Việt Nam đã làm cho Pháp bị hao tổn ngày càng nhiều, từ năm 1946 đến năm 1953, nước Pháp đã tiêu tốn hơn 3.000 tỷ phrăng. Trên chiến trường Việt Nam lực lượng quân viễn chinh Pháp bị tiêu diệt ngày càng nhiều. Tính đến tháng 11-1952, gần 32 vạn tên địch bị tiêu diệt, thế bị động của quân viễn chinh Pháp ngày càng lộ rõ; phong trào đòi chấm dứt cuộc chiến tranh bản thu ngày càng rộ lên trong các nghị sĩ chủ hòa, đòi thương lượng trực tiếp với Chính phủ Hồ Chí Minh để chấm dứt cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy vậy, giới chủ chiến như Thủ tướng Lanien, Bộ trưởng Quốc phòng Plêven, Bộ trưởng Ngoại giao Bidôn vẫn hy vọng vào việc Mỹ tăng cường viện trợ có thể giúp Pháp giành chiến thắng để đàm phán với Việt Minh trên thế mạnh. Ngày 23-11-1953, trong chuyến thị sát tình hình Việt Nam, Phó Tổng thống Mỹ R.Níchxon tuyên bố với các sĩ quan Pháp: Trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể đàm phán với Việt Minh. Trong khi đó, các nước lớn cũng có tính toán về lợi ích của riêng mình trong việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương. Trung Quốc chủ trương sớm giải quyết hòa bình cuộc xung đột ở Đông Dương để một mặt có thể ngăn chặn Mỹ mở rộng chiến tranh, bảo đảm hòa bình và an ninh cho Trung Quốc và Viễn Đông, mặt khác nhân đó thể hiện vị thế của mình trong các vấn đề quốc tế, dựa vào Liên Xô để tạo thế đối trọng với Mỹ.

Tháng 3-1953, Xtalin qua đời, ban lãnh đạo mới của Liên Xô, do Khorútốp đứng đầu đề ra quan điểm *chúng sống hòa bình* giữa các chế độ chính trị khác nhau, coi việc hòa hoãn với Mỹ là trọng tâm của các chính sách đối ngoại Liên Xô mong muốn củng cố quan hệ đồng minh và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tạo thế cân bằng với Mỹ và phương Tây. Vì vậy, Liên Xô muốn giải pháp hòa bình cho vấn đề Đông Dương ngăn chặn Mỹ mở rộng chiến tranh nóng và củng cố thế hòa hoãn ở Viễn Đông.

Ngày 4-8-1953, Liên Xô gửi công hàm cho các nước lớn đề nghị triệu tập *Hội nghị ngũ cường* gồm Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc để nghiên cứu các biện pháp làm giảm tình hình căng thẳng ở Viễn Đông. Đề nghị này chưa được Anh, Mỹ chấp nhận với lý do phản đối sự tham gia của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Liên Xô liền đề nghị triệu tập *Hội nghị tứ cường* (chưa có sự tham gia của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa).

Ngày 25-1-1954, Hội nghị tứ cường khai mạc tại Béclin với sự tham gia của các Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Mômôlôp, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Đalét, Bộ trưởng Ngoại giao Anh Êđen và Bộ trưởng Ngoại giao Pháp G.Bidôn. Tại phiên họp đầu tiên của Hội nghị, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Đalét đưa ra ý kiến chỉ bàn vấn đề Đức và Áo, gạt bỏ việc triệu tập Hội nghị năm nước lớn có sự tham gia của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Do đoàn Liên Xô kiên trì đấu tranh, các đoàn Anh, Pháp có thái độ thực tế, đại diện Mỹ buộc phải chấp nhận việc họp Hội nghị quốc tế Giơnevơ có đại diện Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tham dự để bàn giải pháp chính trị cho vấn đề Triều Tiên và giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương. Thỏa thuận này được ghi trong thông báo cuối cùng ngày 18-2-1954 của Hội nghị tứ cường.

Trong bối cảnh quốc tế sau Hội nghị Bàn Môn Điếm và việc chấm dứt chiến tranh Triều Tiên, Đảng ta nhận định: “Trong lịch sử, có nhiều cuộc chiến tranh do thương lượng hòa bình mà đi đến đình chiến. Chiến tranh Triều Tiên là một thí dụ. Hơn nữa, hiện nay đường lối chung của phe ta trên thế giới là: dùng mọi cách để gây lại và tăng cường *hòa hoãn quốc tế*, gìn giữ và củng cố hòa bình thế giới và tình hữu nghị giữa các dân tộc”¹.

Song song với chủ trương đẩy mạnh các hoạt động quân sự, đẩy mạnh cuộc kháng chiến, Đảng và Chính phủ ta đã dự định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao với địch. Ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn của báo Thụy Điển *Expressen*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố. “Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó...”

Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam...

Nếu có những nước trung lập nào muốn cố gắng để xúc tiến việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam bằng cách thương lượng, thì sẽ được hoan nghênh,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.14, tr.555.

nhưng việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Chính phủ Pháp”¹.

Ngày 19-12-1953, trong lời kêu gọi nhân kỷ niệm 7 năm ngày toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại lập trường trên đây. Người nói rõ: “Bởi vì thực dân Pháp cứ tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược, cho nên nhân dân Việt Nam quyết đánh mạnh hơn nữa, tiêu diệt sinh lực địch nhiều hơn nữa, quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và muốn giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng sẵn sàng nói chuyện”². Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã quán triệt: “Chúng ta *tuyệt đối không nên có ảo tưởng rằng hòa bình sẽ đến một cách mau chóng và dễ dàng*. Hòa bình cũng như độc lập phải *đấu tranh gian khổ mới giành được*”, kẻ địch “chi chịu thương lượng hòa bình khi nào chúng bị ta tiêu diệt thật nhiều sinh lực và tự nhận thấy không thương lượng hòa bình không được. Căn cứ vào lực lượng so sánh giữa ta và địch lúc này, điều kiện thương lượng hòa bình chưa chín muồi. Ta phải đẩy mạnh kháng chiến, tiêu diệt cho thật nhiều sinh lực địch hơn nữa thì địch mới chịu nhận thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam, tôn trọng quyền tự do, độc lập của dân tộc ta”³.

Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo *Expressen* đã gây tiếng vang lớn tại Pháp và trên thế giới. Các đoàn thể nhân dân và nhiều nhà chính trị Pháp đòi Chính phủ Lanien tiến hành đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh. Dưới sức ép của dư luận, ngày 3-12-1953, Chính phủ Pháp phải tuyên bố muốn biết lập trường của phía bên kia (tức Việt Minh) bằng con đường chính thức” và tỏ ý sẵn sàng xem xét việc lập lại hòa bình, bảo đảm độc lập cho các quốc gia liên kết”.

Ngày 5-3-1954, Quốc hội Pháp mở phiên họp đặc biệt bàn về vấn đề Đông Dương. Dù có sự cản trở của phái “điều hòa”, ngày 10-3-1954, Quốc hội Pháp vẫn thông qua Nghị quyết hoan nghênh việc triệu tập Hội nghị quốc tế

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.7, tr.168-169.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.192.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.14, tr.556.

Gionevơ để bảo đảm hòa bình và an ninh của các quốc gia liên kết trong khối Liên hiệp Pháp.

Pháp đồng ý triệu tập Hội nghị quốc tế tại Gionevơ khi quân ta chưa mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ, Tướng Nava còn đang tự hào về tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tin tưởng ở viện trợ của Mỹ và Pháp có khả năng đàm phán trên thế mạnh.

Nắm vững diễn biến tình hình thế giới và trong nước, nhận lời mời của Trung Quốc và Liên Xô, Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định cử đồng chí Phạm Văn Đồng - Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao làm Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham dự Hội nghị Gionevơ. Đây là một sự tín nhiệm rất lớn, bởi “đồng chí là một nhà cách mạng lâu năm được toàn dân ta yêu mến và tín nhiệm”¹.

Để chuẩn bị tham dự Hội nghị Gionevơ, cuối tháng 3-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng và các thành viên trong đoàn sang Trung Quốc, sau đó sang Liên Xô để tham khảo kinh nghiệm tham dự các hội nghị quốc tế và chuẩn bị thêm tài liệu. Ngày 1-5-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng đoàn đại biểu Chính phủ ta dự lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 tại Quảng trường Đỏ, ít ngày sau đoàn lên đường đi Gionevơ.

10 giờ 20 phút ngày 4-5-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu ta đến Gionevơ. Ra đón đoàn tại sân bay có đồng chí Grômucô - Thứ trưởng Ngoại giao Liên Xô, Chu Ân Lai - Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Nam Nhật - Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên và đại diện Chính phủ Thụy Sĩ. Phát biểu tại sân bay đồng chí Phạm Văn Đồng cảm ơn đại biểu các nước anh em và gửi lời chào Chính phủ và nhân dân Thụy Sĩ. Đồng chí tuyên bố: “Một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Hội nghị Gionevơ là vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở công nhận quyền dân tộc của nhân dân Việt Nam, Miên và Lào. Đó là nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương, nhân dân Đông Nam Á và nhân dân toàn thế giới. Đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đem hết sức mình để góp phần vào việc giải quyết hòa bình vấn đề Đông

¹ Báo *Nhân dân*, số 183, từ ngày 9 đến ngày 11-5-1954.

Dương. Đoàn đại biểu Việt Nam tin chắc rằng những cố gắng thành khẩn và có tính cách xây dựng của các nước tham gia Hội nghị Giơnevơ sẽ đem lại một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương và do đó đảm bảo việc duy trì hòa bình và an ninh các nước châu Á, việc làm giảm tình hình quốc tế căng thẳng và củng cố hòa bình thế giới”¹.

Tham gia Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương có 9 đoàn đại biểu: Liên Xô, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Mỹ, Anh, Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, “Quốc gia Việt Nam”, Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào.

Đại biểu các chính phủ kháng chiến Pathét Lào và Khome Ítxarác cũng đã có mặt ở Giơnevơ, nhưng chưa được chính thức tham gia.

Hội nghị do các trưởng đoàn Liên Xô và Anh đồng chủ tịch.

Ngày 7-5-1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ đã tạo thêm tư thế và sức mạnh cho đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Chính phủ ta trong cuộc đấu tranh trên bàn Hội nghị Giơnevơ.

Chiều 8-5-1954, tại lầu đài các dân tộc, Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương khai mạc. Đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Chính phủ ta dự phiên khai mạc trong tư thế của người vừa chiến thắng, trong khi Bidôn và các thành viên của phái đoàn Chính phủ Pháp với trang phục màu đen và Thủ đô Pari của họ đang treo cờ rủ.

Ngay trong phiên họp đầu tiên, G.Bidôn - Trưởng đoàn đại biểu Pháp đã trình bày lập trường của Pháp: Rút tất cả lực lượng Việt Minh về những khu vực được quy định, giải giáp lực lượng dân quân du kích, trao trả tù quân sự và dân sự, thực hiện kiểm soát quốc tế. Bidôn còn tuyên bố: “Nếu sự có mặt trong cuộc Hội nghị này của một bên đã tổ chức các lực lượng vũ trang để chống lại Quốc gia Việt Nam (tức chính quyền Bảo Đại) đã được chấp nhận như là sự cần thiết để đi tới một thỏa thuận ngừng chiến sự thì sự có mặt đó không thể được giải

¹ Báo *Nhân dân*, số 183, từ ngày 9 đến ngày 11-5-1954.

thích là việc đó bao hàm một sự công nhận với tính chất nào đó”¹. Sự thật, đây chỉ là một cách lẩn trốn vấn đề chính trị để nêu một giải pháp thuần túy quân sự.

Đồng chí Phạm Văn Đồng, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam đã phát biểu ý kiến. Đồng chí nói: “Hội nghị này có nhiệm vụ xét đến việc đình chiến và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đó là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Vận mệnh của các dân tộc ở Đông Dương, hòa bình và an ninh ở Đông Nam Á và toàn châu Á, và hòa bình toàn thế giới là do việc đó quyết định”². Đồng chí Phạm Văn Đồng đề nghị Hội nghị mời đại biểu của Chính phủ kháng chiến Khơ me Ítxarác và Chính phủ kháng chiến Pathét Lào tham gia Hội nghị. Đồng chí nói rõ: Hai chính phủ đó được nhân dân ủng hộ, có uy tín và ảnh hưởng lớn trong toàn thể nhân dân hai nước. Sự có mặt của đại diện hai chính phủ kháng chiến Khome và Lào là cần thiết, đây sẽ là một đảm bảo cho Hội nghị thành công³.

Lời đề nghị của đồng chí Phạm Văn Đồng chưa được Ngoại trưởng Liên Xô và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thực sự tán thành, trong khi đại biểu Mỹ và Pháp kiên quyết bác bỏ. Chủ tịch phiên họp là Ngoại trưởng Anh đề nghị gác vấn đề lại và tuyên bố nghị họp.

Việc đại biểu “ba quốc gia liên kết” là “Quốc gia Việt Nam”, Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào có được tư cách thành viên chính thức, trong khi đại biểu Pathét Lào và Khơ me Ítxarác không được tham dự Hội nghị là một khó khăn cho đoàn Chính phủ ta. Với thành phần 9 bên, hai phía: Phía đối phương 6 bên, phía ta 3 bên; trong khi Liên Xô, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là hai đồng minh lớn tuy ủng hộ cuộc kháng chiến và lập trường đàm phán của Việt Nam, nhưng cũng có những tính toán riêng, quan điểm đánh giá cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước Lào, Campuchia và liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào có những điểm khác Việt Nam đã tạo nên một số vấn đề không

¹ Philippe Devillers et Jean Lacouture: *Vietnam: De la guerre française à la guerre américaine*, Editions du Seuil, Paris, 1969, tr.166.

² Lời tuyên bố của đồng chí Phạm Văn Đồng trong phiên họp đầu tiên tại Hội nghị Giơnevơ, ngày 8-5-1954, Báo Nhân dân, số 184, ra ngày 12 đến ngày 15-5-1954.

³ Lời tuyên bố của đồng chí Phạm Văn Đồng trong phiên họp đầu tiên tại Hội nghị Giơnevơ, ngày 8-5-1954, Báo Nhân dân, số 184, ra ngày 12 đến ngày 15-5-1954.

trùng hợp. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đại biểu ta phải đấu trí với 6 bên.

Trong phiên họp thứ hai (10-5-1954), Trưởng đoàn đại biểu “Quốc gia Việt Nam” Nguyễn Quốc Định đề nghị ưu tiên giải quyết việc thả tù binh bị thương ở Điện Biên Phủ. Đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đề phía Pháp nhận các tù binh bị thương và giao cho đại diện hai bộ tổng tư lệnh thảo luận các biện pháp giải quyết tại chỗ. Trưởng đoàn Pháp Bidôn rất tán đồng ý kiến này.

Trong bài phát biểu tại phiên họp, đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố: Lập trường trước sau như một của nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là: “Hòa bình, độc lập, thống nhất và dân chủ. Đó là nguyện vọng căn bản và quyền lợi thiêng liêng của nhân dân Việt Nam”¹. Đồng chí khẳng định rõ việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thành quả của quá trình đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống phát xít Nhật - Pháp. Những chính sách nội trị và ngoại giao của Chính phủ là nhằm củng cố nền độc lập dân tộc, thực hiện hòa bình, chính giới thực dân Pháp phải chịu trách nhiệm về chiến tranh Đông Dương. Đồng chí nói: “Bọn can thiệp Mỹ và bọn người Pháp chủ trương đánh đến cùng hiện nay là những trở lực chính của việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương”². Con đường lập lại hòa bình ở Đông Dương là: “Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như nhân dân và Chính phủ kháng chiến Khome và Pathét Lào sẵn sàng giải quyết bằng cách thương lượng vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở công nhận những quyền dân tộc của các dân tộc Đông Dương - độc lập và thống nhất quốc gia, tự do dân chủ và do đó tạo điều kiện thiết lập những quan hệ thân thiện giữa các dân tộc ở Đông Dương và nước Pháp trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng quyền lợi của nhau. Con đường đó là con đường bảo đảm việc lập lại một nền hòa bình bền vững và lâu dài ở Đông Dương trên tinh thần công bình và danh dự, con đường duy nhất đảm bảo thật sự hòa bình và an ninh của các nước ở

^{1,2,3} Báo *Nhân dân*, số 185, từ ngày 16 đến ngày 18-5-1954.

Đông Nam Á và châu Á góp phần một cách có hiệu quả vào việc làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng, giữ vững và củng cố hòa bình thế giới”¹.

Đề Hội nghị thảo luận một cách thiết thực, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đưa ra đề nghị 8 điểm:

“1. Pháp công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

2. Ký một Hiệp định về việc rút quân đội nước ngoài ra khỏi Việt Nam, Campuchia và Lào trong thời hạn do các bên tham chiến ấn định. Trước khi rút quân, đạt thỏa thuận về nơi đóng quân của lực lượng Pháp hay Việt Nam trong một số khu vực hạn chế.

3. Tổ chức tổng tuyển cử tự do trong ba nước nhằm thành lập chính phủ duy nhất cho mỗi nước.

4. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẽ xem xét việc gia nhập Liên hiệp Pháp và những điều kiện của việc gia nhập đó. Các Chính phủ Campuchia và Lào cũng sẽ ra những bản tuyên bố tương tự.

5. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Campuchia và Lào thừa nhận các quyền lợi kinh tế văn hóa của nước Pháp trong ba nước. Sau khi các Chính phủ duy nhất được thành lập, các quan hệ kinh tế và văn hóa được giải quyết theo đúng các nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

6. Hai bên cam kết không truy tố những người hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh.

7. Trao đổi tù binh.

8. Các biện pháp nói trên sẽ được thực hiện sau khi đình chỉ chiến sự; Pháp và ba nước Đông Dương ký những Hiệp định về từng nước trên cơ sở:

a. Ngừng bắn trên toàn Đông Dương và đồng thời với việc điều chỉnh các lãnh thổ và khu vực mà các bên chiếm giữ.

b. Ngừng việc đưa bộ đội mới, vũ khí và đạn dược vào Đông Dương.

c. Thiết lập một hệ thống kiểm soát gồm các ủy ban liên hợp có đại diện của các bên tham chiến”¹.

Trong 8 điểm đề nghị trên, thì điểm 1 và 2 thuộc về những vấn đề có tính nguyên tắc: Nước Pháp phải công nhận chủ quyền và độc lập của nước Việt Nam trên khắp lãnh thổ Việt Nam, công nhận chủ quyền và độc lập của hai nước Khome và Lào; quân đội ngoại quốc phải rút hết khỏi Đông Dương trong một thời hạn do hai bên thỏa thuận. Việc thống nhất quốc gia Việt Nam, Campuchia và Lào sẽ thông qua tổng tuyển cử tự do ở mỗi nước, các nước ngoài không được can thiệp.

Về vấn đề Liên hiệp Pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: Chính phủ Việt Nam cũng như hai Chính phủ kháng chiến Khome và Pathét Lào sẵn sàng xét vấn đề gia nhập Liên hiệp Pháp theo nguyên tắc tự nguyện và xét những điều kiện gia nhập. Về quan hệ giữa ba nước Đông Dương và nước Pháp, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như Khome và Pathét Lào sẽ tôn trọng những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp hiện nay ở những nước đó. Những quan hệ đó sau này phải được thành lập theo nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

Bản đề nghị 8 điểm do đồng chí Phạm Văn Đồng đưa ra về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương thể hiện rõ tính công bằng, hợp lý, cụ thể và thiết thực. Bản đề nghị đó xuất phát từ tình hình thực tế ở Đông Dương và thế giới, góp phần làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng. Đề nghị đó càng có giá trị sau khi quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ; thể hiện rõ nguyện vọng, ý chí hòa bình của nhân dân và Chính phủ Việt Nam cũng như của nhân dân và Chính phủ kháng chiến Khome và Pathét Lào, phù hợp với hòa bình và an ninh của nhân dân các nước châu Á và thế giới.

Đối với những đề nghị ngày 8-5 của Biđôn, đồng chí Phạm Văn Đồng vạch rõ đó là quan điểm thực dân đã lỗi thời, không phù hợp với tình hình ở Đông Dương và thế giới, chứng tỏ Chính phủ Pháp không muốn lập lại hòa bình ở Đông Dương và muốn quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương” theo kế hoạch của Mỹ. Vì thế không thể lấy đó làm nền tảng để thảo luận.

¹Báo Nhân dân, số 185, từ ngày 16 đến ngày 18-5-1954.

Bài phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng được đoàn đại biểu Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ, dư luận báo chí ở Gionevơ rất hoan nghênh. Trước những dẫn chứng cụ thể, những đề nghị hoàn toàn hợp lý của ta, đại biểu Mỹ và Pháp cố tìm cách bác bỏ, nhưng không dám tuyên bố công khai.

Trong ba ngày là 18 và 19-5-1954, Hội nghị Gionevơ tiến hành ba phiên họp kín. Cùng thời gian, hai đoàn đại biểu Việt Nam và Pháp đã cử đại biểu gặp nhau bàn về vấn đề chuyển tù binh Pháp bị thương ở Điện Biên Phủ.

Ngày 21-5-1954, Hội nghị Gionevơ họp kín. Theo đề nghị của đồng chí Môlôtop, Hội nghị quyết định nghiên cứu những vấn đề chính trong các đề nghị của Đoàn đại biểu Việt Nam và Đoàn đại biểu Pháp. Đó là: vấn đề ngừng bắn cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương; vấn đề ngừng chuyển chở thêm quân đội và vũ khí vào Đông Dương; vấn đề kiểm soát cùng một lúc việc thi hành Hiệp định đình chiến do một ủy ban gồm đại biểu các nước trung lập và một ủy ban gồm đại biểu của hai bên tham chiến; vấn đề các nước tham gia Hội nghị Gionevơ bảo đảm các việc trên. Sau khi bàn những vấn đề quân sự sẽ nghiên cứu những đề nghị liên quan đến việc giải quyết vấn đề chính trị ở Đông Dương.

Đề nghị của đồng chí Môlôtop về trật tự thảo luận vấn đề Đông Dương đã được các đoàn chấp thuận. Các báo chí cũng như các nhà quan sát ở Gionevơ cho rằng đó là một bước tiến của Hội nghị.

Trong phiên họp thứ sáu (25-5-1954), đồng chí Phạm Văn Đồng đưa ra hai nguyên tắc cho vấn đề đình chiến: *Một là* ngừng bắn hoàn toàn, đồng thời, càng sớm càng tốt trên toàn cõi Đông Dương. *Hai là*, điều chỉnh vùng trong mỗi nước, trong từng chiến trường trên cơ sở đối đất để bảo đảm mỗi bên có những vùng hoàn chỉnh và tương đối rộng, đủ điều kiện cho hoạt động kinh tế và quản lý hành chính trong mỗi vùng. Đồng chí nói rõ: Phía Việt Nam đồng ý lập một Ủy ban kiểm soát gồm đại biểu của hai bên có liên quan và một Ủy ban kiểm soát gồm đại biểu các nước trung lập để kiểm soát cùng một lúc sự thi hành những điều khoản của Hiệp định, đình chiến. Việt Nam cũng đồng ý về việc các nước tham gia Hội nghị cùng cam kết đảm bảo những điều ước của Hội nghị.

Trong phiên họp ngày 2-5-1954, Trưởng đoàn Pháp Bidôn đồng ý lấy đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm cơ sở thảo luận, đồng thời đề nghị

đại diện bộ chỉ huy hai bên gặp nhau để bàn việc điều chỉnh các khu vực đóng quân, nhưng phía Pháp vẫn chưa đưa ra một đề nghị cụ thể nào và vẫn để lộ ý đồ tách việc ngừng bắn ở Việt Nam với việc ngừng bắn ở Campuchia và Lào.

Trong phiên họp ngày 27-5-1954, Hội nghị đã nhất trí thông qua một bản đề nghị dung hòa do đoàn đại biểu Anh đưa ra. Đề nghị này căn cứ vào những đề nghị của Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam trong các phiên họp trước. Nội dung bản đề nghị gồm các điểm sau:

a. Đại biểu của hai bộ chỉ huy quân sự hai bên cần gặp nhau tại Gionevơ và đồng thời ở Đông Dương.

b. Các đại biểu này sẽ nghiên cứu việc sắp đặt khu vực đóng quân cho hai bên sau khi đình chiến, bắt đầu là vấn đề quy định khu vực đóng quân ở Việt Nam.

c. Các đại biểu phải báo cáo kết quả công việc và những đề nghị của mình cho Hội nghị biết càng sớm càng tốt.

Ngày đại biểu hai bộ chỉ huy quân sự hai bên gặp nhau được ấn định là trước ngày 1-6-1954¹.

Trong phiên họp ngày 31-5-1954, đoàn đại biểu Liên Xô đề nghị thành phần Ủy ban các nước trung lập gồm Ấn Độ, Pakixtan, Ba Lan, Tiệp Khắc. Đề nghị đó được các đoàn đại biểu Trung Quốc và Việt Nam ủng hộ. Đại biểu Mỹ và Pháp từ chối việc mời Ba Lan và Tiệp Khắc vì cho rằng hai nước này không phải trung lập.

Phê phán lại các quan niệm trên trong phiên họp ngày 2-6-1954, đồng chí Chu Ân Lai cho rằng, không thể lấy chế độ chính trị làm tiêu chuẩn xét vấn đề trung lập vì như thế sẽ không có nước nào là nước trung lập. Một nước không thuộc về chế độ chính trị này thì thuộc về chế độ chính trị khác. Đồng chí cho rằng đề nghị của Liên Xô là rất thích đáng.

Phát biểu tại phiên họp, Đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ rõ nhiệm vụ của mỗi Ủy ban và mối quan hệ giữa hai Ủy ban đó. Đồng chí nói: nhiệm vụ của Ủy ban hỗn hợp là thi hành Hiệp định đình chiến và trông coi việc điều chỉnh các

¹ Báo Nhân dân, số 191, từ ngày 4-6 đến ngày 6-6-1954.

khu vực đóng quân. Trách nhiệm đó chủ yếu phải do nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nước Pháp gánh vác. Nhiệm vụ chính của Ủy ban các nước trung lập là kiểm soát việc đình chỉ chuyên chở quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược từ ngoài vào. Việc kiểm soát đó phải thi hành ở cả ba nước Đông Dương. Quan hệ giữa Ủy ban hỗn hợp và Ủy ban trung lập là quan hệ hợp tác, không bên nào lệ thuộc bên nào”¹. Quan điểm này được các đại biểu Liên Xô, Trung Quốc đồng tình, trong khi các đại biểu Mỹ, Anh, Pháp đều chủ trương Ủy ban hỗn hợp phải phụ thuộc vào Ủy ban trung lập.

Đồng thời với các phiên họp của Hội nghị, bắt đầu từ 2-6-1954, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu và Đại tá Hà Văn Lâu, đại biểu của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã họp với đại biểu Bộ Chỉ huy Quân viễn chinh Pháp để nghiên cứu việc điều chỉnh khu vực đóng quân của hai bên sau khi ngừng bắn và vấn đề chọn giới tuyến quân sự tạm thời; các đại biểu Việt Nam đề nghị lấy vĩ tuyến 13, còn phía Pháp khẳng khái đòi lấy vĩ tuyến 20.

Sau 4 phiên họp toàn thể và 12 phiên họp kín, ngày 8-6-1954, Hội nghị Gionevơ bàn về vấn đề Đông Dương họp phiên toàn thể thứ năm, các đại biểu Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam đều phát biểu ý kiến.

Trong bài phát biểu của mình, Đồng chí Phạm Văn Đồng đã điềm lại tình hình một tháng thảo luận và đưa ra đề nghị mới: “Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa yêu cầu bắt đầu thảo luận ngay, không chậm trễ các vấn đề chính trị như: Việc quân đội ngoại quốc rút khỏi Đông Dương; việc nước Pháp thừa nhận chủ quyền và độc lập thật sự của Việt Nam và các nước khác ở Đông Dương; các mối quan hệ giữa Việt Nam và nước Pháp (gồm các vấn đề về quyền lợi kinh tế và văn hóa cũng như những vấn đề có liên quan đến việc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gia nhập Liên hiệp Pháp và những điều kiện của việc liên quan đó)². Trong khi các trưởng đoàn Liên Xô, Trung Quốc biểu thị sự đồng tình thì các trưởng đoàn Mỹ, Pháp vẫn chỉ tuyên bố tán thành sự việc đình chiến ở Đông Dương, không tích cực tiếp nhận đề nghị của Việt Nam để

¹ Báo Nhân dân, số 192, từ ngày 7-6 đến ngày 9-6-1954.

² Báo Nhân dân, số 194, từ ngày 13-6 đến ngày 15-6-1954.

mau chóng thực hiện đình chiến. Còn Êđen - Trưởng đoàn Anh lại nêu ý kiến chủ trương lấy đại diện 5 nước Ấn Độ, Pakixtan, Indônêxia, Mianma, Xri Lanca vào ủy ban kiểm soát trung lập, đồng thời có những lời phát biểu không đúng đắn về quân tình nguyện Việt Nam ở Lào và Campuchia, phụ họa với quan điểm sai trái của các đại biểu quốc gia Việt Nam, Vương quốc Lào và Vương quốc Campuchia.

Song song với những bất đồng ý kiến về thành viên Ủy ban kiểm soát trung lập là những bất đồng về vấn đề xác định giới tuyến quân sự tạm thời và vùng tập kết của các lực lượng kháng chiến Campuchia và Lào. Căn cứ vào thế và lực của ta trên chiến trường, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đại biểu kiên trì đấu tranh đòi lấy vĩ tuyến 13 làm giới tuyến, đòi các lực lượng kháng chiến Campuchia và Lào phải có vùng tập kết lực lượng. Trong khi đó, với sự hậu thuẫn của các đại biểu Mỹ, Anh, phía Pháp khẳng khái đòi lấy vĩ tuyến 20, đòi các lực lượng kháng chiến Campuchia và Lào giải giáp tại chỗ, không có vùng tập kết.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu phê phán các quan điểm trên và khẳng định: Những đề nghị của đoàn đại biểu Việt Nam là xuất phát từ thực tế, dựa trên sự tôn trọng những quyền lợi chính đáng của tất cả những bên liên quan và rất nhất trí với đề nghị của đồng chí Môlôtop về việc tiếp xúc thẳng giữa Việt Nam và Pháp để thảo luận vấn đề chính trị. Đồng chí cho rằng, song song với những cuộc họp của đại biểu quân sự hai bên cần có những cuộc họp chính trị cùng một kiểu như thế. Mặt khác, hội nghị cần luân phiên thảo luận cả vấn đề quân sự và chính trị. Như thế mới có thể thực hiện nhiệm vụ của Hội nghị Giơnevơ là giải quyết tất cả những vấn đề cần thiết cho việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Trong lúc cuộc đàm phán ở Giơnevơ chưa đạt được bước tiến thiết thực nào thì sự chuyển biến tình hình và những hoạt động xung quanh Hội nghị đã tác động mạnh đến cuộc đàm phán.

Ngày 12-6-1954, Chính phủ Pháp do Lanien đứng đầu, Chính phủ mới do Măngđét Phrăngxơ đứng đầu lên thay. Ngày 19-6-1954, Măngđét Phrăngxơ tuyên bố trước Quốc hội Pháp, trong vòng một tháng - nghĩa là đến ngày 20-7

nếu không giải quyết được vấn đề chấm dứt cuộc chiến tranh Đông Dương, Chính phủ của ông sẽ từ chức. Lời tuyên bố này như một tối hậu thư đe dọa làm tan vỡ Hội nghị Giơnevơ.

Ngày 20-6-1954, Hội nghị tạm dừng để các trưởng đoàn về nước báo cáo. Đồng chí Phạm Văn Đồng ở lại Giơnevơ và tiến hành một số cuộc họp với các Phó Trưởng đoàn và chỉ đạo các thành viên tham dự cuộc họp các tiểu ban.

Cùng thời gian này đã diễn ra các cuộc gặp giữa Chu Ân Lai với đoàn Chính phủ Vương quốc Campuchia (20-6), với đoàn Chính phủ Vương quốc Lào (21-6), với Thủ tướng Pháp Măngđét Phrăngxơ tại Bécơ (23-6); cuộc gặp cấp cao Anh - Mỹ tại Oasinhton (29-6) âm mưu hắt cẳng Pháp để nhảy vào Đông Dương. Những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế đã tác động không nhỏ tới Hội nghị Giơnevơ.

Từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, tại Liễu Châu (Trung Quốc) đã diễn ra cuộc gặp giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai. Hai bên đã “trao đổi quan điểm toàn diện về Hội nghị Giơnevơ, về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương và các vấn đề có liên quan”, trong đó có các vấn đề về tập kết quân ở hai miền, quan điểm của Trung Quốc về giới tuyến quân sự tạm thời, về thời hạn tổng tuyển cử thống nhất đất nước, về khu vực tập kết của các lực lượng kháng chiến Lào, Campuchia...

Trước khi hội nghị toàn thể họp lại, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều cuộc tiếp xúc riêng với các đoàn. Ngày 8-7-1954 diễn ra cuộc hội đàm giữa đồng chí Phạm Văn Đồng và Môlôtop, giữa đồng chí Phạm Văn Đồng với hai thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trương Văn Thiên và Lý Khắc Nông, ngày 14-7-1954 đồng chí Phạm Văn Đồng hội đàm với Môlôtop và Chu Ân Lai. Từ ngày 11 đến ngày 13-7-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng và Măngđét Phơrăngxơ có 3 cuộc gặp gỡ. Ngày 16-7-1954, Măngđét Phơrăngxơ và đồng chí Phạm Văn Đồng gặp nhau lần thứ tư. Qua những cuộc gặp gỡ, hội đàm những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế ngày càng bộc lộ.

Phải đến cuộc gặp ngày 20-7-1954 giữa Môlôtop, Êđen, Chu Ân Lai, Măngđét Phơrăngxơ và Phạm Văn Đồng mới cơ bản thỏa thuận được những vấn đề bất đồng. Để Hội nghị có thể kết thúc, đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn ta

đã có nhân nhượng: Chấp nhận việc lấy vĩ tuyến là làm giới tuyến quân sự tạm thời, thời hạn tổng tuyển cử là 2 năm; lấy 2 tỉnh Phong Sa Ly và Sầm Nưa làm vùng tập kết của quân đội Pathét Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam.

Sau 75 ngày thương lượng căng thẳng, với 8 phiên họp toàn thể và nhiều phiên họp hẹp giữa các trưởng đoàn, đêm ngày 20 rạng sáng ngày 21-7-1954, tại trụ sở Hội quốc liên cũ ở Gionevơ, phiên họp toàn thể cuối cùng của Hội nghị Gionevơ đã kết thúc; các bản Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết.

Các nước tham gia Hội nghị đã ký bản *Tuyên bố chung*.

Phát biểu trong phiên họp bế mạc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định: “Việc ký kết các Hiệp định đình chiến ở Đông Dương là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, nhân dân các nước Đông Dương, nhân dân Pháp, nhân dân châu Á và nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình. Kết quả tốt đẹp của Hội nghị Gionevơ về Đông Dương một lần nữa chứng tỏ rằng mọi việc tranh chấp quốc tế và những cuộc xung đột nghiêm trọng nhất đều có thể giải quyết được bằng thương lượng”¹. Thay mặt nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí cảm ơn tất cả các nước tham dự Hội nghị, nhân dân và chính phủ các nước yêu chuộng hòa bình đã góp phần mang lại kết quả của Hội nghị. Đồng chí Phạm Văn Đồng bày tỏ: “Đối với nước Pháp là một nước nổi tiếng với những truyền thống tự do, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hết lòng mong muốn đặt những quan hệ tin cậy lẫn nhau và thân thiện với nhau, đó là điều cần thiết giải quyết các vấn đề căn bản trong việc lập lại hòa bình ở Đông Dương. Chúng tôi muốn đặt quan hệ kinh tế và văn hóa với nước Pháp trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên đều có lợi². “Chúng tôi sẽ thi hành thẳng thắn và triệt để tất cả các điều ước và hiệp định mà chúng tôi đã ký. Chúng tôi hy vọng rằng các bên tương quan cũng sẽ làm như thế. Tất cả chúng ta đều cần phải duy trì và củng cố hòa bình trên đất nước chúng ta... Chúng tôi sẽ giành được thống nhất cũng như chúng tôi đã giành được thắng lợi trong chiến tranh. Không một sức mạnh nào trên thế giới, trong nước hay ngoài nước, có thể làm

¹ Báo *Nhân dân*, số 208, từ ngày 25-7 đến ngày 27-7-1954.

² Báo *Nhân dân*, số 208, từ ngày 25-7 đến ngày 27-7-1954.

chúng tôi đi chệch ra ngoài con đường tiến tới thống nhất bằng hòa bình và dân chủ. Đó sẽ là bước hoàn thành nền độc lập của chúng tôi”¹.

Phát biểu với các nhà báo sau khi ký các văn kiện Hội nghị Giơnevơ, đồng chí Phạm Văn Đồng tâm sự: “Tôi chưa biết chúng tôi sẽ giải thích như thế nào cho các đồng chí chúng tôi ở miền Nam... Người Mỹ đến Giơnevơ với kế hoạch của họ. Chúng tôi đến Giơnevơ với kế hoạch của chúng tôi. Họ không muốn có Hội nghị Giơnevơ thay cho một cuộc ngừng bắn, họ muốn có một cuộc chiến tranh mở rộng với sự can thiệp của Mỹ. Nhưng các bạn thấy đó, chúng tôi đã đạt được một cuộc ngừng bắn và các bạn sẽ thấy chúng tôi sẽ thống nhất đất nước chúng tôi. Không có một chính phủ nào có thể được duy trì ở miền Nam, dù nó có viện trợ ào ạt của Mỹ, nếu chính phủ đó công khai chống lại công cuộc thống nhất đất nước”².

Ngày 24-7-1954, trước khi rời Giơnevơ lên đường về nước, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu với giới báo chí: “Những hiệp định đình chiến đã được ký kết, đó là điều rất tốt, nhưng như thế chưa phải là mọi việc đã xong. Còn cần phải thi hành những hiệp định đó và phải thi hành đúng. Tình hình chính trị và quân sự rất phức tạp, vì vậy chúng tôi phải gấp rút về nước vì còn phải làm nhiều việc nữa”³. Trả lời phỏng vấn của phóng viên hãng Thông tấn Pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng nói: “Tôi mong rằng ông sẽ nói lại với nước Pháp, với dư luận nhân dân Pháp rằng điều chính trong sự ký kết cũng như trong sự thi hành những hiệp định là lòng tin cậy giữa hai dân tộc chúng ta giữa các ông, những người Pháp và chúng tôi, nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nếu chúng ta thi hành đúng hiệp định, nếu chúng ta thi hành một cách chân thành thì mọi việc đều tốt đẹp. Chúng ta đã đặt những mối quan hệ tốt giữa hai nước chúng ta và đó là cơ sở của chính sách chúng tôi”⁴.

Ngày 26-7-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng đoàn đại biểu Chính phủ ta dừng chân ở Mátxcova và đến đặt hoa trước Lăng Lênin và Lăng Xtalin.

¹ Báo Nhân dân, số 208, từ ngày 25-7 đến ngày 27-7-1954.

² U. Bócset: Hồi ký, Nxb. Thông tin lý luận, H.1986, tr.269.

³ Báo Nhân dân, số 211, từ ngày 4-8 đến ngày 6-8-1954.

⁴ Báo Nhân dân, số 212, từ ngày 6-8 đến ngày 10-8-1954.

Ngày 2-8-1954, đoàn đến Bắc Kinh (Trung Quốc). Trước sự tiếp đón long trọng, nhiệt tình của Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu: “Nhân dân Việt Nam tin rằng trong cuộc đấu tranh để cùng cố hòa bình lâu dài ở Đông Dương, để bảo vệ hòa bình ở châu Á và thế giới cũng như trong cuộc đấu tranh chống mọi mưu mô gây chiến, nhân dân Việt Nam sẽ được sự đồng tình và sự ủng hộ của nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, nhân dân các nước trong phe hòa bình dân chủ do Liên Xô đứng đầu cũng như của nhân dân yêu chuộng công lý và hòa bình trên toàn thế giới”.

Trong những ngày dừng chân ở Bắc Kinh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng đoàn đại biểu Việt Nam đến thăm Viện Bảo tàng Bắc Kinh, đến chào các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Ngày 3-8-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng đã hội đàm với các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tối 3-8-1954, tại Hòa Bình Tân quán, Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc mở tiệc chiêu đãi đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Việt Nam. Một số đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, các đại sứ đại diện ngoại giao các nước Liên Xô, Ấn Độ, Mianma, Indônêxia, Đan Mạch, Phần Lan, Hà Lan đã đến dự. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc diễn văn ca ngợi tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc, cảm ơn sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ đã thể hiện rõ đồng chí Phạm Văn Đồng và các thành viên trong đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó; những nguyên tắc cơ bản là độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, hòa bình, dân chủ luôn được Đoàn ta giữ vững.

Với tư duy thực tế, căn cứ tình hình khách quan và tương quan lực lượng ta và địch, trong thương lượng, chúng ta đã có một số nhân nhượng cần thiết về giới tuyến quân sự tạm thời, về thời hạn tổng tuyển cử, về giải quyết vấn đề đình chiến ở Campuchia và Lào. Sự nhân nhượng ấy không khởi làm một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân - nhất là cán bộ chiến sĩ và đồng bào miền Nam suy tư, nhưng hoàn cảnh và điều kiện khách quan không thể quyết định khác được. Tại Hội nghị Trung ương lần sáu (khóa II), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quán triệt: “Dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức”. Người nói rõ:

“Những tư tưởng sai lầm có thể xảy ra như sau: “tả” khuynh có người thấy thắng luôn muốn đánh bừa, đánh đến cùng, họ chỉ thấy cây không thấy rừng; chỉ thấy Pháp rút mà không thấy âm mưu của chúng; chỉ thấy Pháp không thấy Mỹ”.

Khi cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất đã có mức độ quốc tế hóa khá cao và đang nằm trong bối cảnh của cuộc chiến tranh lạnh giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc, việc ký kết Hiệp định Giơnevơ đã đẩy lùi một bước sự can thiệp trực tiếp của đế quốc Mỹ vào Đông Dương. Nói chính xác hơn, là làm chậm lại quá trình can thiệp của Mỹ, tạo điều kiện để quân dân ta có thời gian củng cố lực lượng, tạo thế sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới chống lại kẻ thù mạnh hơn, nguy hiểm hơn. Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định lại: Việc ta tham dự và ký kết Hiệp định Giơnevơ là một cuộc “hưu chiến” nhằm tránh việc “đụng đầu trực tiếp ngay với Mỹ”. Bài học *tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu*, linh hoạt, mềm dẻo trong việc xác định đường lối, chủ trương, sách lược cách mạng ở thời điểm này không bao giờ cũ.

Ngày 4-8-1954, đồng chí Phạm Văn Đồng và đoàn đại biểu Chính phủ ta về tới Việt Bắc trong sự chào đón nồng nhiệt của Trung ương Đảng, Chính phủ và đồng bào, chiến sĩ.

PHẦN IV
TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG
CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954-1975)

1. Trong thời kỳ khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, bảo vệ lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng miền Nam

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại ở miền Bắc trong khi miền Nam còn tạm thời do các lực lượng đế quốc và tay sai thống trị. Tình hình mới đặt ra nhiều nhiệm vụ mới đòi hỏi phải giải quyết như: khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đấu tranh đòi đối phương thực hiện Hiệp định Giơnevơ tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhiều sự kiện lịch sử Đảng và cách mạng Việt Nam thời kỳ này đã in đậm dấu ấn hoạt động và cống hiến của đồng chí Phạm Văn Đồng trên các cương vị, trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó.

Từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới. Hội nghị khẳng định: Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chủ yếu và trực tiếp của cách mạng Việt Nam, chúng hà hơi tiếp sức cho chính quyền tay sai và đang thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ; “miền Bắc còn chưa được hoàn toàn củng cố, công cuộc đấu tranh vì hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ còn chưa hoàn thành. Nhân dân ta còn phải tiếp tục cố gắng phấn đấu để thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”¹.

Xác định Việt Nam đứng trong hàng ngũ các nước dân chủ nhân dân, nhưng do những đặc điểm tình hình việc xây dựng, củng cố chính quyền có những điểm riêng. Bộ Chính trị nhấn mạnh: Chính quyền của nước ta là chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm nền tảng, có Mặt trận dân tộc thống nhất bao gồm cả giai cấp tư sản và nhân sĩ dân chủ, thân sĩ yêu nước. Nhưng vì Nam Bắc tạm thời chia làm hai vùng, vì phải chiếu cố tới miền Nam, vì cần tranh thủ rộng rãi các tầng lớp nhân dân, vì quy định của Hiệp định đình chiến, vì trình độ phát triển của công nghiệp, vì quan hệ cụ thể của các lực lượng giai cấp trong nước, nên về thành phần giai cấp, trình độ hòa hoãn của chính sách, tốc độ phát triển của chính sách, chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam không những khác với chính quyền các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu mà còn khác với chính quyền nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nói chung

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.288.

chính sách của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa so với chính sách của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa hồi mới kiến quốc năm 1949 thì ôn hòa hơn một chút,... tốc độ phát triển của chính sách tiến chậm hơn một chút. Chế độ chính trị của nước ta, về nội dung là dân chủ nhân dân, nhưng về hình thức thì về mặt nào đó còn cần áp dụng chủ nghĩa dân chủ cũ. Chỉ có như thế, mới thích hợp với tình hình cụ thể hiện nay của nước ta, mới dễ dàng đoàn kết nhân dân toàn quốc, ảnh hưởng tốt đối với miền Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất nước nhà”¹.

Về nhiệm vụ củng cố, xây dựng miền Bắc, Bộ Chính trị quán triệt:

Một là, “thực hiện đình chiến, củng cố hòa bình” theo tinh thần “kiên quyết và triệt để thực hiện các điều khoản trong Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Lào và Cao Miên (Campuchia)”; đồng thời “phải nâng cao cảnh giác, kiên quyết phản đối và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến của địch”, “cần tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật trong toàn Đảng, toàn quân, thực hiện thống nhất lãnh đạo xử lý các việc liên quan đến vấn đề đình chiến và hòa bình”.

Hai là, “tiếp quản các thành thị và vùng nông thôn mới giải phóng”. Tổ chức tốt công tác này, trong đó vấn đề quan trọng nhất là phòng ngừa tình trạng hỗn loạn, phòng ngừa sự phá hoại của bọn phản động, côn đồ lưu manh, đồng thời phải phòng ngừa những hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, vô trật tự có thể xảy ra ở một vài cán bộ, chiến sĩ. Mục tiêu quan trọng khi tiếp quản là phải duy trì trật tự xã hội, đời sống bình thường trong thành phố, phục hồi công ăn việc làm”.

Ba là, “phục hồi kinh tế quốc dân và chính sách kinh tế” theo tư tưởng chỉ đạo then chốt là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, vì đó là cơ sở bảo đảm lương thực tiến tới từng bước cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng giao lưu hàng hóa. Hết sức coi trọng phục hồi công thương theo quan điểm: “Công thương nghiệp tư nhân nhất luật được bảo hộ. Đối với công thương nghiệp của địa chủ cũng nhất loạt không đụng đến. Phạm là công thương nghiệp có lợi cho quốc kế dân sinh đều được khuyến khích phục hồi và phát triển. Nếu không lợi cho quốc

¹ *Sđd*, t.15, tr.288-289.

kế dân sinh thì có thể hạn chế một cách thích đáng bằng sắc lệnh của Chính phủ trong điều kiện cần thiết và có thể, không nên thi hành một cách vội vàng”.

Bốn là, tiếp tục mở rộng và phát triển cải cách ruộng đất nhưng phải sửa đổi một vài điểm trong *Luật Cải cách ruộng đất* và trong phương thức thi hành luật đó. Cụ thể là thực hiện trưng mua đối với đồn điền, ruộng đất của chủ đồn điền Pháp và địa chủ Việt Nam trước đây đã hợp tác với đối phương; việc xử lý địa chủ phải thông qua chính quyền và tòa án; trưng mua ruộng đất của phú nông phải khác với trưng mua của địa chủ; thời gian tiến hành cải cách ruộng đất phải được rút ngắn, yêu cầu nhiệm vụ có thể hạ thấp để bớt không khí căng thẳng.

Năm là, “công tác công vận và chính sách lao động” theo tinh thần bảo đảm công ăn việc làm và khuyến khích công nhân phục hồi sản xuất; chú ý giải quyết hợp lý vấn đề tiền công, tổ chức công đoàn cho công nhân và nghiên cứu để sửa đổi Luật Lao động.

Sáu là, củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tranh thủ sự cộng tác, tham gia của tầng lớp trí thức, của giai cấp tư sản, của thân sĩ dân chủ yêu nước; không nên dùng biện pháp nhất luật cấm chỉ đối với các đảng phái ở vùng mới tiếp quản - trừ các đảng phái phản động; Chính phủ và Ủy ban hành chính từ cấp huyện trở lên nên thu hút một số phần tử trí thức, những nhà công thương và những nhân sĩ yêu nước tham gia, giao cho họ một chức vụ nhất định”. Cương lĩnh của Mặt trận là *hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ, ủng hộ Hiệp định đình chiến*, tất cả những người tỏ lòng ủng hộ Hiệp định Giơnevơ, tán thành cộng tác với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ đều tranh thủ để làm cho họ đứng về phía ta. Ngoài những nhiệm vụ cụ thể trên đây, Nghị quyết của Bộ Chính trị còn xác định một số nhiệm vụ lớn như *tăng cường công tác ngoại giao và chính sách ngoại giao; tăng cường củng cố quân đội nhân dân; củng cố Đảng và củng cố đoàn kết nội bộ*¹.

Về nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam, Bộ Chính trị xác định: “Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do đi lại, v v.), cải thiện

¹ *Sđd*, t.15, tr.289-308.

dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiên công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quần chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta”¹. Bộ Chính trị yêu cầu phải nhận thức rõ những nhiệm vụ trên đây rất nặng nề, khó khăn và phức tạp, không được chủ quan khinh địch, không được vội vàng, hấp tấp.

Đối tượng của cách mạng miền Nam lúc này không phải là nguy quyền nói chung mà phải cụ thể là những kẻ thuộc phe thân Mỹ, phe chia rẽ và ngoan cố.

Lực lượng cách mạng là tất cả những người tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, những người ủng hộ việc thi hành Hiệp định Giơnevơ. Vì vậy phải tiến hành công tác sâu rộng trong tất cả các giai cấp, tầng lớp, không chỉ trong công nông trí thức tiểu tư sản, mà còn phải tiến hành công tác mặt trận trong các tầng lớp trên như tư sản, nhân sĩ dân chủ và thân sĩ yêu nước:

Phương châm là tranh thủ các hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp, cố tranh thủ cho được tồn tại hợp pháp và hoạt động hợp pháp. Cần đình chỉ ngay các hình thức đấu tranh kịch liệt như khởi nghĩa vũ trang du kích; các hình thức biểu tình, bãi công, bãi khóa, bãi thị phải thận trọng, có lý, có lợi, có mức để tránh bọn khiêu khích phá hoại, tránh bị khủng bố.

Ngày 10-10-1954, Thủ đô Hà Nội được giải phóng. Cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng trở về Hà Nội sau gần chín năm trường kỳ kháng chiến.

Ngày 1-1-1955, tại Thủ đô Hà Nội, cuộc mít tinh trọng thể chào mừng Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô đã được tổ chức. Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, các đồng chí Tôn Đức Thắng, Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận, quân đội trên lễ đài đã mang lại niềm tin và phấn khởi cho đồng bào, chiến sĩ cả nước. Đọc diễn văn tại cuộc mít tinh, Chủ tịch Hồ Chí

¹ Sđd, tr.308.

Minh khẳng định: Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được. Chúng ta phải thắt chặt mối quan hệ giữa miền Nam và miền Bắc.

Chúng ta phải đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ từ Bắc đến Nam; phải ủng hộ đồng bào miền Nam đấu tranh giành tự do dân chủ, theo đúng Hiệp định Giơnevơ”.

Người tuyên bố: “Bất kỳ người nào, bất kỳ nhóm nào, nếu họ tán thành hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ thì chúng ta cũng sẵn sàng thật thà đoàn kết với họ”¹.

Một tháng sau, ngày 4-2-1955, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng thảo luận với chính quyền miền Nam về việc lập lại quan hệ bình thường hai miền Nam Bắc như quy định của Hiệp định Giơnevơ, nhằm tạo điều kiện cho các đoàn thể chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội được tự do thảo luận, nhân dân hai miền được liên lạc và tự do đi lại.

Trong các ngày từ 20 đến 26-3-1955, kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I - kỳ họp đầu tiên của Quốc hội được tiến hành trong không khí hòa bình để bàn thảo những vấn đề xây dựng đất nước. Thay mặt Hội đồng Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đọc bản báo cáo *Củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập là dân chủ trong cả nước*. Sau khi điếm lại tình hình cách mạng Việt Nam qua gần chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, những nguyên nhân thắng lợi, tình hình đất nước và việc thi hành Hiệp định Giơnevơ... đồng chí Phạm Văn Đồng đã khái quát *tình hình và nhiệm vụ trước mắt* của toàn Đảng toàn quân và toàn dân ta trên cả hai miền đất nước. Đồng chí nói: “Khẩu hiệu đấu tranh của nhân dân ta trong giai đoạn lịch sử này là: *Củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước*. Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng ta phải dựa vào sức lực của toàn dân, của đồng bào miền Nam cũng như của đồng bào miền Bắc. Miền Bắc là nền tảng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, củng cố miền Bắc là củng cố cơ sở chủ yếu quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trước

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.429.

mắt và căn bản là cuộc đấu tranh củng cố hòa bình và thực hiện thống nhất"¹. Năm nhiệm vụ cụ thể được đồng chí Phạm Văn Đồng nêu trước Quốc hội là:

- Đẩy mạnh và hoàn thành cải cách ruộng đất theo kế hoạch.

- Trên cơ sở hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục, phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân, dần dần tiến tới công nghiệp hóa nước ta.

- Củng cố quốc phòng để giữ gìn hòa bình, bảo vệ Tổ quốc.

- Củng cố chính quyền dân chủ cộng hòa.

- Tăng cường hoạt động ngoại giao.

Những chủ trương, nhiệm vụ được đồng chí Phạm Văn Đồng nêu trước Quốc hội đã cụ thể hóa những quan điểm, chủ trương của Bộ Chính trị trong Nghị quyết tháng 9-1954, đưa chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống và trở thành phong trào cách mạng của quần chúng trong công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong các ngày từ 15 đến 20-9-1955, tại Hà Nội, kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa I đã được tổ chức. Tại kỳ họp, đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc mở rộng và bổ sung các thành viên của Chính phủ. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Quốc hội nhất trí bầu là Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kỳ họp thứ 5 cũng đã chuẩn y việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng Chính phủ, việc tổ chức, kiện toàn các Bộ Công nghiệp, Thương nghiệp, Giao thông và Bưu điện, Thủy lợi và Kiến trúc, Bộ Cứu tế, Bộ Văn hóa, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng.

Trải qua 30 năm hoạt động yêu nước và cách mạng, từ một thanh niên yêu nước, được giác ngộ lý tưởng, qua rèn luyện và đấu tranh cách mạng dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được Đảng và nhân dân tin cậy giao phó trọng trách là Thủ tướng Chính phủ - người đứng đầu cơ quan hành pháp, một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.107, 116.

Miền Bắc được giải phóng, nhiệm vụ phản đế trên miền Bắc căn bản hoàn thành, song cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ bóc lột phong kiến, thực hiện nhiệm vụ dân chủ vẫn đang trong quá trình tiếp tục thực hiện và đã có đủ những điều kiện để hoàn toàn xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất và bóc lột phong kiến. Hội nghị lần thứ bảy (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương khóa II (3-1955) đã xác định mục tiêu phấn đấu hoàn thành cải cách ruộng đất. Hội nghị đã nhấn mạnh: “Thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng về tính chất quan trọng và khẩn trương của công tác cải cách ruộng đất. Động viên lực lượng phục vụ phong trào quần chúng nông dân đấu tranh. Đánh tan không khí uể oải, mệt mỏi trong cán bộ phát động quần chúng, làm cho ai nấy đều nhận rõ cải cách ruộng đất là công tác then chốt để giành thắng lợi của ta hiện nay, vì có đây mạnh cải cách ruộng đất mới đoàn kết được đại đa số nhân dân, cùng cố được công nông liên minh, cùng cố vai trò lãnh đạo của Đảng; mới có thể khôi phục kinh tế một cách nhanh chóng và có thêm điều kiện tăng cường xây dựng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng. Do đó mới đảm bảo được thắng lợi của đấu tranh chính trị”. Hội nghị Trung ương quyết định “Tập trung lực lượng cán bộ (định mức điều động nói chung là 1/4 cán bộ trong biên chế) huấn luyện, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng cán bộ phát động quần chúng, tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với cải cách ruộng đất. Tiếp tục nghiên cứu để bổ sung những điểm cần thiết vào chính sách cải cách ruộng đất của ta hiện nay, huấn luyện kỹ chính sách để cho cán bộ thi hành đúng”¹. Những quyết định của Hội nghị Trung ương thể hiện rõ quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong việc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng miền Bắc vững mạnh. Khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của việc hoàn thành cải cách ruộng đất, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: “Đối với miền Bắc của chúng ta, cải cách ruộng đất là cơ sở cần thiết cho mọi công trình khôi phục, xây dựng và phát triển về mọi mặt chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội.

Về mặt chính trị chung, cải cách ruộng đất là củng cố nông thôn vững chắc, nền tảng của chính quyền dân chủ cộng hòa; có cải cách ruộng đất mới thật sự có dân chủ. Về mặt kinh tế, cải cách ruộng đất là tạo điều kiện căn bản để khôi phục và phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, đẩy mạnh

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.210.

thương nghiệp, khôi phục và mở mang thành phố, cải cách ruộng đất là cải thiện dân sinh, trước tiên cho nông dân¹.

Được thực hiện từ năm 1953, qua 8 đợt đấu tranh giảm tô và 5 đợt cải cách ruộng đất, ta đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ phản phong ở miền Bắc... Giai cấp địa chủ căn bản đã bị đánh đổ. Ruộng đất đã về tay nông dân. Hơn 10 triệu nông dân lao động đã vươn mình và làm chủ nông thôn; chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất đã vĩnh viễn bị xóa bỏ. Đó là một cuộc chuyển biến to lớn về kinh tế, chính trị và xã hội". Tuy nhiên, trong lãnh đạo và chỉ đạo, chúng ta phạm những sai lầm nghiêm trọng. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (khóa II), Đảng ta đã kiểm điểm: Đó là những sai lầm nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt, những sai lầm về những vấn đề nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều kiện của một Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, trái với chế độ pháp luật của nhà nước dân chủ nhân dân. Những sai lầm đó không những đã hạn chế những thắng lợi đã thu được, mà lại gây ra những tổn thất rất lớn cho cơ sở của Đảng, của chính quyền, của các tổ chức quần chúng, ảnh hưởng tai hại đến chính sách mặt trận của Đảng ở nông thôn cũng như ở thành thị, ảnh hưởng nhiều đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân ta, làm cho tình hình nông thôn căng thẳng, ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết và phấn khởi trong Đảng và trong nhân dân, đến công cuộc củng cố miền Bắc, đến sự nghiệp đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà"².

Những sai lầm trên đây đã biểu hiện ngay từ khi bắt đầu tiến hành cải cách ruộng đất, nhưng càng về sau càng sai lầm nặng, nhất là trong cải cách ruộng đất đợt 4, đợt 5. Những nguyên nhân biểu hiện cụ thể, phổ biến của những sai lầm đó là:

- Việc lãnh đạo tư tưởng, chỉ đạo thực hiện có nhiều lệch lạc. Nhiều chủ trương, chính sách của Trung ương không được phổ biến, quán triệt đúng đắn, bị hiểu sai, không được chấp hành đầy đủ, thậm chí làm ngược lại.

¹ Phạm Văn Đồng: *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang*, Nxb.Sự thật, H.1985, tr.51.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.539-540.

- Các cơ quan cải cách ruộng đất tổ chức thành hệ thống riêng, nhiều khi thoát ly, thậm chí đứng trên tổ chức Đảng; có quyền hạn quá rộng, lấn át, đứng trên cả cấp ủy và chính quyền (nhất là từ cấp khu trở xuống).

- Bố trí cán bộ vô nguyên tắc, năng lực kém, nhiều khi lấy lót cán bộ bản nông (có cả bản nông ngoài Đảng) để chỉ đạo đảng viên và cán bộ đã kinh qua nhiều kinh nghiệm.

- Hiện tượng độc đoán, chuyên quyền phổ biến và trầm trọng.

- Trong công tác chinh đồn tổ chức, Hội nghị Trung ương nhận định: “Nhìn chung công tác chinh đồn tổ chức ở cấp xã và ở các cấp huyện và tỉnh với những mức độ khác nhau tùy theo đợt và tùy theo địa phương, đã gây ra nhiều thiệt hại cho Đảng ta. Nó đã làm cho lực lượng của Đảng bị tổn thất nặng, làm cho đảng viên và cán bộ hoang mang và hoài nghi chính sách của Đảng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến truyền thống và chí khí đấu tranh của các đảng bộ, đến tinh thần đoàn kết trong Đảng, trong chính quyền, trong mặt trận, khiến cho uy tín của Đảng bị giảm sút trong quần chúng, quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị ảnh hưởng rất nhiều”¹.

Trên cơ sở phân tích biểu hiện, nguyên nhân sai lầm trong cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức, Hội nghị Trung ương 10 đã thảo luận và ra các nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ cách mạng miền Nam, về kiện toàn Bộ Chính trị, Ban Bí thư, về củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, về công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ III của Đảng.

Hội nghị Trung ương lần thứ 10 đã nghe đồng chí Phạm Văn Đồng đọc báo cáo *Về vấn đề dân chủ hóa bộ máy chính quyền thực hiện quyền tự do dân chủ và tăng cường chế độ pháp trị dân chủ nhân dân*. Trong bản báo cáo, đồng chí đã phân tích những biểu hiện yếu kém về tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử từ Quốc hội tới Hội đồng nhân dân các cấp. Đồng chí đề nghị một số công việc cấp bách phải giải quyết. Đó là:

- Cần nghiên cứu để Quốc hội thực sự có quyền lập pháp, bảo đảm cơ sở pháp lý dân chủ của chế độ ta; nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

¹ Sđd, t.17, tr.548.

- Cải tiến và quy định rõ mối quan hệ giữa Quốc hội, Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ.

- Tiến hành bầu lại hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã và quy định lề lối làm việc, tổ chức, thời hạn một nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân.

- Tăng cường vai trò giám đốc, phê bình của nhân dân đối với Quốc hội và Hội đồng nhân dân¹.

Đồng chí Phạm Văn Đồng được Hội nghị cử vào Ban Bí thư (gồm 5 đồng chí), do đồng chí Hồ Chí Minh - Chủ tịch Đảng kiêm Tổng Bí thư.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 10, với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự nhiều cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ... để bàn thảo những vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đồng chí cũng nhiều lần tới thăm, kiểm tra các địa phương làm công tác sửa sai cùng cố tổ chức...

Xuất phát từ nguyên lý chung kinh tế là cơ sở của xã hội, “xây dựng kinh tế là xây dựng cơ sở xã hội”, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm thực hiện những nhiệm vụ khôi phục kinh tế miền Bắc nước ta. Tháng 12-1955, trong bài viết *Khôi phục kinh tế và thành phần kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* đăng trên Tạp chí *Học tập*, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhận định: Trong bối cảnh nền kinh tế của chúng ta bị chiến tranh tàn phá nặng nề, mang nhiều tàn tích phong kiến và thực dân, sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế như “kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá thể hoặc sản xuất nhỏ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước” là khách quan, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có chính sách đúng đắn để khuyến khích cùng phát triển, cùng đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế. Việc phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của các thành phần kinh tế cá thể, tư bản tư nhân cần có những thay đổi cho phù hợp với chế độ mới.

¹ Xem *Sđd*, t.17, tr.509-535.

Tháng 8-1955, tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa II), thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc bản báo cáo về vấn đề kinh tế, tài chính. Bản báo cáo thể hiện rõ quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong kế hoạch khôi phục kinh tế ở miền Bắc.

Mục tiêu của kế hoạch khôi phục kinh tế là “căn bản đưa mức sản xuất lên ngang mức trước chiến tranh (1939), nhằm: hàn gắn vết thương chiến tranh, giảm bớt khó khăn của nhân dân, nâng cao dân đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, làm cơ sở cho việc củng cố miền Bắc về mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự đồng thời chiếu cố miền Nam, tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế một cách có kế hoạch sau này”.

Phương châm của việc khôi phục kinh tế:

- Khôi phục là chính, đồng thời phải phát triển nếu có đủ điều kiện, như về công nghiệp;

- Đi đôi với khôi phục, phải cải cách điều chỉnh; như về nông nghiệp, chúng ta khôi phục sản xuất nông nghiệp trên cơ sở của cải cách ruộng đất; đối với công thương nghiệp, chúng ta vừa khôi phục vừa điều chỉnh;

- Trong việc khôi phục kinh tế, phải đặc biệt chú trọng việc khôi phục sản xuất nông nghiệp bao gồm sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp và ngư nghiệp, phải dựa vào sản xuất nông nghiệp để khôi phục các ngành khác, khôi phục cả nền kinh tế quốc dân;

- Để hoàn thành việc khôi phục, phải dựa vào sức của nhân dân ta là chính, đồng thời phải ra sức sử dụng hợp lý sự giúp đỡ đó của các nước bạn, nhưng tuyệt đối không ỷ lại;

- Trong mọi công tác khôi phục phải ra sức thi hành tiết kiệm: tiết kiệm tiền của, sức lao động, ngày giờ;

- Trong lúc làm việc khôi phục kinh tế, phải chuẩn bị phát triển nền kinh tế quốc dân một cách có kế hoạch sau này;

- Đồng thời làm việc khôi phục kinh tế để củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam”¹.

Từ mục tiêu và phương châm nêu trên, đồng chí Phạm Văn Đồng đã khái quát các nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể về khôi phục sản xuất nông nghiệp, về kết hợp khôi phục nông nghiệp và công nghiệp; khôi phục thương nghiệp, từng bước bình ổn vật giá và củng cố nền tài chính quốc gia; khôi phục giao thông vận tải...

Để việc khôi phục kinh tế có hiệu quả, đồng chí Phạm Văn Đồng đặc biệt nhấn mạnh việc phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đồng chí chỉ rõ: “Điều cốt yếu là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ đối với công tác kinh tế tài chính. Đảng ta phải nắm công tác kinh tế tài chính hơn trước. Các cấp ủy của Đảng phải thực hiện lãnh đạo toàn diện, tập thể, tập trung đi đôi với chỉ đạo cụ thể, trực tiếp về những vấn đề đặc biệt trọng yếu”. Đồng chí yêu cầu: Trong lãnh đạo Đảng phải thể hiện rõ: “*Chỉ đạo cụ thể, trực tiếp là tổ chức việc thực hiện nghĩa là phải chú ý một cách thiết thực đến vấn đề cán bộ và kiểm tra*”. Về mặt tư tưởng, phải “*làm cho toàn Đảng nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác kinh tế tài chính, của việc khôi phục kinh tế, tác dụng quyết định của nó trong việc khôi phục miền Bắc*”. Phải bồi dưỡng để cán bộ đủ sức làm công tác kinh tế tài chính, lãnh đạo công tác tài chính; mỗi cán bộ đảng viên “*phải học tập kinh tế tài chính*. Phải coi đó là một nhiệm vụ, phải có kế hoạch và tổ chức thực hiện”². Đồng chí đề nghị phải tiến hành ngay một số việc cụ thể như:

1. Mở trường cán bộ kinh tế tài chính (ở trong trường Đại học Nhân dân) gồm các ngành: tài chính, ngân hàng, mậu dịch (mậu dịch đối nội và đối ngoại), hợp tác xã, thống kê, kế toán, quản lý xí nghiệp, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, kế hoạch kinh tế.

2. Chinh đốn các trường chuyên nghiệp các bộ theo yêu cầu hiện tại và gần đây của công tác, theo chủ trương thống nhất về tiêu chuẩn học sinh, tổ chức nhà trường, đường lối giảng dạy, v.v..

¹ *Sđđ*, t.16, tr.535-536.

² Xem *Sđđ*, t.16, tr.553-555.

3. Xúc tiến gửi học sinh đi học nước bạn.

Đường lối chỉ đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ và của đồng chí Phạm Văn Đồng trên cương vị Thủ tướng đã đưa lại những kết quả tốt đẹp. Đến cuối năm 1957, tổng sản lượng nông nghiệp (lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi) đã vượt mức trước chiến tranh (3.948.800 tấn năm 1957 so với 2.407.000 tấn năm 1939). Về công nghiệp, dựa vào sức mình, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em, chúng ta đã khôi phục và mở rộng hầu hết những xí nghiệp quan trọng như Mỏ than Hòn Gai, Nhà máy xi măng Hải Phòng, Nhà máy dệt Nam Định... Xây dựng thêm một số nhà máy như Nhà máy cơ khí Hà Nội, Nhà máy chè Phú Thọ... Đến cuối năm 1957 đã có 97 xí nghiệp tương đối lớn do Nhà nước quản lý. Tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp cũng đạt xấp xỉ năm 1939.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa các lĩnh vực kinh tế là một nhiệm vụ tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa nhưng hình thức, biện pháp thực hiện như thế nào còn tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh và đường lối, chủ trương của chính đảng vô sản ở mỗi nước.

Ở Việt Nam, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhưng miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chính quyền tay sai. Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng miền Bắc không tách rời nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Từ ngày 16 đến ngày 29-4-1958, kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa II đã thảo luận và thông qua *Kế hoạch cải tạo và phát triển kinh tế quốc dân (1958-1959)*.

Cuối tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa II đã thảo luận phương hướng kế hoạch, quan điểm chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế quốc dân (1958-1960). Căn cứ vào tình hình quốc tế và thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hội nghị xác định: miền Bắc đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và đang chuyển sang cuộc cách mạng mới - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là yêu cầu khách quan của sự tiến hóa của nền kinh tế và chính trị của xã hội miền Bắc, đồng thời cũng là yêu cầu chính trị chung của toàn quốc: Xây dựng một căn cứ vững chắc, giàu mạnh làm cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Miền Nam còn trong tay bọn

đề quốc phong kiến phản động Mỹ - Diệm, đang tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”. Mục tiêu của kế hoạch 3 năm xây dựng miền Bắc và mối quan hệ giữa cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vai trò của miền Bắc đối với cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam được Hội nghị xác định: “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta hiện nay để thực hiện mục đích chung của toàn quốc là giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ chung cho toàn quốc”¹. Mục đích của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhằm biến một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến”. Mục tiêu của kế hoạch ba năm (1958-1960) là: “Ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa, đồng thời đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư nhân; mặt khác tích cực phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, nhất là công thương nghiệp quốc doanh, nhằm phục vụ đầy đủ hơn nữa cho nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho sự phát triển công nghiệp xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta”².

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cụ thể hóa nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 3 năm (1958-1960), gồm các nội dung như:

1. Trọng tâm của kế hoạch là phát triển và cải tạo nông nghiệp và nông thôn theo con đường *Hợp tác hóa nông nghiệp*; phấn đấu đến năm 1960 phải giải quyết cơ bản vấn đề lương thực ở miền Bắc, định mức là 500kg thóc cho một người dân.

2. Phát triển và cải tạo công nghiệp theo phương châm: “Tận dụng các cơ sở sẵn có, tích cực xây dựng các cơ sở mới”; “Chú trọng phát triển sản xuất hàng tiêu dùng”, sản xuất các tư liệu sản xuất theo hướng phục vụ nông nghiệp”.

3. Mở rộng xây dựng cơ bản theo hướng kết hợp các công trình hạng to, hạng vừa và hạng nhỏ, lấy việc xây dựng các công trình hạng vừa và hạng nhỏ

¹ *Sđđ*, t.19, tr.446-447.

² *Sđđ*, t.19, tr.447.

làm chính, kết hợp kỹ thuật cơ khí hiện đại với nửa cơ khí và thủ công, sử dụng kỹ thuật nửa cơ khí một cách phổ biến”. Đẩy mạnh việc xây dựng cơ bản ở các thành phố lớn, chú trọng các vùng công nghiệp mới.

4. Củng cố và phát triển giao thông vận tải theo hướng củng cố các đường sắt, sửa chữa các đường bộ quan trọng, nạo vét sông ngòi phục vụ giao thông đường thủy, củng cố các cảng biển Hải Phòng, Hòn Gai”.

5. Tăng cường công tác thương nghiệp theo hướng “phát triển, củng cố mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán”; đẩy mạnh cải tạo thương nghiệp tư nhân và những người buôn bán nhỏ. Mở rộng quan hệ mậu dịch với các nước, tăng cường quan hệ tương trợ hợp tác trong hệ thống xã hội chủ nghĩa theo tinh thần quốc tế vô sản, trước hết mở rộng kim ngạch trao đổi với Liên Xô và Trung Quốc; đối với các nước dân tộc độc lập ở Á - Phi. cần mở rộng quan hệ trên tinh thần bình đẳng, chiếu cố lẫn nhau, tiếp tục duy trì, củng cố các mối quan hệ sẵn có đối với một số nước tư bản khác trên cơ sở bình đẳng, hai bên đều có lợi và chỉ mở rộng theo khả năng của ta.

6. Tăng cường công tác tài chính và tiền tệ trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp, bảo đảm lưu thông hàng hóa, vừa tăng thêm thu nhập của nhân dân, vừa tăng thêm nguồn thu tài chính của Nhà nước. Thực hiện tiết kiệm và triển khai tốt công tác tín dụng và tiền tệ phục vụ sản xuất, lưu thông và đời sống.

7. Làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề; tăng cường công tác kỹ thuật theo hướng tích cực đào tạo cán bộ mới, chú trọng bồi dưỡng số cán bộ hiện có, kết hợp công tác nghiên cứu khoa học với áp dụng vào thực tiễn sản xuất, đẩy mạnh công tác điều tra thăm dò, khảo sát nắm vững tình hình đất đai, tài nguyên để xây dựng kế hoạch sử dụng, khai thác.

8. Nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết là nông dân, bảo đảm cân đối giữa cải thiện đời sống với tích lũy vốn để mở rộng sản xuất; chú trọng phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục.

Cùng với việc xác định những nhiệm vụ cơ bản nói trên, đồng chí Phạm Văn Đồng đã lưu ý phải chú ý củng cố quốc phòng phát triển kinh tế văn hóa ở

miền núi và tích cực chuẩn bị mọi mặt cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đồng chí cũng phân tích rõ vai trò của công tác lãnh đạo, giáo dục chính trị tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cải tiến công tác quản lý kinh tế và quản lý kế hoạch để bảo đảm đầy mạnh tốc độ phát triển và cải tạo kinh tế.

Để kiện toàn Bộ Chính trị, Ban Bí thư phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của thời kỳ mới, Hội nghị Trung ương 14 quyết định đồng chí Phạm Văn Đồng thôi nhiệm vụ Bí thư Trung ương để tập trung làm nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị¹.

Thực hiện Nghị quyết của kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa II và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14, không khí cách mạng trong các tầng lớp nhân dân rất sôi nổi. Để chỉ đạo phong trào, tháng 4-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 và sau đó, tháng 5-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (lần 2 mở rộng) đã thảo luận và thông qua hai nghị quyết quan trọng: Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 16, trong tháng 4 và tháng 5-1959, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự một số cuộc họp của Bộ Chính trị thảo luận những vấn đề về lý luận, diễn biến tình hình công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và dự thảo các nghị quyết của Hội nghị Trung ương.

Ngày 13-4-1959, tại cuộc họp Bộ Chính trị, sau khi nghe đồng chí Đỗ Mười báo cáo về tình hình triển khai công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu bổ sung nhận định, rằng chúng ta đã có điều kiện chín muồi để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh thành kinh tế xã hội chủ nghĩa". Biện pháp là: "Phải hợp doanh toàn ngành. Phần nào không hợp doanh được thì thực hiện hợp tác. Cần quy định tiêu chuẩn để định việc hợp doanh, nhưng không vạch thành phần. Phải hoàn thành cải tạo

¹ Theo Thông báo số 1-TCTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp thôi nhiệm vụ ở Ban Bí thư để tập trung làm nhiệm vụ Ủy viên Bộ Chính trị. Đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Đảng, vẫn kiêm nhiệm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, nhưng để nhiều thì giờ hơn cho công việc chủ trì Bộ Chính trị. Ban Bí thư mới gồm: Đồng chí Lê Duẩn, được tạm thời ủy nhiệm chủ trì công việc. Ban Bí thư gồm các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Hoàng Anh, Tố Hữu. Xem *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.19, tr.584.

nhanh, gọn vì điều kiện đã chín muồi, khách quan thuận lợi, nếu không làm sớm tư bản sẽ phân tán tài sản.

Vấn đề kiểm kê tài sản, định giá nên theo phương châm hợp tình, hợp lý. Nên chủ trương định tức không chia lãi”.

Về sắp xếp công việc cho các nhà tư sản khi tiến hành cải tạo, đồng chí đề nghị: “Nên đưa tư sản vào tham gia ban quản trị, nhưng ta vẫn thực sự làm chủ. Về lương, không nên hẹp quá. Nếu chịu thiệt một tí để mua cái lợi chính trị thì cũng nên. Đối với bà con trong xí nghiệp cũng nên sắp xếp thỏa đáng. Đối với tư liệu sinh hoạt của họ, kể cả ô tô cũng không nên hẹp hòi”¹.

Mục tiêu là đầu năm 1960 phải làm xong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy cần tổ chức làm một đợt có trọng điểm, phải tăng cường cơ quan chỉ đạo trực tiếp và cán bộ. Các thành phố phải tập trung làm việc này, phải động viên cán bộ các cơ quan Trung ương, Hà Nội, nhất là phải lấy công nhân đi làm việc này².

Những ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng tại Hội nghị Bộ Chính trị đã được bổ sung vào chủ trương của Ban Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Tại Hội nghị trung ương 16 khóa II họp mở rộng, đồng chí Phạm Văn Đồng đưa ra những nhận định về đối tượng tư sản công thương cần cải tạo và phương pháp tiến hành. Đồng chí nói: “Trước tiên, cần nhận định rõ công thương nghiệp tư bản tư doanh và tư sản dân tộc trước và nay như thế nào? Những người ở thành phố ở lại vì lẽ này vì lẽ nọ đã chọn và nhận thức được về chế độ ta. Số ở vùng tự do đã tham gia kháng chiến; cộng vào đó có một số ít là người lao động, là cán bộ nay kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa và trở thành tiểu chủ. Đó là ba nguồn sản sinh ra tư bản tư doanh. Nhìn chỗ đó để thấy rõ tư sản miền Bắc. Từ ngày hòa bình lập lại, số người và số vốn có phát triển và ta có sử dụng. Đó là một hiện tượng tốt chứ không phải xấu... Vì tư bản nước ta không được phát triển bình thường nên rất phức tạp, có người bóc lột công nhân

¹ Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 13-4-1959, Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ĐV BQ. 100.

² *Tlđđ*.

nhiều mà lãi ít, doanh số cao lãi ít, doanh số ít lãi nhiều”. Vì vậy phải nhận thức rõ: tư sản của ta là tư sản dân tộc, nếu chỉ thấy tư sản mà không thấy dân tộc, muốn đập đổ cũng không đúng; thấy dân tộc mà không thấy tư sản rồi qua loa cũng không đúng... Cần nắm vững toàn bộ chính sách để có đoàn kết, có đấu tranh, đấu tranh để đoàn kết”; về biện pháp có chỗ mềm dẻo, không nên làm hai mặt đối lập với nhau mà thấy cả hai mặt. Phải căn bản giải quyết vấn đề, nhưng phải đoàn kết được với tư sản”. Đó là với tư sản dân tộc. Còn “với tư sản phản động thì đó là mâu thuẫn địch - ta. Cần có tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân để có dư luận ủng hộ”¹.

Với trọng trách Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định đường lối, trực tiếp chỉ đạo quá trình thực hiện cuộc vận động nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Với tác phong cụ thể, sâu sát, đồng chí đã đến nhiều địa phương tìm hiểu tình hình, động viên, chỉ dẫn bà con nông dân trong bước đầu làm ăn tập thể. Ngày 6-7-1959, đồng chí đến dự Hội nghị sản xuất vụ mùa của tỉnh Hải Dương và nói chuyện với gần 2.000 cán bộ cốt cán của huyện và tỉnh. Nói chuyện tại Hội nghị sản xuất đông - xuân ngoại thành Hà Nội, ngày 30-10-1959, đồng chí Phạm Văn Đồng quán triệt: Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, nông dân phải biết sử dụng kỹ thuật mới, bên cạnh việc tổ chức làm ăn theo lối mới; phải coi đó là “hai điều máu chột để giành thắng lợi”.

Ngày 1-1-1958, sau quá trình nghiên cứu, khảo sát, công trình thủy lợi đầu tiên dưới chế độ mới - công trình thủy nông Bắc - Hưng - Hải phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh cho ba tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương chính thức khởi công. Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dự lễ khởi công, phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa trên công trường. Nửa tháng sau, ngày 16-1, cùng một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, thành viên Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội, đồng chí lại về thăm công trường, mang đến sự động viên to lớn cho cán bộ công nhân và dân công.

¹ Biên bản Hội nghị Trung ương 16 (mở rộng), Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ĐVBQ.48.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ tất yếu khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng trong khi tiến hành tập thể hóa nông nghiệp và cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh, chúng ta đã nóng vội, chủ quan muốn nhanh chóng quốc doanh hóa và tập thể hóa, chưa nhận thấy những yếu kém về trình độ tổ chức, quản lý để định ra các hình thức, quy mô phù hợp. Vì vậy, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đã bộc lộ những khuyết tật ngay trong lòng nó, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh và thay đổi cho phù hợp với thực tiễn.

Tuy vậy, kết quả của quá trình này đã có nhiều tác động tích cực. Về nông nghiệp, trong kế hoạch 3 năm (1958-1960), mức tăng trung bình đạt 5,6%/năm; sản xuất công nghiệp tăng 21,7%/năm¹. Về xây dựng cơ bản, một số công trình quan trọng đã hoàn thành và đi vào sản xuất. Thu nhập bình quân đầu người năm 1960 tăng 2 lần so với năm 1955. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế cũng đạt một số thành tựu, tạo cơ sở thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch dài hạn sau này.

Những thành tựu, khuyết điểm yếu kém của quá trình thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960) đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng khái quát tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa II (12-4-1961).

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng kinh tế, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận thức rõ: Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhà nước dân chủ nhân dân tất yếu phải chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản; nhiều vấn đề thuộc về đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chủ trương và biện pháp cụ thể của Chính phủ nhằm tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước là những việc khó nhưng phải làm; vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa học. Đồng chí nói: “Dưới chế độ chúng ta, *sức mạnh của Nhà nước là sức mạnh của nhân dân*. Bởi vậy phải tăng cường liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân, phải phát huy dân chủ, phải mở rộng sinh hoạt dân chủ động viên quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia bàn bạc những việc lớn có

¹ Phạm Văn Đồng: *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang*, Sđd, tr.105.

liên quan đến quốc kế dân sinh; phải tạo điều kiện và giúp đỡ cho mọi công dân tham dự vào việc bàn bạc và quyết định mọi việc của nước, của dân...”¹.

Với nhận thức ấy, tại các cuộc họp của Bộ Chính trị các ngày 28-9-1957, từ ngày 7 đến 8-10-1957, 1-3-1958, 4-4-1958... bàn về kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu nhiều ý về tổ chức nhân sự các cơ quan Đảng và Chính phủ. Đồng chí nói: “Vấn đề lãnh đạo không chỉ coi là vấn đề tác phong, phương pháp mà chủ yếu là vấn đề chuẩn bị, nếu không thì làm nhiều mà không giải quyết được vấn đề”². Nhận xét về tình hình lãnh đạo của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương lúc đó, đồng chí cho rằng: “Lãnh đạo còn thể hiện sự non kém, chưa vững cả về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Về chính trị, đường lối chung và các chủ trương lớn thì đúng, nhưng để thực hiện những đường lối chủ trương đó thì chính sách biện pháp cụ thể còn yếu. Về tổ chức thực hiện rất yếu. Lãnh đạo tư tưởng kém”. Biểu hiện cụ thể là đã phạm sai lầm trong cải cách ruộng đất; lãnh đạo kinh tế tài chính gặp nhiều lúng túng.

Để tăng cường thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, quản lý, đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng cần có sự phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ các cấp chính quyền, giữa Đảng và Nhà nước. Đồng chí nói: “Những công việc Nhà nước thì do Chính phủ, Đảng chỉ làm việc chính trị, tư tưởng, không bao biện”. “Để thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung, cần gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Phân cấp quản lý là mở rộng dân chủ, nhưng phải tập trung vào Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Chính phủ phải sinh hoạt đều, các bộ không được chỉ thị cho các ủy ban hành chính mà phải tập trung trong Hội đồng Chính phủ, qua Thủ tướng Chính phủ chỉ thị, nếu không sẽ sinh phân tán ngay”³. Những ý kiến trên đây của đồng chí Phạm Văn Đồng thể hiện rõ những quan điểm có tính lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng, tổ chức bộ máy nhà nước cần được tiếp tục nghiên cứu.

¹ Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Nxb. Sự thật, H.1980, tr.79 - 80.

² *Biên bản họp Bộ Chính trị*, ngày 28-8-1957, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

³ *Biên bản họp Bộ Chính trị*, ngày 4-4-1958. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Ngày 25-1-1957, kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa II đã thông qua Nghị quyết về việc cử các thành viên Ban Sửa đổi Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Quốc hội cử tham gia Ban Sửa đổi Hiến pháp và đã có nhiều ý kiến tham gia cụ thể, thiết thực.

Qua 27 phiên họp, sau khi tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường trực Quốc hội, của các tầng lớp nhân dân, ngày 31-12-1959, kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa II đã thông qua Hiến pháp mới. Ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 01/SL chính thức công bố bản Hiến pháp này.

Bản Hiến pháp mới đã dành chương VI gồm 5 điều (từ Điều 71 đến Điều 74) quy định về tổ chức hoạt động; nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ.

Những quy định của Hiến pháp và các văn bản pháp luật là cơ sở pháp lý để Hội đồng Chính phủ với tư cách là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” quản lý tổ chức và điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội.

Là một trong những vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, trong những năm 1955-1960, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều hoạt động đòi đổi phương thi hành Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, có nhiều ý kiến chỉ đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Phát biểu tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I (20-3-1955), đồng chí nói: “Hiện nay đế quốc Mỹ đang ráo riết và điên cuồng tìm cách phá hoại hòa bình vừa lập lại ở Đông Dương, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, gây tình trạng căng thẳng ở Đông Dương”¹, việc đấu tranh để thi hành Hiệp định Giơnevơ, việc cùng cố hòa bình và thực hiện thống nhất Tổ quốc gắn liền với nhau; việc xây dựng miền Bắc vững mạnh có ý nghĩa quan trọng đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh cùng cố hòa bình và thực hiện thống nhất đất nước.

Ngày 19-5-1955, thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi công hàm cho Quốc trưởng và Thủ tướng Quốc gia Việt Nam (tức nhà cầm

¹ Phạm Văn Đồng: *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang*, Sđd, tr.43.

quyền ở miền Nam) nêu rõ: Hiệp định Giơnevơ đã quy định chính quyền hai miền Nam Bắc tiến hành hiệp thương vào ngày 20-7-1955 để bàn việc tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Chiến tranh đã kết thúc, quân đội hai bên đã tập kết đúng quy định, cơ sở để giải quyết vấn đề chính trị trong đó có vấn đề Tổng tuyển cử đã có. “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chúng tôi đề nghị các ông cử đại biểu để cùng đại biểu chúng tôi mở Hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20-7-1956 như Hiệp định Giơnevơ quy định tại một địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do hai bên cùng thỏa thuận”.

Khước từ đề nghị của Chính phủ ta, với sự giật dây của chính quyền Mỹ, ngày 23-10-1955, bằng cuộc “trung cầu dân ý” gian lận, chính quyền “Quốc gia Việt Nam” ở miền Nam đã phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Quốc trưởng. Ngày 26-11-1955, họ công bố “Hiến ước tạm thời” và dựng nên “nước Việt Nam Cộng hòa”. Ngày 4-3-1956, họ tiến hành “Tổng tuyển cử” dựng nên Quốc hội lập hiến, rồi thông qua Hiến pháp. Đi đôi với các hành động trên, các hoạt động khủng bố những người kháng chiến cũ, bắt bớ, giam cầm đồng bào yêu nước, tăng cường nhận viện trợ và cố vấn Mỹ để xây dựng “Quân lực Việt Nam Cộng hòa”, rồi ngang nhiên giải thích với báo chí trong và ngoài nước hành động của họ là vì miền Nam Việt Nam đang ở tình trạng chiến tranh”.

Bày tỏ sự tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, với thái độ thiện chí, mềm dẻo, trong các ngày 11-5-1956, 18-7-1957, 7-3-1958, 22-12-1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng liên tiếp gửi công hàm cho Ngô Đình Diệm và những người cầm quyền miền Nam, đưa ra những đề nghị cụ thể, thiết thực nhằm tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình, nhưng mọi đề nghị đều bị nhà cầm quyền miền Nam làm ngơ.

Song song với việc đưa ra các đề nghị với chính quyền miền Nam, với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, từ ngày 1-8-1955 đến cuối năm 1958, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhiều lần gửi công hàm cho Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô và Bộ trưởng Ngoại giao Anh - đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ, cho Ủy ban Quốc tế đề nghị có các hoạt động thiết thực buộc chính quyền Mỹ và Việt Nam

Cộng hòa phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam và Đông Dương¹.

Sớm nhận định mưu đồ của nhà cầm quyền Mỹ đối với Việt Nam, ngay từ Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (từ ngày 15 đến 17-7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nhận định: Đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của cách mạng Việt Nam. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, tháng 7-1954, các Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ và Khu V đã chỉ đạo các tổ chức đảng và các cán bộ được cù ở lại miền Nam rút vào hoạt động bí mật; các đồng chí đã bị lộ được điều động sang hoạt động ở vùng khác. Tiếp đó, các Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (3-1955) và Hội nghị Trung ương lần thứ tám (8-1955) đã xác định phương châm hoạt động ở miền Nam là “tiếp tục chuyển hướng công tác ổn định tổ chức và tăng cường đoàn kết nội bộ, nắm vững phương châm khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, khắc phục tư tưởng chủ quan, thiếu cảnh giác, bộc lộ lực lượng và tư tưởng chủ quan,... bi quan, dao động, thù tiêu công tác, đầu hàng, đầu thú, nằm im, chạy dài”². Trong tổ chức tranh đấu “phải theo đúng phương châm *có lý, có lợi, có mức*, tránh bộc lộ lực lượng”³.

Do những âm mưu thâm độc và chống phá quyết liệt của đế quốc Mỹ và tay sai, tình hình miền Nam gặp nhiều khó khăn nhiều cán bộ, quần chúng yêu nước bị sát hại, bị bắt, nhiều tổ chức cơ sở bị địch phá vỡ. Trong khi đó, Đảng lại chậm đề ra những biện pháp cụ thể, có hiệu quả để kịp thời đối phó với các hành động phá hoại, khủng bố của kẻ thù, vì vậy lực lượng cách mạng và quần chúng yêu nước bị tổn thất, nhất là trong những năm 1957-1958. Đó là “sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân” như kết luận của Bộ Chính trị, ngày 23-4-1994, khi tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

¹ Với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, đồng chí Phạm Văn Đồng đã gửi công hàm cho Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô và Anh - hai Đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ vào các ngày 17-8-1955, 25-11-1955, 9-4-1956, 4-6-1956, 13-7-1956 và 8-6-1957.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.215.

³ *Sđd*, tr.576.

Sau thời gian nghiên cứu, chuẩn bị, từ ngày 12 đến ngày 22-1 và từ ngày 10 đến 15-7-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa II đã họp thảo luận tình hình và thông qua Nghị quyết do Bộ Chính trị chuẩn bị¹.

Nghị quyết Hội nghị xác định: Con đường và phương pháp cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và dự kiến khả năng cách mạng miền Nam sẽ phát triển thành một cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Để chi viện cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam, ngày 5-5-1959, theo quyết định của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương đã ra Nghị quyết chính thức xây dựng tuyến vận chuyển chi viện người và của cho miền Nam - đường mòn Hồ Chí Minh (gọi là tuyến đường 559). Tiếp đó, tháng 7-1959 thành lập đơn vị vận tải đường biển chi viện cho miền Nam (gọi là đơn vị 759).

Được chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 15 và sự chi viện kịp thời của quân và dân miền Bắc, cả Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã nổi lên phong trào đồng khởi. Những trận đánh đầu tiên của các lực lượng vũ trang và tự vệ vào một số quận lỵ của địch ở Tây Ninh, Đồng Tháp, Thủ Dầu Một, Ninh Thuận; những cuộc nổi dậy của quần chúng có tự vệ vũ trang hỗ trợ cướp chính quyền địch ở Trà Bồng (Quảng Nam), Mỏ Cày (Bến Tre)... đã đẩy kẻ địch vào thế bị động, lúng túng. Tiếp sau Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 15, những quyết định về đường lối, chủ trương, chính sách của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã tạo bước chuyển biến mới cho cách mạng trên cả hai miền Nam Bắc. Miền Bắc chuyển trọng tâm vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) trên đà thắng lợi bước đầu của kế hoạch 3 năm (1958-1960), cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng miền Bắc, củng cố an ninh quốc phòng; miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, giành lại thế chủ động.

Tháng 12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời và sau đó, tháng 1-1961, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng chính

¹ Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp hai đợt: đợt một họp mở rộng từ ngày 12 đến 22-1-1959; đợt 2 họp các Ủy viên Trung ương để thông qua Nghị quyết tiến hành từ ngày 10 đến 15-7-1959.

thức được thành lập, thế hai chân ba mũi dần dần hình thành đã tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, từng bước phát triển vững chắc.

Trong những năm 1955-1960, với cương vị Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều hoạt động đối ngoại nhằm mục đích nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước anh em trong khối xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân, các nước trên bán đảo Đông Dương; xây dựng đường lối đối ngoại, đề ra những chính sách cụ thể nhằm thiết lập quan hệ hữu nghị với các nước theo những nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Từ ngày 7 đến ngày 14-4-1955, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam thăm hữu nghị các nước Ấn Độ và Mianma. Ngày 18-4-1955, đồng chí là Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dự Hội nghị Á - Phi lần thứ nhất tại Băng Đung (Indônêxia). Hội nghị nhất trí thông qua 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, chống chủ nghĩa thực dân, đẩy mạnh việc hợp tác kinh tế và văn hóa giữa các nước châu Á, châu Phi.

Quan điểm đối ngoại và trong các hoạt động ngoại giao mà đồng chí đã xác định là: “Chế độ xã hội khác nhau có thể cùng chung sống hòa bình, nhằm giải quyết bằng cách thương lượng mọi tranh chấp và xung đột quốc tế làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng, giữ gìn và củng cố hòa bình, phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc”¹.

Đó cũng là quan điểm ngoại giao nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tạo tiền đề hình thành Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những năm sau đó.

2. Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; đánh thắng chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai

¹ Phạm Văn Đồng: *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang*, Sđd, tr.66.

Bước sang năm 1960, miền Bắc đã có những bước tiến dài sau kế hoạch 2 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa, cách mạng Việt Nam đã chuyển qua giai đoạn mới. Trong tình hình đó, những yêu cầu phải nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đặt ra rất cấp thiết.

Ngày 8-5-1960, cuộc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II đã được tổ chức khắp các địa phương trên toàn miền Bắc. 362 đại biểu Quốc hội khóa II đã được bầu ra. Các đại biểu miền Nam được Quốc hội quyết định kéo dài trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa II vì chưa có điều kiện tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước. Đồng chí Phạm Văn Đồng được giới thiệu ứng cử tại Hà Nội và trúng cử đại biểu Quốc hội khóa II với số phiếu rất cao.

Từ ngày 7 đến ngày 15-7-1960, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa II đã tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Tại kỳ họp, theo giới thiệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng được Quốc hội bầu lại làm Thủ tướng Chính phủ và Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng¹.

Ngày 5-9-1960, sau quá trình chuẩn bị, theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương khóa II, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng khai mạc tại Hà Nội. Lần đầu tiên sau hơn 30 năm hoạt động và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đại hội Đảng được tổ chức tại Thủ đô - trái tim của cả nước. Tham dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên của các đảng bộ trong toàn quốc. Đại hội rất phấn khởi được đón nhiều đoàn đại biểu các đảng anh em tới dự.

Tại Đại hội, các văn kiện quan trọng như *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương* do đồng chí Lê Duẩn trình bày; *Báo cáo về sửa đổi Điều lệ Đảng* do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày; *Báo cáo về phương hướng và nhiệm*

¹ Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ nhất đã bầu:

- Chủ tịch nước: Đồng chí Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch nước: Đồng chí Tôn Đức Thắng.
- Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đồng chí Trường Chinh.
- Thủ tướng Chính phủ: Đồng chí Phạm Văn Đồng.

¹ *vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất* do đồng chí Nguyễn Duy Trinh thay mặt Thủ tướng Chính phủ trình bày đã được các đại biểu thảo luận, bổ sung và nhất trí thông qua¹. Đại hội khẳng định: Kể từ ngày được hoàn toàn giải phóng, miền Bắc đã đạt nhiều thành tựu trong kế hoạch phục hồi nền kinh tế, bước đầu có những tiến bộ trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, trong khi nhân dân miền Nam còn đang tiếp tục cuộc đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất đất nước. Vì vậy miền Bắc cần thiết phải chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa để làm hậu thuẫn cho cuộc cách mạng ở miền Nam. Nhiệm vụ cách mạng của miền Bắc và miền Nam là hai chiến lược khác nhau, nhưng đều nhằm một mục đích chung là thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Trong hoàn cảnh đất nước còn tạm thời bị chia cắt, mỗi miền có nhiệm vụ và nội dung cụ thể, nhưng có mối quan hệ tác động lẫn nhau, trong đó nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có vai trò quyết định đối với sự phát triển toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước; cách mạng miền Nam có tác động quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà và hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Đại hội xác định: Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải là một quá trình cải biến về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sở hữu nhỏ tiến lên chế độ sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc và lạc hậu xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại". Xây dựng kinh tế phải được kết hợp tốt và đồng thời với củng cố quốc phòng; phải tỏ rõ tính hơn hẳn so với miền Nam, đồng thời làm cơ sở vững chắc cho nhân dân cả nước trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) được Đại hội xác định là:

¹ Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (9-1956) và Hội nghị Bộ Chính trị (3-5-1957) đã ra Nghị quyết về chuẩn bị Đại hội Đảng và thành lập các Ban dự thảo văn kiện, gồm Ban Báo cáo chính trị do đồng chí Hồ Chí Minh phụ trách gồm các Tiểu ban: Tổng kết kinh nghiệm do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách; Đường lối xây dựng miền Bắc do đồng chí Trường Chinh phụ trách; Đường lối đấu tranh thống nhất do đồng chí Phạm Hùng phụ trách; Ban sửa đổi Điều lệ Đảng do đồng chí Lê Đức Thọ phụ trách; Báo cáo về kế hoạch dài hạn do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách; Ban tổ chức Đại hội do đồng chí Nguyễn Lương Bằng phụ trách. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.17, tr.599 và t.18, tr.381-384.

1. Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển công nghiệp nhẹ, giao thông vận tải; tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã; chuẩn bị cơ sở để miền Bắc trở thành một nền công nghiệp và nông nghiệp xã hội chủ nghĩa.

2. Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh; tăng cường mối quan hệ giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

3. Nâng cao trình độ dân trí, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ và công tác khoa học - kỹ thuật; đẩy mạnh điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên phục vụ cho công tác quy hoạch và phát triển kinh tế.

4. Cải thiện một bước mọi mặt đời sống của nhân dân.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội III đã nhấn mạnh là phải *tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân*. Nghị quyết của Đại hội chỉ rõ: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước dân chủ nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ nền độc lập dân tộc, đập tan mọi hành động phá hoại, khiêu khích và xâm lược của bọn Mỹ - Diệm... Nhà nước dân chủ nhân dân có nhiệm vụ tiến hành công tác giáo dục, tổ chức và hướng dẫn nhân dân thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng và củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân.

Nhà nước có trách nhiệm *bảo đảm mọi quyền lợi của nhân dân*, không ngừng mở rộng dân chủ, thi hành đúng Hiến pháp và các luật lệ đã ban hành, xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa và giáo dục mọi người tôn trọng pháp luật; phát huy tinh thần làm chủ, nâng cao trình độ chính trị, văn hóa của nhân dân.

Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên cơ sở liên minh công nông và được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân, phải *thực hành chuyên chính với bọn phản*

cách mạng, nghiêm trị những kẻ chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”¹.

Ngày 9-9-1960, tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng đọc tham luận *Mấy vấn đề Nhà nước dân chủ nhân dân*. Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: “Khi nhân dân ta sắp hoàn thành kế hoạch 3 năm và chuyển sang thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì Nhà nước dân chủ nhân dân phải tăng cường hiệu lực để làm trọn những nhiệm vụ mới, to lớn và nặng nề hơn”². Theo đồng chí để tăng cường hiệu lực quản lý, tổ chức của Nhà nước thì điều kiện trước tiên là kiên quyết và mau chóng khắc phục những nhận thức sai lệch về Nhà nước Đồng chí nhận xét: “Một số đồng chí chúng ta đã không thấy rõ vai trò của Nhà nước, không biết phát huy đầy đủ vai trò của Nhà nước, không biết sử dụng đầy đủ chính quyền nhà nước. Đó là tình trạng: có sẵn trong tay một công cụ sắc bén mà không biết dùng... Thậm chí, một số đồng chí đã có ý nghĩ sai lầm và nguy hiểm là coi Nhà nước, pháp luật và những thủ tục của Nhà nước là những điều phiền phức, rắc rối, là những sự ràng buộc”, “không có sự cố gắng đầy đủ tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước”. Đó là những sai lầm, yếu kém phải được khắc phục. Đồng chí đặc biệt lưu ý: “Hiểu sai dẫn đến việc làm sai: hoặc là Đảng bao biện, làm thay công việc của Nhà nước, người lãnh đạo Nhà nước bị coi nhẹ, cơ quan nhà nước không được sử dụng một cách thích hợp; hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, khoán trắng cho cơ quan nhà nước, để cơ quan nhà nước có lúc tự ý có những chủ trương và việc làm sai, trái hẳn với đường lối, chính sách của Đảng”. Đồng chí nhấn mạnh: “Buông trôi, không lãnh đạo Nhà nước, đối với một đảng nắm chính quyền, đó là một thiếu sót lớn, có thể đưa đến những chủ trương và việc làm sai lệch, có hại cho Nhà nước. Bao biện, làm thay từ việc lớn đến việc nhỏ không phải là lãnh đạo; trái lại, làm cho cơ quan nhà nước không phát huy được tác dụng, làm đúng chức năng của mình”³. Theo đồng chí, tăng cường sức mạnh của Nhà nước là “tăng cường các tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo những điều khoản và tinh thần của Hiến pháp”; là “tăng cường

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.933.

² Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Sđd, tr.71.

³ Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Sđd, tr.77-78.

cơ sở chính trị và xã hội của Nhà nước”; là “tăng cường liên minh công nông, tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc”; là tăng cường mối liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân, phát huy dân chủ và mở rộng dân chủ, động viên quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước”. Tăng cường sức mạnh của Nhà nước nghĩa là phải “tăng cường bộ máy nhà nước, tăng cường những cơ quan quản lý kinh tế, quản lý văn hóa, những cơ quan quốc phòng, nội chính và ngoại giao”¹. “Tăng cường Nhà nước dân chủ nhân dân là tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Dưới chế độ ta, pháp luật phản ánh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật là ý chí của nhân dân. Phản ánh đường lối chính sách của Đảng, là ý chí của nhân dân, cho nên pháp luật là vũ khí sắc bén để trấn áp kẻ thù của nhân dân, để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống mới. Những người lẫn lộn Đảng và Nhà nước thì không thấy rõ mặt này của Nhà nước. Làm cách mạng là để giành chính quyền, lập nên Nhà nước của mình và dùng Nhà nước đó ban hành luật pháp, pháp lệnh, nghị định, mọi thể lệ, mọi điều qui định có hiệu lực đối với tất cả mọi người, mọi người phải tuân theo”². Đồng chí còn nói rõ rằng, trong quản lý kinh tế, cần kết hợp tốt giữa quản lý hành chính kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh. Công tác quản lý kinh tế, sản xuất kinh doanh chỉ có thể tiến hành thuận lợi trong điều kiện bảo đảm tốt an ninh chính trị và trật tự xã hội, thực hiện tốt các quyền tự do, dân chủ và nghĩa vụ của người lao động. Khi khẳng định sự cần thiết phải bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đồng chí cũng phê phán sự “lẫn lộn giữa Đảng và Nhà nước” trong vấn đề lãnh đạo quản lý và điều hành bộ máy nhà nước. Những luận điểm nêu trên là đóng góp quan trọng của đồng chí Phạm Văn Đồng về những vấn đề lý luận và thực tiễn về Nhà nước dân chủ nhân dân, thực hiện những nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, quản lý và điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương với hơn 95% số phiếu³ và được Ban Chấp hành Trung ương khóa III cử vào Bộ Chính trị.

¹ Sđd, tr.80-81.

² Sđd, tr.82-83.

³ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.21, tr.906.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dành nhiều thời gian, công sức cho công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đồng chí xác định: Đây là điều hết sức mới mẻ và đầy khó khăn đối với nước ta khi đưa nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn có kế hoạch.

Cụ thể, sâu sát và trực tiếp là phong cách lãnh đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng. Ngày 12-4-1961, báo cáo trước kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa II, đồng chí đã đưa ra những số liệu rất đáng lưu ý về tình hình cơ sở vật chất - kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu của các hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp. Đồng chí cho biết: Theo điều tra cơ bản ở 200 hợp tác xã nông nghiệp bậc cao và gần 700 hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp thuộc 23 tỉnh, khu, một nhân khẩu chỉ có bình quân 2,3 sào ruộng, 3,3 mẫu ruộng mới có một con trâu hoặc bò; mỗi hợp tác xã có bình quân 1 guồng đập nước; 8 hợp tác xã có một máy cày, 10 hợp tác xã có một máy tuốt lúa đập chân; kể cả vay nợ Nhà nước và nông dân, vốn bình quân chỉ có 178 đồng/ha (tiền thời điểm đó). Nếu so sánh với vốn một héc-ta của nông trường quốc doanh thì chỉ bằng 1/20 (5%)¹.

Tại các hợp tác xã thủ công nghiệp, trung bình 15 thợ mới có một máy động lực, 68 thợ mới có một máy chạy điện, 6 thợ mới có một máy quay tay, sản xuất bước đầu có tăng, nhưng chưa mạnh, khả năng tích lũy còn rất hạn chế². Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, nhưng tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, bà con nông dân và thợ thủ công vẫn cố gắng sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã biểu dương thành tích và những cố gắng đó, đồng thời khẳng định vấn đề giúp đỡ về mọi mặt cho các hợp tác xã là yêu cầu cấp bách của Nhà nước, của các bộ, ngành trung ương và địa phương. Đồng chí đề nghị Nhà nước cần đầu tư xây dựng các công trình trung, đại thủy nông; giúp đổi mới công cụ, đặc biệt là giải quyết vấn đề sức kéo; nâng cao trình độ quản lý và khoa học - kỹ thuật, hỗ trợ những khâu như giống, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu; chú trọng hơn trong việc xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng như trường học, trạm xá, nhà trẻ... Đồng chí chỉ rõ, đó là những công việc thiết thực để củng cố liên minh công nông, giáo dục chính trị tư tưởng

¹ Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Sđd, tr.92-93.

² Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về Nhà nước*, Sđd, tr.95-96.

cho nông dân, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước với nông dân và sản xuất nông nghiệp.

Đối với các hợp tác xã thủ công nghiệp, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu Nhà nước phải giúp đỡ việc hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật và quản lý. Cung cấp đủ và đều nguyên liệu, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm. Muốn được như vậy, Nhà nước phải đặt kế hoạch toàn diện về sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, có sự phân công hợp lý theo phương châm chiếu cố đầy đủ đến thủ công nghiệp.

Ngày 17-1-1962, tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nêu ra 5 yêu cầu cơ bản trong việc tăng cường và cải tiến việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch:

Một là: Xác định rõ chức năng và tăng cường những khâu chủ yếu trong hệ thống tổ chức thực hiện kế hoạch, đảm bảo yêu cầu thống nhất từ Chính phủ tới các bộ, ngành, các địa phương và cơ sở. Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo trong phạm vi mình phụ trách.

Hai là: Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường chế độ trách nhiệm và kỷ luật nhà nước, mở rộng dân chủ nhưng phải chống phân tán cục bộ.

Ba là: Tinh giản bộ máy nhà nước theo phương châm gọn nhẹ, đúng chức năng, bớt cấp trung gian, tăng cường cho cấp dưới và cơ sở.

Bốn là: Tăng cường kiểm tra đôn đốc, đi sát cơ sở, chống quan liêu giấy tờ.

Năm là: Coi trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt cán bộ; cần chú trọng hơn nữa những cán bộ trẻ có năng lực và cán bộ nữ¹.

Ngay từ những ngày tháng đầu tiên của việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, phong trào thi đua ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực, các địa phương trên toàn miền Bắc diễn ra rất sôi nổi. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện và trở thành lá cờ đầu của phong trào thi đua lao động sản xuất, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

¹ *Sdd*, tr.110-118.

Ngày 26-5-1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước đã định hướng và tiếp thêm sinh khí cho phong trào. Mở đầu phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là phong trào *Học tập, tiến kịp và vượt hợp tác xã nông nghiệp Đại Phong* (Quảng Bình) - lá cờ đầu trong sản xuất nông nghiệp với 5 mục tiêu: cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất; tăng vụ, vỡ hoang; cải tiến công tác quản lý hợp tác xã; phát triển ngành nghề ở nông thôn; tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong hợp tác xã.

Trong công nghiệp, phong trào *Học tập Duyên Hải, thi đua với Duyên Hải* (Hải Phòng) - lá cờ đầu phong trào thi đua tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật trong giai cấp công nhân.

Trong sản xuất thủ công nghiệp, *hợp tác xã Thành Công* (Thanh Hóa) là lá cờ đầu thi đua của toàn ngành.

Thi đua với giai cấp công nhân, nông dân, thợ thủ công, hàng triệu thầy cô giáo, cán bộ ngành giáo dục và học sinh sinh viên đã hăng hái hưởng ứng phong trào *Hai tốt - dạy tốt, học tốt*, thi đua với lá cờ đầu là *Trường Phổ thông cấp II Bắc Lý* (Hà Nam).

Trong quân đội, các đơn vị trong toàn quân rất sôi nổi trong phong trào thi đua *Ba nhất* được hình thành từ tháng 8-1960.

Đề chỉ đạo là khuyến khích phong trào thi đua của các ngành, Đảng và Nhà nước đã phát động phong trào thi đua phấn đấu trở thành tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa trong toàn thể công nhân viên chức.

Trong công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhà nước, đồng chí Phạm Văn Đồng thường xuyên cổ vũ, động viên phong trào thi đua trong các tầng lớp nhân dân, nhất là phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ và đội lao động xã hội chủ nghĩa. Trong những lần về thăm cơ sở, đồng chí nói chuyện thân mật, phổ biến nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất; thăm hỏi đời sống của cán bộ, công nhân, nông dân và những người lao động... Tác phong sâu sát, thực tế đã tạo cơ sở để đồng chí đề xuất những chủ trương, biện pháp phù hợp với những yêu cầu khách quan của tình hình.

Đầu năm 1962, đồng chí Phạm Văn Đồng được Bộ Chính trị Trung ương cử làm Trưởng ban Chỉ đạo thí điểm tiến hành cuộc vận động *Nâng cao ý thức trách nhiệm tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí, quan liêu* trong các ngành công nghiệp, gọi tắt là cuộc vận động “Ba xây, ba chống”. Tháng 4-1962, đồng chí đã triệu tập và chủ trì Hội nghị thí điểm triển khai cuộc vận động cho các ngành và một số địa phương. Tại Hội nghị, đồng chí Phạm Văn Đồng đã quán triệt một số quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, những nội dung của cuộc vận động. Đồng chí nhắc lại điều có tính quy luật là *cách mạng là cái mới chiến thắng cái cũ* và nhấn mạnh: “Chúng ta xây dựng xã hội mới, đời sống mới từ chế độ cũ, từ đời sống cũ, với những thói xấu của cái cũ, còn rớt lại. Sự nghiệp xây dựng cái mới là một cuộc đấu tranh bền bỉ, triệt để chống cái cũ, thói nát, xóa bỏ dần dần cái cũ không thích hợp với sự tiến lên của cách mạng, của xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp ấy có thể ví như người làm vườn vừa vun xới cho cây, cho hoa, vừa phải nhổ cỏ trừ sâu. Và nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, diệt sâu phải diệt từ trứng. Có như thế hoa mới càng đẹp, quả mới càng ngon”¹. Cái xấu còn tồn tại, theo đồng chí Phạm Văn Đồng là thói vô trách nhiệm, là trì trệ trong việc khắc phục những yếu kém về khoa học - kỹ thuật và quản lý; ba loại sâu mọt đang đục khoét xã hội, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu và muốn chống được tham ô, lãng phí trước hết phải chống quan liêu. Đồng chí nói rõ: “Tham ô, lãng phí và quan liêu thường dính với nhau, liên quan mật thiết với nhau. Tham ô nhất định đẻ ra lãng phí. Kẻ đã ăn cắp, ăn trộm của công làm của tư thì không còn thương tiếc của công. Và để tiện cho việc bỏ túi được một, kẻ ấy có thể để mất đi mười mà không chút e ngại, thậm chí có trường hợp kẻ tham ô lại cố ý gây lãng phí để che lấp hành động xấu xa của họ. Ngược lại lãng phí thường kêu gọi tham ô: lúc người ta xài phí của công một cách bừa bãi, thì kẻ gian tha hồ thừa gió bẻ măng. Tham ô và lãng phí dính liền với nhau, và cả đôi dính liền với quan liêu như bóng với hình”². Chống tham ô, lãng phí, quan liêu và thực hành tiết kiệm, để dành vốn và vật tư xây dựng đất nước, đó là ý nghĩa kinh tế của cuộc vận động, nhưng ý nghĩa chính trị - xã hội của nó còn lớn hơn

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.170-171

² *Sđđ*, tr.178.

nhieu. Theo đồng chí Phạm Văn Đồng, ý nghĩa chính trị của cuộc vận động là ở chỗ quần chúng công nhân nhận thức rõ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, về uy tín của Đảng và tin tưởng hơn vào đường lối của Đảng. Trong chế độ mới, chế độ do nhân dân lao động làm chủ, như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói: Người lao động có quyền đòi hỏi ở Đảng, ở các cơ quan quản lý. Họ sẽ nói rằng: “Chúng tôi thấy rồi, chúng tôi làm chủ và chúng tôi quyết làm người chủ xứng đáng ở xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã... Chúng tôi ra sức thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, ra sức thực hiện kế hoạch nhà nước. Nhưng chúng tôi yêu cầu một điều: Các đồng chí cấp trên hãy cùng chúng tôi làm chủ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta, hết lòng, hết sức lãnh đạo chúng tôi, hướng dẫn và giúp đỡ chúng tôi đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua để hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước”¹. Đồng chí đặt câu hỏi: “Về phía chúng ta, những người có trách nhiệm trong bộ máy nhà nước ở các cấp và các ngành từ trên đến cơ sở, chúng ta đã đáp ứng như thế nào lời yêu cầu thích đáng và thiết tha của quần chúng ở cơ sở? Chúng ta đã làm gì để hướng dẫn và giúp đỡ cơ sở giải quyết những khó khăn”². Đồng chí đặt vấn đề rất cụ thể “*Chúng ta là ai?*”, chúng ta là những cán bộ trong các cơ quan nhà nước được ủy nhiệm trọng trách quản lý nền kinh tế quốc dân, quản lý kinh tế quốc doanh, quản lý theo kế hoạch của Nhà nước...”, đồng chí nhấn mạnh: Phải có trách nhiệm và phải biết quản lý. Đó là biểu hiện rõ nhất về sự làm chủ của người lãnh đạo, người quản lý. Phải hiểu theo nghĩa rộng của chữ quản lý” gồm cả vấn đề chủ trương, chính sách. Quản lý tất nghĩa là phải quy định rõ chính sách, chế độ, thể lệ, định mức cho các cấp, các ngành và các địa phương theo đó mà thực hiện. Phải coi đó là kỷ luật của Nhà nước, là những quy định bắt buộc phải chấp hành; chỗ nào, nơi nào làm sai là có lỗi. Để làm được như vậy, cơ quan lãnh đạo, người đứng đầu có vai trò rất quan trọng, đòi hỏi phải có trách nhiệm và biểu hiện trách nhiệm bằng những việc làm thiết thực, có hiệu quả. Đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu: các đồng chí bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đồng chí chủ tịch ủy ban hành chính các khu, tỉnh và thành phố có trách nhiệm chỉ đạo cuộc vận

¹ *Sđd*, tr.179-180.

² *Sđd*, tr.180, 182.

động trong các tổ chức từ trên xuống dưới thuộc phạm vi phụ trách của mình. Các đồng chí giám đốc xí nghiệp, công trường, cơ sở kinh doanh, cơ quan sự nghiệp hành chính có trách nhiệm chỉ đạo tất cuộc vận động”¹. Phải luôn luôn nhớ rằng quần chúng cán bộ ở cơ quan, quần chúng công nhân ở cơ sở là thông minh và sáng suốt; người ta biết rõ người đúng, người sai, chỗ đúng, chỗ sai; miễn là mạnh dạn phát động được nhiệt tình quý báu ấy thì chúng ta giải quyết được vấn đề một cách tốt và gọn. Dưới sự hướng dẫn đúng mức, người ta sẽ phê phán nghiêm khắc và đúng mức cái sai và người sai, đề ra những biện pháp thiết thực nâng cao ý thức trách nhiệm và tăng cường quản lý, ngăn ngừa tham ô, lãng phí, quan liêu”².

Những quan điểm trên đây thể hiện rõ vai trò của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo khâu đột phá thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm tạo nên bước chuyển biến trong phát triển sản xuất công nghiệp. Những quan điểm ấy đồng thời có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn trong vấn đề Đảng cầm quyền lãnh đạo việc quản lý, tổ chức nền kinh tế quốc dân trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Sau hơn một năm tiến hành thí điểm, ngày 20-7-1963, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết mở rộng cuộc vận động “Ba xây, ba chống” trên toàn miền Bắc. Đồng chí Phạm Văn Đồng được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ chỉ đạo cuộc vận động có ý nghĩa quan trọng này. Để đẩy mạnh hơn nữa việc củng cố, xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, ngày 19-2-1963, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra *Nghị quyết về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc*. Nghị quyết đã quán triệt quan điểm của Đảng về vấn đề đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 1-6-1963, đồng chí Phạm Văn Đồng đã chủ trì cuộc họp Hội đồng Chính phủ thảo luận và ra Nghị quyết phát động cuộc vận động này. Nhờ có sự chỉ đạo cụ thể, sát sao của Chính phủ, cuộc vận động đã trở thành phong trào thi đua rộng khắp 20 tỉnh, thành phố đồng bằng và trung du miền Bắc.

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.192-193.

² *Sđđ*, tr.194.

Ngày 31-12-1963, đồng chí Phạm Văn Đồng ký và ban hành Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về Kế hoạch phát động phong trào làm thủy lợi toàn miền Bắc hai năm 1964-1965. Từ ngày 17-1-1964, tại Thái Bình, Đại hội các hợp tác xã tiên tiến vùng đồng bằng và từ ngày 13 đến ngày 18-4-1964, Đại hội các hợp tác xã tiên tiến vùng trung du, miền núi do Chính phủ tổ chức đã diễn ra trong không khí phấn khởi. 10 anh hùng lao động, 30 chiến sĩ thi đua, hàng trăm hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến đã được biểu dương. Tại Đại hội, các điển hình tiên tiến, các anh hùng và chiến sĩ thi đua đã trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau và cùng cam kết phát huy thành tích, quyết tâm đưa cuộc vận động tiếp tục tiến lên những bước mới.

Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng chí Phạm Văn Đồng rất coi trọng việc bồi dưỡng giáo dục con người mới có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa, đồng chí luôn xác định: Xây dựng lớp người mới là một công việc khó khăn, lâu dài, vì những cái cũ, cái lạc hậu sẽ tồn tại dai dẳng hơn cơ sở kinh tế - xã hội đã sản sinh ra nó. Phải hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật để từng bước hình thành nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, vừa giữ được truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, lại vừa tiếp thu được những tinh hoa văn hóa của loài người. Phải coi đây là những yếu tố quan trọng hình thành con người mới. Tại các hội nghị của ngành văn hóa, đồng chí đã có những ý kiến chỉ đạo về đường lối văn hóa văn nghệ, từ những vấn đề lý luận đến những vấn đề thực tiễn của văn học nghệ thuật. Những bài tiểu luận, nghiên cứu, phát biểu của đồng chí về các vua Hùng, về các danh nhân văn hóa của dân tộc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Du... và đặc biệt là những bài nói, bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân ta nói chung và những người làm công tác văn hóa nói riêng những giá trị tư tưởng lý luận sâu sắc, làm mẫu mực cho chúng ta về cách nhận thức, suy nghĩ và đánh giá văn hóa ở mỗi thời kỳ lịch sử.

Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh Văn hóa nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy, đồng chí

Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm tới công tác rèn luyện phẩm chất chính trị, bản lĩnh cách mạng và trau dồi nghiệp vụ - tài năng của giới văn nghệ sĩ. Ngày 11-7-1962, tại lớp học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm và lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, đồng chí đã có bài phát biểu quan trọng về những vấn đề trên đây. Vấn đề quan trọng được đồng chí Phạm Văn Đồng nêu lên là: Tổ quốc ta rất tươi đẹp, nhân dân ta rất anh hùng, sự nghiệp ta rất vinh quang, nghệ sĩ ta phải làm sao diễn tả cho được, ca ngợi cho được để góp phần vào sự nghiệp chung¹. Muốn diễn tả được, ca ngợi được, văn nghệ sĩ trước hết phải nắm bắt cái mới, hiểu rõ trách nhiệm của mình trước cái mới đồng thời phải rèn luyện, trau dồi để có tài năng và phải thực sự là người có tài năng nghệ thuật. Đồng chí nói vui: Anh hùng không sợ thiếu chỗ múa gươm! Vậy đã sẵn gươm chưa và đã tìm thấy điệu múa của mình chưa.

Theo đồng chí Phạm Văn Đồng, cái mới mà người nghệ sĩ phải nắm bắt là những gì đang diễn ra trong xã hội và con người Việt Nam, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Diễn tả những cái mới, cái đẹp bằng nghệ thuật của mình để phản ánh thời đại, ca ngợi cái tốt, phê phán cái xấu, cái lạc hậu; tăng thêm sự phấn khởi, tin tưởng vào tương lai là yêu cầu của nhân dân, của xã hội đối với văn nghệ sĩ. Tuy nhiên, như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh, văn nghệ sĩ phải thấy rõ cái mới, cái đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc mới chỉ đang thành hình, đang trong quá trình xây dựng, đang dần dần hiện ra. Cái mới, cái đẹp ấy mới chỉ là cái nụ, cái mầm non nhưng dồi dào nhựa sống và có sức mạnh để ngày càng phát triển. Cái xấu, cái lạc hậu tuy vẫn còn tồn tại, nhưng dần dần sẽ bị lu mờ và sẽ bị loại bỏ.

Làm thế nào để nhận thức được cái mới và diễn tả được cái mới. Đó là câu hỏi mà đồng chí Phạm Văn Đồng đặt ra đối với văn nghệ sĩ. Và đồng chí khẳng định rất rõ ràng: Phải sáng mắt, sáng lòng; phải có tài năng và luôn luôn trau dồi tài năng.

Để sáng mắt, văn nghệ sĩ phải nhờ ở hai nguồn. *Nguồn thứ nhất* là phải nắm vững quan điểm lý luận Mác-Lênin về văn học nghệ thuật, là quan điểm và phương pháp tư tưởng của Đảng. *Nguồn thứ hai* là phải hiểu rõ, phải nắm

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H:1987, t.1, tr.197.

bắt thực tiễn đời sống quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đề sáng lòng, văn nghệ sĩ phải thấy rõ trách nhiệm và phải nhiệt tình với Tổ quốc, với nhân dân, với sự nghiệp cách mạng và với mỗi cái mới, cái đẹp trong con người và xã hội Việt Nam; phải xác định rõ đối tượng phục vụ, cống hiến là Tổ quốc ta, Đảng ta, nhân dân ta và sự nghiệp ta.

Lao động nghệ thuật là một loại hình lao động đặc thù, người lao động nghệ thuật-các văn nghệ sĩ phải thể hiện tính đặc thù, phải là người có tài năng, thực sự có tài năng. Đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng, một người học giỏi, chuyên cần học tập, nghiên cứu sẽ có vốn tri thức, giàu tri thức, nhưng không nhất thiết “học giỏi là trở nên văn nghệ sĩ”. Người có thể học giỏi nhưng không làm nên cái gì cho văn học nghệ thuật nếu như không có năng khiếu, không có tài năng. Quan niệm của đồng chí Phạm Văn Đồng rất rõ ràng rằng, làm văn học nghệ thuật mà không có tài năng thì khó làm nên việc... Nếu không có tài năng gì đặc biệt thì nên đi làm việc khác hơn là làm văn nghệ¹.

Theo đồng chí Phạm Văn Đồng, thước đo, sự đánh giá tài năng của người nghệ sĩ là ở người đọc, người xem, là quần chúng đông đảo, nhưng không thể không có mối quan hệ giữa người sáng tác, biểu diễn với người phê bình. Đồng chí nhận định: “Phê bình của ta còn yếu lắm”, “người phê bình có quyền theo sở thích của mình ưa hay không ưa mà khen chê”, nhưng không được “đem sở thích riêng của mình mà ép người khác phải theo”, “người phê bình viết mục đen trên giấy trắng, đánh giá tác phẩm phải suy nghĩ cân nhắc, tính toán nhiều lắm, vì điều mình nói có ảnh hưởng đến người đọc, người xem, người sáng tác, người biểu diễn...”, “cái gì được thì ta nên khuyến khích, đó là mặt chủ yếu. Còn những cái không được thì tùy, cái gì đáng nói trong lúc này, nói có lợi thì nói, nhưng cũng có những cái chưa cần nói lắm. Đối với những cái còn cao siêu, phức tạp, chưa rõ tôi nghĩ mình dè dặt thì hơn. Làm được như vậy, người phê bình sẽ là người bạn tốt của người sáng tác, người bạn mà người sáng tác tin cậy, sẵn sàng nghe và mong đợi lời khen chê”². Đối với người sáng tác, biểu

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.225-226.

² *Sđđ*, tr.228-229.

diễn, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu: “Nếu làm được mà người ta khen thì đó là điều khuyến khích, nhưng chớ kiêu, còn như người ta chê thì cũng không nản, cứ nên kiên nhẫn làm. Và cũng nên bình tĩnh nghe người khác phê bình, chọn lọc những lời, những ý đúng mà rút kinh nghiệm”¹.

Những ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng với giới văn nghệ sĩ là những lời tâm tình và có sức truyền cảm của một người anh lớn, người bạn lớn với lòng khoan dung, đôn hậu, chia sẻ với anh chị em cả trong những thành công lẫn những vấp vấp, nhọc nhằn của người cầm bút, người làm nghệ thuật.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn luôn chăm lo sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ tương lai của đất nước. Ngày 27-11-1961, với cương vị Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã ký Nghị định các phương án chữ Tày - Nùng, chữ Thái và chữ Mèo dùng trong giảng dạy các trường phổ thông ở miền núi. Từ đây, đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mèo có chữ viết riêng của dân tộc mình. Đồng chí thường xuyên có những cuộc tiếp xúc với anh chị em giáo viên, làm việc với cán bộ lãnh đạo ngành giáo dục, tham dự nhiều hội nghị quan trọng của ngành như: Lớp chính huấn của Bộ Giáo dục, ngày 7-5-1961; Hội nghị các trường cấp II, III tại Hà Đông, tháng 11-1963; thăm Trường Đại học Sư phạm Vinh, ngày 15-5-1964...

Đầu năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ đã chủ trương tiến hành cuộc cải cách giáo dục trên miền Bắc. Đồng chí Phạm Văn Đồng được cử làm Chủ tịch Ủy ban Cải cách giáo dục Trung ương. Để chuẩn bị cho việc ra Nghị quyết về cải cách giáo dục, Bộ Chính trị đã có một số cuộc họp bàn về vấn đề này. Tham dự các cuộc họp của Bộ Chính trị trong các ngày 6-3, 9-3 và 13-3-1964, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều ý kiến quan trọng về mục tiêu của cải cách giáo dục; những vấn đề về nguyên lý, nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Sau khi nghe đại diện Bộ Giáo dục và Ban Tuyên giáo báo cáo dự thảo đề án cải cách giáo dục, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu, khi tiến hành cải cách giáo dục phải chú trọng cả giáo dục phổ thông, đào tạo đại học và bổ túc văn

¹ *Sdd*, tr.229.

hóa. Đồng chí đề nghị: Ban Tuyên giáo cần phải làm việc với Ủy ban Khoa học. Cần gì trước mắt và ngày mai sẽ cần gì. Phải giải quyết từng bước, không mạnh ai nấy làm”; “Phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước, chú ý các yêu cầu cấp bách, phải gắn liền với sản xuất từng vùng, miền”¹.

Cải cách giáo dục trước hết phải nhằm vào đối tượng chủ yếu là thanh thiếu niên; phải hiểu vấn đề xây dựng con người Việt Nam; phải giáo dục để thanh thiếu niên trở thành con người có tình cảm, thể chất, lý trí và lý tưởng. Đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: “Giáo dục phổ thông trước hết phải làm cho trẻ em được học, có chỗ học. Không được phép nói không đạt được yêu cầu này dưới chế độ ta. 5-7 tuổi là phải được học, không được học là một tai họa lớn. Phải bảo đảm có trường học cho trẻ. Khó khăn không chỉ là xi măng và than đá. Đảng phải lo ăn, mặc, ở và học, lo làm thiết bị, đồ đạc cho trường để trẻ học”².

Về hệ thống giáo dục và hướng phát triển, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận xét: Hệ thống giáo dục quốc dân gồm: phổ thông cấp I, II, III rồi lên trung cấp, đại học là cơ bản hợp lý, nhưng phải làm thế nào để khớp với nhau từ dưới lên trên. Chú trọng giáo dục phổ thông đồng thời phải chú trọng cả trung cấp và đại học. Đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng, giáo dục phải phát triển theo hướng gắn với đời sống thực tiễn. Học hết cấp II có thể ra lao động sản xuất, học sinh học hết cấp III phải qua lao động mới được vào đại học. Đào tạo đại học phải chú trọng, không sợ nhiều sinh viên; những sinh viên được đào tạo rồi phải sử dụng, phải có chỗ làm, nếu chỉ đào tạo mà không sử dụng thì chỉ là đào tạo thêm số người bất mãn”³. Đồng chí Phạm Văn Đồng đặt vấn đề: Nhà trường dạy học sinh, sinh viên về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, dạy thanh niên học để thành người lao động sản xuất”. Vậy xã hội phải làm thế nào để thanh niên khi ra trường thấy rõ mình là cần thiết cho xã hội, xã hội đang chờ đợi, đang hoan nghênh họ. Hiện nay học sinh, sinh viên ra trường khó kiếm việc làm. Nếu chúng ta không

¹ *Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị bàn về cải cách giáo dục*, ngày 6-3-1964, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

² *Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị*, ngày 9-3-1964, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

³ *Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị*, ngày 13-3-1964, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

giải quyết, chậm giải quyết vấn đề này tức là chúng ta đã đá kích vào mục đích giáo dục đào tạo của chúng ta”¹.

Về nội dung giáo dục, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: “Học sinh đã qua chương trình giáo dục phổ thông phải được giáo dục những kiến thức cơ bản, toàn diện, cân đối đức, trí, thể, mỹ. Để đức lên trên trí cũng là để phục vụ cho trí. Về giáo dục kỹ thuật tổng hợp, nên hiểu là kỹ thuật phổ thông, văn hóa phổ thông... Trí rất quan trọng, là mục tiêu. Nội dung giáo dục dành cho trí nhiều, nhưng ta phải phục vụ mật thiết cho đức. Bất cứ khoa học xã hội, tự nhiên đều đi đến nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa, không thể tách rời. Một bài khoa học tự nhiên có thể gắn với lý tưởng, với đạo đức xã hội chủ nghĩa”. Đồng chí nhận xét: “Nội dung giảng dạy, sách giáo khoa nhiều cái chưa tốt. Phải dạy học sinh văn hóa cơ bản, toàn diện, cân đối... Ta dạy nhiều cái chưa phù hợp”. Đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn những ví dụ cụ thể như dạy học trò về Hiệp định sơ bộ và Tạm ước 14-9... rồi nói quá nhiều về ý nghĩa chính trị của những sự kiện đó. Đồng chí cho rằng điều đó tốt, nhưng là đề tài cũ, thuộc trách nhiệm của người nghiên cứu; với học sinh cần nói vài câu là đủ”. “Học về phôi sinh, lại giới thiệu chi tiết ông nào phát minh, năm nào phát minh” là không cần thiết. Đồng chí cho rằng: “Dạy cao siêu, thoát ly trình độ là nhồi sọ”, học trò “chỉ nhớ lõm bõm”. Đó là không phải là trí dục. Đồng chí yêu cầu “cần coi lại chương trình, soạn lại sách giáo khoa”, nhưng phải nhận thức rõ “đây là việc khó, cực khó, phải là người giỏi, nếu không giỏi thì rất dễ tham”.

Nội dung đào tạo phải thiết thực, đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn của Việt Nam, gắn với yêu cầu của từng vùng nông thôn, thành thị, miền núi. Phải chọn địa điểm đặt trường ở các địa phương, vùng phù hợp. Hướng phát triển của đào tạo đại học là phải tương đối hoàn chỉnh, “các ngành gần giống như các nước anh em, nhưng Việt Nam nên đi sâu vào hai ngành sinh vật nhiệt đới và biển”².

Những ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng tại các hội nghị, các diễn đàn về giáo dục có ý nghĩa chỉ đạo rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng, phát

¹ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 13-3-1964, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

² Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 13-3-1964, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

triển giáo dục đào tạo trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đồng thời còn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho sự nghiệp đổi mới giáo dục hiện nay.

Khi nhân dân miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì nhân dân miền Nam cũng đang chuyển mạnh sang đấu tranh vũ trang kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, buộc đế quốc Mỹ và tay sai phải chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt với công thức: vũ khí, tiền bạc và cố vấn Mỹ cộng với nguy quân của chính quyền Sài Gòn. Dưới sự chỉ huy của các cố vấn và sự chi viện của hòa lực Mỹ, chúng tiến hành nhiều cuộc càn quét, dồn dân vào các ấp chiến lược trên quy mô lớn hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, các cơ sở tổ chức của ta. Nhưng dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ địa phương, đặc biệt là kể từ khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đồng bào và chiến sĩ ở miền Nam đã vững vàng vượt qua thử thách, vượt mọi khó khăn đưa sự nghiệp cách mạng phát triển từng bước vững chắc.

Trên cương vị và trọng trách của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng rất quan tâm tới những diễn biến của tình hình miền Nam. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ, đồng chí đã có nhiều hoạt động chỉ đạo các hoạt động của nhân dân miền Bắc lên án các hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, ủng hộ cuộc chiến đấu của đồng bào và chiến sĩ ruột thịt ở miền Nam.

Ngày 12-4-1961, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa II, đồng chí Phạm Văn Đồng đã lên án các hành động chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam và khẳng định: “Cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân, cuộc đấu tranh thần thánh vì những quyền lợi cao quý của con người và của dân tộc, cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam nhất định thắng lợi”¹.

Ngày 20-6-1961, đồng chí Phạm Văn Đồng dự cuộc mít tinh của hơn bốn vạn đồng bào Thủ đô Hà Nội. Thay mặt Quốc hội, đồng chí tiếp nhận Nghị quyết của cuộc mít tinh, phản đối các hành động của giới cầm quyền Mỹ can thiệp và xâm lược miền Nam.

¹ Báo *Nhân Dân*, số 2580, ngày 13-1-1961.

Tại các kỳ họp thứ 6 (ngày 29-4 đến ngày 4-5-1963), kỳ họp thứ 7 (10-1963) của Quốc hội khóa II, thay mặt Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đề nghị Quốc hội thông qua đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ về miền Nam, biểu dương cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, sự ủng hộ của đồng bào miền Bắc đối với cuộc chiến đấu của đồng bào, chiến sĩ miền Nam.

Ngày 6-12-1962, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp để thảo luận và bổ sung những chủ trương, phương hướng mới cho cuộc chiến đấu ở miền Nam. Trên cơ sở nghiên cứu khoa học tình hình các chiến trường, Bộ Chính trị nhận định: Thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt, giới cầm quyền Mỹ đã phát động một cuộc chiến tranh có quy mô lớn, nhưng nhìn chung chiến lược này vẫn thể hiện thế phòng thủ, bị động. Tuy chúng có gây nhiều khó khăn và tổn thất, nhưng thế và lực của ta về cơ bản vẫn được giữ vững; cuộc đấu tranh giữa ta và địch đã thực sự là một cuộc chiến tranh; vì vậy yêu cầu về sức người, sức của cho đấu tranh vũ trang cần phải được tăng cường hơn nữa. Nhiệm vụ trước mắt và cấp bách là vừa củng cố, xây dựng lực lượng ở miền Nam, vừa nhanh chóng đưa lực lượng chủ lực cơ động vào tác chiến ở miền Nam. Bộ Chính trị quyết định cử một số đồng chí trong Bộ Chính trị vào miền Nam tham gia Ban lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa được thành lập; một số cán bộ ở các ban, bộ, ngành ở Trung ương được phân công nhiệm vụ nghiên cứu chỉ đạo việc chi viện cho chiến trường.

Chiến thắng Ấp Bắc (1-1963) là sự kiện đánh dấu bước tiến mới về chất trong cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam và sự trưởng thành của các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam báo hiệu sự thất bại không thể tránh khỏi trong chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai. Khẩu hiệu *Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công* đã trở thành sức mạnh trong cuộc chiến đấu ở khắp các địa phương toàn miền Nam. Từ giữa năm 1963 bước sang năm 1964, sự phá sản của chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai ngày càng trở thành hiện thực.

Đề động viên cả dân tộc bước vào cuộc chiến đấu mới, theo quy định của Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt* - Hội nghị Diên Hồng trong thời

đại mới nhằm đưa đường lối, quyết tâm của Đảng vào quân chúng, biến thành sức mạnh tinh thần và vật chất cho cuộc chiến đấu. Cùng với các vị lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dự và tham gia Chủ tịch đoàn Hội nghị lịch sử này.

Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày bản báo cáo đánh giá những chuyển biến to lớn của việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và những thắng lợi vẻ vang của quân và dân ta trong việc đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai. Người vạch rõ âm mưu mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ, xác định rõ nhiệm vụ của quân và dân miền Bắc là căn cứ địa và hậu phương cách mạng của cả nước; miền Bắc vừa phải dành sức người, sức của chi viện cho cuộc chiến đấu của đồng bào chiến sĩ miền Nam, vừa phải gấp rút nâng cao tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu. Để hoàn thành nhiệm vụ trọng đại nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân “mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay sau *Hội nghị chính trị đặc biệt*, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ đã ra chỉ thị phát động phong trào *Thi đua mỗi người làm việc bằng hai* ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam.

Cuối tháng 3-1964, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh quyết định chuyển một bộ phận các lực lượng vũ trang trong đó có Quân chủng Phòng không không quân từ trạng thái thời bình sang trạng thái thời chiến.

Tháng 6-1964, Bộ Chính trị đã họp và nhận định: đế quốc Mỹ đang có nhiều hoạt động khiêu khích và khả năng chúng sẽ liều lĩnh ném bom, bắn phá miền Bắc để uy hiếp tinh thần quân và dân ta, đỡ đòn cho chúng ở miền Nam. Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về việc tăng cường công tác phòng không, chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù.

Tháng 4-1964, kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khóa II, đồng chí Phạm Văn Đồng được giới thiệu ứng cử tại Hà Nội và trúng cử đại biểu Quốc hội khóa III. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa III (từ ngày 27-6 đến ngày 3-7-1964), theo giới thiệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng được Quốc hội

bầu lại làm Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là lần thứ ba đồng chí được Quốc hội tín nhiệm cử giữ trọng trách này¹. Theo quy định của Hiến pháp, đồng chí đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng.

Sau hàng loạt các hoạt động khiêu khích, dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, đế quốc Mỹ đã chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 5-8-1964, 64 lần chiếc máy bay của chúng đã ném bom bắn phá thị xã cảng Hòn Gai (Quảng Ninh), Lạch Trường (Thanh Hóa), Vinh (Nghệ An), Cửa Hội và sông Gianh (Quảng Bình). Với tinh thần cảnh giác cao độ, thể trận phòng không sẵn sàng, ngay trong trận đầu, quân và dân ta đã bắn rơi 8 máy bay, bắt sống một giặc lái, tiêu diệt một số giặc lái Mỹ. Chiến thắng ngày 5-8 có ý nghĩa quan trọng về chính trị và quân sự, cổ vũ niềm tin và khí thế quyết thắng giặc Mỹ của quân và dân ta trên cả hai miền Nam Bắc. Một cuộc thi đua mới đã được phát động và diễn ra rất sôi nổi trên toàn miền Bắc như phong trào *Ba sẵn sàng* trong thanh niên, *Ba đảm nhiệm* (sau đổi thành *Ba đảm đang*) trong phụ nữ. Các giới quần chúng đều rất phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.

Nắm chắc tình hình so sánh giữa lực lượng ta địch, chủ động tiến công nhằm đánh bại căn bản chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, từ ngày 25 đến ngày 29-9-1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp để thảo luận tình hình và xác định quyết tâm giành thắng lợi quyết định ở miền Nam, đánh bại quân nguy trước khi quân viễn chinh Mỹ nhảy vào. Bộ Chính trị giao cho Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị một chiến lược tác chiến, có dự tính sự đột biến, nhanh chóng xây dựng và tăng cường lực lượng trên cả hai miền Nam Bắc.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ngày 11-10-1964, Quân ủy Trung ương đã chỉ thị mở một đợt hoạt động Đông - Xuân 1964-1965 trên khắp chiến trường miền Nam” nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực nguy quân; đẩy mạnh phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp, thúc đẩy sự tan rã của các lực lượng vũ trang địch, mở rộng vùng giải phóng. Các địa bàn hoạt động trọng điểm là Đông

¹ Quốc hội khóa III, kỳ họp thứ nhất đã bầu đồng chí Hồ Chí Minh là Chủ tịch nước; đồng chí Tôn Đức Thắng là Phó Chủ tịch nước; đồng chí Trường Chinh là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Nam Bộ, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên chiến trường Lào, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam. Cùng với quân đội Pathét Lào đã mở các chiến dịch tiến công địch dọc đường số 8, đường số 12, đuổi địch khỏi cánh đồng Chum, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Đánh trả các cuộc tiến công bằng không quân và hải quân Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại, đến cuối năm 1965 quân và dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 400 máy bay, bắn chìm và bắn cháy nhiều tàu chiến và tàu biệt kích. Đế quốc Mỹ không những không bẻ gãy được ý chí và quyết tâm kháng chiến của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta mà còn chịu thất bại to lớn cả về quân sự lẫn chính trị; sự chi viện sức người sức của của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam vẫn được duy trì và đẩy mạnh.

Giữa năm 1965, quân đội nguy - xương sống của chiến lược chiến tranh đặc biệt đã bị bẻ gãy và đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Trước tình hình đó, các thế lực hiếu chiến Mỹ đã quyết định đưa một bộ phận lực lượng viễn chinh Mỹ vào tham chiến và chuẩn bị thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ trên quy mô lớn.

Trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Chính phủ và nhân dân ta đã nhận được sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình của các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Đó là do tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; do Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách và hoạt động ngoại giao đúng đắn. Trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhiều hoạt động, đóng góp quan trọng.

Từ ngày 10-6 đến ngày 21-8-1961, đồng chí là Trưởng đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam thăm chính thức Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên, Mông Cổ, Tiệp Khắc, Ba Lan. Trong những chuyến thăm này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có những cuộc hội đàm với các vị đứng đầu chính phủ các nước, thảo luận những vấn đề hai bên cùng quan tâm. Đồng chí còn đến thăm hỏi, tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân lao động. Ở đâu đồng chí cũng nhận được sự đón tiếp nồng hậu, thân tình.

Từ ngày 14 đến ngày 22-4-1965, nhận lời mời của Tổng thống Cộng hòa Indônêxia, đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi Giacáccta dự lễ Kỷ niệm 10 năm Hội nghị Băng Đung (1955-1965). Tại đây, đồng chí đã hội đàm với Tổng thống Xucácônô; gặp gỡ, trao đổi ý kiến với một số vị lãnh đạo các đoàn đại biểu các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Campuchia... Trong các cuộc hội đàm và trao đổi ý kiến, đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định, tình đoàn kết hữu nghị, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau của Chính phủ và nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước Á - Phi trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác cùng có lợi. Đồng chí cũng đã cung cấp nhiều thông tin về sự can thiệp, xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ và khẳng định quyết tâm chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Nhiều đoàn đại biểu thay mặt Chính phủ và nhân dân các nước đã bày tỏ sự đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ta, chống đế quốc Mỹ xâm lược, vì hòa bình và tiến bộ xã hội.

Đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung là truyền thống lịch sử của nhân dân các dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Khi đế quốc Mỹ và tay sai tăng cường can thiệp, mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Lào, phá hoại nền hòa bình, trung lập của Campuchia, thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhiều lần lên án những hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ, khẳng định sự ủng hộ, tình đoàn kết chiến đấu trước sau như một của Chính phủ và nhân dân Việt Nam.

Tháng 3-1965, trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự Hội nghị nhân dân các nước Đông Dương, được tổ chức tại Thủ đô Phnôm Pênh (Campuchia). Hình ảnh đồng chí Phạm Văn Đồng và các vị trưởng đoàn Mặt trận Lào yêu nước; Vương quốc Campuchia; Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam nắm chặt tay nhau, tuyên bố đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung mãi mãi in đậm trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của ba dân tộc anh em trên bán đảo Đông Dương.

Trải qua nhiều khó khăn gian khổ, chiến tranh ác liệt trên cả hai miền Nam Bắc, nhưng nhờ có đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, cách mạng trên cả hai miền đã có bước chuyển biến lớn. Miền Bắc đã thực sự trở thành căn cứ của cách mạng cả nước, với chế độ chính trị ưu việt, lực lượng kinh tế, quốc phòng vững mạnh. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân miền Bắc được cải thiện một bước là cơ sở củng cố niềm tin và tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân. Đó là một trong những điều kiện để động viên sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sự vững mạnh của miền Bắc, chiến thắng của quân và dân ta trong việc làm phá sản chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam là kết quả của đường lối đúng đắn do Đảng và Chính phủ ta hoạch định. Với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có những cống hiến to lớn trên nhiều lĩnh vực.

3. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc; đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh, giành toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Để cứu vãn thất bại trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ đã liều lĩnh tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam, đồng thời mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Ngày 8-3-1965, tiểu đoàn 3 thuộc lữ đoàn thủy quân lục chiến số 9, đơn vị đầu tiên của quân viễn chinh Mỹ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng. Từ đơn vị đầu tiên này, đến cuối năm 1965, số quân Mỹ tham chiến ở miền Nam lên tới 184.000 tên. Với những phương tiện, trang bị vũ khí hiện đại, đội quân viễn chinh Mỹ đã tiến hành nhiều cuộc càn quét, vây ráp hàng tiêu diệt các lực lượng vũ trang ta, gây nhiều tội ác man rợ với đồng bào miền Nam.

Chủ động đối phó với âm mưu và thủ đoạn chiến tranh mới của đế quốc Mỹ và tay sai, từ ngày 25 đến ngày 27-3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã họp Hội nghị lần thứ 11 - Hội nghị đặc biệt để thảo luận tình hình, xác định những nhiệm vụ cấp bách. Hội nghị nhận định: Việc đế quốc Mỹ phải thay thế chiến lược chiến tranh đặc biệt bằng chiến tranh cục bộ thể hiện thế thất

bại chiến lược của chúng. Với ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, đế quốc Mỹ không dễ dàng chấp nhận sự thất bại hoàn toàn. Sự ngoan cố đẩy mạnh chiến tranh, đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam trực tiếp tham chiến, mở rộng và tăng cường cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc sẽ gây nhiều khó khăn và tổn thất cho ta. Chiến tranh đã vượt khỏi phạm vi miền Nam, lan ra miền Bắc, nhưng thế của chúng là thế thua và không thể đảo ngược. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là “sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam... tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bại địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội, hoặc chuyển nó thành một cuộc chiến tranh cục bộ cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ra sức động viên lực lượng của miền Bắc chi viện cho miền Nam; ra sức giúp đỡ cách mạng Lào”¹. Hội nghị khẳng định: Đường lối đấu tranh giành thắng lợi ở miền Nam do Đảng xác định vẫn không thay đổi. Do điều kiện cả hai miền đất nước đều có chiến tranh, tuy mức độ ác liệt có khác nhau, miền Bắc vẫn phải bảo đảm là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam, nhưng phải nhanh chóng chuyển hướng kinh tế miền Bắc sang thời chiến; các chỉ tiêu xây dựng cơ bản phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình đế quốc Mỹ đánh phá ngày càng ác liệt. Đồng thời với chuyển hướng kinh tế, phải tăng cường công tác tư tưởng, chuyển hướng công tác tổ chức và điều chỉnh cán bộ giữa các ngành, các địa phương theo hướng tăng cường cho các tỉnh trung du miền Bắc, cải tiến bộ máy và lề lối làm việc cho phù hợp với tình hình.

Để chủ trương, đường lối của Đảng trở thành quyết tâm của đồng bào, chiến sĩ cả nước, từ ngày 7 đến ngày 10-4-1965, kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa III, được tổ chức tại Hà Nội. Tại kỳ họp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta: “*Lúc này, chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ*

¹ *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước*, Nxb.Sự thật, H.1985, t.1, tr.218.

thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước... Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, *quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*"¹.

Khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc trong cuộc đọ sức với kẻ thù hung bạo, giàu tiềm lực, để chủ động đối phó với mọi diễn biến của tình hình, kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa III đã nhất trí thông qua Nghị quyết giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sử dụng một số quyền của Quốc hội trong trường hợp Quốc hội không tiến hành được các kỳ họp thường lệ; sửa đổi và bổ sung một số điều trong *Luật Nghĩa vụ quân sự*. Quốc hội đã ra lời kêu gọi Quốc hội các nước trên thế giới có những hành động phù hợp và kịp thời ủng hộ lập trường của Quốc hội, Chính phủ và nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ phải đình chỉ các hành động chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, chấm dứt các hoạt động khiêu khích, ném bom bắn phá và tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại phiên họp Quốc hội ngày 8-4-1965, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã công bố lập trường bốn điểm của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về cơ sở và giải pháp giải quyết vấn đề hòa bình ở Việt Nam:

“1. Xác nhận những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam: Hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Theo đúng Hiệp định Giơnevơ, Chính phủ Mỹ phải rút quân đội, nhân viên quân sự và các loại vũ khí ra khỏi miền Nam, xóa bỏ liên minh quân sự với miền Nam. Chính phủ Mỹ phải đình chỉ chính sách can thiệp và xâm lược đối với miền Nam; phải đình chỉ hành động chiến tranh đối với miền Bắc, hoàn toàn chấm dứt mọi hành động xâm phạm lãnh thổ và chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Trong lúc chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt Nam, trong lúc nước Việt Nam còn tạm thời bị chia làm hai miền, thì phải triệt để tôn trọng những điều khoản quân sự của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam như: Hai miền đều không có liên minh quân sự với nước ngoài, không có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự của nước ngoài trên đất mình.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.11, tr.434-435.

3. Công việc miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam không có sự can thiệp của nước ngoài.

4. Việc thực hiện hòa bình thống nhất nước Việt Nam do nhân dân Việt Nam ở hai miền tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài”¹.

Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: “Vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, tăng cường tiềm lực kinh tế và sức phòng thủ, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, hết sức ủng hộ cuộc cách mạng giải phóng miền Nam. Mặt khác, phải chú trọng đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó càng có sức tăng cường quốc phòng ở miền Bắc”². Đồng chí khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam ta quyết chiến đấu mạnh mẽ và anh dũng hơn bao giờ hết vì Tổ quốc thân yêu: bảo vệ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quê hương của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, giải phóng miền Nam, đuổi sạch bọn cướp nước ra khỏi bờ cõi nước ta, làm cho non sông ta trở lại xanh tươi, bầu trời ta trở lại trong sáng và nhân dân Việt Nam ta từ lưu vực sông Hồng đến hạ lưu sông Cửu Long sớm sum họp một nhà! Tổ quốc thân yêu của chúng ta sẽ biết bao tươi đẹp và rạng rỡ!”³. Thay mặt Quốc hội và Chính phủ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng kêu gọi: “Trong giờ phút nghiêm trọng này, chúng ta càng gần gũi đồng bào miền Nam ruột thịt. Tổ quốc ta rất tự hào về miền Nam bất khuất, về những người con anh hùng đã đấu tranh vô cùng dũng cảm, xứng đáng với danh hiệu Thành đồng Tổ quốc, đã lập nên biết bao chiến công lừng lẫy, làm vẻ vang cho dân tộc Việt Nam ta trên thế giới! Đồng bào miền Bắc nguyện xứng đáng với lòng mong mỏi và tin cậy của đồng bào miền Nam, ra sức sản xuất và chiến đấu, phát triển kinh tế và tăng cường quốc phòng, ra sức bảo vệ miền Bắc, đồng thời dốc lòng, dốc sức ủng hộ sự nghiệp giải phóng miền Nam”⁴.

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.281-282.

² Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.257-258.

³ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.283-284.

⁴ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.283-284.

Biến quyết tâm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và toàn dân thành những chiến thắng trên chiến trường, những trận đánh phủ đầu của quân và dân ta vào quân Mỹ như trận Núi Thành (26-5-1965) tiêu diệt và làm bị thương 140 tên; trận Vạn Tường (18-8-1965) loại khỏi vòng chiến đấu hơn 900 tên đã mở đầu phong trào thi đua diệt Mỹ trên toàn miền Nam.

Trước sự chuyển biến ngày càng khẩn trương, để kịp thời hoạch định chủ trương, đường lối chỉ đạo cuộc chiến tranh cách mạng ở cả hai miền Nam Bắc, tháng 9-1965, Bộ Chính trị đã họp Hội nghị để nhận định tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11, đề ra những chủ trương, biện pháp phù hợp với diễn biến của tình hình. Hội nghị khẳng định việc phải tiếp tục duy trì phương châm kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận. Quyết tâm của Bộ Chính trị, của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam là phải đánh thắng quân viễn chinh Mỹ, cho dù chúng có 15, 20 vạn quân; chuẩn bị đánh thắng cả khi chúng tăng quân lên 30, 40 vạn. Muốn vậy phải nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang về mọi mặt, đặc biệt là phát triển bộ đội chủ lực và bố trí trên các địa bàn trọng yếu. Phải triệt để thực hiện chuyển hướng kinh tế miền Bắc, tiến hành việc phòng không, sơ tán khỏi các trọng điểm bắn phá của không quân và hải quân Mỹ. Bộ Chính trị chỉ thị: Phát huy những chiến thắng đầu tiên trong cuộc đọ sức với quân Mỹ, mở đợt hoạt động Thu Đông 1965 sớm hơn dự định; chuẩn bị khẩn trương để đánh thắng cuộc phản công mùa khô 1965-1966 của địch, giữ thế chủ động trên chiến trường.

Ngày 27-12-1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 đã thảo luận, đánh giá diễn biến tình hình và việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đã xác định. Trên cơ sở nhận định tình hình hai miền Nam Bắc, tình hình quốc tế so sánh lực lượng trên chiến trường, Hội nghị kết luận: mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, *lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn*. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go ác liệt, nhưng *nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch*". Ở miền Nam quân và dân ta "*hoàn toàn có khả năng tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân đội viễn chinh Mỹ, tiêu diệt những đơn vị ngày càng lớn của quân chủ lực nguy, trong tình hình mới vẫn*

*kiên quyết tiến lên, càng đánh càng mạnh và cuối cùng nhất định đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ*¹. Hội nghị chỉ rõ: Chiến tranh ở miền Nam ngày càng quyết liệt thì nhiệm vụ của miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam càng nặng nề; vừa sản xuất, vừa chiến đấu để đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo đảm sự chi viện sức người, sức của cho miền Nam ngày càng lớn hơn; đồng thời phải chuẩn bị về mọi mặt sẵn sàng đánh thắng chiến tranh cục bộ nếu kẻ địch liều lĩnh mở rộng ra miền Bắc; phải giúp đỡ toàn diện cách mạng Lào vì đó vừa là nghĩa vụ quốc tế, vừa là sự phối hợp quan trọng và cần thiết đối với cách mạng Việt Nam.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị và các nghị quyết Hội nghị Trung ương, khắp nơi trên miền Bắc, các phong trào thi đua “thanh niên ba sẵn sàng”, “phụ nữ ba đảm đang”... đã thu hút hàng chục triệu người tham gia. 268.974 thanh niên được động viên vào quân đội, bộ đội chủ lực tăng gấp 2 lần, đặc biệt là các lực lượng vận tải và phòng không; 10% số dân tham gia dân quân tự vệ chiến đấu. Hội nghị Trung ương lần thứ 11, Hội nghị Bộ Chính trị (9-1965) và Hội nghị Trung ương 12 đã quyết định những vấn đề chiến lược, tạo thế trận chiến tranh nhân dân trên cả hai miền Nam Bắc.

Kể từ đơn vị lính Mỹ đầu tiên đổ vào Đà Nẵng (3-1965) đến năm 1968, đội quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam đã lên tới hơn 50 vạn tên cùng gần 70 vạn quân nguy với nhiều trang bị vũ khí hiện đại, cuộc chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã lên đến đỉnh cao. Nhưng với ý chí sắt đá và niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi, quân và dân cả nước ta đã đoàn kết một lòng quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ. Trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, quân và dân ta đã phản kích, bẻ gãy các chiến lược “tìm diệt và bẻ gãy xương sống Việt cộng”, “tìm diệt và bình định” của đế quốc Mỹ, đánh bại các cuộc hành quân lớn của chúng như Áttoboro, Xidaphôn, Gianxon Xity.

Chiến thắng trong hai mùa khô đã tạo thế và lực mới cho quân và dân ta trên chiến trường, thế thua, bị động, lúng túng của kẻ thù ngày càng rõ. Tại Hội nghị Trung ương 14, Đảng ta nhận định: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã có đủ điều kiện và cần phải tạo một chuyển biến lớn, căn bản. Toàn Đảng,

¹ Mọi số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, Sđd, t.2, tr.16-17.

toàn quân và toàn dân ta phải tập trung lực lượng, bất ngờ giáng đòn thật mạnh vào ý chí xâm lược của kẻ thù. Phương châm chỉ đạo là đồng thời kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng trên cả ba vùng chiến lược, trọng điểm là các thành thị; thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Đêm 20 rạng sáng ngày 21-1-1968, quân ta bao vây và tiến đánh cứ điểm Khe Sanh và hầu hết các vị trí dọc đường số 9. Từ ngày 12 đến ngày 27-1-1968, trên chiến trường Lào, quân tình nguyện Việt Nam và quân đội Pathét Lào thắng lớn trong chiến dịch Nậm Bạc.

Giữa lúc Mỹ - Ngụy đang dồn sức chống đỡ trên mặt trận Đường 9-Khe Sanh, thì đêm 30 rạng sáng ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa rạng sáng ngày 1 Tết Mậu Thân các lực lượng vũ trang ở miền Nam đồng loạt nổ súng đánh thẳng vào 4/6 thành phố lớn 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu, Đài Phát thanh Sài Gòn, 4 bộ tư lệnh quân đoàn, 8 bộ tư lệnh sư đoàn, 2 bộ tư lệnh biệt khu, 2 bộ tư lệnh dã chiến Mỹ, 30 sân bay, nhiều căn cứ hậu cần... đã bị quân ta tiến công. Nhân dân ở khắp các vùng nông thôn được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang đã đồng loạt nổi dậy phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ.

Sau ba đợt tổng tấn công và nổi dậy (từ 31-1 đến 30-9-1968), tuy có một số thiếu sót trong quá trình chỉ đạo làm tình thế của một cuộc tổng khởi nghĩa không diễn ra theo kế hoạch dự kiến, nhưng những thắng lợi oanh liệt trong tiêu diệt sinh lực, vật lực của địch, giành quyền làm chủ của quân và dân ta làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ, buộc giới cầm quyền Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và xuống thang. Ngày 31-3-1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và chấp nhận cử đại biểu đến đàm phán ở Pari; ngày 1-11-1968, ngừng ném bom bắn phá trên toàn miền Bắc và chấp nhận đàm phán với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Buộc phải xuống thang, nhưng âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ vẫn không thay đổi. Ý chí của cả dân tộc ta đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hễ còn một tấc xâm lược trên đất nước ta thì chúng ta còn phải tiếp tục

chiến đấu quét sạch nó đi”. Mục tiêu giành thắng lợi như Người chỉ rõ là từng bước “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Đáp lại lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đêm 22-2-1969, đúng dịp Tết Kỷ Dậu, quân và dân ta ở miền Nam bất ngờ mở cuộc tiến công đồng loạt ở 36 thành phố, thị xã, nhiều thị trấn, quận lỵ và các căn cứ quân sự. Đồng bào ở nhiều địa phương đã nổi dậy diệt ác trừ gian, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Đây là đòn tiến công chiến lược đánh phủ đầu vào chiến lược Việt Nam hóa của đế quốc Mỹ và tay sai, mở đầu cho nhiều trận đánh sau đó.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang diễn ra quyết liệt thì Chủ tịch Hồ Chí Minh mệt nặng. Đồng chí Phạm Văn Đồng và nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thường xuyên đến bên giường bệnh thăm Người. Đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương bồi hồi nhớ lại: Trong tháng 4 và tháng 5-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tham dự và phát biểu những ý kiến chỉ đạo các cuộc họp của Bộ Chính trị, của Ban Bí thư bàn về tình hình chiến trường và cuộc đấu tranh ngoại giao. Ngày 11-5-1969, Người yếu đi nhiều nhưng khi được báo cáo sẽ có cuộc gặp mặt của một số đồng chí trong Bộ Chính trị với các cán bộ cao cấp toàn quân, Người yêu cầu được tham gia để nói chuyện, động viên toàn quân, toàn dân. Khi nước sông Hồng lên to, đe có nguy cơ bị vỡ, đồng chí vào thăm và trình bày việc đưa Người đến nơi an toàn, nhưng Người chỉ thị: “Nhiệm vụ của các chú là lo sao để khỏi vỡ chứ không phải lo riêng cho Bác”. Người giao nhiệm vụ cho đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp đi kiểm tra và đôn đốc việc giữ đê chống lụt. Sự quan tâm chỉ đạo của Người là nguồn động viên to lớn để nhân dân miền Bắc chiến thắng trận đại hồng thủy.

Mặc dù được Đảng, Chính phủ và các thầy thuốc dốc toàn tâm, toàn lực cứu chữa, nhưng vì tuổi cao, sức yếu, bệnh nặng, ngày 2-9-1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quyết định toàn quốc tang từ ngày 4-9 đến ngày 9-9-1969. Trong những ngày quốc tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ luân phiên túc trực bên linh cữu Người. Lời thề của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tại Lễ truy điệu Người sáng 9-9-1969 thể hiện

ý chí quyết tâm của cả dân tộc quyết đưa ngọn cờ Hồ Chí Minh tới đích cuối cùng. Hình ảnh đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước động viên an ủi thanh thiếu niên và các tầng lớp nhân dân trong những ngày quốc tang mãi mãi in đậm trong ký ức mọi người và là nguồn động viên to lớn của đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Bị giáng đòn phủ đầu vào chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, đế quốc Mỹ và tay sai rất bị động đối phó. Từ Việt Nam hóa, chúng mở rộng thành Đông Dương hóa chiến tranh. Tháng 3-1970, đế quốc Mỹ chủ mưu và đạo diễn cuộc đảo chính lật đổ Chính phủ trung lập Vương quốc Campuchia của Hoàng thân Quốc trưởng N.Xihanúc, đưa tập đoàn Lonnon - Xirích Matác lên cầm quyền, đặt Campuchia vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới. Chúng đưa quân viễn chinh Mỹ và quân nguy Sài Gòn sang Campuchia tiến hành các cuộc hành quân hòng phá hủy các cơ sở hậu cần của ta, tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến miền Nam Việt Nam. Trên chiến trường Lào, quân viễn chinh Mỹ cùng quân nguy Sài Gòn, mở rộng cuộc chiến tranh đặc biệt hòng chặn đường chi viện cho miền Nam, phá hủy đường hành lang và cơ sở hậu cần của ta.

Chủ động nắm bắt âm mưu và kế hoạch của địch, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang cách mạng Lào và Campuchia, các lực lượng vũ trang ta đã đập tan các cuộc hành quân “Lam Sơn 719” và “Toàn thắng 01-71” của đế quốc Mỹ và tay sai, giành thắng lợi vang dội. Đứng trước nguy cơ hoàn toàn phá sản của chiến lược Việt Nam hóa, giới cầm quyền hiếu chiến Mỹ buộc phải “Mỹ hóa” trở lại một phần cuộc chiến ở miền Nam. Từ ngày 6-4-1972, đế quốc Mỹ điên cuồng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai với quy mô lớn hơn, ác liệt hơn cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Trên bàn thương lượng, để đánh lừa dư luận Mỹ, tạo thế thắng cử để R.Níchxơn làm Tổng thống nhiệm kỳ II, ngày 20-10-1972, giới cầm quyền Mỹ tuyên bố chấp nhận bản dự thảo Hiệp định Pari và thỏa thuận sẽ ký kết vào ngày 31-12-1972.

Phản bội lại nhân dân yêu chuộng hòa bình Mỹ và thế giới, sau khi trúng cử Tổng thống nước Mỹ nhiệm kỳ II R.Níchxơn và tập đoàn hiếu chiến Mỹ vừa tăng cường viện trợ, dự trữ vũ khí, quân dụng cho chính quyền Sài Gòn, toan tính thực hiện kế hoạch “hành động quân sự quyết định”. Tại Hội nghị Pari, phía

Mỹ lật lọng đòi sửa lại một số nội dung dự thảo Hiệp định, đe dọa sẽ hoạt động quân sự trở lại nếu ta không nhân nhượng. Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng ta, từ đêm 18-12-1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng, thả mìn và thủy lôi phong tỏa hầu hết cảng biển của ta, hòng buộc ta phải nhân nhượng những điều kiện có lợi cho Mỹ và nguy quyền Sài Gòn. Nhưng âm mưu xảo quyệt và những hành động tàn bạo của giới cầm quyền Mỹ không khuất phục được ý chí của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Chỉ trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972) quân và dân Hà Nội, Hải Phòng đã làm nên “chiến thắng Điện Biên Phủ trên không”, bắn rơi 81 máy bay hiện đại của không lực Hoa Kỳ, trong đó có 34 chiếc B52, 5 chiếc F111, 43 giặc lái bị bắt sống.

Bị quân và dân ta giáng cho những đòn chiến lược trong chiến dịch Xuân - Hè năm 1972 và thất bại nặng nề trong chiến dịch tập kích đường không, phía Mỹ buộc phải trở lại đàm phán trong thế tuyệt vọng.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được các Trưởng đoàn Việt Nam, Mỹ, Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng hòa ký kết tại Pari.

Ngày 29-3-1978, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam cuốn cờ, những tên lính viễn chinh Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam dưới sự giám sát của các đại diện Ban Liên hiệp quân sự bốn bên.

Sau nhiều năm chiến đấu gian khổ và anh dũng, quân và dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh phá sản, Mỹ phải rút quân trong khi lực lượng chủ lực của ta ở nguyên vị trí, tương quan lực lượng trên chiến trường thay đổi rất căn bản. Thời kỳ chuẩn bị thế và lực mới để quân và dân ta tiến lên “đánh cho ngụy nhào”, hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc đã mở ra.

Ngày 25-5-1973, Hội nghị Bộ Chính trị họp mở rộng với sự tham gia của các đồng chí Ủy viên Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tham mưu và chỉ huy các chiến trường. Hội nghị Bộ Chính trị nhận định: Những hành động phá hoại Hiệp định Pari của Mỹ - Ngụy ngày càng tăng; ta có phần bị động đối phó với các

hoạt động lấn chiếm của địch nên gặp một số khó khăn, tổn thất. Hội nghị cho rằng: Chiến tranh ở miền Nam vẫn đang tiếp diễn, kẻ thù trực tiếp vẫn là Mỹ - Ngụy, nhưng với sức mạnh và những đòn giáng trả của ta, tình hình có thể diễn biến theo hai khả năng: Kẻ thù buộc phải thực hiện Hiệp định Pari hoặc chiến tranh có thể lan rộng... Nhưng dù tình hình phát triển theo khả năng nào thì con đường của cách mạng miền Nam vẫn chỉ có thể giành thắng lợi cuối cùng bằng cách mạng bạo lực; ta phải nắm vững thời cơ, tạo thời cơ để linh hoạt phát triển thế tiến công cách mạng.

Tiếp sau hội nghị Bộ Chính trị, tháng 7-1973, Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đã được triệu tập. Hội nghị đã biểu thị sự nhất trí cao với những nhận định tình hình của Bộ Chính trị và xác định nhiệm vụ cực kỳ quan trọng là: tiến hành khởi nghĩa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị và lực lượng quân sự hoặc là trong trường hợp chiến tranh lớn trở lại thì tiếp tục tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi hoàn toàn. Từ tháng 4-1974, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu phương án tác chiến trình Bộ Chính trị. Sau 9 lần sửa chữa, bổ sung, phương án tác chiến hai năm 1975-1976 được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chuẩn y.

Để chuẩn bị cho những bước tiến mới của cách mạng miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 22 bàn về khôi phục và xây dựng kinh tế miền Bắc, Hội nghị Trung ương lần thứ 23 bàn về công tác xây dựng Đảng và công tác chính trị đã được tổ chức; Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng có nhiều cuộc họp với Quân ủy Trung ương để thảo luận về tình hình chiến trường, chủ trương và biện pháp cụ thể của ta.

Theo đề nghị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập 4 quân đoàn chủ lực¹; tiến hành việc củng cố tăng cường trang bị cho các đơn vị ở các quân khu nhằm bảo đảm có sức chiến đấu mạnh. Ngày 17-11-1973, đồng chí Phạm Văn Đồng thay mặt Hội đồng Chính phủ phê chuẩn việc mở thêm tuyến vận tải Đông Trường Sơn và nâng cấp tuyến Tây

¹ Từ tháng 10-1973 đến tháng 7-1974, ta thành lập ba quân đoàn: Quân đoàn 1 (10-1973), Quân đoàn 2 (5-1974), Quân đoàn 3 (7-1974), Quân đoàn 4 thành lập tháng 3-1975 khi cuộc tổng công kích bắt đầu.

Trường Sơn bảo đảm việc vận tải sức người, sức của nhanh nhất cho các chiến trường.

Ngày 6-1-1975, giữa lúc Bộ Chính trị đang họp (mở rộng) đợt II thì tin chiến thắng ở thị xã Phước Long báo về. Các tin tức về sự phản ứng của giới cầm quyền Mỹ cũng được các đồng chí trong Bộ Tổng tham mưu tổng hợp báo cáo với các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Căn cứ vào diễn biến tình hình, thế và lực so sánh giữa ta và địch trên chiến trường, Bộ Chính trị quyết định: Phải chuẩn bị thực lực để kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trong hai năm 1975-1976, hoặc thời cơ thuận lợi sẽ giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975. Bộ Chính trị quyết định mở màn năm 1975 sẽ là đánh vào Tây Nguyên, sau đó phát triển xuống phía Nam Trung Bộ và giải phóng Trị Thiên.

Chiều ngày 9-3-1975, đồng chí Phạm Văn Đồng, các đồng chí trong Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương nhận được điện của đồng chí Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên do cơ quan Bộ Tổng tham mưu chuyển đến: “Ngày 10-3 ta sẽ đánh Buôn Ma Thuột”. Ngày 11-3, ta giải phóng Buôn Ma Thuột và ngày 24-3, địch rút chạy khỏi Tây Nguyên. Một cuộc họp đột xuất của Bộ Chính trị với các đồng chí Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu được tiến hành ngay trong chiều 24 và ngày 25-3. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập *Hội đồng chỉ viện miền Nam* và cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch¹. Nhiệm vụ của Hội đồng là động viên cao nhất việc vận chuyển sức người, sức của từ miền Bắc để chi viện cho các chiến trường; giải quyết các vấn đề tiếp quản các vùng mới giải phóng ở miền Nam; chỉ đạo việc phối hợp các ngành, các địa phương, thực hiện kế hoạch chi viện cho miền Nam. Đây là một sự kiện lặp lại trong cuộc đời đồng chí Phạm Văn Đồng. Khi cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 phát triển đến đỉnh cao với quyết định của Bộ Chính trị mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Hội

¹ Hội đồng chỉ viện miền Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch, đồng chí Lê Thanh Nghị làm Phó Chủ tịch; các ủy viên gồm các đồng chí Phan Trọng Tuệ, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Khai, Chế Việt Tấn, Vũ Xuân Chiêm; Tổng Thư ký Hội đồng là đồng chí Đặng Thí. Trước đó, Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo việc thành lập Hội đồng cung cấp miền do đồng chí Phạm Văn Xô - ủy viên Thường vụ Trung ương Cục làm Chủ tịch và gồm các đồng chí Nguyễn Văn Duy, Dương Quang Đông, Tám Hú, Huỳnh Văn Đính và Nguyễn Văn Châu.

đồng chí viện được thành lập và cũng do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách; quân ta đã toàn thắng trên mặt trận Điện Biên Phủ. Lần này cũng vậy, với khẩu hiệu *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*. Đồng chí Phạm Văn Đồng và Hội đồng chỉ viện miền Nam Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Phải đánh nhanh, thắng nhanh là quyết tâm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Nhưng làm thế nào để thực hiện được quyết tâm ấy là vấn đề được các đồng chí trong Bộ Chỉ huy tối cao bàn thảo nhiều lần. Đồng chí Phạm Văn Đồng đặt vấn đề: Muốn đánh nhanh thắng nhanh, binh khí, kỹ thuật phải đặc biệt coi trọng, lực lượng phải tinh gọn. Phát huy vai trò đòn bẩy của lực lượng quân sự là cần thiết, nhưng không nên đơn thuần bằng quân sự. Tốt nhất là kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng. Biện pháp này được đồng chí coi là “thượng sách”¹.

Một vấn đề được các đồng chí lãnh đạo đặc biệt quan tâm nghiên cứu tìm lời giải đáp là khi ta tổng khởi nghĩa, tổng công kích thì Mỹ có đưa quân trở lại tham chiến để cứu nguy quân, nguy quyền hay không? Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương khẳng định: Quân Mỹ đã phải rút đi, việc quay lại là điều khó thực hiện. Trong cuộc họp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ngày 25-3-1975, đồng chí Phạm Văn Đồng tán thành với nhận định trên đây. Đồng chí nói vui: “Có cho kẹo Mỹ cũng không dám đưa quân trở lại Việt Nam”. Kể từ cuối tháng 3-1975, với tốc độ một ngày bằng 20 năm, cuộc chiến đấu và chiến thắng của quân và dân ta ở miền Nam thay đổi và phát triển hàng ngày, hàng giờ. Ngày 29-3-1975, thành phố Đà Nẵng được giải phóng. Ngày 13 và 14-4, các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định giải phóng Sài Gòn ngay trong tháng 4, đồng ý với đề nghị của đồng chí Tư lệnh và các cán bộ chiến sĩ: Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh*.

Ngày 26-4, các cánh quân của ta đã hoàn toàn bao vây Sài Gòn - Chợ Lớn - sào huyệt cuối cùng của chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. 17 giờ hôm đó, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu nổ súng. Kể từ giờ phút đó, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Tổng hành dinh của cuộc tổng công kích gần

¹ Xem Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1985, tr.206.

như nín thở dõi theo từng phút, từng giờ, từng bước tiến của các cánh quân. Cả cơ quan Bộ Tổng tham mưu hoạt động náo nhiệt.

Sáng sớm 29-4, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương tới Nhà con rồng tham dự cuộc họp do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn triệu tập để bàn những công việc cấp bách phải thực hiện khi quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Buổi tối đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí trong Bộ Chỉ huy tối cao không ngủ. Khoảng 22 giờ, đồng chí nhận được điện thoại của đồng chí Võ Nguyên Giáp: từ 16 giờ ngày 29-4 quân đoàn ta đã đánh vào nội đô; các hướng đều phát triển tốt.

Sáng sớm 30-4, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã có mặt tại Nhà con rồng để tiếp tục cuộc họp. Gần 12 giờ trưa, cuộn băng thu tiếng nói của Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và kêu gọi binh sĩ bỏ súng được gửi tới hội nghị. Như một huyền thoại, nhưng các đồng chí ta vẫn kìm nén, chờ đợi tin chính thức.

16 giờ ngày 30-4, điện báo từ mặt trận chính thức truyền về: 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, cờ chiến thắng đã tung bay trên Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu và các cơ quan đầu não của ngụy quân, ngụy quyền. Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện; bộ máy ngụy quân, ngụy quyền hoàn toàn sụp đổ, quân ta đã toàn thắng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Cả phòng họp ứa ra sân và các hành lang, mọi người ôm nhau cười vui trong tiếng pháo. Hai ngày sau, toàn bộ các tỉnh Tây Nam Bộ, các vùng biển đảo của Tổ quốc được giải phóng. Cả nước đỏ sắc cờ hoa và vang lời ca *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*.

Kể từ đầu năm 1965, khi đế quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tăng cường cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã cùng Trung ương Đảng và Chính phủ hoạch định đường lối từng bước đánh thắng kẻ thù ở miền Nam, xây dựng miền Bắc vững mạnh và thực sự hoàn thành vai trò hậu phương lớn cho cuộc chiến tranh cách mạng cả nước. Với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, nhiều quyết định, chỉ thị do

đồng chí Phạm Văn Đồng ký đề chỉ đạo về phương hướng và biện pháp cụ thể trong việc phòng không sơ tán, đẩy mạnh sản xuất. Đồng chí còn dành thời gian đi thăm, kiểm tra trực tiếp nhiều địa phương, các ngành, cơ sở. Tháng 12-1967, đồng chí Phạm Văn Đồng thăm hợp tác xã Yên Duyên và nói chuyện với đại biểu các hợp tác xã ngoại thành Hà Nội, căn dặn mọi người cần trao đổi kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trong tình hình vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa chi viện cho miền Nam; làm thế nào để có đủ lương thực cho nhân dân và bộ đội ăn no, đánh thắng. Tháng 7-1968, đồng chí thăm và nói chuyện với Hội nghị ngành công nghiệp nặng bàn về nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn trước mắt. Đồng chí yêu cầu, trong điều kiện chiến tranh, công nghiệp nặng phải tổ chức sao cho gọn nhẹ bảo đảm an toàn, sản xuất có hiệu quả, năng suất lao động cao. Cuối tháng 9-1969, đồng chí thăm khu mỏ Quảng Ninh và dự Hội nghị đại biểu công nhân, cán bộ ngành than. Đồng chí đặt vấn đề để hội nghị thảo luận: Vì sao và phải làm gì để sản xuất được nhiều than? Tháng 8-1974, tại Hội nghị nông nghiệp các tỉnh đồng bằng và trung du tổ chức tại Thái Bình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nêu vấn đề cấp bách cần nghiên cứu, tổ chức ngành nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn.

Vừa là tình thương, sự ân cần và trách nhiệm lớn lao, dấu chân của Thủ tướng thăm các chiến sĩ trong chiến hào giữa những ngày khét mùi bom đạn; những lời thăm hỏi, động viên, chia sẻ những mất mát bên đồng đờ nát của khu phố Khâm Thiên, Bệnh viện Bạch Mai do máy bay B52 Mỹ tàn phá cuối năm 1972 vừa thân thương, gần gũi, góp phần tăng thêm sức mạnh làm nên chiến thắng.

Những hoạt động không mệt mỏi, sự quan tâm sâu sắc của đồng chí Phạm Văn Đồng đã góp phần tạo nên phong trào thi đua rộng lớn trong lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Công nhân với khẩu hiệu “Tay búa tay súng” đã dũng cảm và mưu trí trong chiến đấu bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, phấn đấu đạt 3 điểm cao trong lao động sản xuất (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều...). Nông dân tập thể với phong trào “Tay cày tay súng” cần cù, dũng cảm phấn đấu đạt các mục tiêu trong nông nghiệp (5 tấn thóc, 2 con lợn/1ha gieo trồng). Tại các Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước năm 1967 và 1972, đồng chí thay mặt Đảng và Chính phủ tuyên dương các đơn vị và cá nhân anh

hùng, chiến sĩ thi đua đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Tại lễ kỷ niệm lần thứ 25 năm Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (30-8-1970), đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định: giữa khối lửa của 10 vạn lần địch đánh phá và hơn 1 triệu tấn bom đạn các loại, nhân dân miền Bắc đã làm nên một sự nghiệp phi thường, giữ vững và tăng cường lực lượng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa”¹. Tháng 4-1971, đồng chí Phạm Văn Đồng trúng cử đại biểu Quốc hội khóa IV, được kỳ họp thứ nhất bầu lại làm Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đọc diễn văn tại kỳ họp (từ ngày 7 đến ngày 10-6-1971), đồng chí cảm ơn Quốc hội đã tín nhiệm bầu đồng chí tiếp tục giữ chức vụ quan trọng này. Đồng chí hứa sẽ làm việc hết sức mình “để cho bộ máy nhà nước trở thành hệ thống quản lý có hiệu lực, thông suốt từ trên xuống dưới và từ dưới lên, chú trọng công tác quản lý kinh tế, đồng thời coi trọng các mặt quản lý khác”².

Nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác quản lý kinh tế, đồng chí Phạm Văn Đồng xác định: “Trong lúc nhân dân ta đang chống Mỹ, cứu nước thì quản lý kinh tế phải phục vụ cuộc chiến đấu thần thánh theo khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng”³. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam ngày càng phát triển và từng bước đi đến thắng lợi, đồng chí càng quan tâm đến mối liên hệ giữa kháng chiến với xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu về mặt lý luận và thực tiễn được tổng kết trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội càng có ý nghĩa to lớn, tạo tiền đề vững bước đi tới thắng lợi. Đó là một trong những công hiến quan trọng của đồng chí Phạm Văn Đồng.

Chú trọng đến sự nghiệp xây dựng xã hội mới trên miền Bắc, ngay trong những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với cương vị và trọng trách của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dành nhiều tâm sức chỉ đạo các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, tư tưởng lý luận và khoa học - kỹ thuật. Tháng 6-1966, với tư cách Chủ tịch Ủy ban Cải cách giáo dục, đồng chí đến thăm và

¹ Phạm Văn Đồng: *Diễn văn kỷ niệm 25 năm Cách mạng Tháng Tám và thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Báo Nhân dân, ngày 30-8-1970.

² Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, tr.452.

³ Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về nhà nước*, Sđd, tr.238.

nói chuyện tại lớp nghiên cứu cải cách giáo dục. Đồng chí cho rằng, nâng cao trình độ giáo viên là khâu quan trọng nhất trong cải cách giáo dục. Nói chuyện tại lớp học chính trị của cán bộ Bộ Giáo dục, đồng chí yêu cầu ngành giáo dục phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình là đào tạo thế hệ trẻ thành những chiến sĩ dũng cảm, sáng tạo, thông minh. Phương pháp dạy và học phải gắn liền với đời sống sản xuất chiến đấu của đất nước, phải không ngừng vươn lên để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Đồng chí yêu cầu: Học tập phải gắn với thực tiễn cuộc sống, phải có ý nghĩa thiết thực, đó là nguyên lý giáo dục của chúng ta. Mục tiêu cao nhất của giáo dục đào tạo là phải đào tạo để thế hệ trẻ trở thành lớp người vừa hồng vừa chuyên, có lý tưởng cách mạng, có đủ trình độ khoa học - kỹ thuật để quản lý tổ chức sản xuất, quản lý điều hành các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tại các cuộc họp Bộ Chính trị bàn về vấn đề đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật trong các ngày từ 14 đến 18-5-1965, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận xét: “Công tác này chúng ta còn câu toản, làm còn dờ, chậm, kém vì ý thức số đông người lãnh đạo còn kém”¹; còn biểu hiện bất hợp lý giữa đào tạo và sử dụng sinh viên sau khi ra trường. Đồng chí nói: thêm một sinh viên là quý, nhưng ra trường lại không giải quyết biên chế, không dùng nó. Ông Bộ trưởng thì coi nhẹ cái này. Còn ông tổ chức lại là người quyết định tất cả. Ông tổ chức làm theo lối coi lý lịch, ông Bộ trưởng lại dựa vào tổ chức”². Đồng chí lưu ý: Đào tạo cán bộ khoa học phải chú trọng cả khoa học - kỹ thuật, khoa học xã hội và khoa học quản lý; phải chú trọng cả đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp; trung ương phải chú trọng vấn đề tổ chức quản lý, Bộ Giáo dục phải có bộ máy chuyên trách về vấn đề này³.

Về công tác văn học - nghệ thuật, tại cuộc họp Ban Bí thư ngày 10-11 và ngày 23-11-1968, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận xét: “Ta dùng đội ngũ văn học nghệ thuật như dùng văn công thì không tốt. Phải lo việc xây dựng đội ngũ,

¹ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị, từ ngày 14 đến ngày 18-5-1965, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

² Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị từ ngày 14 đến ngày 18-5-1965, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

³ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị, từ ngày 14 đến ngày 18-5-1965, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

phải nhìn lâu dài, phải có biện pháp tốt; phải có sự hướng dẫn của Đảng, sự giúp đỡ của Nhà nước”¹. Trong xây dựng đội ngũ phải quan tâm đến lớp trẻ. Đồng chí đề nghị Đảng và Nhà nước phải sớm xây dựng nhạc viện, các trường đào tạo; tổ chức, xây dựng các trại viết văn. Đồng chí đặt vấn đề: một đất nước như thế này, dân mình ai cũng muốn được đọc những cuốn sách hay mà không có sách hay đọc thì có khổ không?”². Muốn đáp ứng tốt những yêu cầu này phải có tổ chức, ở trung ương phải có, nhưng chủ yếu là Hội nhà văn phải tự quản. Trong tổ chức phải “đủ thành phần, phải dám đưa lớp trẻ vào và phải có tình thân hữu ái với họ, rộng rãi với họ. Đối với anh em trẻ đừng dội nước lạnh vào họ”³.

Trong chỉ đạo công tác lý luận xây dựng Đảng và công tác tư tưởng đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu phải xuất phát từ đánh giá tình hình đảng viên. Đồng chí nói: Nếu nhìn tổng số và tỷ số đảng viên thì chưa nhận rõ hết. Phải chú ý sự phân bố đảng viên, thành phần đảng viên, chú ý đến việc quản chúng đánh giá đảng viên. Đồng chí nhận xét: “Nông thôn số đảng viên không nhiều, trong bộ đội cũng không phải là nhiều. Còn ở các cơ quan thì đảng viên nhiều mà không có tác dụng gì rõ”⁴. Cần phải thấy rõ: đảng ta là một Đảng cầm quyền, một Đảng có uy tín. Nếu để đảng viên xấu lợi dụng uy quyền của Đảng mà làm ma làm quỷ thì rất lỗi thời”⁵. Để làm tốt công tác giáo dục lý luận, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, trước hết phải tổ chức tốt các cơ quan lý luận của Đảng. Đồng chí đề nghị phải sớm thành lập Ban Lý luận Trung ương; phải cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí nói rõ: “Trường Nguyễn Ái Quốc phải tích cực mở lớp, nhất là những lớp ngắn ngày. Thực tiễn sinh động luôn thay đổi, học rồi học lại, không phải học một lớp dài hạn là đủ cả rồi”. “Các cán bộ trung cao cấp học lý luận

¹ Biên bản cuộc họp Ban Bí thư các ngày 10-11 và 23-11-1968, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

² Biên bản cuộc họp Ban Bí thư các ngày 10-11 và 23-11-1968, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

³ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị, từ ngày 14 đến ngày 18-5-1965. Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

⁴ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị ngày 5-1-1970, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

⁵ Biên bản cuộc họp Bộ Chính trị ngày 5-1-1970, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

12-18 tháng là rất cần thiết”, “cái khó của lớp này là nội dung và thầy nắm vững nội dung để dạy, vì thiếu thầy tốt nên còn nhiều hạn chế”. Đồng chí yêu cầu: “Trường Nguyễn Ái Quốc phải cải tiến, phải nâng cao để dần nâng lên thành Viện Mác-Lênin”¹.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta, nhân dân ta đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là của Đảng, Chính phủ, nhân dân Liên Xô và Trung Quốc. Sự bất đồng giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc là nguyên nhân chủ yếu của sự rạn nứt trong các nước xã hội chủ nghĩa. Với tư cách Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhiều lần đi thăm và thảo luận tình hình với các đảng và các nước anh em, vừa để tranh thủ sự viện trợ, vừa để góp phần đoàn kết thống nhất giữa các đảng, các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Để thắt chặt mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với nhân dân hai nước anh em Lào và Campuchia trên bán đảo Đông Dương, từ ngày 24 đến ngày 25-4-1970, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia Hội nghị cấp cao các nước Đông Dương. Tuyên bố chung khẳng định quyết tâm chiến đấu của nhân dân ba nước cho đến thắng lợi hoàn toàn, khẳng định tình đoàn kết, sự ủng hộ lẫn nhau của nhân dân ba nước trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, thỏa thuận những nguyên tắc bảo đảm quan hệ hữu nghị lâu dài giữa ba nước Đông Dương. Hòa bình, hữu nghị và hợp tác, luôn biểu thị lập trường, sự ủng hộ của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ. Đồng thời để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới luôn luôn là nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã đi thăm hữu nghị nhiều nước, hội đàm với nhiều nhà lãnh đạo của các quốc gia; thăm và nói chuyện thân mật với quần chúng nhân dân các nước anh em bè bạn về những vấn đề hòa bình, hợp tác và hữu nghị². Thay mặt Đảng và

¹ Biên bản cuộc họp Ban Bí thư và Bộ Chính trị ngày 13-6-1966, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

² Đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam thăm Trung Quốc (từ ngày 4 đến ngày 11-6-1973), Mông Cổ (từ ngày 22 đến ngày 25-6-1973), Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên (từ ngày 26-6 đến ngày 1-7-1973), Liên Xô (từ ngày 9 đến 16-7-1973),

Chính phủ ta, đồng chí cảm ơn Chính phủ, nhân dân các nước anh em và bè bạn đã ủng hộ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đồng chí đã có những đóng góp quan trọng thắt chặt tình hữu nghị giữa nước ta và các nước anh em, bè bạn. Đoàn kết nhất trí, trí tuệ tập thể là truyền thống vô cùng quý báu của Đảng ta. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cách mạng, trong đó có công lao và cống hiến to lớn của đồng chí Phạm Văn Đồng.

Bản sao lưu trữ

Hungari (từ ngày 16 đến ngày 23-7-1973), Tiệp Khắc (từ ngày 23 đến ngày 28-10-1973), Anbani (từ ngày 28-10 đến ngày 2-11-1973), Cuba (từ ngày 22 đến ngày 28-3-1974), Angiêri (từ ngày 2-4 đến ngày 5-4-1974), Nam Tư (từ ngày 5 đến ngày 8-4-1974), Thụy Điển (từ ngày 8 đến ngày 11-4-1974)...

PHẦN V
GIAI ĐOẠN LÃNH ĐẠO SỰ
NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ
TỔ QUỐC (1976 – 2000)

1. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng, đất nước thống nhất khi đồng chí Phạm Văn Đồng bước sang tuổi 70 - tuổi của lớp người xưa nay hiếm. Niềm vui chiến thắng của dân tộc ta làm đồng chí thêm vui khỏe.

Ngày 3-6-1975, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa V nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tín nhiệm bầu đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp tục giữ chức Thủ tướng Chính phủ. Được giao cương vị này 20 năm nên đồng chí nhận thức rõ: Để hoàn thành nhiệm vụ, người đứng đầu Chính phủ không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm và nhiệt tình cách mạng mà còn đòi hỏi sự năng động, nhạy cảm với xu hướng phát triển của thời đại. Đồng chí cũng xác định rõ nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho Đảng và nhân dân ta là phải hoàn thành những nhiệm vụ trước mắt là khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Tại lễ kỷ niệm lần thứ 30 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (2-9-1975), đồng chí Phạm Văn Đồng xúc động tưởng nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những chiến sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta là kiên trì đi theo con đường của Bác. Đồng chí nói: “Hôm nay, toàn thể dân tộc Việt Nam đang sống những giờ phút thiêng liêng này, lòng chúng ta, với niềm xúc động và biết ơn vô hạn hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người sáng lập Đảng ta, Nhà nước ta, giáo dục và dìu dắt nhân dân ta kiên trì cuộc đấu tranh cách mạng, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cho đến thắng lợi hoàn toàn và vẻ vang ngày nay. Trong giờ phút thiêng liêng này, mọi người chúng ta quyết làm hết sức mình để kế tục sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch, thực hiện tốt đẹp nhất những lời căn dặn cuối cùng trong bản *Di chúc* của Người, phấn đấu quên mình vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần tích cực vào thắng lợi của cách mạng thế giới”¹. Đồng chí xác định: “Tình hình mới và nhiệm vụ mới, với những triển vọng rất tốt đẹp đòi hỏi các ngành, các cấp, các đồng chí có trách nhiệm và mọi người lao động phải có những cố gắng vượt bậc, để lớn lên về trình độ và năng lực,

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.6-7.

trình độ tổ chức, năng lực quản lý, nhằm phát huy một cách tập trung tác dụng ở cơ sở; xí nghiệp và hợp tác xã, nơi làm ra của cải vật chất với năng suất lao động ngày càng cao”¹. Đồng chí cho rằng, mặt trận kinh tế lúc này là nóng bỏng nhất, đòi hỏi sự cố gắng cao độ của toàn Đảng, toàn dân để đẩy mạnh công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Muốn vậy, đi đôi với việc thanh toán những hậu quả nặng nề của hàng chục năm chiến tranh, phải “khuyến khích sự hoạt động bình thường của mọi xí nghiệp lớn nhỏ, góp phần vào việc khôi phục và phát triển kinh tế”². Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI đã diễn ra trong không khí phấn khởi thống nhất Nam Bắc. Trúng cử đại biểu Quốc hội, đồng chí Phạm Văn Đồng được kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI (từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976) bầu làm Thủ tướng Chính phủ. Tại kỳ họp, danh sách các thành viên Hội đồng Chính phủ do đồng chí giới thiệu được Quốc hội nhất trí thông qua.

Xác định nhiệm vụ xây dựng kinh tế là trọng tâm, gắn liền với củng cố an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, nhiều quyết định mới của Chính phủ được ban hành. Ngày 3-8-1976, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định giao nhiệm vụ xây dựng kinh tế cho các lực lượng vũ trang dưới các hình thức tổ chức như: Lực lượng chuyên xây dựng và sản xuất là lực lượng chính quy làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài; các xí nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng nhận thêm nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng phục vụ dân sinh.

Ngày 25-9-1976, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định: Triệt để xóa bỏ tình trạng chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền Nam. Cùng ngày, Chính phủ đã công bố chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam, hướng dẫn hoạt động và từng bước tiến hành cải tạo kinh tế tư bản tư doanh.

Cùng với các quyết định quan trọng trên đây, một số quyết định như thành lập Tổng cục Khí tượng thủy văn, điều chỉnh một số đơn vị hành chính... đã được công bố. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1976), đồng chí Phạm Văn Đồng đã đọc báo cáo *Phương hướng nhiệm*

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.6-7.

² Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.6-7.

vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm 1976-1980. Bản báo cáo đã khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976-1980. Khẳng định những vấn đề trọng yếu, cấp thiết để hoàn thành kế hoạch, đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng, trong hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, các chính sách kinh tế có tác dụng rất lớn, vừa đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch nhà nước, vừa bảo đảm thúc đẩy quản lý kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế. Theo đồng chí, một cơ chế quản lý như vậy phải thể hiện tính năng động, từng bước xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bảo thủ trì trệ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã bầu đồng chí Phạm Văn Đồng làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương cử làm Ủy viên Bộ Chính trị.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức, điều hành của Chính phủ, nhân dân ta đã từng bước khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại; quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc tiếp tục được củng cố và từng bước được xây dựng ở miền Nam; nền sản xuất bước đầu được tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới; giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ, một bộ phận công thương nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo. Với việc phục hóa, khai hoang và tăng vụ, diện tích gieo trồng đã tăng thêm gần 2 triệu ha, sản xuất nông nghiệp cũng dần dần được khôi phục. Trong công nghiệp, một số công trình xây dựng mới được đưa vào sản xuất như các nhà máy xi măng, nhà máy điện, cơ khí động lực, cơ khí đóng và sửa chữa tàu thuyền, nhà máy đường, nhà máy giấy, nhà máy kéo sợi... Nhà máy thủy điện Đà Nhim - một thủy điện lớn lần đầu tiên được xây dựng ở miền Nam đã đưa vào khai thác.

Trên mặt trận văn hóa giáo dục, đồng chí Phạm Văn Đồng cũng luôn luôn quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp và dành sự ưu tiên đối với các tỉnh mới giải phóng. Các trường học ở miền Nam được khôi phục và phát triển. Nạn mù chữ trong vùng mới giải phóng đã được thanh toán về cơ bản. Công cuộc xây dựng nền văn hóa mới được đẩy mạnh trong cả nước. Các tỉnh miền Nam đã làm nhiều việc để loại trừ văn hóa phản động, lạc hậu, đồi trụy do chế độ cũ để lại. Các ngành khoa học, kỹ thuật được chú trọng đầu tư và đã đáp ứng được những

yêu cầu cơ bản của nền kinh tế và quốc phòng. Có thể nói những thành tựu bước đầu mà nhân dân ta giành được rất đáng khích lệ.

Tuy nhiên, do sự bao vây, cấm vận và chống phá của các thế lực thù địch, cách mạng Việt Nam lại bước vào thời kỳ khó khăn mới. Cuộc chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước do các thế lực thù địch châm ngòi nổ ra, sức người, sức của tập trung cho công cụ bảo vệ đất nước đòi hỏi rất lớn; cộng thêm hệ quả của tư tưởng duy ý chí, chủ quan, nóng vội trong việc xây dựng kế hoạch, đặt chỉ tiêu quá cao, khiến nhiều mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1976-1980 không đạt. Đồng chí Phạm Văn Đồng nhận thức rõ những sai sót, yếu kém của Chính phủ trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Tại lễ kỷ niệm lần thứ 35 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1980, đồng chí nói rõ rằng, cần nhấn mạnh với đồng chí và đồng bào cả nước những yếu kém và thiếu sót của các cơ quan có thẩm quyền trong công việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy, chính là Chính phủ tự phê bình trước đồng chí và đồng bào về trách nhiệm của mình. Đồng thời đòi hỏi mọi người phải tự phê bình và phê bình về tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, làm việc không có hiệu quả, về năng suất lao động thấp kém, về tình trạng tham ô, móc ngoặc, cửa quyền...¹.

Trước những khó khăn thử thách mới, Hội đồng Chính phủ đã tiến hành nhiều cuộc họp để bàn thảo tình hình và kịp thời đưa ra những quyết định quan trọng. Ngày 21-6-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định về những chính sách và biện pháp khuyến khích việc sản xuất hàng xuất khẩu; ngày 2-8-1979, Chính phủ ra Nghị định khuyến khích sản xuất và lưu thông những mặt hàng do Nhà nước quản lý và cung ứng vật tư, những mặt hàng sản xuất bằng nguyên liệu địa phương và các phế liệu, phế phẩm.

Từ kinh nghiệm khoán hộ trong sản xuất nông nghiệp của một số địa phương ở Vĩnh Phú, Hải Phòng, Long An..., ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị 100-CT/TW quy định việc mở rộng và cải tiến việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Sự kịp thời, hợp lý của Chỉ thị đã tạo không khí phấn khởi trong nông dân và được đông đảo bà con nông dân nhiệt liệt hưởng ứng.

¹ Xem Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.177-178.

Theo các quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhiều quyết định của Chính phủ đã kịp thời đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống, đặc biệt là các quyết định về quản lý và sử dụng ruộng đất (1-7-1980), về xây dựng các vùng kinh tế mới (27-3-1980), về quản lý và lưu thông lương thực (9-1-1980). Trong các ngày 15-1-1981 và 21-1-1981, Chính phủ ra các quyết định về mở rộng việc trả lương khoán, lương sản phẩm và việc thưởng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh thuộc các ngành nông nghiệp, kinh doanh và nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt là trong Quyết định 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ về chủ trương tiếp tục mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính và cho phép các cơ sở kinh tế quốc doanh xây dựng kế hoạch ba phần, trong đó quy định việc được ký kết hợp đồng cung ứng sản phẩm theo nhu cầu thị trường. Đây là quyết định đầu tiên cho phép sự tồn tại của yếu tố thị trường trong khuôn khổ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tạo điều kiện để hình thành nền kinh tế chủ động vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước sau này.

Ngày 25-4-1981, đồng chí Phạm Văn Đồng trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VII và được kỳ họp thứ nhất bầu làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng¹.

Tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã thảo luận và thông qua những chủ trương, đường lối quan điểm chỉ đạo việc xây dựng chiến lược kinh tế và xã hội những năm 80 với mục tiêu cấp bách là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khắc phục những yếu kém trong chỉ đạo xây dựng và bảo vệ đất nước những năm 1976-1980.

Tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng đọc bản báo cáo *Phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm 1981-*

¹ Theo Quy định trong Chương III, Điều 104 và 105 của *Hiến pháp* mới được kỳ họp thứ bảy, Quốc hội khóa VI, ngày 18-12-1980 thông qua và *Luật Hội đồng Bộ trưởng* được Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ nhất (từ 25-6 đến 4-7-1981) thông qua, ghi rõ "Hội đồng Bộ trưởng là Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước". Theo quy định này chức vụ Thủ tướng Chính phủ gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

1985 và những năm 80. Thay mặt Chính phủ, đồng chí phân tích những thành quả đã đạt được và những mặt yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980); những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, trách nhiệm của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm.

Đồng chí nhấn mạnh: Phải tiến hành đồng thời việc đổi mới công tác quản lý kinh tế với công tác quần chúng, đó là biện pháp tổng hợp, có tính chất quyết định để phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc xây dựng kinh tế. Phải có những chuyển biến trong tư tưởng để đưa đến chuyển biến trong việc làm; phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm đẩy lùi và thanh toán các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế, văn hóa và trong đời sống xã hội.

Đánh giá những sai lầm, thiếu sót của Đảng và Chính phủ trong lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội trong 5 năm 1976-1980, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận định: Đảng ta đã chủ quan, nóng vội trong việc đề ra một số chỉ tiêu về quy mô và tốc độ xây dựng cơ bản, phát triển sản xuất; bảo thủ, trì trệ trong việc duy trì cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách, chế độ dẫn tới kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Đại hội Đảng lần thứ V đã bầu đồng chí Phạm Văn Đồng vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy viên Bộ Chính trị.

Với cương vị là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã chỉ đạo cụ thể các ngành, các cấp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội. Đồng chí đã đi xuống nhiều cơ sở sản xuất, văn hóa giáo dục, dự hội nghị tổng kết của các ngành, các địa phương. Giữa năm 1982, đồng chí đã cùng Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh vào làm việc với lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng và một số tỉnh phía Nam. Tại Đà Lạt, các đồng chí có buổi làm việc với đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, nghe giám đốc một số xí nghiệp, công ty ở thành phố đã năng động, sáng tạo “tự cởi trói để bung ra”, đã tổ chức quản lý sản xuất bước đầu có hiệu quả báo cáo kinh nghiệm. Đồng chí đã trực tiếp tới thăm và kiểm tra một số cơ sở, qua đó đồng chí đánh giá vấn đề quản lý, chỉ đạo tổ chức nền kinh tế sát thực tiễn hơn.

Tháng 8-1982, đồng chí Phạm Văn Đồng dự Hội nghị sơ kết việc thực hiện khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp. Đồng chí còn gặp gỡ nhiều

đại biểu đề trao đổi về tình hình nông dân và nông thôn. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí khẳng định: Phong trào khoán mới phát triển rất nhanh và rộng khắp, đông viên hàng triệu nông dân hăng hái lao động sản xuất. Họ lao động một cách hứng thú, tự nguyện, tự giác với tinh thần làm chủ thật sự, với khí thế sôi nổi. Đồng chí cho rằng, phong trào khoán có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, qua đó tổng kết về mặt lý luận, để đưa ra hướng đi và biện pháp phù hợp, tạo thành một phong trào vận động lớn, lôi cuốn nông dân.

Ngày 11-9-1982, tại Hội nghị Lâm nghiệp toàn quốc bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển của ngành trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, đồng chí Phạm Văn Đồng đã quán triệt ý nghĩa to lớn về các mặt kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của việc trồng và bảo vệ rừng, của mô hình kết hợp công - nông - lâm nghiệp. Đầu tháng 11-1982, đồng chí tới dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo tại Hội nghị triển khai việc phát triển ngành dâu tằm tơ.

Quan tâm sâu sắc tới các ngành kinh tế công nghiệp, giao thông vận tải, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dành thời gian tới thăm cán bộ công nhân. Hình ảnh đồng chí tại Lễ ngăn sông Đà trên công trường Nhà máy thủy điện Hòa Bình và thả viên đá đầu tiên (12-1-1983), tại Đại hội III Hội Kiến trúc sư Việt Nam (25-11-1983), gắn biển Cầu Hữu nghị Việt - Xô tại Cầu Thăng Long (24-1-1984), gắn biển tên cầu Chương Dương - cây cầu lớn Việt Nam tự lực đầu tiên (30-6-1985)... đã đem lại nguồn động viên lớn cho phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội V của Đảng.

Những ý kiến của đồng chí tại hội nghị của các ngành và các địa phương, các đơn vị đã giúp cho cán bộ, nhân dân nhận thức sâu sắc hơn về đường lối và nhiệm vụ chung mà Đại hội Đảng lần thứ V đã vạch ra. Những tư tưởng, quan điểm của Đảng được đồng chí cụ thể hóa đã tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành. Bước vào thời kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1981-1985 vào những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng ta và nhân dân ta đứng trước những khó khăn, thử thách vô cùng to lớn.

5 năm sau ngày đất nước thống nhất, những điều kiện về kinh tế - xã hội nước ta đã có những thay đổi lớn: Nguồn viện trợ của các nước anh em giảm

dân, các khoản vay dài hạn cũng giảm; nhiều khoản nợ đã đến kỳ phải trả; các nhu cầu sinh hoạt, xây dựng kinh tế, củng cố an ninh quốc phòng đều tăng cao, trong khi hậu quả của hai cuộc chiến tranh biên giới, sự chống phá của các thế lực thù địch đã gây ra nhiều thiệt hại. Trong khi đó, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, sự trì trệ bảo thủ, thói quen ỷ lại vào viện trợ đã kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế. Bức tranh tổng thể của một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trên đất nước ta đang hiển hiện. Thay đổi cơ chế, tháo gỡ rào cản, khắc phục mọi khó khăn, từng bước đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, đó là nguyện vọng và là quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa V (3-7-1984), đồng chí Phạm Văn Đồng đã báo cáo về những chuyển biến bước đầu đáng khích lệ của chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, về mở rộng quyền tự chủ, tự hạch toán kinh doanh cho các cơ sở sản xuất... Đồng chí nhận định, trong bước đầu cơ chế quản lý và sản xuất có chuyển biến nhưng chưa cơ bản, chưa đồng đều, chưa vững chắc. Đồng chí cho rằng: Nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện là tăng cường cải tiến công tác quản lý kinh tế theo hướng triệt để xóa bỏ tập trung bao cấp, mở rộng hơn nữa quyền tự chủ, tự hạch toán cho địa phương và Hội nghị Trung ương đã thảo luận tình hình kinh tế - xã hội, công tác quản lý điều hành của Hội đồng Bộ trưởng và giao nhiệm vụ cho Hội đồng Bộ trưởng khẩn trương chuẩn bị và cụ thể hóa thành chiến lược kinh tế - xã hội; xây dựng những chương trình, mục tiêu trọng điểm, những phương án kinh tế - kỹ thuật nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ quản lý... trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét.

Tháng 6-1985, Hội nghị Trung ương 8 khóa VI họp để thảo luận tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và quyết định dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Hội nghị xác định: "Xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu cấp bách, là khâu đột phá có tính chất quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa".

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa V là kết quả sự đúc rút từ thực tiễn kinh nghiệm của Đảng trong những năm lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, thể hiện sự trưởng thành mới trong nhận thức lý luận về kinh tế của Đảng, đưa nền kinh tế đất nước từng bước chuyển biến phù hợp với những quy luật thực tiễn khách quan trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để chỉ đạo việc chuẩn bị thực hiện Nghị quyết, Hội nghị Trung ương đã giao cho Ban Bí thư Trung ương và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng theo dõi, phối hợp chặt chẽ để kịp thời xử lý những vấn đề cụ thể khi Nghị quyết đi vào thực tiễn các lĩnh vực đời sống xã hội. Nghị quyết Trung ương 8 khóa V là một đòi hỏi thực tế khách quan, thể hiện quyết tâm của Đảng ta trong việc đưa đất nước vượt qua khó khăn thử thách, tuy nhiên khi triển khai thực hiện, chúng ta đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng trong bước đi và biện pháp tổ chức thực hiện, đặc biệt là trong việc đổi tiền, định mặt bằng giá trên cơ sở lấy giá gạo cao làm chuẩn, trong phân phối lưu thông, trong vấn đề quản lý và phát hành tiền mặt... Những sai lầm, yếu kém trên đã đẩy tình hình kinh tế thêm hỗn loạn: giá cả tăng vọt, lạm phát có lúc lên tới 774% (1986), đời sống cán bộ và nhân dân vô cùng khó khăn, diện thiếu đói lan rộng, nạn tiêu cực càng hoành hành, kỷ cương pháp luật bị coi nhẹ, cộng đồng xã hội bị vi phạm nghiêm trọng, đạo đức xã hội xuống cấp, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước giảm sút.

Từ ngày 21 đến ngày 23-12-1985, cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng với Chủ tịch các tỉnh và đặc khu để kiểm điểm tình hình kinh tế - xã hội, thảo luận về kế hoạch ngân sách nhà nước năm 1986 đã tiến hành tại Hà Nội.

Với cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, trong phiên khai mạc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tự phê bình một cách nghiêm túc. Đồng chí nói: “Các đồng chí đã biết là tình hình kinh tế - xã hội hiện đang rất khó khăn, phức tạp, còn bời lể là chúng ta, phải nói là chúng tôi - Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có sai lầm trong thực hiện Nghị quyết 8... Chúng ta sẽ không chỉ đang đứng trước những đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, của nhân dân. Ra ngoài, người ta lo lắng và đòi hỏi; người ta cũng không giấu giếm để nói với chúng ta, nói với Chính phủ những cái người ta lo lắng, thiếu tin tưởng. Đó là 10 năm qua ta làm yếu, thậm chí làm sai.

Tôi thấm thía điều này. Là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, tôi thấy Hội đồng Bộ trưởng vô cùng quan trọng: Điều hành quản lý tất cả theo chế độ tổng hợp, nó có trách nhiệm vô cùng nặng nề. Ai cũng nói Nghị quyết của Đảng là đúng đắn, sáng suốt, nhưng đến khi tiến hành cụ thể Nghị quyết thì yếu và sai sót”¹. Đồng chí yêu cầu Hội nghị cần tập trung thảo luận để tìm biện pháp giải quyết 5 vấn đề lớn là: sử dụng lao động và đất đai; phân bổ vốn đầu tư cơ bản; xuất nhập khẩu; giá lương - tiền; tài chính ngân sách². Phát biểu kết thúc hội nghị, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ: “Hôm bắt đầu Hội nghị tôi nói có căng, hôm nay có thể cũng căng. Tôi nói hay tình hình nói? Tình hình nói đó, tình hình căng lắm! Không thể thuận buồm xuôi gió, phải đấu tranh. Nếu tình hình biết nói sẽ nói căng hơn tôi nhiều... Nhiều việc trên không biết. Tình hình căng thẳng là sai lầm của chúng tôi, của các đồng chí ở tỉnh, để giá tăng lên vô tội vạ, giá tiêu dùng đua nhau tăng lên ở khắp mọi nơi... Bây giờ ta phải khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và do những sai lầm của chúng ta. Chúng ta không sợ, phải phấn đấu, phải tiến lên”³.

Tại cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng từ ngày 31-1 đến ngày 4-2-1986, khi kiểm điểm những yếu kém của Hội đồng Bộ trưởng trong năm 1985, đặc biệt là trong vấn đề định giá gạo quá cao, trong khi mặt bằng thị trường lấy đó làm chuẩn, tạo nên một cơn sốt giá, nạn đầu cơ... Đồng chí yêu cầu những đồng chí phụ trách các mặt công tác cụ thể do Hội đồng Bộ trưởng giao phải kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm của mình. Đồng chí rất nhất trí với ý kiến Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải kiểm điểm vấn đề này trước Quốc hội, trước nhân dân và phải tìm cho được những giải pháp khắc phục. Tuy có những vấp vấp, yếu kém trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Bộ trưởng, tình hình kinh tế - xã hội còn những diễn biến phức tạp, khó khăn, nhưng đồng chí Phạm Văn Đồng và tập thể Hội đồng Bộ trưởng do đồng chí đứng đầu vẫn tin tưởng vào chủ trương của Đảng, kiên quyết chỉ đạo tiến hành xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao

¹ Biên bản cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch các tỉnh, thành phố, đặc khu từ ngày 21 đến ngày 23-12-1985. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, ký hiệu Q. 1684-H. 120, tr.2-3.

² Biên bản cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch các tỉnh, thành phố, đặc khu từ ngày 21 đến ngày 23-12-1985. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, ký hiệu Q. 1684-H. 120, tr.2-3.

³ Biên bản cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch các tỉnh, thành phố, đặc khu từ ngày 21 đến ngày 23-12-1985, *Tlđđ*, tr.35-36.

cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đồng chí cho rằng, việc chuyển nền kinh tế đất nước từng bước vận hành theo cơ chế thị trường là đúng đắn và cực kỳ cần thiết, nhưng “việc chuyển hóa này phải tiến hành từng bước thận trọng để hạn chế những tác động xấu gây rối loạn nền kinh tế. Đồng chí cho biết: Các bạn Liên Xô còn nói rằng: chúng ta không nên tìm chủ nghĩa xã hội ở chợ Đồng Xuân” và đồng chí khẳng định “quan niệm như vậy là không có cơ sở, đây là việc của ta, ta phải làm cho đúng đắn”. Để kìm tốc độ tăng giá, từng bước ổn định thị trường, theo đồng chí Phạm Văn Đồng “phải được coi là cuộc chiến đấu của mọi người, mọi cấp. Các mặt hàng quan trọng trước hết phải bán theo định lượng và đây không phải là bao cấp, ngay các nước tư bản họ cũng phải làm như vậy. Nếu quản lý thị trường tốt, nông dân sẵn sàng bán lúa theo tỷ giá, theo hợp đồng bằng cả hàng, tiền và các dịch”¹.

Những ý kiến phê bình và tự phê bình, những bài học rút ra từ quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VI và các Nghị quyết của Bộ Chính trị về chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế được các đồng chí đúc rút thành những bài học kinh nghiệm quý báu để Đại hội VI của Đảng hoạch định chủ trương, đường lối chính sách, đưa đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện trong những năm sau đó.

Với cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, chỉ đạo giải quyết nhiều công việc cấp bách trong quản lý, tổ chức các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn dành thời gian quan tâm chỉ đạo các công tác văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật. Đồng chí thường nói: sự phát triển của lịch sử dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh rằng nền văn học mới là bộ phận hợp thành của nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa, gắn liền với sự đấu tranh và thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội”². Đồng chí yêu cầu các nhà văn, các nghệ sĩ phải phản ánh trong các tác phẩm của mình hiện thực sinh động của cách mạng. Tác phẩm của các nhà văn phải nhằm cổ vũ nhân dân ta thương yêu nhau, cùng nhau đoàn kết phấn đấu, được ghi bằng ngôn ngữ của mình diễn tả cái đẹp của con người Việt Nam chiến đấu và chiến thắng, âm nhạc phải có màu sắc chính trị, mang tính dân tộc. Trong

¹ Biên bản cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng từ ngày 31-1 đến 4-2-1986, *Tlđđ*, tr.9-10.

² Phạm Văn Đồng: *Mấy vấn đề về văn hóa giáo dục*, Nxb.Sự thật, H.1986, tr.234.

thư gửi Đại hội lần thứ IV Hội Nhà văn Việt Nam, ngày 26-9-1983, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “Các nhà văn và các nhà hoạt động nghệ thuật hãy vững đi trên con đường của Đảng và của dân tộc cống hiến hết mình vào sự nghiệp của nhân dân, lớn lên trong phong trào cách mạng, cả đội ngũ lớn lên và từng người lớn lên về hiểu biết cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tư tưởng và tâm hồn, về tầm nhìn và tài năng, về phong cách, lớn lên cùng một nhịp với cách mạng xã hội chủ nghĩa và con người Việt Nam ta”¹.

Đối với ngành giáo dục, ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng không chỉ là trách nhiệm của người đứng đầu Chính phủ mà còn với tư cách là Chủ tịch Ủy ban Cải cách giáo dục Trung ương. Đồng chí đã đi thăm nhiều trường học, xuống nhiều địa phương, tìm hiểu thực tế dạy và học, quan tâm tới cơ sở vật chất, những điều kiện phục vụ việc dạy và học. Ngày 6-1-1984, đồng chí dự Lễ kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội. Hàng năm, vào ngày lễ nhà giáo 20-11, đồng chí luôn chia sẻ niềm phấn khởi với các giáo viên trong cả nước, nhắc nhở các ngành, các cấp phải thường xuyên chăm lo đến sự nghiệp giáo dục. Đồng chí yêu cầu tất cả các trường, các cấp học phải làm thế nào để trường ra trường, thầy ra thầy, trò ra trò”; phải thực hiện “Dạy tốt, học tốt”. Những chỉ dẫn ân cần của đồng chí Phạm Văn Đồng đối với những người làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật, giáo dục, khoa học - kỹ thuật đã khơi dậy ở họ ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, ý thức phấn đấu cống hiến nhiều hơn cho Tổ quốc. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một trong những nhân tố làm cho uy tín và ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng cao, đặc biệt là đối với phong trào giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết. Là người nhiều năm làm công tác đối ngoại, với cương vị và trọng trách của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng nhận thức rõ tình hình này. Trong các cuộc đi thăm chính thức các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trên nhiều diễn đàn, nhiều cuộc tiếp xúc, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn thể hiện rõ lập trường, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam theo quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh “Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn” nhằm thu hẹp

¹ Xem Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.338.

những khoảng cách, những bất đồng trong nội bộ các đảng cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa.

Là một trong những thành viên chính thức của Phong trào các nước không liên kết, với cương vị Trưởng đoàn đại biểu cấp cao của Chính phủ Việt Nam tham dự các hội nghị cấp cao của phong trào, đồng chí Phạm Văn Đồng đã thể hiện rõ quan điểm khoa học, lịch sử, lập trường đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với những vấn đề của các nước thuộc phong trào quan tâm. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ năm Phong trào các nước không liên kết họp ở Côlômbô (Xrilanca, 8-1976), một trong những nội dung được các đoàn bàn thảo là vấn đề đối phó với sự bóc lột, lũng đoạn về kinh tế của các nước tư bản phát triển đối với các nước đang phát triển và các nước nghèo. Tham luận về vấn đề này, đồng chí Phạm Văn Đồng đưa ra quan điểm được các nước rất quan tâm và đánh giá cao. Đồng chí khẳng định: Trong thời đại ngày nay, độc lập dân tộc về chính trị mà không có độc lập, chủ quyền, tự chủ về kinh tế thì chẳng khác gì tòa nhà không có nền móng vững chắc. Đồng chí nói rõ: Các dân tộc sau khi tiến hành thành công cuộc đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc thì điều cực kỳ quan trọng là phải dựa vào sức mình, từng bước giành chủ quyền về kinh tế, thực hiện cải cách dân chủ và xã hội để động viên tiềm lực của dân mình xây dựng đất nước thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân về kinh tế. Quan điểm đồng chí nêu lên rất phù hợp với tình hình và nguyện vọng đang vươn lên làm chủ nền kinh tế của các nước mới giành quyền độc lập.

Cũng với quan điểm trên đây, tại Hội nghị cấp cao lần thứ sáu các nước không liên kết họp ở Lahabana (Cuba), ngày 6-9-1979, đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp tục đưa ra những nhận định về bước phát triển mới của phong trào không liên kết. Đồng chí nói: “Phong trào của chúng ta có sứ mệnh lịch sử là cổ vũ và tăng cường cuộc đấu tranh kiên cường và tất thắng của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc dưới mọi hình thức biểu hiện của nó, nhằm xây dựng cuộc sống mới thật sự tự do, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng và hợp lý, bảo vệ hòa bình và an ninh của các dân tộc. Đó là mục tiêu cơ bản và là nội dung chủ yếu của chính sách không liên kết.

Tất cả chúng ta đều nhất trí cho rằng 18 năm qua, Phong trào không liên kết đã không ngừng phát triển trở thành một lực lượng mạnh mẽ chống đế quốc, có tiếng nói ngày càng quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Tình hình đó chứng minh một cách hùng hồn rằng phong trào của chúng ta đã đi đúng hướng”¹.

Cũng tại diễn đàn này, đồng chí Phạm Văn Đồng nhiệt liệt chào mừng thắng lợi của nhân dân Campuchia trong việc lật đổ chế độ diệt chủng. Đồng chí tin tưởng rằng không một thế lực nào có thể ngăn cản được bước tiến mới của nhân dân Campuchia. Đồng chí cũng bày tỏ sự đồng tình ủng hộ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền, bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội.

Tại Hội nghị cấp cao lần thứ bảy Phong trào các nước không liên kết họp tại Niu Đêli (Ấn Độ) ngày 8-3-1983, đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố: Nhân dân Việt Nam luôn kề vai sát cánh cùng các thành viên khác trong phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Đồng chí đánh giá cao vai trò của Ấn Độ đối với quá trình phát triển của phong trào không liên kết và khẳng định: “Nhân dân Việt Nam trước sau như một kiên quyết đứng về phía nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh trong cuộc đấu tranh chống sự đô hộ, nô dịch và bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bành trướng, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và mọi hình thức áp bức khác”. Với uy tín và sự hoạt động không mệt mỏi, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có những đóng góp to lớn vào sự lớn mạnh của Phong trào không liên kết, tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

2. Thời kỳ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đường lối đổi mới toàn diện về các mặt chính trị,

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.148.

kinh tế - xã hội được Đại hội thông qua là luồng sinh khí mới của đời sống xã hội đất nước, tạo đà cho quá trình phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta từng bước đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Ở tuổi 80, đồng chí Phạm Văn Đồng vui chung với những bước chuyển biến cách mạng trong thời kỳ mới. Tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng và các đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ đề nghị không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI. Trong phiên họp ngày 17-12-1986, Đại hội VI đã tuyên dương công trạng và tấm gương suốt đời phấn đấu vì Đảng, vì dân của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ. Đại hội khẳng định: cử chỉ cao đẹp của ba đồng chí làm nổi bật truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta là: Thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau và thế hệ sau kế tục trung thành sự nghiệp của thế hệ trước... Đại hội nhiệt liệt biểu dương ba đồng chí là tấm gương chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, là những cán bộ lãnh đạo kiên cường, giàu kinh nghiệm, những chiến sĩ cộng sản trung thực và ưu tú được toàn dân ta yêu quý, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bạn bè ta trên thế giới kính trọng.

Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ làm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng”¹.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã vui vẻ nhận trọng trách mới. Theo nhiệm kỳ Quốc hội khóa VII, đồng chí tiếp tục giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đến tháng 6-1987.

Để ghi nhận công lao, cống hiến to lớn của đồng chí Phạm Văn Đồng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, nhân kỷ niệm lần thứ 84 ngày sinh của đồng chí (1-3-1906 đến 1-3-1990), Quốc hội và Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trân trọng trao tặng đồng chí Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao nhất của Nhà nước ta.

Bước vào thời kỳ đổi mới, một trong những công việc quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta, các ngành, các cấp các địa phương thực hiện là tiến hành tổng

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.2, tr.286.

kết các mặt công tác những thời kỳ trước đó để rút ra những bài học kinh nghiệm cho thời kỳ mới.

Cuối tháng 1 và tháng 2-1987, đồng chí Phạm Đồng đã đến dự và chỉ đạo công tác tổng kết của các ngành bưu điện, văn hóa, y tế.

Phát biểu tại Hội nghị tổng kết ngành bưu điện, đồng chí cho rằng, trước sự bùng nổ của công nghệ thông tin, ngành phải đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của mình, phấn đấu đưa bưu điện đi trước một bước. Để làm được điều đó ngành phải phấn đấu đến mức cao nhất về năng lực công tác nghiệp vụ; phải vận dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới và hiện đại nhất. Phải rút ngắn thời gian hành trình đường thư, báo, điện tín đến người nhận. Phải nhận thức đó là công hiến, là đạo đức người cán bộ, nhân viên bưu điện dưới chế độ mới.

Tại Hội nghị tổng kết ngành văn hóa, đồng chí Phạm Văn Đồng đã quán triệt: Xét cho cùng thì chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao nhất của văn hóa loài người, đặc biệt là đối với những nước đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cộng đồng dân tộc ta và chế độ ta là môi trường xã hội rất tốt cho hoạt động văn hóa. Chiến lược của chúng ta là chiến lược con người. Muốn thực hiện được chiến lược đó, trước hết phải phát triển văn hóa. Có văn hóa, con người sẽ có đủ tri thức, sẽ nhận thức rõ hơn ý nghĩa việc làm của mình đối với xã hội. Đồng chí yêu cầu ngành văn hóa phải chú trọng cả ba mặt là sáng tác các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật biểu diễn và sưu tầm, lưu giữ các giá trị văn hóa. Đồng chí kêu gọi các nhà văn hóa hãy nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa, phấn đấu ngang tầm dân tộc và thời đại.

Nói chuyện tại Hội nghị tổng kết ngành y tế, ngành dược, đồng chí yêu cầu phải chú trọng hơn đến đồng bào các khu vực miền núi, vùng sâu. Ngành cần phấn đấu để có nhiều thầy thuốc giỏi, chữa được nhiều căn bệnh hiểm nghèo, vươn lên trình độ y tế thế giới. Đồng chí cho rằng, dược là một ngành kinh tế - kỹ thuật phải được phát triển mạnh, phải đáp ứng nhu cầu về thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong nước và xuất khẩu. Muốn vậy, ngành dược phải làm tất các khâu sản xuất, chế biến nguyên liệu, phân phối, lưu thông, kiểm tra sử dụng thuốc và đưa thuốc đến tay người bệnh. Phải sưu tầm các loại dược liệu có giá

trị, thừa kế những bài thuốc cổ truyền trong nhân dân, nghiên cứu, nâng cao, đưa vào sản xuất theo công nghệ hiện đại, có chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trên cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuy tuổi cao, sức yếu, đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn mang hết khả năng, trí tuệ nghiên cứu, suy nghĩ đề đề đạt ý kiến với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, góp phần xây dựng các nghị quyết của Đảng. Ngày 19-3-1988, đồng chí Phạm Văn Đồng viết thư gửi đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Bộ Chính trị nêu một số ý kiến về vấn đề xây dựng Đảng. Đồng chí nêu rõ: Qua nhiều cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, nội bộ Đảng và bộ máy nhà nước đã được củng cố một bước. Song, đứng trước tình hình mới, Đảng cần chỉnh đốn lại để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, kinh tế - xã hội. Đồng chí khẳng định: Đây là vấn đề cốt tử của chúng ta hiện nay trong vấn đề rộng lớn về xây dựng Đảng. Trong lãnh đạo kinh tế, Đảng cần tập trung giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong phân phối lưu thông, vấn đề giá, lương, tiền. Điểm trung tâm, mắt xích để tháo gỡ là phát triển sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, kìm giữ và giảm tốc độ lạm phát. Đảng cần tập trung ý chí, năng lực sáng tạo nhằm tháo gỡ những vấn đề nói trên “đề từ đó mà thống nhất ý chí, thống nhất hành động trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, trong lực lượng vũ trang, trong tổ chức quần chúng và trong xã hội”¹.

Được mời dự Hội nghị Bộ Chính trị bàn về chương trình kinh tế và định hướng kế hoạch 5 năm (1991-1995) tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11-7-1988, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu ý kiến và đưa ra nhận định: Công cuộc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh theo ba chương trình kinh tế cần gắn liền với chống lạm phát, đặt nó trong khuôn khổ chống lạm phát. Sản xuất là nhân tố quyết định để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định phân phối lưu thông, giảm khó khăn trong đời sống. Song do lạm phát nặng làm cho đời sống người lao động rất khó khăn. Vì vậy, vấn đề chống lạm phát phải kết hợp các biện pháp trong phân phối, lưu thông và các biện pháp về sản xuất, mạnh dạn sử dụng mọi thành phần kinh tế, mở rộng liên kết trong nước, phát triển kinh tế đối ngoại, khuyến khích mọi người sản xuất kinh doanh, trao quyền chủ động rộng rãi cho cơ sở,

¹ Phạm Văn Đồng: *Thư gửi đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí trong Bộ Chính trị*, ngày 19-3-1988, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

tăng cường quản lý vĩ mô trên cơ sở những cân đối lớn của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đồng chí nêu rõ: “Chống lạm phát phải được tiến hành theo một chiến lược toàn diện, đồng bộ, trong đó trực tiếp nhất là những chủ trương, đặc biệt là phân phối, lưu thông, đi liền với những chủ trương trong lĩnh vực sản xuất. Phối hợp ăn khớp với các chủ trương kinh tế là các chủ trương về chính trị, tổ chức, văn hóa, xã hội”¹.

Cuối năm 1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ thị tiến hành đợt sinh hoạt sâu rộng để kiểm điểm tình hình hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở đó đề ra mục tiêu, biện pháp cho các năm 1989, 1990, 1991. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã gửi tới Bộ Chính trị bản góp ý cụ thể, sâu sắc. Đồng chí cho rằng, bức tranh toàn cảnh của tình hình là khó khăn còn gay gắt, còn phức tạp. Lạm phát kéo dài và hiện còn rất cao. Tuy vậy, những mảng sáng cũng tăng lên và chúng ta hoàn toàn có khả năng phát huy hiệu quả để dần dần thu hẹp mảng tối, từng bước ổn định tình hình và tiến lên. Vấn đề nóng bỏng đặt ra là phải ổn định phân phối, lưu thông, tiếp tục chống lạm phát; ổn định và phát triển sản xuất; ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân, ổn định tư tưởng, giữ vững trật tự và kỷ cương; ổn định và chấn chỉnh một bước tổ chức cán bộ, cần đặt vấn đề ổn định trong mối quan hệ với phát triển và đổi mới. Muốn tạo được sự ổn định và phát triển, cần giải phóng mọi năng lực sản xuất, sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động, chấn chỉnh lại cơ cấu đầu tư, phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế, đổi mới quản lý, áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng kinh tế đối ngoại... Muốn thực hiện được điều đó, Trung ương cần sớm chấn chỉnh, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ. Sau khi gửi bản góp ý với Trung ương, suy nghĩ thêm về vấn đề lạm phát và chống lạm phát, về thành phần kinh tế, về giá - lương - tiền..., đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp tục góp ý với Trung ương, khi thì viết thư, khi thì trực tiếp gặp một số đồng chí trong Bộ Chính trị để trình bày; có khi trao đổi với đồng chí Tổng Bí thư bằng điện thoại.

Bước vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, khi công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã bước đầu tạo những bước chuyển biến đáng

¹ Phạm Văn Đồng: *Phát biểu tại Hội nghị Bộ Chính trị*, ngày 11-7-1988, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

khích lệ, vấn đề mở rộng quan hệ đối ngoại là một trong những nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng.

Giảm bớt những căng thẳng và từng bước hội nhập với các nước khu vực Đông Nam Á, giải quyết những bất đồng, từng bước tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, phá thế bị bao vây cấm vận là những mục tiêu quan trọng mà Đảng ta đã xác định. Thực hiện chủ trương đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ động đi trước một bước.

Ngày 6-1-1989, tại Lễ kỷ niệm lần thứ 10 Quốc khánh nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia, thay mặt Đảng và Nhà nước, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố Việt Nam sẽ rút quân khỏi Campuchia vào tháng 9-1989, sớm hơn dự định một năm. Thực hiện quyết định này chúng ta đã vô hiệu hóa con bài “Việt Nam xâm lược Campuchia” mà các thế lực thù địch xuyên tạc, mượn cơ hoạt động chống phá; mở đường để một số nước phương Tây và ASEAN bắt đầu có những quan hệ kinh tế với Việt Nam.

Để thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, sau nhiều lần thương thảo, một số cuộc gặp gỡ ở cấp thứ trưởng ngoại giao, hai bên đã đạt được một số thỏa thuận về việc giải quyết vấn đề Campuchia, về việc hai bên rút quân khỏi khu vực biên giới và mở đường cho những thỏa thuận cấp cao. Bằng kinh nghiệm, uy tín ngoại giao và tài năng của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tham khảo ý kiến và đề nghị tham gia vào các hoạt động quan trọng này.

Trong các ngày 3 và 4-9-1990, cùng với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham dự cuộc gặp không chính thức với các đồng chí Giang Trạch Dân - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước; Lý Bằng - Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cuộc gặp gỡ trao đổi được tiến hành tại khách sạn Kim Ngưu, thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc). Với tinh thần cởi mở, thẳng thắn, nhằm từng bước tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước, các đồng chí đã trao đổi về các biện pháp và đạt những bước tiến triển tốt đẹp. Tại cuộc gặp, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã nói những lời cởi mở: “Hoan nghênh các

đồng chí Việt Nam sang Trung Quốc hội đàm với chúng tôi. Các đồng chí là những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Việt Nam, cũng là những người bạn lão thành quen biết của những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Trung Quốc. Điều đáng tiếc là đã mười mấy năm chưa được gặp nhau... Chúng tôi hy vọng giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể khôi phục mối quan hệ mật thiết giữa hai Đảng và hai nước được thế hệ lão thành xây dựng nên”.

Thành công của cuộc hội đàm không chính thức là bước đột phá tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Tháng 11-1991, chuyến thăm chính thức nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa của Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đánh dấu việc bình thường hóa quan hệ giữa hai Đảng, hai nước, đưa truyền thống hữu nghị hai nước bước vào trang mới.

Việc giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ Việt - Trung đã làm thay đổi tình hình quan hệ quốc tế của Việt Nam. Các nước ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, nhiều nước Tây Âu và cả Hoa Kỳ từng bước có những quan hệ kinh tế, văn hóa với Việt Nam, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới.

Dấu ấn hoạt động và cống hiến của đồng chí Phạm Văn Đồng trong bước biến đổi này đã in đậm trong lịch sử ngoại giao Việt Nam.

Từ giữa năm 1989, công việc chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tiến hành khẩn trương. Nhiều cuộc hội thảo được tổ chức để thu thập những ý kiến góp ý cho các bản dự thảo văn kiện của Đại hội.

Đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những người rất nhiệt tình đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện. Thời gian này mắt đồng chí rất kém không còn trực tiếp đọc được những bản dự thảo. Vào khoảng 9 giờ sáng hàng ngày, đồng chí thư ký đã đọc cho đồng chí Phạm Văn Đồng nghe những bản dự thảo văn kiện. Vừa nghe vừa suy nghĩ, khi có ý gì mới đồng chí lại nhờ thư ký ghi vào giấy. Cứ thế dần dần các bản góp ý được bổ sung những ý kiến của đồng chí.

Ngày 6-8-1990, đồng chí Phạm Văn Đồng đọc cho đồng chí thư ký ghi bức thư gửi đồng chí Nguyễn Đức Tâm - Trưởng ban Tổ chức Trung ương, góp ý về dự thảo Nghị quyết xây dựng Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng sửa đổi. Trong thư,

đồng chí Phạm Văn Đồng đề nghị cần làm nổi bật nội dung “Đảng Cộng sản Việt Nam, vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin, kế thừa tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, là Đảng của giai cấp công nhân, đại biểu lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng là đội tiên phong và là lực lượng lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc”¹. Đồng chí nhấn mạnh: Sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, phải thể hiện người làm chủ phải là dân. Đảng lãnh đạo thế nào để dân làm chủ tốt. Sự lãnh đạo của Đảng không bao biện, không làm thay công việc của Nhà nước. Đảng lãnh đạo để Nhà nước quản lý tốt. Khi Nhà nước quản lý tốt, nhân dân lại nêu cao tinh thần làm chủ, đó là dấu hiệu của một đảng mạnh, nhà nước mạnh. Muốn vậy, đòi hỏi Đảng phải nâng cao trí tuệ, trình độ và tầm vóc của mình. Sự đổi mới lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện bằng đường lối mới, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam².

Về công tác cán bộ, đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng cán bộ là do dân bầu, không nên lấy danh nghĩa Đảng để giới thiệu cán bộ, càng không nên hiểu rằng Đảng giới thiệu có nghĩa là Đảng áp đặt. Việc giới thiệu cán bộ cần tinh tế và thực hiện dân chủ.

Đặc điểm trong phương pháp tư duy của đồng chí Phạm Văn Đồng là không bao giờ dừng lại. Ngày 8-12-1990, đồng chí lại gửi thư tiếp tới đồng chí Nguyễn Đức Tâm. Trong thư, đồng chí cho rằng, sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới phải khác, trước hết là khác về phương thức. Đồng chí viết: “Mọi người đều biết hiện nay chúng ta đang đứng trước một hiện tượng cực kỳ nguy hiểm: đó là những vụ tiêu cực, các loại tiêu cực đang hoành hành hầu như khắp nơi trên đất nước ta, nhất là trong các cơ quan quản lý phương tiện bảo đảm cuộc sống của nhân dân. Khắp nơi mọi người đều nói công khai rằng những vụ tiêu cực như vậy là tội lỗi của những người có chức, có quyền là phần lớn, nếu không phải là toàn bộ, đều là người của Đảng, cán bộ của Đảng ở các ngành, các

¹ Phạm Văn Đồng: *Thư gửi đồng chí Nguyễn Đức Tâm*, ngày 6-8-1990, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

² Xem Phạm Văn Đồng: *Thư gửi đồng chí Nguyễn Đức Tâm*, ngày 6-8-1990, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

cấp v.v.. Vậy thì người quản lý công tác đảng phải có thái độ như thế nào trước tình hình này?”¹. Đồng chí yêu cầu người phụ trách công tác tổ chức đảng phải có thái độ nhạy bén và nghiêm khắc đối với những cán bộ dính líu vào những vụ việc tiêu cực phải thanh lọc và thanh trừng phần tử đó, không thể để họ đứng trong hàng ngũ những người cộng sản.

Tiếp tục suy nghĩ về các dự thảo văn kiện Đại hội VII ngày 1-1-1991, đồng chí Phạm Văn Đồng gửi thư cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, góp ý vào bản Báo cáo về chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000. Đồng chí đề nghị báo cáo cần nói rõ hơn “về quan điểm chiến lược”².

Ngày 14-5-1991, đồng chí Phạm Văn Đồng gửi thư cho đồng chí Nguyễn Thanh Bình - Thường trực Ban Bí thư góp ý bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương. Trong thư, đồng chí đề nghị cần làm rõ những việc Trung ương chưa làm được, nguyên nhân và cách khắc phục, đồng chí cho rằng đây là bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương, không lẫn với kiểm điểm của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Có như thế mới thấy được cái gì là ưu điểm, khuyết điểm của Trung ương, cái gì là ưu điểm, khuyết điểm của Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị.

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Đồng chí Phạm Văn Đồng được mời dự. Suốt bốn ngày Đại hội, đồng chí chăm chú nghe các ý kiến phát biểu, gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều đại biểu dự Đại hội. Trước đó, ngày 19-6-1991, đồng chí đã viết thư gửi Đoàn Chủ tịch Đại hội: “Tôi, Phạm Văn Đồng, cùng với đồng chí Trường Chinh, đồng chí Lê Đức Thọ được Đại hội VI giao nhiệm vụ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Theo quy định của quy chế về Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi đã hết lòng góp phần nhỏ mọn của mình vào công việc của các cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Đảng từ Đại hội VI tới nay. Hiện nay, khi Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội VI bầu ra đã hết nhiệm kỳ thì nhiệm vụ của

¹ Phạm Văn Đồng: *Thư gửi đồng chí Nguyễn Đức Tâm*, ngày 8-12-1990, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

² Phạm Văn Đồng: *Thư gửi đồng chí Đỗ Mười*, ngày 14-1-1991, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương của tôi cũng chấm dứt. Tôi xin báo cáo với các đồng chí đại biểu Đại hội và chúc Đại hội thành công tốt đẹp”¹.

Kính trọng và cảm phục trí tuệ, tài năng của đồng chí Phạm Văn Đồng, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII tiếp tục cử đồng chí làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã tổng kết quá trình tìm tòi và thực hiện đường lối đổi mới. Đại hội nhận định: Trải qua 10 năm tiến hành đổi mới toàn diện, chúng ta đã đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, tạo được một số chuyên biến tích cực về mặt xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng được ổn định; hệ thống chính trị đã có những đổi mới quan trọng; quan hệ đối ngoại phát triển, thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch gây ra bị phá vỡ. Đại hội cũng đánh giá những mặt yếu kém, khuyết điểm và đề ra nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam trong thời gian 1996-2000 là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề cho bước phát triển cao trong những năm đầu thế kỷ XXI. Tại Đại hội, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công tiếp tục được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa VIII (12-1997), ba đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương tôn vinh công lao công hiến và nhất trí theo nguyện vọng để các đồng chí kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Phạm Văn Đồng là người được Hồ Chí Minh dẫn dắt từ những bước đi đầu tiên. Được Người đào tạo, đồng chí đã trở thành nhà lãnh đạo có uy tín, một trong những cộng sự đắc lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Tháng 11-1987, tại phiên họp toàn thể của Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) đã thông qua Nghị quyết kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ghi nhận Người là Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất và đề nghị tổ chức

¹ Thư của đồng chí Phạm Văn Đồng gửi Đoàn Chủ tịch Đại hội VII, ngày 19-6-1991, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

các hình thức hoạt động kỷ niệm trong dịp này. Cùng với nhân dân cả nước và nhiều nơi trên thế giới, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn hướng về dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí là một trong những nhân chứng lịch sử để các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu khai thác tư liệu, tham khảo ý kiến; nhiều chính khách, phóng viên báo chí và bạn bè quốc tế đã xin gặp để trao đổi, phỏng vấn.

Tháng 5-1989, kỷ niệm lần thứ 99, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết bài *Hồ Chí Minh và Việt Bắc* để bày tỏ tình cảm nhớ về cội nguồn, nhìn vào hiện tại và suy nghĩ về tương lai của dân tộc. Đồng chí cảm nhận một điều quan trọng và quý báu trong con người Hồ Chí Minh: “Đó là sự nhạy cảm hầu như bản năng đối với những diễn biến quan trọng của lịch sử có liên quan đến sự nghiệp cách mạng của Tổ quốc và dân tộc. Có thể nói suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh sống với tất cả nhiệt tình cách mạng và niềm tin mãnh liệt vào sự tất yếu của những quy luật lịch sử đem lại những biến đổi long trời lở đất trên hành tinh chúng ta”. Đồng chí khẳng định: “Hồ Chí Minh sống với sức sống mạnh mẽ giữa những diễn biến có tính chất thời đại đó, bởi lẽ Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cộng sản, đồng thời là một người Việt Nam. Hồ Chí Minh suốt bao năm trời chu du khắp thiên hạ có thể nói không một phút nào không nghĩ tới Tổ quốc và dân tộc mình, không hướng về quê hương mình và tâm tâm niệm niệm quyết làm cho bằng được sự nghiệp lớn ngang tầm lịch sử, là đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc và dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương mình”¹. Ngày 27-8-1990, Bộ Ngoại giao báo cáo với đồng chí Phạm Văn Đồng, phóng viên báo *Washington Post* - Keith Richburg và nhà báo Murray Hiebert, phóng viên Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông*, xin gặp đồng chí để phỏng vấn về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí rất vui vẻ tiếp hai nhà báo. Được hỏi “Theo Ngài, đóng góp to lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước Việt Nam là gì?”. Đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định: “Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập ra nước Việt Nam mới, sáng lập thời đại mới mang tên Hồ Chí Minh rực rỡ nhất trong lịch sử lâu đời của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh là người chiến sĩ đầu

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và Việt Bắc*, viết ngày 19-5-1989, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

tranh kiên cường cho nền độc lập của Việt Nam và cho tình hữu nghị giữa các dân tộc. Từ một dân tộc nô lệ thành một dân tộc độc lập, tự do, từ một đất nước bị chia cắt thành một đất nước thống nhất, từ một xã hội thuộc địa và phong kiến thành một xã hội đang đổi mới, tiến những bước đầu trong việc tạo lập cuộc sống theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại no ấm và văn minh, hạnh phúc cho nhân dân, từ một xứ sở bị xóa tên trên bản đồ thế giới thành một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế có công hiến xứng đáng đối với loài người. Đó là những điểm lớn của sự nghiệp mà Hồ Chí Minh đã cùng nhân dân Việt Nam thực hiện”¹.

Khi hai nhà báo đặt vấn đề Hồ Chí Minh có bao giờ mắc sai lầm không và đã bao giờ có chính sách nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần phải được sửa đổi lại hay không, đồng chí Phạm Văn Đồng nói ngay: Trong kháng chiến và kiến quốc, khi có khuyết điểm sai lầm, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam đã thẳng thắn tự phê bình, cần thiết thì tự phê bình trước nhân dân cả nước, như trong cải cách ruộng đất và kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm đó. Chính vì nhờ thường xuyên tự phê bình và luôn luôn tự điều chỉnh, cho nên cả quá trình hơn 50 năm, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã thu được thắng lợi mà mọi người đều biết.

Được hỏi “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thiết lập một hình thái Chính phủ mang tính chất đoàn thể, gia đình với những quyết định được đưa ra dưới hình thức các chỉ thị. Liệu chế độ đó đã cần phải được thay đổi trong hoàn cảnh đất nước đã phát triển không?”. Đồng chí Phạm Văn Đồng bình thản nói: “Tôi rất ngạc nhiên trước câu hỏi này, bởi Hồ Chí Minh và Nhà nước do Người lập ra không bao giờ nghĩ và là một hình thái Chính phủ như vậy. Nhiều người nước ngoài biết rõ điều này. Hồ Chí Minh là người sáng lập và đứng đầu Nhà nước Việt Nam dân chủ nhân dân cho đến khi qua đời, là nhà lập pháp đã liên tiếp chỉ đạo hai lần xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam, đã ban hành nhiều đạo luật, nhiều sắc lệnh, là vị Chủ tịch nước luôn luôn chú ý xây dựng từng bước và thực hiện một nhà nước pháp quyền. Là lãnh tụ của dân tộc, Hồ Chí Minh đối xử với mọi người rất thân tình. Song, trong công việc thì rất nghiêm,

¹ Phạm Văn Đồng: *Trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Washington Post và Tạp chí Kinh tế Viễn Đông*, tháng 3-1990, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.

đòi hỏi chặt chẽ về trách nhiệm và kỷ luật. Hồ Chí Minh được cả dân tộc quý trọng và tin tưởng mà không hề xảy ra sùng bái cá nhân với những tệ nạn của nó. Đó là phẩm chất của Hồ Chí Minh và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam”¹.

Khi những dấu hiệu chệch hướng trong cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã lộ rõ, điều gì sẽ diễn ra trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam là vấn đề được giới báo chí quốc tế rất quan tâm. Được hỏi: “Với những thay đổi mạnh mẽ đang diễn ra trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới điều gì sẽ tác động tới chế độ xã hội chủ nghĩa do Chủ tịch Hồ Chí Minh xác lập ở Việt Nam?”. Trong câu trả lời đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định: Xu thế mà Việt Nam đang đi tới là ổn định dần từng bước trên cơ sở của những đổi mới. Về kinh tế, đổi mới là phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần, xây dựng một hệ thống kinh tế mở cả trong nước và quan hệ kinh tế với nước ngoài. Về chính trị đổi mới được thể hiện bằng việc phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động bảo đảm sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Việt Nam thực sự là sự nghiệp của cả dân tộc một sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Những câu trả lời của đồng chí Phạm Văn Đồng làm hai nhà báo cảm phục bởi sự vững vàng, chính xác của vị Cố vấn 84 tuổi. Họ hiểu rằng, với những câu trả lời đó Phạm Văn Đồng luôn gắn bó với Hồ Chí Minh bằng cả lý trí, tình cảm, niềm tin và sự kính trọng. Quan điểm của đồng chí thể hiện rõ sự tin tưởng, nhất trí với quan điểm đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Tháng 4-1990, nhà báo Barry Wain, biên tập viên tờ *Asian Wall Street Journal*, xuất bản tại Hồng Kông đến Hà Nội. Nguyên vọng của nhà báo khi đến Việt Nam là muốn được gặp Cố vấn Phạm Văn Đồng để tìm hiểu về Hồ Chí Minh. Nhận được báo cáo của Bộ Ngoại giao, đồng chí Phạm Văn Đồng vui vẻ nhận lời tiếp. Nhà báo đề nghị đồng chí kể một vài câu chuyện về Bác Hồ. Trong câu chuyện, đồng chí Phạm Văn Đồng nói: “Bác Hồ là người vui tính, pha nét hài hước, dí dỏm trong phong cách và vào những lúc thích hợp. Sự hài hước² của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thấm đượm chất nhân văn và thương giàu

¹ Phạm Văn Đồng: *Trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Washington Post và Tạp chí Kinh tế Viễn Đông, Tlđđ.*

² Trong nguyên bản đồng chí Phạm Văn Đồng dùng từ Humour (sự hài hước).

ý nghĩa về nhiều mặt. Có lần, Bác Hồ đến thăm một đơn vị quân đội, Bác đã “đột kích” vào cửa sau trong lúc ở cửa chính, các sĩ quan chỉ huy, hàng rào danh dự, đội kèn trống đã sắp hàng chờ sẵn...”. Nghe đồng chí Phạm Văn Đồng nói, nhà báo đứng dậy nói: “Đó là phong cách Hồ Chí Minh”. Cả hai người cùng cười vui vẻ¹.

Ngày 22-10-1990, đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp phóng viên hãng Truyền hình ZDF của Cộng hòa Liên bang Đức. Những câu hỏi của nhà báo tập trung vào việc tìm hiểu lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí Phạm Văn Đồng rất xúc động trả lời: “Trong bao nhiêu năm làm việc bên cạnh Bác Hồ, tôi luôn luôn ghi nhớ những kỷ niệm biết bao thân tình và đẹp đẽ, lúc nhớ đến không thể không xúc động cực kỳ sâu sắc. Trong ký ức của tôi luôn luôn hiện ra một con người rất giản dị và khiêm tốn, một con người bình thường như mọi người khác, và chính con người đó đã làm những việc phi thường, một con người lịch sử làm nên lịch sử. Nhiều người nước ngoài nói với tôi: Hồ Chí Minh là một vị thánh. Tôi đã trả lời người đó rằng, Hồ Chí Minh không phải là một vị thánh, đó là một con người, trước hết là một con người và cuối cùng cũng chỉ là một con người như mọi người chúng ta”².

Là học trò và là cộng sự nhiều năm của Hồ Chí Minh, khi làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng có thêm thời gian để suy ngẫm về người thầy cách mạng của mình. Đồng chí rất trân trọng vì lúc còn đương chức, nhiều lời dạy, ý nguyện của Người vẫn chưa trở thành hiện thực. Đồng chí thấy mình phải có trách nhiệm nói lên, viết ra những vấn đề có tính hệ thống về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, tác phong, công lao và cống hiến của Hồ Chí Minh đối với Đảng, với dân tộc, với nhân loại, nhưng vì mắt đã quá kém, đồng chí không thể tự viết được. Khi trao đổi với các đồng chí giúp việc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói rõ ý nguyện và yêu cầu mời một số cán bộ nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đến giúp đồng chí thực hiện công việc quan trọng này. Hàng tuần, các cán bộ giúp việc đều dành vài buổi đến nghe đồng chí nói và ghi lại. Đồng chí Phạm Văn Đồng nói ít, nhưng nhiều nội dung. Tư duy của đồng

¹ Phạm Văn Đồng: *Trả lời nhà báo Barry Wain, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.*

² Phạm Văn Đồng: *Trả lời phóng viên Hãng Truyền hình ZDF, Tư liệu lưu tại Văn phòng Chính phủ.*

chí mang tính triết lý sâu sắc có hệ thống khiến những đồng chí giúp việc rất cảm phục bởi sự sáng suốt, trí tuệ uyên bác ở vị Cố vấn cao tuổi.

Sau những tháng ngày miệt mài làm việc dần dần bản thảo cuốn sách hình thành, được đồng chí Phạm Văn Đồng lấy tên là *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*. Bản thảo được gửi tới đồng chí Tổng Bí thư, các đồng chí trong Bộ Chính trị và một số đồng chí khác. Trong thư gửi kèm theo, đồng chí Phạm Văn Đồng nói rõ mục đích viết cuốn sách là nhằm góp phần làm sáng tỏ tư tưởng đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí đã nhận được nhiều thư phúc đáp những ý kiến bổ sung. Đồng chí Phạm Văn Đồng trân trọng tất cả những ý kiến đóng góp và rất nghiêm túc sửa chữa, bổ sung.

Đầu năm 1990, tác phẩm *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* ra mắt bạn đọc với lời ghi trang trọng trên trang đầu của tác giả Phạm Văn Đồng: “Tôi kính tặng anh linh những đồng bào, đồng chí và chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vì sự nghiệp vĩ đại của dân tộc từ đầu thế kỷ này”.

Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp là một cuốn sách mỏng, nhưng chứa đựng một nội dung lớn, phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, “một con người đã trở thành hiện thân của quá trình gập gỡ lịch sử giữa một dân tộc, một thời đại, làm nên một sự nghiệp cách mạng lớn lao”¹.

Mục tiêu của đồng chí Phạm Văn Đồng khi viết tác phẩm này là phân tích luận giải để khẳng định vai trò to lớn, những cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và với các dân tộc đang đấu tranh vì sự tiến bộ của nhân loại. Đồng chí viết: một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, bốn nhân tố ấy kết hợp và hòa nhập vào nhau, tạo thành sự vận động của lịch sử, bắt đầu từ một con người, thông qua một dân tộc

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Sđd, tr.7.

và một thời đại, cuối cùng đưa đến một sự nghiệp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người”¹.

Tác phẩm *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* đã thể hiện trí tuệ, bản lĩnh và tài năng của tác giả. Chỉ ít lâu sau, tác phẩm được xuất bản bằng 7 thứ tiếng ở nhiều nước, thể hiện sự đồng tình, khâm phục và kính trọng của bạn bè quốc tế đối với vị Cố vấn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau tác phẩm *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, đồng chí Phạm Văn Đồng tiếp tục những nghiên cứu, suy nghĩ về Hồ Chí Minh và tác phẩm *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai* được hoàn thành và ra mắt bạn đọc trong dịp kỷ niệm lần thứ 101 ngày sinh của Người.

Mở đầu cuốn sách đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “Tôi thân ái gửi những tình cảm nồng nhiệt nhất đến đồng bào và đồng chí đã và đang đoàn kết phấn đấu thực hiện di huấn của Bác Hồ: Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”². Với cách diễn đạt súc tích, chân thực lịch sử, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phân tích, luận giải để đi tới khẳng định Hồ Chí Minh là con người của lịch sử và con người làm nên lịch sử. Sự nghiệp của Hồ Chí Minh kết tinh quá khứ, gắn liền với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam, kết tinh những thành quả văn hóa, văn minh mà loài người đã tạo nên, giúp giải đáp những vấn đề của hiện tại, định hướng cho tương lai của dân tộc Việt Nam và góp phần vào sự nghiệp giải phóng loài người. Luận điểm của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ được thực hiện. Đồng chí cho rằng: Nguồn gốc của những thành tựu và cống hiến của Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết vĩ đại của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam là bài học cho các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Luận điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Người cũng bắt đầu từ nguồn gốc ấy. Hồ Chí Minh đã chỉ ra mục tiêu này ngay sau khi Người bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin.

¹ *Sđđ*, tr.39.

² Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Quá khứ hiện tại và tương lai*, Nxb.Sự thật, H.1991, tr.5.

Song, chủ nghĩa xã hội phải được gắn với độc lập dân tộc. Chủ nghĩa xã hội không chỉ là xu thế tiến lên, mà còn làm giàu thêm và đem lại chất mới cho cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Không có chủ nghĩa xã hội ngoài dân tộc, cũng không thể có một khuôn mẫu chủ nghĩa xã hội chung cho mọi dân tộc. Chủ nghĩa xã hội phải được gắn liền với mảnh đất quê hương, truyền thống văn hóa và bản sắc của từng dân tộc, phải mang tính nhân dân, tính dân tộc. Tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh là quan điểm nhân dân, bởi vì chỉ có nhân dân mới tạo nên sức mạnh, làm nảy sinh cái mới, cái hay, cái đẹp.

Trong cuốn sách của mình, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phân tích sâu sắc công hiến của Hồ Chí Minh về đạo đức. Đồng chí khẳng định: Hồ Chí Minh rất coi trọng đạo đức vì Người hiểu con người sống phải có đạo đức, phải có biểu hiện cụ thể ở cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khiêm tốn, giản dị. Con người đạo đức phải gắn liền với con người văn hóa.

Hồ Chí Minh - nhà thơ lớn và đôi nét đời tư là nội dung quan trọng được đồng chí Phạm Văn Đồng trình bày trong cuốn sách. Tình yêu quê hương, đất nước là nguồn thơ dạt dào trong con người Hồ Chí Minh. Tập thơ *Nhật ký trong tù* của Người là một tập thơ lớn, phảng phất phong vị thơ Đường, thơ Tống đã được thế giới ca ngợi, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Còn đời tư của Hồ Chí Minh là một quá khứ đẹp bởi truyền thống gia đình, bởi nhân cách Hồ Chí Minh được đồng bào, đồng chí, bạn bè kính trọng. Có người đến với Người bằng cảm tính, có người đến với Người bằng lý trí. Nhưng dù là cảm tính hay lý trí vẫn gặp nhau ở sự khẳng định Hồ Chí Minh là con người của lòng nhân ái, vị tha, bao dung và trí tuệ.

Tiếp theo hai tác phẩm trên, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tập trung trí tuệ để hoàn thành các tác phẩm quan trọng như *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh* (xuất bản năm 1993) và *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* (xuất bản năm 1998). Hai tác phẩm này tập trung luận giải về giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới và những vấn đề mang tính khoa học hệ thống trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể nói, những tác phẩm của đồng chí Phạm Văn Đồng viết về Hồ Chí Minh có tính định hướng khoa học cho sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí

Minh trong thời kỳ đổi mới của cách mạng Việt Nam, đặt cơ sở cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một môn khoa học lý luận.

Cùng thời gian với việc cho ra mắt các tác phẩm về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh năm 1994, đồng chí Phạm Văn Đồng cho công bố tác phẩm *Văn hóa và đổi mới*. Trên cơ sở phân tích vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển của lịch sử loài người nói chung và lịch sử dân tộc Việt Nam nói riêng, đồng chí Phạm Văn Đồng cho rằng có những mặt chúng ta nhìn thấy nhận thức được để phát huy chẳng hạn như tính cộng đồng dân tộc, tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết chống ngoại xâm. Có những mặt chúng ta chưa nhận thức rõ, hoặc chưa nhìn thấy, chẳng hạn như tính tản mạn, phân tán; tầm nhìn hạn hẹp về kinh tế thị trường và kinh doanh; sự yếu kém trong tổ chức, quản lý... Mục đích của tác phẩm như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói: "... mới bắt đầu xới lên một số luận điểm, mong sao người đọc, nhất là những nhà hoạt động lý luận và những nhà hoạt động thực tiễn, chịu khó suy nghĩ, để tìm thấy những điều cần thiết cho công việc trước mắt và sắp tới của mình". Theo đồng chí Phạm Văn Đồng, quan hệ giữa đổi mới và văn hóa là mối quan hệ có tính khoa học, biện chứng: "*Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới*". Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng khởi xướng và lãnh đạo xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng. Đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là văn hóa. Đó là biểu hiện của trình độ văn minh, là đỉnh cao văn hóa của xã hội loài người. Ai không thừa nhận, không phấn đấu vì sự nghiệp đổi mới là vô văn hóa. Ngoài việc tập trung để hoàn thành những tác phẩm lớn trong những năm tháng cuối đời, dù tuổi cao, đồng chí Phạm Văn Đồng dành thời gian đến thăm và tìm hiểu tình hình ở nhiều địa phương, nhiều ngành và có nhiều chỉ dẫn quý báu. Nhiều bài báo quan trọng viết về Đảng và công tác xây dựng đảng như: *Bản di chúc bất hủ sáng ngời tính thời sự* (Báo Nhân dân, ngày 19-5-1997), *Ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại và sự ra đời của nước Việt Nam mới* (Báo Nhân dân, ngày 19-8-1997), *Vài suy nghĩ xung quanh Nghị quyết mới của Trung ương về văn hóa* (Báo Nhân dân ngày 11-10-1998), *Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam* (Báo Nhân dân ngày 15-5-1999)...

thể hiện sự trăn trở của đồng chí Phạm Văn Đồng đối với những vấn đề đồng chí quan tâm.

Quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “mỗi người tốt việc tốt là một bông hoa đẹp”, chúng ta phải phấn đấu để có nhiều người tốt, làm nhiều việc tốt, để “cả dân tộc ta là một vườn hoa đẹp”, từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, đồng chí Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm tới vấn đề khơi lại cuộc vận động *Người tốt việc tốt*. Tháng 2-1992, nhân dịp đến thăm và chúc tết Giáp Thân, nói chuyện với đại biểu cán bộ đảng, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội, đồng chí yêu cầu: Hà Nội phải đi tiên phong trong việc khơi lại cuộc vận động *Người tốt việc tốt*, phải phát động phong trào “làm nhiều việc tốt, có nhiều người tốt” rộng khắp các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân. Thực hiện chỉ thị của đồng chí Phạm Văn Đồng, ngày 9-10-1992, tại Cung Văn hóa Hữu nghị, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hà Nội đã tổ chức *Lễ kỷ niệm lần thứ 38 Ngày giải phóng Thủ đô (10-10-1954 đến 10-10-1992)* và *biểu dương người tốt việc tốt*. Phát biểu tại buổi lễ đồng chí Phạm Văn Đồng bày tỏ niềm phấn khởi trước sự phát triển của phong trào *Người tốt việc tốt*. Đồng chí căn dặn: Thủ đô phải khơi dậy và luôn duy trì, thúc đẩy phong trào này. Từ đó, nhân kỷ niệm hàng năm ngày giải phóng Thủ đô, lễ biểu dương người tốt việc tốt. Thủ đô được tiến hành đều đặn và thường xuyên được đón đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số vị lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước tới dự. Điều đồng chí Phạm Văn Đồng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước rất phấn khởi - như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói - là “phong trào người tốt việc tốt” đã “phát triển từ dưới lên, từ trên xuống trong hệ thống tổ chức của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, từ đó mà thực hiện “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, “người lãnh đạo là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Đồng chí Phạm Văn Đồng đề nghị: Phong trào người tốt việc tốt phải gắn với các phong trào khác, đặc biệt là với cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu tham nhũng; phải biến thành phong trào quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đồng chí nói: “Người lãnh đạo phong trào Người tốt việc tốt một mặt cần động viên, tổ chức và phát triển phong trào, mặt khác cần đặc biệt coi trọng việc chống tham nhũng dưới bất cứ dạng nào hướng dẫn phong trào tiến công vào những điểm được coi là những ổ tham

những thuộc các ngành và các cấp mà quần chúng nhân dân đều biết. Phải tiến thêm một bước là thể chế hóa chủ trương *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*. Tôi nghĩ rằng, các cơ quan dân cử từ cấp cao cho đến cơ sở phải quan tâm đến việc này, còn người dân nước ta thì tôi tin chắc rằng sẽ nhiệt liệt hoan nghênh. Nhân dân đủ trình độ và ý thức để thực hiện chủ trương cực kỳ có giá trị này, một bước thiết thực thể hiện quyền làm chủ của nhân dân¹.

Dành sự quan tâm sâu sắc cho công tác đào tạo thể hệ cách mạng cho đời sau, đồng chí Phạm Văn Đồng còn viết một số bài báo nói lên những suy nghĩ của mình về sự nghiệp giáo dục đào tạo như: *Một số vấn đề cần quan tâm về giáo dục đại học ở nước ta hiện nay* (Báo Nhân dân, từ ngày 2 đến ngày 3-1-1999), *Đôi điều suy nghĩ về giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề* (Báo Nhân dân, ngày 4-3-1999), *Giáo dục - quốc sách hàng đầu tương lai của dân tộc* (Báo Nhân dân, 10-5-1999)². Đồng chí cũng nhiều lần đến dự các lễ tổng kết phát phần thưởng cho học sinh giỏi của Thủ đô và các địa phương.

Trong những ngày tháng cuối cùng của đời mình, đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn tập trung trí tuệ và tâm huyết để đóng góp vào việc chuẩn bị Đại hội IX của Đảng. Từ cuối năm 1999, đồng chí mời các đồng chí phụ trách dự thảo các văn kiện, nhiều nhà nghiên cứu lý luận, nhà khoa học, nhà kinh tế đến thảo luận các nội dung của Đại hội; gợi ý một số vấn đề thực tiễn tình hình đất nước cần giải đáp để anh em cùng suy nghĩ, nhằm làm sáng tỏ những vấn đề cốt lõi như làm thế nào để phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, chất xám trong đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh tiến độ và đảm bảo tính bền vững trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều tâm huyết nhất của đồng chí là vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng chí suy nghĩ rất nhiều về luận điểm Đảng là đội tiên phong, là đại diện lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc như Bác Hồ đã khái quát tại Đại hội II của Đảng (1951). Trong những ngày tháng cuối cùng, khi còn nói được trên giường bệnh, đồng chí vẫn tiếp tục suy nghĩ, trao đổi với các đồng chí giúp việc về căn

¹ Xem báo *Nhân Dân*, số 15447, ngày 12-10-1997 và số 15807, ngày 12-10-1998.

² Năm 1999, Những bài viết quan trọng này được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tập hợp với một số bài viết, bài nói của đồng chí Phạm Văn Đồng và xuất bản thành sách, mang tựa đề *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*.

cứ lý luận, lịch sử và thực tiễn của luận điểm này và căn dặn tiếp tục nghiên cứu, vận dụng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, muốn có dịp trở lại bàn luận tiếp, nhưng quy luật tạo hóa đã khiến đồng chí không kịp bàn tiếp điều mình đang suy nghĩ.

23 giờ 10 phút ngày 29-4-2000, trái tim của đồng chí Phạm Văn Đồng ngừng đập. Người chiến sĩ cách mạng lão thành 94 tuổi đời sau hơn 75 năm hoạt động, phấn đấu đã ra đi thanh thản khi đất nước đang chuyển mình trong công cuộc đổi mới. Khó khăn còn nhiều, lo âu còn lắm, nhưng chắc chắn đồng chí đang vui chung với niềm vui của toàn Đảng, toàn dân, với gia quyến và bạn bè vì phía trước ánh dương đang bừng sáng. Để ghi nhớ công lao và cống hiến của đồng chí Phạm Văn Đồng, Đảng và Nhà nước đã quyết định tổ chức Quốc tang; Ủy ban Lễ tang Nhà nước được thành lập với sự hiện diện của các vị lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Trong những ngày Quốc tang, hơn 700 đoàn đại biểu của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các lực lượng vũ trang, các đoàn thể quần chúng, 26 vị lãnh đạo quốc gia, nhiều đoàn đại biểu các đảng cộng sản, các tổ chức quốc tế đã gửi điện chia buồn, đến viếng và dự lễ tang đồng chí Phạm Văn Đồng. Cùng với Lễ quốc tang tại Thủ đô Hà Nội, quê hương Quảng Ngãi, Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều địa phương trong nước đã tổ chức lễ viếng và truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng.

Đồng bào và chiến sĩ cả nước cùng đông đảo bạn bè quốc tế tưởng nhớ đồng chí Phạm Văn Đồng bởi cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách của một người cộng sản cao đẹp, trung hậu, xứng đáng mãi mãi được tôn vinh.

PHẦN VI
PHẠM VĂN ĐỒNG - MỘT TÊN
TUỔI SỐNG MÃI

Bản sao lưu trữ

1. Phạm Văn Đồng - Tấm gương một chiến sĩ cộng sự kiên cường, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng Nhà nước và cách mạng Việt Nam

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang trước Đảng, trước nhân dân và ra đi thanh thản trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng chí, đồng bào, gia quyến và bạn bè quốc tế. Phạm Văn Đồng là một trong số những người học trò xuất sắc, một cộng sự đặc lực, tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

75 năm hoạt động yêu nước và cách mạng, dấu ấn của đồng chí Phạm Văn Đồng đã in đậm trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam và nhiều nơi trên thế giới. Gần 7 năm thử thách trong lao tù đế quốc thực dân, nhiều năm liền được tin nhiệm giao phó trọng trách trong các cơ quan lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, cống hiến cho Đảng, cho dân tộc tới những ngày tháng cuối cùng, Phạm Văn Đồng là một tấm gương cao đẹp về nhiều mặt, mãi mãi được ghi danh trong lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

Sinh thời, đồng chí Phạm Văn Đồng thường nói *chọn hướng đi đúng* là điều quyết định cho bước vào đời của mỗi con người.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức, quan lại phong kiến, Phạm Văn Đồng có rất nhiều thuận lợi cho cuộc đời mình nếu như theo con đường của cha và các anh - những người được coi là thành đạt, có địa vị trong chế độ thực dân phong kiến. Nhưng anh đã từ bỏ con đường đó để chọn cho mình con đường đấu tranh, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Anh là tấm gương sáng về lựa chọn lý tưởng cho các thế hệ thanh niên Việt Nam.

Ở tuổi 18-20, anh và một số bạn học của mình ngưỡng mộ và cảm phục Nguyễn Ái Quốc, tham gia các hoạt động yêu nước, rồi được là học trò của Người trong những lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên của cách mạng Việt Nam và có những cống hiến quan trọng ở thời dựng Đảng. Bị địch bắt, kết án 10 năm cầm cố và đày ra địa ngục Côn Đảo. Chính địa ngục này đã trở thành nơi rèn luyện và trường học cách mạng để Phạm Văn Đồng và nhiều đồng chí của mình trưởng thành. Không ít người sau này đã trở thành những chiến sĩ cộng sản kiên

cường, những nhà lãnh đạo tài ba của Đảng và cách mạng Việt Nam, những tinh hoa của đất nước. Phạm Văn Đồng là một trong số những người đó.

Tháng 7-1936, từ địa ngục Côn Đảo trở về, Phạm Văn Đồng lại tiếp tục hoạt động trên mặt trận báo chí công khai, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng thời kỳ Mặt trận dân chủ. Đồng chí được Đảng cử sang Nam Trung Quốc (5-1940) được gặp Nguyễn Ái Quốc lần thứ hai, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và sinh hoạt trong Chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cũng kể từ thời điểm đó, Phạm Văn Đồng được làm việc bên cạnh lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người chỉ dẫn và trở thành một trong những cộng sự đắc lực trong quá trình xây dựng căn cứ địa Việt Bắc như: Tham gia đào tạo cán bộ của Mặt trận Việt Minh, phụ trách Báo *Việt Nam độc lập*, chỉ đạo xây dựng Khu giải phóng, chuẩn bị lực lượng tiến tới Tổng khởi nghĩa; được Quốc dân đại hội Tân Trào cử làm Ủy viên Thường trực Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được cử làm Bộ trưởng Bộ Tài chính trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được Quốc hội khóa I bầu làm Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Từ một thanh niên trí thức, trải qua 20 năm hoạt động, rèn luyện Phạm Văn Đồng đã trở thành một chính khách, một thành viên trong ban lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Những trọng trách mà đồng chí được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó trong suốt 30 năm chiến tranh cách mạng bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, trong những năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất xã hội chủ nghĩa đã thể hiện uy tín và tài năng của Phạm Văn Đồng.

Trước ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đồng chí Phạm Văn Đồng được cử làm Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ trực tiếp chỉ đạo kháng chiến ở Nam Trung Bộ, được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong những ngày công tác tại đây, Phạm Văn Đồng đã có những cống hiến to lớn và sáng tạo trong việc xây dựng vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú; chỉ đạo cuộc kháng chiến các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát triển mối quan hệ hợp tác, đoàn kết chiến đấu với lực lượng cách mạng các nước bạn Lào và Campuchia, xây dựng và củng cố căn cứ địa kháng

chiến với khẩu hiệu *Tự lực cánh sinh*, chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc trường kỳ kháng chiến. Đầu năm 1949, Phạm Văn Đồng, được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức và trở lại hoạt động ở Việt Bắc, được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Phạm Văn Đồng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, được cử làm Ủy viên Bộ Chính trị và giữ trọng trách này liên tục đến năm 1986. Từ năm 1955-1987, Phạm Văn Đồng được giao trọng trách Thủ tướng Chính phủ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Từ năm 1986-1997, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa VI, VII, VIII, cử làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động, ở bất cứ hoàn cảnh nào Phạm Văn Đồng luôn tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tương lai của đất nước, mang hết nhiệt tình, tài năng và trí tuệ cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Với trọng trách của mình, Phạm Văn Đồng hết sức quan tâm tới công tác củng cố bộ máy chính quyền Nhà nước. Đồng chí thường nói: “Việc tăng cường Nhà nước dân chủ nhân dân là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”¹.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân, Phạm Văn Đồng nhấn mạnh rằng: “nguyên tắc tổ chức của Nhà nước chúng ta là nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ và tập trung là hai mặt không thể thiếu và phải mật thiết liên quan với nhau, kết hợp chặt chẽ với nhau của tổ chức Nhà nước chúng ta”².

Nhận thức rõ Đảng ta là đảng cầm quyền, Phạm Văn Đồng yêu cầu đảng viên là cán bộ chính quyền các cấp phải “quan niệm cho đúng quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mọi ngành hoạt động của Nhà nước”, chỉ có tăng cường quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì chúng ta mới tăng cường được tác dụng to lớn của Nhà nước trong thời kỳ quá độ, trong việc xây

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb.Sự thật, H.1987, t.1, tr.161.

² *Sđd*, tr.165.

dựng xã hội mới, đời sống mới, do đó mà nêu cao địa vị và uy tín của Nhà nước”¹.

Trong việc lãnh đạo kinh tế, Thủ tướng Phạm Văn Đồng luôn đòi hỏi mọi cán bộ phải làm việc thật sự hiệu quả có năng suất và chất lượng cao, phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Đồng chí nhấn mạnh: “Muốn quản lý tốt, cần quy định rõ ràng chính sách, chế độ, thể lệ, định mức về các việc điều động, phân phối và sử dụng tiền bạc, máy móc, đất đai, vật tư và nhân lực cho mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương, phải coi đó là kỷ luật của Nhà nước, ai làm sai là có lỗi, người phụ trách phải thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời, đúng mức những vụ sai trái”².

Là một trong những chiến sĩ tiền bối của cách mạng Việt Nam, Phạm Văn Đồng sớm có những hoạt động yêu nước từ thời kỳ Nguyễn Ái Quốc tiến hành chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; trở thành người học trò của Hồ Chí Minh, được Người dìu dắt chỉ dẫn và trưởng thành. Đồng chí là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn, được cử giữ nhiều trọng trách trong các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam: 41 năm là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ.

Trong cả quá trình đó, Phạm Văn Đồng luôn nghiên cứu lý luận, gắn lý luận với thực tiễn cách mạng nhằm xây dựng tiền đề và từng bước hoàn thiện chính quyền của dân, do dân và vì dân, xứng đáng với những giá trị tinh thần và lý tưởng mà đồng chí hằng ấp ủ và theo đuổi.

Với cương vị là người đứng đầu Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng vui mừng trước những thành quả mà nhân dân ta đã đạt được trong xây dựng kinh tế, nhưng rất trăn trở trước những yếu kém, những khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý vĩ mô. Lãnh đạo xây dựng kinh tế trong những năm 1976-1986 trên cả nước, trong khi khẳng định những vấn đề cấp thiết, trọng yếu, đồng chí yêu cầu các cơ quan quản lý, chỉ đạo phải chú trọng toàn diện cả vấn đề cùng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển lực lượng sản xuất; phải phát huy được tiềm năng của các thành phần kinh tế, của cơ sở, phải thể hiện tính năng động

¹ *Sđd*, t.1, tr.168.

² *Sđd*, t.1, tr.184.

sáng tạo, phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, tính bảo thủ, trì trệ. Trong nhiều cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí xác định rằng những thiếu sót, yếu kém trong các cơ quan quản lý chỉ đạo và điều hành nền kinh tế quốc dân trước hết là ở Hội đồng Bộ trưởng, ở Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Những thông tin tư vấn cho Bộ Chính trị chưa đầy đủ, chưa chính xác cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước là trách nhiệm của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Ngày 6-7-1987, Hội đồng Bộ trưởng họp thường kỳ để kiểm điểm tình hình công tác 6 tháng đầu năm theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. Đây là phiên họp cuối cùng do đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trì trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Phát biểu tại cuộc họp, với tinh thần trách nhiệm cao trước những khó khăn, yếu kém trong công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đồng chí nói: “Cần nói ngay về tính hiệu quả của Hội đồng Bộ trưởng, mà chủ yếu là hiệu quả công tác của đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ai ai cũng thấy trong nhiều năm, nhất là trong 10, 12 năm trở lại đây, chúng ta phải nhận với nhau là hiệu quả không tốt, hiệu quả thấp. Đó là điều cực kỳ đáng lo ngại bởi vì hiệu quả không tốt, hiệu quả thấp làm cho tình hình kinh tế - xã hội diễn biến như thế nào, đời sống của quần chúng nhân dân ra sao, chúng ta đều đã biết; các hiện tượng tiêu cực trong xã hội - xấu đến mức nào chúng ta cũng đều biết. Đây là điều làm tôi rất khổ tâm”. Đồng chí cho rằng: “Chúng ta đang đứng trước những thách thức. Tình hình kinh tế - xã hội như thế này là một thách thức. Tình hình quốc phòng, an ninh có phải là thách thức không? Nếu nói “thách thức” thì cũng có thách thức. Còn tình hình đối ngoại có cái gì là thách thức không? Cũng có... Nếu chúng ta không suy nghĩ ngày đêm để phấn đấu cho nền kinh tế - xã hội có chuyên môn, có những bước phát triển để đời sống của nhân dân tốt hơn, đỡ khổ hơn, nếu chúng ta không làm như vậy, tôi nghĩ là chúng ta không xứng đáng”¹.

Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, đồng chí Phạm Văn Đồng rất quan tâm đến công tác giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quán triệt quan điểm của Hồ Chí Minh về công tác

¹ Phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng tại cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng, ngày 6-7-1987, Tư liệu lưu trữ tại Văn phòng Chính phủ.

cán bộ, đồng chí cho rằng, Đảng phải chăm sóc cán bộ, đảng viên như người làm vườn, vừa vun xới cho cây, cho hoa, vừa phải nhổ cỏ trừ sâu, và nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, diệt sâu phải diệt từ trứng. Có như thế hoa mới càng đẹp, quả mới càng ngon”¹. Đồng chí rất đau lòng khi tệ quan liêu, tham nhũng, ăn cắp phát triển và trở thành quốc nạn. Từ đáy lòng mình, đồng chí nói những lời tâm huyết: “Tôi nghĩ rằng cái nhà của chúng ta hiện nay đang nhiều rác rưởi và dơ bẩn, làm cho quần chúng nhân dân phẫn nộ một cách chính đáng. Trong tình hình như vậy, việc chúng ta phải đặt lên hàng đầu công tác quét cái nhà của chúng ta, quét dọn mọi rác rưởi và dơ bẩn, làm cho nó ngày càng sạch sẽ, có như vậy chúng ta mới có môi trường và cơ hội thuận lợi để làm tốt các công tác khác”². Ý thức trách nhiệm và những quan điểm chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng là rất xác đáng và có ý nghĩa thời sự to lớn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trên những cương vị và trọng trách của mình, tài năng và công hiến của Phạm Văn Đồng còn thể hiện rất rõ nét trong lĩnh vực đối ngoại. Đồng chí rất xứng đáng được suy tôn là *Nhà ngoại giao xuất sắc của Đảng, Nhà nước và cách mạng Việt Nam*.

Là người có năng khiếu ngoại giao, từ rất sớm, đồng chí đã có những hoạt động trong lĩnh vực quan trọng này. Năm 1926, khi còn ở Quảng Châu giúp việc Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Phạm Văn Đồng đã được cử đón tiếp các đại biểu quốc tế trên đường đi dự Hội nghị công hội Thái Bình Dương tới thăm. Năm 1940, đồng chí được cử làm Phó Chủ nhiệm Văn phòng Việt Nam cách mệnh đồng minh Hội ở Nam Trung Quốc. Đây là những hoạt động ngoại giao cách mạng đầu tiên trong cuộc đời Phạm Văn Đồng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Phạm Văn Đồng được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quốc hội cử làm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thăm thân thiện nước Pháp, sau đó là Trưởng đoàn đại

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.1, tr.171.

² Phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng tại buổi nhận Huân chương Sao vàng do Nhà nước trao tặng ngày 1-3-1990, Báo *Nhân Dân* ngày 2-3-1990.

biểu Chính phủ Việt Nam trong cuộc đàm phán với phía Pháp tại Hội nghị Phôngtenoblô.

Năm 1954, với tư cách Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao, đồng chí Phạm Văn Đồng là Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Đối thoại trực tiếp với những nhà ngoại giao kỳ cựu của Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, tên tuổi Phạm Văn Đồng nổi lên trong làng ngoại giao quốc tế cũng bắt đầu từ Hội nghị quốc tế quan trọng này.

Với tài năng của mình, đồng chí còn được Đảng và Nhà nước cử làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương trong những năm 1955-1957.

Trong những năm cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã tham gia tích cực và có nhiều công hiến trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Đồng chí đã nhiều lần là trưởng đoàn đi thăm chính thức các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn, tham dự nhiều Hội nghị quốc tế quan trọng như Hội nghị Băng Đung (1955), Hội nghị cấp cao nhân dân các nước Đông Dương, nhiều hội nghị cấp cao các nước Phong trào không liên kết, Hội đồng tương trợ kinh tế và nhiều hội nghị quốc tế quan trọng khác. Nắm vững quan điểm mácxít leninnít, trên cơ sở quan điểm, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam, lập trường và quan điểm của đồng chí Phạm Văn Đồng luôn nhằm mục tiêu vì độc lập, chủ quyền, thống nhất Tổ quốc; vì hòa bình, hữu nghị và tiến bộ giữa các dân tộc theo tinh thần Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trên cơ sở hợp tác, tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Với những quan điểm có tính nguyên tắc, tài thuyết phục và tình cảm chân thành, trong các hoạt động ngoại giao, Phạm Văn Đồng đã nhận được những tình cảm thân thiết, sự kính trọng và cảm phục. Nhiều chính khách, bạn bè quốc tế nhận xét: Phạm Văn Đồng “là một trong những nhân vật xuất sắc và có ảnh hưởng lớn nhất ở Việt Nam trong thế kỷ XX, nhờ những khả năng siêu phàm về ngoại giao cũng như uy tín, ảnh

hường to lớn ở trong nước”¹. Đúng như đánh giá của Đảng và Nhà nước ta: đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà ngoại giao tài năng, có uy tín trên thế giới, nhìn xa trông rộng, tinh tế và linh hoạt, kiên cường và mềm dẻo, ứng xử nhanh nhạy, sáng tạo, luôn thể hiện lập trường chính trị sáng suốt trước thời cuộc và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh”².

- *Phạm Văn Đồng - Nhà văn hóa lớn của dân tộc.*

Từ thời trẻ, Phạm Văn Đồng là người thông minh, ham hiểu biết và học giỏi. Đó là tiền đề để anh sớm bắt nhập được với trí tuệ thời đại. Đọc nhiều, luôn suy nghĩ sâu làm vốn trí thức của anh càng mở rộng, sâu sắc và vững vàng. Không phải đơn thuần do may mắn mà phần quan trọng là ở nhận thức và bản lĩnh, anh sớm đến với tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác-Lênin. Hiểu biết văn hóa dân tộc và nhân loại, Phạm Văn Đồng sớm sử dụng tri thức văn hóa vào công tác tuyên truyền cách mạng và lý luận cách mạng. Từ những năm 1926-1927, Phạm Văn Đồng đã là một thầy giáo ở Sài Gòn - Chợ Lớn, vừa dạy học, vừa tuyên truyền cách mạng trong trí thức, học sinh, sinh viên. Có trình độ văn hóa, giỏi về lý luận, trong những năm tháng bị giam cầm tại địa ngục Côn Đảo. Phạm Văn Đồng đã tham gia bồi dưỡng văn hóa, ngoại ngữ, lý luận cho các đồng chí của mình. Cuối năm 1940, Phạm Văn Đồng là một trong những người được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử làm giảng viên lớp học tại Nậm Quang (Quảng Tây, Trung Quốc) với những bài lên lớp về *Con đường giải phóng*, đào tạo cán bộ thí điểm thành lập Mặt trận Việt Minh. Đồng chí còn là Hiệu trưởng danh dự Trường Trung học bình dân, Trường Trung học bình dân quân sự tại Nam Trung Bộ trong những năm 1947-1949. Nhiều học viên của Phạm Văn Đồng sau này trở thành những chiến sĩ ưu tú, những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội.

Cũng như người thầy cách mạng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng đã sớm sử dụng báo chí làm vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh cách mạng. Có được điều này trước hết bởi đồng chí là một nhà báo, một người trí tuệ uyên bác. Ngay trong những tháng năm bị giam cầm tại địa ngục

¹ Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 5-5-2000.

² Điều văn của Đảng và Nhà nước tại lễ truy điệu và an táng đồng chí Phạm Văn Đồng.

Côn Đảo, đồng chí đã tham gia làm báo *ý kiến chung* và *Người tù đò*. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936-1939), khi hoạt động công khai tại Hà Nội, với bút danh Đông Tây, hoặc không ký tên, đồng chí đã viết một số bài in trên các báo xuất bản công khai của Đảng như *Le Travail, Notre Voix...* để tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng. Khi tham gia xây dựng căn cứ địa Việt Bắc, đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ phụ trách Báo *Việt Nam độc lập*. Trong những năm tháng giữ các trọng trách mà Đảng và Nhà nước giao phó, đồng chí Phạm Văn Đồng còn viết nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí của Đảng, của các đoàn thể.

Phạm Văn Đồng không có nhiều tác phẩm lớn, mà phần nhiều là các bài chuyên luận, xã luận, những bài phục vụ nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ, các lĩnh vực cụ thể, nhưng thể hiện rõ quan điểm lý luận, chủ trương, đường lối của Đảng, có tính định hướng và chỉ đạo; văn phong rất ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, gây xúc động và để lại những ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc.

Là người chú trọng và có ý thức trong việc phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, Phạm Văn Đồng dành thời gian nghiên cứu và viết về các vua Hùng, về các danh nhân văn hóa của dân tộc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh... Tháng 2-1966, Phạm Văn Đồng tới dự Hội nghị các nhà văn, nhà nghiên cứu ngôn ngữ, nhà giáo bàn về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí khẳng định: “Tiếng Việt của chúng ta rất giàu. Tiếng ta giàu bởi đời sống muôn màu, đời sống tư tưởng và tình cảm dồi dào của dân tộc ta, bởi kinh nghiệm đấu tranh lâu đời và phong phú, kinh nghiệm đấu tranh giai cấp, đấu tranh xã hội, đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh chống ngoại xâm, bởi những kinh nghiệm sống của bốn ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước... Tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại”¹. Đồng chí nhấn mạnh, nguồn gốc của cái giàu, cái đẹp của tiếng Việt bởi nó chính là tiếng nói của quần chúng, biểu đạt hình ảnh, tình cảm, màu sắc, âm điệu hồn nhiên, giàu ý nghĩa mà các nhà văn hóa lớn của dân tộc, nhà thơ, nhà báo, nhà văn nghệ thường dùng. Vì vậy, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

¹ Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Sđd, t.1, tr.307.

phải được coi là việc làm đúng đạo lý, là biểu hiện của hành động cách mạng trên mặt trận văn hóa. Những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời, đồng chí Phạm Văn Đồng viết bài báo *Trở lại vấn đề giữ gìn và phát triển sự trong sáng của tiếng Việt* thể hiện rõ đồng chí rất trăn trở và quan tâm tới vấn đề này.

Được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao phó nhiều trọng trách, Phạm Văn Đồng có thêm điều kiện để mở rộng và nâng cao trí tuệ ở tầm quốc gia và quốc tế. Những quan điểm của đồng chí về văn hóa là ở tầm chiến lược vĩ mô, là đường lối, quan điểm văn hóa của Đảng và Nhà nước ta.

Là nhà lãnh đạo cấp cao, nhưng Phạm Văn Đồng cũng là một trí thức. Đồng chí luôn thể hiện sự đồng cảm, quan tâm tới giới trí thức văn nghệ sĩ. Đồng chí nhiều lần nói rõ: Phương châm hành động và mục tiêu của trí thức, của văn nghệ sĩ là “hiểu biết, khám phá và sáng tạo”; phải xác định một tác phẩm hay trước hết phải được người đọc, người xem yêu thích cả về giá trị nội dung tư tưởng, cả về nghệ thuật. Đồng chí rất coi trọng vai trò, vị trí của văn học nghệ thuật trong sự nghiệp cách mạng và yêu cầu người làm văn học nghệ thuật phải sống với cuộc chiến đấu, sống với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, nghĩa là sống với cái hiện thực vĩ đại nhất của nhân dân ta, mà đồng thời cũng là hiện thực vĩ đại của nhân dân thế giới”¹. Văn nghệ sĩ phải thấm nhuần những tư tưởng lớn của Đảng, đường lối chính trị của Đảng, vì những tư tưởng lớn đó, đường lối lớn đó là thể hiện ý chí lớn, nguyện vọng lớn của dân tộc, Đồng chí thường xuyên động viên, cổ vũ, khen ngợi, khuyến khích văn nghệ sĩ: “Các nhà văn và các nhà hoạt động nghệ thuật hãy vững bước đi trên con đường của Đảng và của dân tộc, cống hiến hết sức mình vào sự nghiệp của nhân dân, lớn lên trong phong trào cách mạng, cả đội ngũ lớn lên và từng người lớn lên về hiểu biết cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tư tưởng và tâm hồn, về tầm nhìn và tài năng, về phong cách, lớn lên cùng một nhịp với cách mạng xã hội chủ nghĩa và con người Việt Nam ta”². Với tình cảm chân thành, đồng chí luôn chăm lo vun đắp những tài năng khoa học cho đất nước, gần gũi, lắng nghe ý kiến của trí thức và được giới trí thức ở trong nước và trí thức người Việt ở ngoài nước kính

¹ Phạm Văn Đồng: *Xây dựng nền văn hóa, văn nghệ ngang tầm vóc dân tộc ta, thời đại ta*, Nxb.Sự thật, H.1975, tr.124.

² Phạm Văn Đồng: *Những bài nói và viết chọn lọc*, *Sđd*, t.2, tr.338.

trọng. Giữa Phạm Văn Đồng và giới trí thức, văn nghệ sĩ không có sự cách biệt, họ cảm nhận Phạm Văn Đồng là một người anh, người bạn lớn với tấm lòng bao dung, đôn hậu, thông cảm và chia sẻ những thành công và chưa thành công trong sự nghiệp khoa học, nghệ thuật của mình.

Quan triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đào tạo con người mới “vừa hồng, vừa chuyên”, đồng chí rất quan tâm tới vấn đề bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, thực hiện sự gắn bó giữa Đảng với dân. Là người đứng đầu Chính phủ, Phạm Văn Đồng yêu cầu ngành giáo dục phải phấn đấu thực hiện phương châm giáo dục toàn diện: “Mỗi thầy giáo phải trả lời cho được câu hỏi: Dạy cái gì? Dạy để làm gì? Nhà trường phải coi trọng giáo dục toàn diện cho học sinh, cả đức dục, trí dục, thể dục và mỹ dục. Phải làm và làm tốt giáo dục đạo đức cách mạng. Phải xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp, dạy ra dạy, học ra học”¹; phải xác định rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc. Đến thăm một số trường phổ thông trung học ở Hà Nội, thấy trường sở dột nát, bàn ghế siêu vẹo, đồng chí đã nhắc nhở lãnh đạo thành phố phải chăm lo, phấn đấu “sao cho con em chúng ta được học trong những ngôi trường xứng đáng với tên gọi như những nhà trường”.

Đã từng là nhà giáo giàu kinh nghiệm, nhiều năm được cử làm Chủ tịch Ủy ban Cải cách giáo dục Trung ương, với tầm nhìn của người đứng đầu Chính phủ. Phạm Văn Đồng sớm phát hiện và phê phán những lệch lạc trong cách dạy “thầy nói trò chép”, không luyện bộ óc suy nghĩ của học sinh. Đồng chí đề nghị phải dạy và học theo lối *đối thoại* chứ không *độc thoại*. Vấn đề được Phạm Văn Đồng nêu lên và khẳng định là: Chúng ta luyện bộ óc hay luyện trí nhớ, “cái quan trọng nhất trong giảng dạy nói chung và trong giảng văn học nói riêng là rèn luyện bộ óc, rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tìm tòi, phương pháp vận dụng kiến thức”. Những lời nhắc nhở, chỉ dẫn của Phạm Văn Đồng về công tác giáo dục vẫn còn nguyên giá trị trong giai đoạn hiện nay.

¹ Nói chuyện tại Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập ngành sư phạm, ngày 8-1-1981.

Là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng có nhiều công hiến đối với việc phát triển *tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh* và chỉ đạo thực tiễn đời sống văn hóa của đất nước. Trong tác phẩm *Văn hóa và đổi mới*, Phạm Văn Đồng đã phân tích rất khoa học về mối quan hệ giữa văn hóa và đổi mới, giúp người đọc hiểu rõ mục đích và bản chất của công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Với tầm cao trí tuệ, hiểu biết thực tiễn phong phú, Phạm Văn Đồng sớm có những đề xuất và là người khai phá một số lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn. Năm 1970, từ tìm hiểu thực tiễn việc nghiên cứu giảng dạy các bộ môn thuộc ngành triết học ở Việt Nam, đồng chí đề nghị phải đẩy mạnh nghiên cứu, giáo dục đạo đức học, phải làm thế nào để môn học này “trở nên một ngành của khoa học xã hội... một môn học không thể thiếu được trong các trường đại học và giáo dục phổ thông”¹.

Phạm Văn Đồng là người được sống và làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh có thời gian nhiều nhất, gắn bó với Người, đồng chí là một trong những người sớm nghiên cứu và viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ tháng 8-1948, lúc đang là Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ ở Nam Trung Bộ, Phạm Văn Đồng viết tác phẩm: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* với lời đề từ trân trọng *Kính tặng đồng bào và chiến sĩ miền Nam Việt Nam*. Trong tác phẩm này, đồng chí đã phân tích quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đế quốc và phong kiến, nhân dân lao động từ thân phận nô lệ trở thành chủ nhân đất nước.

Sau tác phẩm đầu tay có ý nghĩa to lớn này, hàng năm đến dịp kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí thường có những bài viết, bài nói hoặc diễn văn về Người. Trong đó có những bài quan trọng như *Học tập quan điểm nhân dân, quan điểm quân chúng của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (19-5-1950), *Học tập quan điểm nhân dân của Hồ Chí Minh* (5-1951), *Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1960), *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta* (5-1961)...

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh của Người, Phạm Văn Đồng có diễn văn: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí*

¹ Phạm Văn Đồng: *Tuyển tập văn học*, Nxb. Văn học, H.1996, tr.542.

phách của dân tộc, lương tâm của thời đại". Trong các bài báo, diễn văn quan trọng này, đồng chí Phạm Văn Đồng đã phân tích những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Từ năm 1990 đến năm 1998, đồng chí Phạm Văn Đồng công bố một loạt tác phẩm về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh như: *Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* (1990); *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai* (1991); *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu, nước mạnh* (1993); *Văn hóa và đổi mới* (1994); *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* (1998).

Những bài viết, tác phẩm của Phạm Văn Đồng là một hệ thống tri thức, kinh nghiệm, nghiên cứu một cách toàn diện về con người Hồ Chí Minh, về tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, về vị trí và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Phạm Văn Đồng hoàn toàn có lý khi viết: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là lý luận về thực tiễn cách mạng Việt Nam". Mục đích, yêu cầu hàng đầu được Phạm Văn Đồng thể hiện trong các tác phẩm viết về Hồ Chí Minh là khẳng định sự cần thiết phải tập trung nghiên cứu toàn diện, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giáo dục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấm nhuần tư tưởng đạo đức, phong cách và lối sống của Người, để thực hiện khẩu hiệu *Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại*.

Những tác phẩm của Phạm Văn Đồng viết về Hồ Chí Minh là những tài liệu cơ bản, khách quan lịch sử được giới nghiên cứu khoa học xã hội, lịch sử, các nhà giáo dục và đông đảo bạn đọc yêu thích, trân trọng. Đây có thể coi là bộ sách giáo khoa về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh cho nhiều cấp học. Phạm Văn Đồng xứng đáng được ghi danh là *người tiên phong và là một trong những người đặt nền tảng cho chuyên ngành Hồ Chí Minh học ở Việt Nam*.

- Phạm Văn Đồng - Tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng.

Là một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng là một *tấm gương rèn luyện đạo đức cách mạng, suốt đời cống hiến, hy sinh cho cách mạng, tận trung với Đảng, với nước, tận hiếu với dân*.

Là cán bộ lớp tiền bối của cách mạng, cuộc đời hoạt động của Phạm Văn Đồng trải qua tất cả các thời kỳ lịch sử Đảng và lịch sử cách mạng Việt Nam: Từ thời dựng Đảng, thời kỳ Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, 30 năm chiến tranh cách mạng, qua thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ đổi mới.

Vượt qua sự săn lùng của mật thám, cảnh sát trong những tháng năm hoạt động bí mật, gần 7 năm thử thách khắc nghiệt trong lao tù đế quốc thực dân, những khó khăn, thiếu thốn và ác liệt của chiến tranh, Phạm Văn Đồng vẫn không nản chí. Sự thử thách khắc nghiệt đó càng tôi luyện ý chí và tinh thần người chiến sĩ cộng sản Phạm Văn Đồng. Đồng chí luôn vững tin vào Đảng, tin vào thắng lợi cuối cùng, vào tương lai tươi sáng của con đường và sự nghiệp đã lựa chọn.

Được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao nhiều trọng trách, Phạm Văn Đồng có ý thức rất cao về trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân. Là một trong những vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam, một thành viên trong bộ chỉ huy tối cao của cách mạng Việt Nam, Phạm Văn Đồng có nhiều công lao và cống hiến trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng chí “là nhà lý luận và nhà văn hóa xuất sắc, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, tư duy năng động”¹.

Sinh thời, Phạm Văn Đồng thường nói, đồng chí có những dịp may, những cơ hội lớn là được làm học trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được làm việc bên Người nhiều năm. Đồng chí rất tâm đắc với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Phải coi được cống hiến cho Đảng, cho đất nước, cho nhân dân là một điều hạnh phúc. Dù ở cương vị nào, Phạm Văn Đồng cũng phấn đấu hết sức mình theo lời dạy ấy.

Khi tuổi cao, được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn dành hết tâm huyết, tài năng và sức lực của mình cho Đảng. Đồng chí đã nhiều lần đi khảo sát, nghiên cứu và tìm hiểu thực tiễn ở các địa phương, các ngành. Gần 10 năm cuối cùng của cuộc đời, với trí tuệ mẫn tiệp, tư duy lôgic khoa học, được sự cộng tác của một số cán bộ khoa

¹ Điều văn của Đảng và Nhà nước tại lễ truy điệu và an táng đồng chí Phạm Văn Đồng.

học, của các đồng chí thư ký giúp việc, đồng chí đã hoàn thành và cho ra đời nhiều cuốn sách có giá trị khoa học và tính chiến đấu cao. Trong những tác phẩm cuối cùng ấy, Phạm Văn Đồng như muốn nhắn nhủ rằng: Phải tự khẳng định chân lý bằng khẳng định cái đúng của mình, bằng bản lĩnh của mình, nhưng trước hết phải dám chịu trách nhiệm về những suy nghĩ và hành động. Khi ở cương vị lãnh đạo cấp cao, Phạm Văn Đồng sẵn sàng nhận trách nhiệm về mình, trách nhiệm của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ do đồng chí đứng đầu, sẵn sàng tự phê bình trước Quốc hội và nhân dân. Có những việc tương bình thường như bố trí, sắp xếp cán bộ, một vài quyết định cụ thể trong chỉ đạo của Chính phủ gặp trở ngại chưa được thực hiện tốt, với chức năng quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa tìm được giải pháp khắc phục có hiệu quả là điều Phạm Văn Đồng rất trăn trở. Tệ nạn quan liêu, tham nhũng mà lúc sinh thời đồng chí gọi là “những thứ rác rưởi, bọ sâu mọt” chưa được quét dọn trong cán bộ, đảng viên làm đồng chí rất đau lòng. Đồng chí coi việc phải khắc phục những yếu kém, quét dọn những thứ rác rưởi trong công cuộc đổi mới là công việc văn hóa. Ai không chấp nhận điều đó là “vô văn hóa”. Có thể nói, Phạm Văn Đồng là tấm gương sáng về sự nỗ lực, cống hiến cho Đảng, cho đất nước tới hơi thở cuối cùng.

Phạm Văn Đồng là người giàu tính nhân văn, có tình cảm bao la đối với đồng bào mình. Với lòng yêu nước, tình thân dân tộc, Phạm Văn Đồng quan niệm bất kỳ ai là người Việt Nam, không phân biệt thành phần xuất thân, dù là người ở trong nước hay đang ở nước ngoài, nếu có lòng yêu nước, muốn góp công sức, trí tuệ cho dân, cho nước, muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, muốn cho dân giàu, nước mạnh đều được trân trọng.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám mới thành công, dân tộc vừa giành được độc lập, trong một số chuyến công tác tại Pháp, Phạm Văn Đồng đã gặp gỡ, cảm hóa, thuyết phục một số trí thức Việt kiều có tên tuổi ở nước ngoài trở về Tổ quốc tham gia kháng chiến, xây dựng đất nước; một số trí thức ở vùng địch tạm chiếm được cảm hóa đã ra vùng giải phóng tham gia cách mạng. Đồng chí là người rất quan tâm đến trí thức, cán bộ khoa học - kỹ thuật, vui với những thành công của họ, chia sẻ với họ những lúc khó khăn, vấp vấp; sẵn sàng tranh luận với họ những vấn đề cùng quan tâm. Những ý kiến của đồng chí vừa thể

hiện sự ân cần, vừa là những quan điểm chỉ đạo, định hướng, đồng thời cũng là dịp để đồng chí bổ sung nhận thức về khoa học, lý luận và thực tiễn. Ở Phạm Văn Đồng luôn có sức tỏa sáng mạnh mẽ đối với giới trí thức, bởi trước hết đồng chí là một tấm gương về trí tuệ uyên bác, về tự học tập, rèn luyện và về một cuộc đời thanh bạch, tất cả vì Đảng, vì nước, vì dân.

Là một nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Phạm Văn Đồng coi việc chăm lo lợi ích của nhân dân, giải quyết những khó khăn cấp bách cho dân là quan trọng hàng đầu. Ngay khi nước nhà mới giành độc lập, vừa trải qua nạn đói gần hai triệu người chết, với tư cách là Bộ trưởng Bộ Tài chính, thay mặt Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng ký Nghị định giảm thuế và hoãn thuế cho nông dân (1945). Khi được phân công là Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, đồng chí kêu gọi đồng bào và chiến sĩ nêu cao khẩu hiệu tự lực cánh sinh, chăm lo việc tổ chức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, coi đây là biện pháp để giải quyết khó khăn trong đời sống nhân dân trong điều kiện “chiến đấu trong vòng vây” của kẻ thù. Quan tâm đến công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo việc mở các *trường trung học bình dân*, huấn luyện, đào tạo cán bộ chính trị, quân sự cho các địa phương, các ngành và các đơn vị bộ đội. Giữa năm 1948, Phạm Văn Đồng đề nghị được in và phát hành *Tín phiếu kháng chiến* nhằm giải quyết những khó khăn về tài chính góp phần tích cực cho sản xuất và các hoạt động kháng chiến. Cũng thời gian này, chi nhánh các báo *Sự thật*, *Cứu quốc*, *Vệ quốc đoàn* được phát hành; *Đài phát thanh tiếng nói miền Nam Trung Bộ* được phát sóng. Những thành tựu trên làm quân dân miền Nam Trung Bộ phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Trong kháng chiến chống Pháp, trên cương vị Phó Thủ tướng, Phạm Văn Đồng cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến kiến quốc, huy động toàn dân thực hiện tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm, không những trong nhân dân mà cả trong các cơ quan nhà nước, đơn vị bộ đội, sử dụng có hiệu quả viện trợ của các nước bạn đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

Khi được trao trách nhiệm đứng đầu Chính phủ, Phạm Văn Đồng càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ: “Cố dân là cố tất cả, tất cả mọi chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân nói chung, nông dân nói riêng”. Đồng chí thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành phải chú ý tìm cách khắc phục khó khăn, nâng cao dần đời sống của nhân dân. Đồng chí cùng các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước chỉ đạo hai kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế văn hóa ở miền Bắc những năm 1955-1957 và 1958-1960 rất có hiệu quả. Trên đà thắng lợi của các kế hoạch khôi phục kinh tế phát triển văn hóa, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp đó là kế hoạch xây dựng miền Bắc, đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai, chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

Phạm Văn Đồng thấm nhuần rất sâu sắc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đức, có tài. Đồng chí khẳng định “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là tương lai dân tộc*” và kêu gọi “Hỡi các bạn trẻ đi vào thế kỷ mới trong thời kỳ mới, các bạn hãy học tập để thành người và để làm người góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, xứng đáng với cha anh, sánh vai cùng bạn bè thế giới”. Cho đến những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời, Phạm Văn Đồng nói rõ điều tâm sự của mình: “Cuối đời tôi chỉ tập trung lo nghĩ hai chuyện: tư tưởng Hồ Chí Minh và giáo dục”. Những lời chỉ dẫn của Phạm Văn Đồng về phương pháp dạy và học, những yêu cầu của đồng chí về trường ra trường, lớp ra lớp, dạy ra dạy, học ra học, thầy ra thầy, trò ra trò thể hiện sự quan tâm sâu sắc của đồng chí đối với sự nghiệp “trồng người”. Phạm Văn Đồng là người luôn có tình cảm chân thành với đồng chí, bạn bè. Đồng chí là người rất kính trọng những người bạn chiến đấu cùng thời. Vào những dịp kỷ niệm trọng thể - ngày sinh hay ngày mất của các cán bộ tiền bối như Tổng Bí thư Lê Duẩn, Tổng Bí thư Trường Chinh, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, của Chủ tịch Tôn Đức Thắng... đồng chí đều có những bài viết, bài nói ca ngợi cuộc đời và sự nghiệp vì Đảng, vì nước, vì dân của các lãnh tụ, vừa tỏ sự kính trọng, tôn vinh, vừa là

để góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng và truyền thống cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Với các bạn chiến đấu cùng thời, các bạn tù Côn Đảo, lúc về già, tuổi cao, sức yếu, đồng chí thăm hỏi thân tình, khi cần thiết thì lấy quỹ Thủ tướng gửi tặng những món quà nhỏ. Chỉ là tấm đệm, hộp trà, gói thuốc nhưng sâu nặng tình cảm, sự chân thành giữa những người đã cùng nằm gai nếm mật.

Với các trí thức, văn nghệ sĩ, Phạm Văn Đồng vừa là người anh, vừa là người bạn lớn chân thành. Một số vị có hoàn cảnh đặc biệt, đồng chí còn có những quan tâm riêng. Gia đình nhà văn Nguyễn Hồng chắc không bao giờ quên chiếc xe đạp mà Thủ tướng gửi biếu. Cố nhạc sĩ Văn Cao và những người thân chắc chắn nhớ mãi việc Thủ tướng cho máy bay trực thăng đi đón ông để kịp cấp cứu khi chảy máu dạ dày. Gia đình nhà triết học Trần Đức Thảo, gia đình bác sĩ Nguyễn Khắc Viện và bạn bè các ông sẽ nhớ mãi những kỷ niệm về tình cảm của Phạm Văn Đồng. Nhiều nhà văn, nhà thơ, thầy giáo coi những lời động viên, khuyến khích, những lời nhận xét của Phạm Văn Đồng về tác phẩm của họ, về công việc của họ như món quà quý, những kỷ niệm sâu sắc trong đời. Hình ảnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng trên trận địa phòng không, ở các bệnh viện, trường học, trên công trường, trong xưởng máy, trên các cánh đồng thăm hỏi, động viên cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân là niềm cổ vũ động viên rất to lớn.

Là một người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi, hoạt động xa quê hương lâu năm, do chiến tranh cách trở, nhưng tình cảm của Phạm Văn Đồng với quê hương rất sâu đậm. Khi từ Côn Đảo trở về, bị quản thúc, đồng chí vẫn bí mật liên lạc với các tổ chức đảng, góp nhiều ý kiến cho công tác xây dựng phong trào cách mạng. Trong những năm làm Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, Phạm Văn Đồng nhiều lần chọn Quảng Ngãi làm nơi đóng cơ quan. Đồng chí đã dành cho cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi sự chăm sóc ân cần, góp nhiều ý kiến về xây dựng tổ chức Đảng, đào tạo cán bộ, tổ chức tăng gia sản xuất. Nhiều lần đồng chí lên miền Tây thăm hỏi đồng bào các dân tộc ít người, động viên đồng bào lập các trại tăng gia sản xuất, học bỏ tức văn hóa, tham gia kháng chiến. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi biết tin có cán bộ chiến sĩ Quảng Ngãi ra Bắc công tác, đồng

chí cố dành thời gian đến thăm hỏi đồng viên. Đồng chí đã nhiều lần dự các cuộc họp mặt cán bộ, chiến sĩ đồng hương Quảng Ngãi đang học tập, công tác trên miền Bắc, cùng chung tình cảm với những người con xa quê hương.

Chỉ ít ngày sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tháng 6-1975, đồng chí Phạm Văn Đồng trở lại thăm Quảng Ngãi lần đầu tiên sau 26 năm xa cách. Kể từ đó năm nào đồng chí cũng về thăm quê hương, khi thì đi công tác ghé qua, khi thì về dự Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện. Những năm làm Cố vấn, Phạm Văn Đồng đã nhiều lần về nghỉ và làm việc tại Quảng Ngãi. Mỗi lần về quê hương, Phạm Văn Đồng đều dành thời gian lắng nghe ý kiến của cán bộ, nhân dân tinh nhà, góp nhiều ý kiến về việc xây dựng quê hương, thăm hỏi đồng chí đồng bào trong tỉnh. Đồng chí không bao giờ dành riêng cho quê hương mình một sự ưu tiên đặc biệt nào, nhưng tình cảm vẫn rất trọn vẹn. Cán bộ và nhân dân Mộ Đức nhớ mãi những lời chân tình của đồng chí trong lần về quê hương (3-1999). Đồng chí nói: “Mộ Đức có nghĩa là hăm mộ đạo đức, các đồng chí hãy xứng đáng với tên gọi của quê ta”. Đồng chí mong mọi bà con quê hương phải phấn đấu là những công dân tốt, mong mọi cán bộ và nhân dân Quảng Ngãi nỗ lực phấn đấu để nhanh chóng vượt qua cảnh một tỉnh nghèo, cùng toàn Đảng, toàn dân phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong lòng bạn bè quốc tế, sự kính trọng, cảm phục dành cho Phạm Văn Đồng không chỉ vì đồng chí là nhà lãnh đạo, có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, một nhà ngoại giao có nghệ thuật và tài năng mà còn vì Phạm Văn Đồng là một chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình, hữu nghị và tiến bộ giữa các dân tộc. Những lời thăm hỏi ân cần, chia sẻ những đau thương mất mát do chiến tranh, thiên tai địch họa mà Phạm Văn Đồng dành cho nhân dân các nước bạn là nguồn động viên an ủi. Hình ảnh đồng chí trong những lần đi công tác tại nhiều nước, khi đến thăm các địa phương, các cơ sở sản xuất in đậm mãi trong ký ức nhân dân và bạn bè quốc tế về một người bạn lịch thiệp, cởi mở, ân cần. Nhiều chính khách, bạn bè quốc tế nhận xét Phạm Văn Đồng là một trong những nhà lãnh đạo lỗi lạc nhất, một trong những người nổi tiếng nhất của Việt Nam trong thế kỷ XX.

Giản dị, khiêm tốn, ghét thói phô trương là nét nổi bật trong nhân cách Phạm Văn Đồng. Đồng chí không bao giờ có ý nghĩ *dành riêng cho mình*. Khi còn làm Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ ở Nam Trung Bộ, đồng chí đề nghị mượn nhà dân làm nơi làm việc của cơ quan. Đi lại bằng xe đạp, ngựa, hoặc đi bộ. Ăn uống, sinh hoạt đều chung với anh em cán bộ cơ quan. Khi trở lại Việt Bắc, nơi làm việc cũng là nơi ở của Phó Thủ tướng là hầm kè, hoặc hang núi. Trở về Hà Nội, từ khi hòa bình lập lại (từ năm 1954-1972), Phạm Văn Đồng ở và làm việc tại căn nhà của viên quản lý dinh Toàn quyền cũ. Mấy năm sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đồng chí Phạm Văn Đồng cảm nhận rằng nơi ở và làm việc của mình nằm bên ao cá, đối diện với căn nhà sàn Bác ở và làm việc luôn tràn đầy kỷ niệm về Bác, nhắc nhở đồng chí biết bao điều tâm sự, tưởng nhớ khôn nguôi. Đồng chí thấy nơi đây dành làm kỷ niệm mỗi lúc tới thăm, không thể ở đó cả ngày lẫn đêm và cần chuyển đến nơi khác. Năm 1973, căn nhà mới được xây dựng cạnh Văn phòng Chính phủ, phía góc khuôn viên Phủ Chủ tịch. Đó là căn nhà khiêm nhường gồm 2 tầng, nơi đồng chí Phạm Văn Đồng vừa ở, làm việc, tiếp khách và dành làm chỗ ở cho các đồng chí giúp việc. 27 năm căn nhà này đã chứng kiến biết bao sự kiện về cuộc đời và hoạt động của vị Thủ tướng giản dị, liêm khiết. Khi thôi chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phạm Văn Đồng đề nghị: Đây là nhà công vụ giành cho người đương chức làm việc và xin được chuyển đến nơi khác, nhưng Chính phủ không đồng ý. Đồng chí căn dặn những người giúp việc sau này nhớ phải trả lại căn nhà cho cơ quan.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó, được đồng bào, chiến sĩ kính trọng, tin tưởng, công lao và cống hiến cho Đảng, cho dân của đồng chí Phạm Văn Đồng là rất to lớn, nhưng đồng chí rất *ghét thói phô trương, hình thức*. Đồng chí Phạm Văn Đồng là người không thích nói về mình. Không ít người đề nghị Phạm Văn Đồng viết hồi ký, kể những điều mình biết, mình tham dự hoặc chứng kiến để viết tiêu sử đồng chí. Nhưng khi đặt vấn đề, đồng chí rất khéo chuyển sang nội dung khác, khi thì nói về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh, khi thì nói về những sự kiện lịch sử Đảng. Cũng có người nêu ý kiến đề căn nhà nơi đồng chí đã ở và làm việc làm nhà lưu niệm. Đồng chí cười nói: Thật lãng phí. Được gắn tấm biển ghi mấy chữ *Đồng chí Phạm Văn Đồng*

đã sống và làm việc tại đây là quý lắm rồi. Những dịp kỷ niệm ngày sinh, đồng chí thường đi công tác và sau này khi làm Cố vấn, đồng chí thường về thăm quê, tránh những lễ nghi chúc tụng.

Với những người thân trong gia đình, Phạm Văn Đồng luôn dành tình cảm thân thiết, đúng đạo lý. Khi còn ở Nam Trung Bộ và khi đất nước thống nhất, những dịp kỷ niệm ngày mất của các bậc thân sinh, đồng chí cố gắng thu xếp, dành thời gian về thắp hương tưởng nhớ bậc sinh thành.

Cuộc sống đời thường của Phạm Văn Đồng cũng có những điều bình thường như bao gia đình khác. Điều suy tư cho đến những năm tháng cuối cùng là ông vẫn cảm thấy như có lỗi với người vợ thân yêu - bà Phạm Thị Cúc. Cưới nhau vừa một tháng, Phạm Văn Đồng nhận nhiệm vụ làm Đặc phái viên của Chính phủ vào công tác tại Nam Trung Bộ, đồng chí không kịp thu xếp để vợ đi cùng.

Năm 1951, Phạm Sơn Dương - người con trai duy nhất của Phạm Văn Đồng cất tiếng khóc chào đời là niềm vui lớn trong gia đình nhỏ của đồng chí. Nhưng chỉ thời gian ngắn sau đó, bà Phạm Thị Cúc bị bệnh tâm thần. Được các cơ quan y tế, các thầy thuốc giúp đỡ, Phạm Văn Đồng rất tận tình và cố gắng chạy chữa, kể cả đưa ra nước ngoài, nhưng đều không có hiệu quả. Gần 50 năm vợ chồng không thường xuyên cùng ở dù bận trăm ngàn công việc, Phạm Văn Đồng vẫn dành cho vợ tình yêu và sự chăm sóc ân cần. Những dịp đi nghỉ, ông thường bố trí để vợ cùng đi; mỗi lần đến thăm, ông không bao giờ quên tặng vợ món quà nhỏ với ý nguyện mong vợ phần nào vui đi bệnh tật.

Được sự chăm sóc của cha và những người thân trong gia đình, Phạm Sơn Dương khôn lớn và trưởng thành. Giữa những ngày tháng khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cả nước ra trận, lớp lớp thanh niên Việt Nam đua nhau ra tiền tuyến. Được sự động viên khuyến khích của cha, 17 tuổi, Phạm Sơn Dương xung phong vào bộ đội. Nhờ phấn đấu, rèn luyện, Phạm Sơn Dương trở thành một sĩ quan cao cấp trong Quân đội Nhân dân Việt Nam. Các cháu nội Phạm Quốc Hoa, Phạm Quốc Hương cùng bố mẹ quây quần bên ông bà nội là niềm hạnh phúc bình dị của Phạm Văn Đồng trong những năm tháng tuổi già.

Cuộc đời và sự nghiệp, công lao và cống hiến, tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng của Phạm Văn Đồng sống mãi với non sông đất nước.

2. Chuyện về cuộc đời Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Là thư ký của Thủ tướng Phạm Văn Đồng từ năm 19 tuổi, đến khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng qua đời vào năm 2000, nhà thơ Việt Phương đã có 53 năm làm thư ký. Trong 53 năm ấy, có nhiều câu chuyện về Thủ tướng mà nhà thơ Việt Phương luôn nguyện mang theo suốt cuộc đời.

Ở tuổi ngoài 80, khi nhắc về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Việt Phương luôn khẳng định một điều: “Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một nhân cách lớn, là một người đã dạy cho tôi rất nhiều điều về cách làm người”.

- Cảm động câu chuyện tình yêu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng với người vợ bệnh tật

Trọn vẹn một đời người, Việt Phương làm chính trị, nhưng ông vẫn làm thơ và đã từng có những bài thơ, những tập thơ thực sự gây tiếng vang lớn.

Là một nhà thơ, nhưng khi nhắc về Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Việt Phương vẫn luôn nói với tất cả sự trìu mến và trân trọng: “Thủ tướng Phạm Văn Đồng không bao giờ làm thơ. Nhưng ông đã sống một cuộc đời rất thơ”.

Nhà thơ Việt Phương tâm sự với tôi rằng, được gặp gỡ và trở thành thư ký của Thủ tướng Phạm Văn Đồng vừa là một vinh dự, vừa là một may mắn lớn trong cuộc đời ông. Nhà thơ Việt Phương kể:

“Tôi gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng lần đầu vào năm 1947, khi đó tôi 19 tuổi, còn đồng chí Phạm Văn Đồng khi đó là Đặc phái viên của Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ.

Năm đó, tôi được đơn vị cử đi dự Đại hội Thanh niên Cứu quốc ở Nam Trung Bộ và gặp đồng chí Phạm Văn Đồng ở đó”. Từ thời trẻ, nhà thơ Việt Phương đã có thói quen không bao giờ chuẩn bị bài phát biểu trước ở nhà mà toàn phát biểu “vo”, nên trong hội nghị đó, khi biết thói quen của Việt Phương, đồng chí Phạm Văn Đồng rất ngạc nhiên và “kiểm tra” khả năng diễn thuyết của Việt Phương.

Phần vì ấn tượng bởi khả năng ăn nói của một người thanh niên mới 19 tuổi, lại biết Việt Phương tốt nghiệp trường Bưởi, nói - viết thành thạo tiếng Pháp và biết tiếng Anh, Phạm Văn Đồng đã đề nghị Việt Phương về làm thư ký riêng cho mình từ năm 1947.

Kể từ đó cho đến ngày Thủ tướng Phạm Văn Đồng qua đời vào năm 2000, dù ở trên cương vị nào từ Phó Thủ tướng đến Thủ tướng và sau này là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng luôn tin tưởng giao cho Việt Phương vai trò của một người thư ký giúp việc đắc lực cho mình.

Nhà thơ Việt Phương kể: “Những ngày đầu về làm thư ký cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, tôi được Phạm Văn Đồng đưa cho những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng thế giới viết bằng tiếng Pháp. Phạm Văn Đồng yêu cầu tôi đọc rồi thuật lại nội dung câu chuyện cho ông nghe.

Ông cũng yêu cầu tôi đi diễn thuyết ở nhiều nơi. Làm như thế cốt là để kiểm tra khả năng truyền đạt và xử lý thông tin của tôi”.

Khi đã vượt qua những “bài kiểm tra” của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Việt Phương đã trở thành thư ký riêng cho Thủ tướng trong suốt 53 năm, cho đến ngày ông mất, và là người có thời gian làm thư ký cho Thủ tướng lâu nhất ở Việt Nam.

Nhà thơ Việt Phương là một trong những người nắm rõ nhất về cuộc đời Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Cả cuộc đời làm thư ký cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Việt Phương đã đúc kết bảy điều về người lãnh đạo đáng kính của mình.

Một trong bảy điều mà Việt Phương đã đúc kết được về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng chính là sự trách nhiệm và tình cảm yêu thương tuyệt đối mà Thủ tướng Phạm Văn Đồng dành cho vợ con mình.

Phu nhân của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là bà Phạm Thị Cúc, một người con gái Hà Nội. Ngày đó, gia đình bà Phạm Thị Cúc có một quán bán hàng. Bố mẹ bà là những người yêu nước nên gia đình bà trở thành cơ sở cách mạng, từng giúp đỡ, cru mang nhiều nhà cách mạng lớn của ta thời kỳ đó.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng từng nhiều lần ghé qua gia đình bà Phạm Thị Cúc. Chính những lần viếng thăm này đã khiến tình cảm giữa hai ông bà nảy nở.

Khi mới nên nghĩa vợ chồng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng hứa với vợ, dù có đi làm cách mạng ở đâu, ông cũng nhất định đưa bà đi cùng. Nhưng sau này vì điều kiện công việc, vì nhiệm vụ cách mạng, ông đã không giữ được lời hứa của mình với người vợ hiền.

Quãng thời gian ông được Chính phủ biệt phái vào Nam, thương hoàn cảnh vợ chồng ông xa nhau, Bác Hồ đã cho phép bà Phạm Thị Cúc vào Nam với chồng. Vì nhớ chồng mà khi đó, bà đã đi bộ vượt Trường Sơn trong 5 tháng ròng rã để vào Nam gặp chồng.

Vào đến nơi thì cũng là lúc ông được lệnh ra ngoài Bắc, bà lại vượt Trường Sơn ra Bắc. Suy sụp sức khỏe sau những hành trình dài vất vả như thế, lại thương nhớ chồng ngày đêm, bà sinh ra bệnh nửa quên nửa nhớ.

Sau một thời gian phát bệnh, bà rơi vào trạng thái trầm kha, khiến căn bệnh của bà càng khó lòng cứu chữa. Mặc dù Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đưa bà đi chữa bệnh ở cả Trung Quốc, Liên Xô, nhưng bệnh tình của bà vẫn không hề thuyên giảm.

Khi đó, một số chuyên gia y khoa đầu ngành của nước bạn, khi nghe về bệnh tình của bà đã chẩn đoán nguồn cơn căn bệnh của bà là do xa vắng chồng lâu ngày. Họ khuyên đưa bà về Việt Nam để có điều kiện gần gũi với chồng hơn, với hi vọng nhờ thế bệnh tình sẽ thuyên giảm.

Nghe theo lời khuyên của bác sĩ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng dù bận rộn việc nước vẫn dành nhiều thời gian ở bên vợ, chăm sóc, động viên, gần gũi bà. Nhưng bệnh tình của bà không vì thế mà thuyên giảm.

Bà Phạm Thị Cúc phát bệnh khi còn rất trẻ, khiến những năm tháng sau này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng rất vất vả để chăm sóc gia đình của mình. Nhưng ông vẫn hết mực yêu thương vợ con.

Năm 1951, con trai ông bà ra đời khi bệnh tình của bà bắt đầu có xu hướng nặng lên, ông đặt tên con là Phạm Sơn Dương và đưa con vào Phủ Chủ tịch sống, còn bà thì sống ở căn biệt thự trên phố Khúc Hạo.

Ngày đó, một tuần vài lần, ông đều đưa con trai đến căn biệt thự trên phố Khúc Hạo thăm và chăm sóc cho bà.

Bệnh tình khiến bà Phạm Thị Cúc cứ lúc quên lúc nhớ, nhưng điều đặc biệt là bà lại nhớ rất kỹ những chuyện thời xưa nên lần nào đến thăm vợ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng kiên nhẫn gọi lại chuyện xưa với vợ, cốt để bà vui.

Ông vẫn hi vọng nhờ đó bệnh tình của bà sẽ dần khôi phục. Nhưng những nỗ lực của ông không thể giúp bà khỏi bệnh.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một người hết mực yêu thương vợ. Bà bị bệnh khi còn rất trẻ, nhiều người khuyên ông nên lấy vợ khác. Nhưng ông một mực chối từ.

Ông yêu bà và muốn trọn vẹn tình nghĩa với bà nên đã quyết định ở bên bà và chăm sóc bà, dẫu cuộc sống riêng của ông vì thế mà chịu nhiều thiệt thòi. Lúc nào ông cũng dặn con trai mình phải thường xuyên quan tâm và yêu thương mẹ.

Những ngày bận bịu công việc không qua Khúc Hạo được, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường dặn con trai Phạm Sơn Dương qua trò chuyện với mẹ. Mỗi lần như thế, ông đều gửi tặng bà những món quà nho nhỏ, cốt để bà vui.

Nhắc về bà Phạm Thị Cúc, nhà thơ Việt Phương kể, tuy bị bệnh tật như thế, nhưng bà vẫn là một người phụ nữ rất dịu dàng và đặc biệt yêu trẻ nhỏ. Quãng thời gian sống ở căn biệt thự ở Khúc Hạo, các con trai của nhà thơ Việt Phương rất quấn quýt với bà và đặc biệt được bà yêu mến.

Chiều chiều bà thường ngồi trên cái ghế tựa ngoài vườn, ngắm hai người con trai của nhà thơ Việt Phương chạy nhảy, nô đùa trong sân và mỉm cười dịu dàng.

Số phận đã không ưu ái bà khi bắt bà chịu cảnh bệnh tật từ khi còn quá trẻ, chẳng có cơ hội an hưởng hạnh phúc bên chồng con. Dẫu vậy, bà vẫn may mắn có được sự yêu thương và chăm sóc hết mực của chồng.

Những năm cuối đời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có một nguyện vọng: Ông mong người vợ hiền của ông “đi trước” ông, để ông được lo cho bà một cách tươm tất, trọn vẹn, chu đáo, để ông được yên tâm, thanh thản, bởi cả đời mình, lúc nào ông cũng nghĩ ông nợ bà.

Nhưng ông đã bỏ bà ra đi cách đây 12 năm, và phải gửi gắm bà lại cho người con trai Phạm Sơn Dương chăm sóc.

- Dạy con sống giản dị, khiêm tốn

Thủ tướng Phạm Văn Đồng có một người con trai duy nhất là Thiếu tướng Phạm Sơn Dương. Đó là kết quả của tình yêu giữa ông với bà Phạm Thị Cúc. Con trai ông bà ra đời đã sớm chịu nhiều thiệt thòi khi không có được sự chăm sóc đầy đủ của mẹ.

Vì bận bịu công việc của đất nước nên khi đó Thủ tướng Phạm Văn Đồng phải nhờ thầy giáo Vũ Linh (em vợ của nhà thơ Việt Phương) vào sống cùng tại Phủ Chủ tịch để vừa lo việc dạy dỗ, bảo ban, vừa lo việc học cho Phạm Sơn Dương.

Tuy công việc bận bịu, nhưng Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn cố gắng dành thời gian cho con trai mỗi khi có thể. Ông thường gặp con trai vào những bữa ăn, cùng đưa con trai ngồi ăn với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhà thơ Việt Phương kể, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuy yêu thương con trai nhưng cũng rất nghiêm khắc với con: “Khi Phạm Sơn Dương học tiểu học, có lần vì mâu thuẫn, Phạm Sơn Dương đã đánh nhau với một cậu bạn học là con của người sửa xe ở đầu phố.

Cậu bạn học đó to con hơn Phạm Sơn Dương nên kết quả là Phạm Sơn Dương bị đánh đau hơn, khắp người xây xước. Khi con trai đi học về, nghe con kể lại sự tình, Thủ tướng Phạm Văn Đồng liền cho người đến chuyển lời xin lỗi của ông tới gia đình người thợ sửa xe đó.

Người thợ sửa xe đã vô cùng sững sờ và cảm động khi biết con trai mình đánh nhau với con trai của Thủ tướng mà lại nhận được lời xin lỗi từ Thủ tướng.

Hôm đó người thợ sửa xe đã cảm động nói: “Con trai tôi to con hơn. Nó có bị sao đâu. Chỉ có con trai Thủ tướng là bị đau. Tôi không ngờ Thủ tướng lại xin lỗi chúng tôi như thế”.

Nhà thơ Việt Phương kể, tuy là con trai của Thủ tướng, nhưng Phạm Sơn Dương sớm được cha mình dạy cho tính khiêm tốn: “Phạm Sơn Dương hiền lành, ít nói và rất gắn bó với gia đình bên ngoại. Những người trong gia đình ngoại cũng vốn có tính cách khiêm tốn.

Được sự dạy dỗ của cha và các cậu, các dì bên ngoại, nên Phạm Sơn Dương rất hiền lành, ít nói. Tôi chưa bao giờ thấy Phạm Sơn Dương cậy thế cha mình là Thủ tướng mà lên mặt với người khác.

Lúc sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người ăn uống rất giản dị. Nên con trai ông cũng quen với nếp sinh hoạt giản dị như thế từ bé. Tôi còn nhớ hồi đó, vì nhà bếp thường nấu gạo ngon cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng ăn, vì ưu tiên ông bị bệnh dạ dày.

Phạm Sơn Dương ăn cùng cha nên đương nhiên được hưởng chế độ đó. Nhưng Dương không hề thích ăn loại gạo ngon này.

Cứ mỗi lần đến bữa ăn, Phạm Sơn Dương lại mang bát cơm của mình ra đổi lấy nắm cơm của mấy anh lính bảo vệ. Cơm của lính thì nấu bằng gạo thường, ăn không ngon, nhưng Phạm Sơn Dương lại ăn rất ngon lành”.

Là con trai của Thủ tướng đương nhiệm khi đó, nên khi bước vào tuổi trưởng thành, Phạm Sơn Dương nhận được không ít lời đề nghị cấp học bổng của các nước bạn, nhưng Thủ tướng Phạm Văn Đồng từ chối tất cả những lời đề nghị đó.

Ông không muốn con trai mình hưởng đặc quyền đặc lợi mà yêu cầu con trai mình phải tự rèn luyện bản thân. Vì thế thay vì cho con đi học nước ngoài, ông quyết định cho con vào quân đội.

Quãng thời gian con trai học ở trường Trôi, Phạm Sơn Dương được đối xử như một học sinh bình thường chứ không phải con trai của Thủ tướng. Vì công việc bận rộn, nên khi đó Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng rất ít khi có thời gian lên thăm con.

Ông thường nhờ cấp dưới thay mình lên thăm và động viên con trai học hành. Khi có thời gian rảnh rỗi hay khi tiện việc đi công tác qua, ông qua thăm con trai ở trường, nhưng lần viếng thăm nào của ông cũng rất kín đáo, không hề rình rang, nên hiếm ai biết có Thủ tướng ghé qua.

Hiểu tính cách của cha mình nên sau này, Phạm Sơn Dương cũng sống rất khiêm tốn. Đi sơ tán hay đi làm việc, không bao giờ Phạm Sơn Dương nói mình là con trai của Thủ tướng để tránh nhận được sự quan tâm đặc biệt từ mọi người.

Trước khi qua đời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã dặn dò con trai duy nhất của mình: “Ba không có tài sản gì để lại cho con. Ba chỉ để lại một sự nghiệp phải tiếp tục.

Ba yêu cầu con chăm sóc má con, chăm lo dạy bảo các con của con mạnh khỏe, ngoan ngoãn, học giỏi, trở thành người có ích cho xã hội, cho đất nước, xứng đáng là người sĩ quan của quân đội ta”.

- Mỗi thân tình giữa Thủ tướng và người thư ký 53 năm

Nhà thơ Việt Phương làm thư ký cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng suốt 53 năm trời. Vì thế tình cảm giữa Việt Phương và Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng vô cùng sâu đậm. Vợ của ông - bà Tú Lan được Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận làm em gái nuôi.

Các con của ông cũng được Thủ tướng Phạm Văn Đồng hết sức yêu quý. Nhà thơ Việt Phương kể, khi các con ông còn bé, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường chơi với các con ông khi có thời gian rảnh. Thủ tướng sống trong Phủ Chủ tịch cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và ăn cơm cùng Người.

Không ít bữa cơm, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa con của nhà thơ Việt Phương đi dùng cơm cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một kỷ niệm đẹp và vô cùng đáng quý với gia đình nhà thơ Việt Phương.

Bởi với nhà thơ Việt Phương, việc các con được ăn cơm cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một vinh dự lớn cho cả gia đình ông.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng rất thân thiết với vợ chồng nhà thơ Việt Phương. Nhà thơ Việt Phương là thư ký cho Thủ tướng. Còn vợ ông là em gái

nuôi của Thủ tướng. Sẽ không có gì khó hiểu nếu Thủ tướng Phạm Văn Đồng dành nhiều sự ưu ái cho gia đình nhà thơ Việt Phương.

Nhưng cả ông và vợ ông - một nhà giáo có uy tín, từng là học trò của nhiều trí thức lớn của ta hiện nay như nhà sử học Dương Trung Quốc, chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan, Chu Hào... đều hết sức tránh lợi dụng tầm chân tình của Thủ tướng.

Có lần, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đề nghị tạo điều kiện cho các con của nhà thơ Việt Phương đi du học, nhưng vợ ông sau khi suy nghĩ đã từ chối. Sau này, những người con của nhà thơ Việt Phương đã tự phấn đấu, tự nỗ lực để giành được học bổng du học.

Đôi lúc vì áp lực công việc, vì cấp dưới làm việc chưa đúng ý, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng có thể nổi cáu. Và người duy nhất làm ông có thể nguôi cơn giận ngay lập tức mà không vì bất cứ lý do gì chính là nhà thơ Việt Phương.

Nhà thơ Việt Phương kể: “Mỗi khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng cáu, anh em lại gọi tôi đến. Mỗi khi nhìn thấy tôi, Thủ tướng lập tức nguôi giận. Có lần tôi tháp tùng Thủ tướng đi thăm quan Vịnh Hạ Long. Hôm đó, Thủ tướng ngò ý muốn đi tàu dạo quanh vịnh.

Biết tin đó, nên hai tàu hải quân đã được lệnh tháp tùng Thủ tướng, một tàu đi trước, một tàu đi sau, vừa làm nhiệm vụ dẫn đường, vừa bảo đảm an toàn cho Thủ tướng.

Thấy tàu hải quân đi ngay trước tàu mình một đoạn, biết là tàu đi bảo vệ mình, Thủ tướng rất giận với các cán bộ ở Quảng Ninh vì Thủ tướng cho rằng Quảng Ninh đã bày vẽ tốn kém, phí tiền của của Nhà nước mà chưa có sự đồng ý của Thủ tướng.

Khi đó tôi ở trên tầng trên, nghe tiếng của Thủ tướng, biết là ông giận dữ liền chạy xuống. Nhìn thấy tôi, Thủ tướng đã bớt giận đi đôi phần. Đến khi tôi giải thích việc bảo vệ Thủ tướng là chính sách của Đảng và là nhiệm vụ của các địa phương, thì ông hoàn toàn nguôi giận và tiếp tục buổi tham quan”.

Vợ nhà thơ Việt Phương từng nói với ông: “Người hiểu anh nhất là Thủ tướng Phạm Văn Đồng”. Càng sau này khi ngẫm lại điều này, nhà thơ Việt Phương càng thấm thía câu nói đó và thấy lời nhận xét của vợ mình là đúng.

Cùng làm việc chung mấy chục năm trời, nhà thơ Việt Phương hiểu rất rõ tính cách của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và ngược lại, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng rất hiểu tính cách của Việt Phương. Nhà thơ Việt Phương kể:

“53 năm làm thư ký cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, cả tôi và Thủ tướng đều mặc định với nhau một điều: Có thể trong thâm tâm, chúng tôi rất hiểu nhau và đánh giá cao những việc mà người kia làm, nhưng Thủ tướng Phạm Văn Đồng không bao giờ khen “Phương làm việc này tốt, Phương làm việc kia hay”.

Tôi cũng không bao giờ nịnh Thủ tướng theo kiểu: “Việc này anh giải quyết thật hợp tình hợp lý, hay bài diễn văn của anh hôm nay thật hay”. Chúng tôi đều là người không thích nói ra những lời khen ngợi”.

- Người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Khi nói về mối quan hệ gắn bó giữa Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều người vẫn nói: Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một trong những học trò ưu tú nhất và cũng là một trong những người gần gũi nhất với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi Bác Hồ chưa qua đời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng sống và làm việc cùng Bác trong Phủ Chủ tịch. Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ăn cơm cùng nhau ngày ba bữa, cùng trao đổi, bàn bạc về việc quốc gia đại sự và cả những chuyện nhỏ đời thường.

Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đều có thói quen ăn uống giản dị. Trong bữa cơm thường ngày, món không thể thiếu của Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng là món cà muối xứ Nghệ, còn lại các món khác đều hết sức dân dã, đời thường.

Ngay cả khi đã trở thành Thủ tướng, Phạm Văn Đồng vẫn một mực nghe theo những ý kiến và sự dạy bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bác Hồ vừa là một người thầy, vừa như một người cha mà ông vô cùng tôn kính.

Nhà thơ Việt Phương kể: “Có một dạo, Thủ tướng Phạm Văn Đồng hay uống sữa thay cho bữa sáng. Một hôm đang uống thì Bác Hồ đi qua. Bác nhìn thấy thì hỏi: “Anh Đồng uống sữa buổi sáng à?”.

Bác chỉ nói thế, nhưng khi đó Phạm Văn Đồng nghĩ rằng có thể trong câu nói của Bác có hàm ý nhắc nhở, vì đất nước đang khó khăn, phải dồn sức cho kháng chiến, nhân dân nhiều người không đủ ăn. Vì vậy sau lần đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng liền từ bỏ thói quen đó.

Khi có nhiều người ngó ý đề nghị Thủ tướng Phạm Văn Đồng đi lấy vợ khác, anh Đồng cũng kiên quyết từ chối vì muốn trọn vẹn tình nghĩa và sự thủy chung với vợ. Việc làm này của anh Đồng rất được Bác Hồ ủng hộ”.

Có một lần, Bác Hồ đi từ ngôi nhà sàn của Người sang Phủ Thủ tướng tìm Thủ tướng Phạm Văn Đồng để trao đổi một số vấn đề quan trọng. Lúc đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đang làm việc tại Văn phòng, tuy cùng nằm trong khu Phủ Chủ tịch nhưng cách xa Phủ Thủ tướng vài trăm mét.

Sợ Bác phải đợi lâu, một đồng chí bảo vệ vội vã đạp xe ra báo với Thủ tướng. Vội quá, Thủ tướng dùng ngay chiếc xe đạp của đồng chí bảo vệ để phóng về gặp Bác. Đồng chí bảo vệ liền chạy bộ theo sau Thủ tướng.

Khi đó Bác đã đứng sẵn ở sân chờ Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Đợi Thủ tướng vừa xuống xe, chưa kịp nói câu nào, Bác đã nói ngay: “Sau chú không đèo chú bảo vệ đằng sai xe để cùng về, lại để chú ấy chạy bộ?”. Chợt nhận ra điều đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vội đáp: “Xin lỗi Bác”.

Ngày hôm đó Thủ tướng nghĩ rất nhiều về lời nhắc nhở nhẹ nhàng và nghiêm khắc của Bác. Hôm sau khi làm việc với những cán bộ cấp dưới, Thủ tướng cũng không ngại kể lại câu chuyện đó cho mọi người cùng nghe rồi nói:

“Tôi đã nghĩ về lời của Bác. Lòng nhân ái, thương yêu và kính trọng con người phải chân thực từ trong tâm của ta, rồi tự nhiên bật ra thành thái độ và hành động, chẳng phải suy nghĩ gì, như là từ bản năng”.

Tuy Phạm Văn Đồng đã là Thủ tướng, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không ngần ngại nhắc nhở, phê bình để giúp Thủ tướng ngày càng thuần hậu, nhân ái, sao cho điều đó trở thành “bản năng” của nhà lãnh đạo.

Bác Hồ không ngần ngại chỉnh sửa người học trò của mình một cách ân cần, nhẹ nhàng, nhưng cũng rất nghiêm khắc. Về phía mình, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng luôn coi Bác là người thầy, người cha và tiếp thu sự chỉ bảo của Bác với tinh thần thành khẩn, câu thị và khắc cốt ghi tâm những lời chỉ bảo đó.

Những năm tháng sau này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng được Bộ Chính trị đề nghị viết hồi ký, nhưng ông từ chối. Ông bảo, thay vì viết hồi ký về cuộc đời mình, ông sẽ dành tâm sức để viết về Bác.

Đúng như lời ông nói, trong 8 năm từ năm 1991-1999, ông đã hoàn thành 4 cuốn sách về Bác Hồ, dù lúc đó sức khỏe của ông ngày càng kém.

Nhà thơ Việt Phương kể lại: “Sự ra đi của Bác là một mất mát lớn đối với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Sau ngày Bác mất, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn ở trong Phủ Chủ tịch, nhưng anh Đồng đã đề nghị chuyển anh sang ở một khu nhà khác, xa khu nhà nơi Bác sống lúc sinh thời.

Ngay cả những năm tháng sau này cũng vậy, rất hiếm khi Phạm Văn Đồng đi qua đó nếu không có việc gì thật quan trọng. Bước vào một nơi có quá nhiều kỷ niệm về Bác là một điều vượt quá sức chịu đựng của Phạm Văn Đồng”.

Nhân cách Phạm Văn Đồng

Nhà thơ Việt Phương tâm sự, sau 53 năm làm Thư ký cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông học được rất nhiều về cách sống của Phạm Văn Đồng.

Lúc sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có một nguyên tắc không bao giờ thay đổi: trong suốt cuộc đời Phạm Văn Đồng, tất cả những bức thư mà ông nhận được, dù là của một chính khách, một trí thức, hay của một nông dân; dù của người mà ông quen biết hay không quen biết; dù đó là một khiếu nại quan trọng hay là một câu hỏi hết sức bình thường, ông cũng đều trả lời không sót một bức thư nào.

Với những bức thư ngắn, những câu hỏi ngắn, những thắc mắc nhỏ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường ghi câu trả lời ngắn gọn vào sau tám danh thiếp.

Còn với những câu hỏi quan trọng, ông sẽ tự viết những bức thư trả lời dài, đôi khi mất đến vài trang giấy, dù để thu xếp thời gian trả lời tất cả những bức

thư đó là điều không hề đơn giản với một người nắm giữ cương vị quan trọng như Phạm Văn Đồng.

Quá trình đi theo giúp việc Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Việt Phương cũng tạo cho mình thói quen đó. Ông luôn trả lời tất cả các bức thư gửi đến mình, dù người viết thư cho ông có thể là bất cứ ai.

Tuy là Thủ tướng, nhưng Phạm Văn Đồng sống rất giản dị, hòa đồng với cấp dưới, kể cả những người bảo vệ. Nhà thơ Việt Phương nhớ lại: “Những buổi chiều có thời gian rảnh, ông vẫn thường chơi bóng đá, bóng chuyền với các chú bảo vệ.

Bảo vệ làm việc trong Phủ Chủ tịch, Phủ Thủ tướng rất vất vả. Vì đặc thù công việc nên có khi một năm họ chỉ được về thăm nhà 1 lần, trên dưới 10 ngày. Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường xuyên dành thời gian trò chuyện với các chú bảo vệ, hỏi thăm họ về hoàn cảnh gia đình.

Mỗi khi biết một chú bảo vệ nào đó chuẩn bị về thăm nhà, bao giờ Thủ tướng cũng gửi lời hỏi thăm cha mẹ, vợ con họ ở quê nhà. Phạm Văn Đồng vẫn thường nói với họ: “Khi nào vợ con lên đây chơi, nhớ bảo tôi, tôi sẽ mời cơm gia đình các cậu”.

Đó không phải là một lời đề nghị xã giao, vì trong những năm tháng Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng, rất nhiều lần ông đã mời cơm vợ, con của những người làm nhiệm vụ bảo vệ ông.

Đầu những năm 1980, mắt của Thủ tướng Phạm Văn Đồng bắt đầu bị lóa, nhìn không rõ chữ, tay viết không giữ được nét. Các bác sĩ khám bệnh cho ông kết luận ông bị teo dây thần kinh đáy mắt. Năm này qua năm khác, ông kiên trì dùng thuốc nhưng không thuyên giảm.

Các lãnh đạo của một số quốc gia biết chuyện đã mời Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang nước họ điều trị mắt với công nghệ tiên tiến.

Tuy nhiên khi biết quá trình khám và điều trị phức tạp, mà nước bạn chỉ đãi thọ thời gian nằm trong viện, còn ta phải tự lo những chi phí còn lại, kể cả chi phí đi lại, ở lại nhiều ngày, ăn ở cho bệnh nhân và người theo phục vụ, tốn số tiền khá lớn, điều đó khiến Thủ tướng Phạm Văn Đồng suy nghĩ rất nhiều.

Cuối cùng ông quyết định: “Việc đi lại quá tốn kém mà lại là ngoại tệ mạnh, ta đang phải bươn chải tìm kiếm từng đôla để nhập những vật tư, thiết bị cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, phục vụ đời sống nhân dân, đi chữa bệnh mà không nắm chắc kết quả lại tiêu phí tiền bạc của dân là có tội với dân và còn hàm ơn nước bạn. Vậy thì đi làm gì”.

Vì lý do ấy, ông đã chấp nhận sống với đôi mắt của mình cho đến tận những giây phút cuối cùng của cuộc đời, chỉ duy trì việc uống thuốc và tự rèn luyện thị giác cho đôi mắt. Có một nhà thơ nổi tiếng nước ngoài đã tặng một tập thơ cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng với lời đề tặng:

“Tặng ngài Phạm Văn Đồng - người đã dạy tôi lòng dũng cảm và sự cao cả theo hình ảnh của dân tộc người; với lòng kính trọng và lòng yêu mến không bao giờ phai nhạt của tôi!”.

Không chỉ với nhân dân Việt Nam, mà với nhiều bạn bè quốc tế, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng luôn có được sự yêu mến và kính trọng tuyệt đối.

3. Đồng chí Phạm Văn Đồng - Tấm gương tiêu biểu nghiên cứu và thực hành đạo đức Hồ Chí Minh

Nét đặc sắc nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Phạm Văn Đồng là luôn được tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chiếu sáng. Vì vậy, Phạm Văn Đồng sớm trở thành người học trò xuất sắc - gần gũi, người đồng chí chiến đấu của Hồ Chí Minh, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho nhiều trọng trách: 41 năm là Ủy viên Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ, 10 năm là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Về phần mình, Phạm Văn Đồng đã hoàn thành tốt những trọng trách đó...

Nửa đầu những năm 20 thế kỷ trước, Phạm Văn Đồng cũng như nhiều thanh niên trí thức trong nước bí mật tìm đọc những tài liệu của Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài truyền về. Anh đã tìm thấy trong đó nhiều điều mới, tiến bộ và mong được gặp gỡ trực tiếp. Và “cơ may” đã đến (theo từ dùng của Phạm Văn Đồng): Cuối năm 1926, Phạm Văn Đồng được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và trực tiếp giảng dạy. Từ đó, đến “cơ may” thứ hai là năm 1940 Phạm Văn Đồng cùng Võ

Nguyên Giáp sang Côn Minh (Trung Quốc) tìm gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thì “sức hấp dẫn” của người thầy dạy lý luận đã gắn bó trọn đời Phạm Văn Đồng với tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tiếp đó, Phạm Văn Đồng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, được Hồ Chí Minh giao cho nhiệm vụ học tập kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc và sau đó được cử về Cao Bằng xây dựng căn cứ địa cách mạng ở khu Cao Bắc Lạng.

Về phần mình, Hồ Chí Minh sớm thấy phẩm chất cách mạng và sự tin tưởng ở Phạm Văn Đồng. Do đó, liên tục trong gần 30 năm (1940-1969) từ sau lần gặp nhau thứ hai tại Côn Minh đến khi Hồ Chí Minh qua đời, Phạm Văn Đồng luôn được sống bên cạnh Hồ Chí Minh, được sự đưu dắt, đào tạo thành nhà cách mạng chuyên nghiệp. Trong đó 15 năm cuối đời, Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng đã cùng sống sinh hoạt và làm việc trong khu Phủ Chủ tịch. Thời kỳ đầu về tiếp quản Thủ đô, Hồ Chí Minh không ở trong Dinh Toàn quyền mà ở trong ngôi nhà của người thợ điện còn Phạm Văn Đồng ở ngôi nhà của người quản lý Dinh toàn quyền. Hai nhà chỉ cách nhau một sân nhỏ. Hàng ngày hai người thường bàn việc nước, tiếp khách, cùng sinh hoạt. Vì vậy giữa hai con người - hai nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta càng có nhiều quan hệ thân thiết. Giữa họ, tình thầy trò, đồng chí hòa quyện vào nhau nên nghĩa tình sâu nặng, đạo lý sống và lý tưởng cách mạng cao cả vì nước vì dân.

Nét đặc sắc nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Phạm Văn Đồng là luôn được tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chiếu sáng. Vì vậy, Phạm Văn Đồng sớm trở thành người học trò xuất sắc - gần gũi, người đồng chí chiến đấu của Hồ Chí Minh, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho nhiều trọng trách: 41 năm là Ủy viên Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ, 10 năm là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Về phần mình, Phạm Văn Đồng đã hoàn thành tốt những trọng trách đó, ngay cả khi Hồ Chí Minh đã đi xa. Đã hơn 40 năm qua, nhưng hình ảnh Phạm Văn Đồng cố kìm nén xúc động trong giờ phút truy điệu, đưa tang người Thầy, người đồng chí chiến đấu gần gũi của mình - Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn hiện lên trước mắt mọi người...

Trọn cuộc đời hoạt động cách mạng của Phạm Văn Đồng đã gắn liền với công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước, là tấm gương tiêu biểu nghiên cứu và thực hành đạo đức Hồ Chí Minh. Điều này không chỉ thể hiện qua hoạt động thực tiễn của Phạm Văn Đồng như vừa phác họa trên đây, mà còn được thể hiện khá rõ thông qua những trang viết của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh. Vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám, nhân dịp ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-1948, Phạm Văn Đồng đã có những nhận xét xác thực và khâm phục trong tác phẩm *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*: “Bình sinh Hồ Chủ tịch là người rất giản dị, lão thực. Vĩ nhân, thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị, lão thực... Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết”¹. Cũng trong tác phẩm này Phạm Văn Đồng còn rút ra 4 bài học ở người thầy của mình là: Học trung với nước, hiếu với dân, đoàn kết toàn dân, học phấn đấu... Và phải học suốt đời cũng không sao học hết được nhưng “*Mọi người Việt Nam đều học được Hồ Chủ tịch*”.

Đặc biệt từ sau khi Hồ Chí Minh đi xa, Phạm Văn Đồng đã dành nhiều công sức để nghiên cứu cuộc đời, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vừa để tỏ lòng biết ơn người thầy vừa để thực hành tấm gương đạo đức và góp phần tuyên truyền giáo dục tư tưởng đạo đức của Người cho toàn xã hội. Chỉ 5 năm sau khi Hồ Chí Minh đi xa, Phạm Văn Đồng cho xuất bản tác phẩm *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*. Từ đầu những năm 90, sức khỏe yếu, đôi mắt nhìn không rõ nữa, nhưng Phạm Văn Đồng vẫn miệt mài nghiên cứu Hồ Chí Minh.

Đồng chí Nguyễn Tiến Năng nguyên trợ lý cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho biết: nhiều khách quốc tế cũng như đồng chí trong nước trong những lần thăm, làm việc đã đề nghị Thủ tướng viết Hồi ký để người đọc biết thêm về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí qua các thời kỳ cách mạng. Câu trả lời chung là: “Viết hồi ký thường đụng chạm đến người này, người nọ và thông thường là đề cao “cái tôi” của mình hơn mọi người, hơn tập cả thể. Tôi không viết hồi ký mà chỉ tập trung viết về Bác Hồ. Nhưng viết về Bác là điều cực kỳ khó bởi người ta (cả trong nước và ngoài nước) đã viết hàng trăm cuốn sách về

¹ Điều vẫn đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng, ngày 6-5-2000

Bác, vậy mình viết cái gì và viết như thế nào, thật không dễ”¹. Biết vậy nhưng Phạm Văn Đồng vẫn vượt khó viết về người thầy, người đồng chí gần gũi - lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian chưa đầy một thập niên, Phạm Văn Đồng đã dành tâm lực nghiên cứu và cho xuất bản hàng loạt công trình về Hồ Chí Minh. Đó là: *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* (1990), *Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại, tương lai* (1991), *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh* (1993), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* (1998)... Bằng nhiều cách tiếp cận khác nhau, thông qua những hoạt động lý luận và thực tiễn sinh động trong quá trình tiếp nhận sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh và trên cương vị một đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước trong nhiều năm, Phạm Văn Đồng trong các tác phẩm nêu trên đã minh chứng những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh và vai trò quan trọng trong tư tưởng và tấm gương đạo đức của Người suốt tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc trước kia và công cuộc đổi mới hiện nay. Phạm Văn Đồng đánh giá cao sự nhạy bén về chính trị, tính cách mạng sâu sắc và giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công cuộc xây dựng và chấn hưng đất nước ngày nay. Khó có thể phân tích, đánh giá hết những luận điểm khoa học, những giá trị to lớn các công trình nghiên cứu của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh. Vì đó là sự nghiên cứu khoa học sâu sắc, với những trải nghiệm của một nhân chứng lịch sử, một nhà lãnh đạo cao cấp, một nhà văn hóa lớn của dân tộc. Ở đây, chỉ xin được nêu ra một vài nhận xét đánh giá nhằm minh họa một phần giá trị của những công trình nghiên cứu ấy. Chẳng hạn, trong tác phẩm *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Phạm Văn Đồng đã lý giải sâu sắc về mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người với thời đại, với công cuộc giải phóng dân tộc mình: “Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, bốn nhân tố ấy kết hợp và hòa nhập vào nhau, tạo thành sự vận động của lịch sử, bắt đầu từ một con người, thông qua một dân tộc và một thời đại, cuối cùng đưa đến một sự nghiệp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó là điều Hồ Chí Minh tìm kiếm lúc rời

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Đồng chí Phạm Văn Đồng với cách mạng Việt Nam*, Nxb.Lý luận chính trị, H.2006, tr.225.

nước ra đi, áp ủ lúc trở về, tâm niệm suốt cuộc đời, cho đến những lời trong Di chúc”¹. Những luận điểm chính Phạm Văn Đồng thấm nhuần sâu sắc tư tưởng và những kinh nghiệm của Hồ Chí Minh - người thầy dạy lý luận của mình: “Chủ nghĩa xã hội theo đặc điểm Việt Nam là sự kết thúc thắng lợi hành trình lịch sử của dân tộc mà Hồ Chí Minh đã vạch ra từ đầu thế kỷ”². Theo gương Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng tiếp tục khẳng định nội dung cách mạng và tính sáng tạo trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin: “Chủ nghĩa Mác-Lênin không phải là tín điều, mà là lý luận và phương pháp luận về sự phát triển có quy luật của thiên nhiên, xã hội và con người, sự phát triển ấy luôn luôn biến hóa một cách biện chứng, từ đó lý luận và phương pháp luận cũng chuyển động sáng tạo, không ngừng phong phú và giàu sức sống mới, theo những bước tiến triển của lịch sử và sự nghiệp cách mạng của con người”³.

Trong *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Phạm Văn Đồng tập trung nghiên cứu Hồ Chí Minh về con người, đặc biệt về “con người Việt Nam trong lịch sử Việt Nam” và “Hồ Chí Minh và con người Việt Nam”. Trong hầu hết các trang viết của tác phẩm này Phạm Văn Đồng quán triệt sâu sắc sự quan tâm của Hồ Chí Minh về nỗi thống khổ của người dân Việt Nam nô lệ và những biện pháp, tư tưởng của Hồ Chí Minh để giải phóng toàn diện con người Việt Nam khỏi ách áp bức dân tộc, giai cấp để con người Việt Nam được hưởng quyền Dân sinh, Dân trí, Dân chủ⁴. Hơn thế, theo Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh không chỉ tìm con đường giải phóng giải phóng cho con người Việt Nam mà còn giải phóng cho con người nước khác⁵. Từ đó, Phạm Văn Đồng khái quát về quá trình hình thành con người Hồ Chí Minh và nêu ra một cách tiếp cận rất khoa học và tổng quát về con người và tư tưởng Hồ Chí Minh: “Sự hình thành con người Hồ Chí Minh là một quá trình trải dài suốt đời hoạt động của Hồ Chí Minh. Về tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi có nói đó là sự kết hợp hài hòa giữa 3 nguồn: truyền thống dân tộc Việt Nam, chủ

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb.Sự thật, H.1990, tr.39.

² Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh, một con người... Sđd*, tr.85.

³ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh, một con người... Sđd*, tr.81-82.

⁴ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1993, tr.50-60.

⁵ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam... Sđd*, tr.116.

nghĩa Mác-Lênin và thành quả nhiều học thuyết xưa nay ở Đông Tây. Tư tưởng Hồ Chí Minh nói gộp lại, đó là tư tưởng, tình cảm, đạo đức, phẩm chất và phong cách, tất cả trở thành con người Hồ Chí Minh, biểu hiện trong mọi cử chỉ và hành động, lời nói và việc làm, ứng xử trong mọi tình huống¹. Từ đó, Phạm Văn Đồng chỉ ra mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới hiện nay: “Cơ sở lý luận và phương pháp luận của sự nghiệp đổi mới là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”². Điều này góp phần khẳng định vai trò nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh (cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin) trong các văn kiện của Đảng ta.

Những công trình nghiên cứu cuối đời của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh thực hiện với sự giúp đỡ nghe đọc và ghi chép của các đồng chí thư ký giúp việc. Tuy nhiên, những công trình ấy lại có nội dung khoa học, mang tính tổng kết sâu sắc, gắn bó chặt chẽ của sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh với cuộc sống hôm nay. Trong đó, công trình *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* được hoàn thành và xuất bản năm 1998 có một vị trí đặc biệt trong quá trình nghiên cứu của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người. Ngoài phần phụ lục “Hồ Chí Minh và truyền thống dân tộc” (trích từ *Văn hóa và đổi mới*), “Hồ Chí Minh và cuộc sống”, “Hồ Chí Minh về đạo đức” và “Hồ Chí Minh và các tầng lớp nhân dân” (trích từ: *Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại, tương lai*), trong tác phẩm này, Phạm Văn Đồng đã tổng kết những hiểu biết mới nhất của mình và của xã hội về: Quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, Phương pháp luận và phong cách Hồ Chí Minh và mối quan hệ của những bài học kinh nghiệm, vai trò quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng ta hiện nay. Điều đặc biệt trong tác phẩm này, một lần nữa Phạm Văn Đồng lại lý giải thêm nội hàm tư tưởng Hồ Chí Minh: “Đó là lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam mà nội dung chủ yếu là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nó là sự vận dụng sáng tạo và có phát triển học thuyết Mác-Lênin trong hoàn cảnh Việt Nam, một nước thuộc địa và phong kiến từ đầu thế kỷ đến

¹ Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam...* Sđd, tr.117.

² Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam...* Sđd, tr.35.

nay và mai sau”¹. Và từ đó Phạm Văn Đồng chỉ ra cho chúng ta thấy rõ hơn sự cần thiết phải học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: “Chính vì lẽ đó mà chúng ta phải nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, một công trình nghiên cứu không chỉ để hiểu biết và đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh mà điều quan trọng hơn là vận dụng một cách sáng tạo nhằm đóng góp vào quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam”².

Nội dung thứ hai trong tác phẩm này là Phạm Văn Đồng quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về dân tộc. Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: “Rút lại tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn xuất phát từ con người và cuối cùng trở về con người với những khả năng thiên biến vạn hóa của nó” và: “Hồ Chí Minh luôn luôn bắt đầu từ con người, từ nhân dân, từ dân tộc để cuối cùng trở về con người, nhân dân và dân tộc, đó là điểm xuất phát đồng thời cũng là mục tiêu cuối cùng của cách mạng”³.

Không chỉ nghiên cứu và viết về Hồ Chí Minh, trong những năm cuối đời Phạm Văn Đồng còn nhiều bài viết đề cập đến đời sống nhân dân, gìn giữ sự đoàn kết và thắt chặt quan hệ giữa Đảng với nhân dân, những trăn trở trước những biểu hiện suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên... Chỉ một năm trước khi đi xa, Phạm Văn Đồng còn viết bài báo: *Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam* nhân ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phạm Văn Đồng đã bày tỏ sự vui mừng, phấn khởi trước những thành tựu to lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự lo âu trước những tiêu cực đang nảy sinh trong xã hội; đặc biệt ở một bộ phận đảng viên, những người có chức quyền đang biến chất. Theo Đồng chí, cần phải tiếp tục chỉnh đốn Đảng ngang tầm với nhiệm vụ và xứng đáng với Đảng của Hồ Chí Minh. Ở đây, một lần nữa xin được khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong những nghiên cứu của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và xin được khâm phục và ngợi ca một con người suốt đời sống và chiến đấu

¹ Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb.Chính trị quốc gia, H.1998, tr.23

² Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.87.

³ Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.94.

với lý tưởng của Đảng, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh và là tấm gương tiêu biểu về nghiên cứu và thực hành đạo đức Hồ Chí Minh.

Trong các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, không chỉ có Phạm Văn Đồng viết nhiều và học tập tốt tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Song có thể nói, Phạm Văn Đồng là người có sớm¹ và nhiều công trình nghiên cứu về con người, tư tưởng và Đạo đức Hồ Chí Minh. Đó là những trang viết hay, khoa học và tính chính trị sắc bén thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi lẽ Phạm Văn Đồng là nhà nghiên cứu, nhà văn hóa và là học trò xuất sắc - người đồng chí chiến đấu trung thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Và vì vậy, Phạm Văn Đồng còn là tấm gương tiêu biểu trong việc nghiên cứu và thực hành tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Đồng chí Phạm Văn Đồng là bậc lão thành, trường thọ. Ông là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta, là học trò xuất sắc và gần gũi, người đồng chí chiến đấu rất mực trung thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy, những kết quả nghiên cứu của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh và tấm gương thực hành tư tưởng đạo đức của Đồng chí được phản ánh trong các tác phẩm trên đây không chỉ là những công trình nghiên cứu khoa học có giá trị, tổng kết những trải nghiệm cuộc đời, những phát hiện mới về mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới hiện nay mà còn là lời nhắn gửi - một thông điệp đối với chúng ta trong việc đẩy mạnh việc học tập nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào các lĩnh vực của đời sống xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

¹ Theo chúng tôi biết, Bài báo đầu tiên viết về Hồ Chí Minh là bài: *Kính chúc Hồ Chủ tịch sống lâu muôn tuổi* của Đồng chí Trương Chính đăng trên báo *Nhân Dân* số đầu tiên.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
PHẦN I: PHẠM VĂN ĐỒNG – THỜI NIÊN THIẾU (1906 – 1926)	
1. Quê hương, gia đình Thủ tướng Phạm Văn Đồng	11
2. Thời niên thiếu và những hoạt động yêu nước đầu tiên.....	16
PHẦN II: GIAI ĐOẠN RÈN LUYỆN, TRƯỞNG THÀNH VÀ CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO CÁCH MẠNG THÁNG 8 (1926 – 1945)	
I. RÈN LUYỆN VÀ TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1926-1939)	24
1. Thời kỳ rèn luyện và trưởng thành	24
2. Giai đoạn thử thách trong ngục tù đế quốc	34
3. Những hoạt động trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương.....	42
II. THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945)	47
1. Giai đoạn hoạt động ở miền Nam Trung Quốc.....	47
2. Những hoạt động trong quá trình xây dựng Căn cứ địa Việt Bắc.....	54
PHẦN III: TRONG GIAI ĐOẠN LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP 1945 – 1954	
1. Những tháng năm đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.....	64
2. Trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ.....	78
3. Thành viên Bộ Chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.....	87
4. Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.....	96

PHẦN IV: TRONG GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

1. Trong thời kỳ khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, bảo vệ lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng miền Nam 116
2. Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; đánh thắng chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và tay sai..... 140
3. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc; đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh, giành toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước..... 164

PHẦN V: GIAI ĐOẠN LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 1976 – 2000

1. Cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội..... 185
2. Thời kỳ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam 198

PHẦN VI: PHẠM VĂN ĐỒNG – MỘT TÊN TUỔI SÔNG MÃI

1. Phạm Văn Đồng - Tấm gương một chiến sĩ cộng sự kiên cường, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng Nhà nước và cách mạng Việt Nam 220
2. Chuyện về cuộc đời Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng 241

THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS, TS ĐƯỜNG VINH SƯỜNG

Biên tập nội dung

ThS NGUYỄN HƯƠNG GIANG

ThS PHẠM HÙNG

ThS TRUNG KIÊN

Đọc soát bản in

PHƯƠNG MAI

ĐÀO TRÂM

Trình bày bìa

NGUYỄN LIÊM

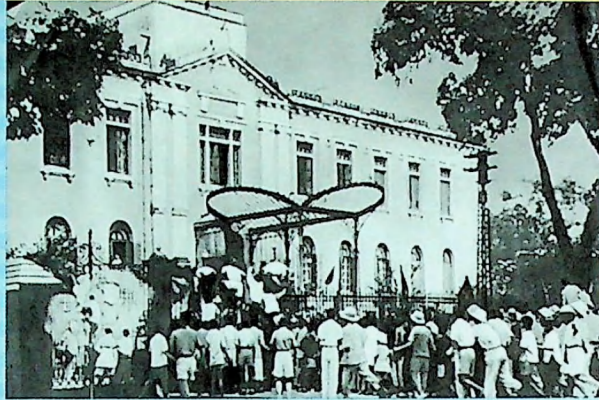
In 1.000 cuốn, khổ 19x27 cm Tại Công Ty Cổ Phần In Việt Nam

Đăng ký kế hoạch xuất bản của Cục xuất bản số: 457-2013/CXB/04-20/CTHC cấp ngày 15/04/2013. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2013.



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

Địa chỉ: 56B Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội



THỦ TƯỚNG
PHẠM VĂN ĐỒNG
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Giá: 298.000Đ